

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: QUAN HỆ QUỐC TẾ

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 12/2020

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

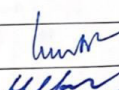
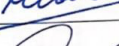
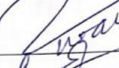
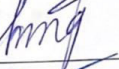

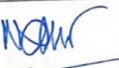


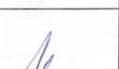
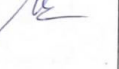
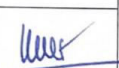

NGÀNH: QUAN HỆ QUỐC TẾ





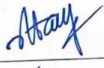





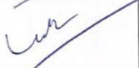
**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội – 12/2020

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ**

*(Kèm theo Quyết định số 6017/QĐ-TH/ĐCT, ngày 15 tháng 12 năm 2020
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Lưu Văn An	Quyền Giám đốc	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch	
3	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh	Trưởng Khoa Quan hệ quốc tế	Phó Chủ tịch	
4	TS. Lưu Thúy Hồng	Phó Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Thư ký	
5	PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang	Phó Giám đốc	Thành viên	
6	PGS.TS. Trương Ngọc Nam	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
7	PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên	
8	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên	
9	PGS.TS. Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên	
10	PGS. TS. Hà Huy Phương	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Thành viên	
11	PGS. TS. Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản lý khoa học	Thành viên	
12	TS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Thành viên	

13	Ths. Trần Xuân Ban	Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính	Thành viên	
14	Ths. Vũ Quốc Cường	Phó Chánh văn phòng Học viện	Thành viên	
15	TS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Thành viên	
16	Ths. Phạm Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Thành viên	
17	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Thành viên	
18	TS. Phạm Lê Dạ Hương	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên	
19	Ths. Thái Hồng Đức	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên	
20	Ths. Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng bộ môn Tiếng Anh chuyên ngành, Khoa QHQT	Thành viên	
21	Ths. Đỗ Thị Hùng Thủy	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên	
22	Trần Phương Khanh	Sinh viên ngành QHCC K37	Thành viên	
23	Trần Khánh Linh	Sinh viên ngành QHCC K37	Thành viên	

(Danh sách gồm 23 người).

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
TỔNG QUAN CHUNG.....	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	18
TIÊU CHUẨN 1	18
Tiêu chí 1.1.	18
Tiêu chí 1.2..	23
Tiêu chí 1.3.	26
TIÊU CHUẨN 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	31
Tiêu chí 2.1.	31
Tiêu chí 2.2..	35
Tiêu chí 2.3.	37
TIÊU CHUẨN 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	40
Tiêu chí 3.1	40
Tiêu chí 3.2	47
Tiêu chí 3.3	52
TIÊU CHUẨN 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC.....	61
Tiêu chí 4.1.	61
Tiêu chí 4.2.	64
Tiêu chí 4.3.	70
TIÊU CHUẨN 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC	75
Tiêu chí 5.1:	75
Tiêu chí 5.2:	80
Tiêu chí 5.3.	84
Tiêu chí 5.4.	88
Tiêu chí 5.5.	90
TIÊU CHUẨN 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN.....	94
Tiêu chí 6.1.	94
Tiêu chí 6.2..	99
Tiêu chí 6.3..	103
Tiêu chí 6.4.	108

Tiêu chí 6.5.....	111
Tiêu chí 6.6.	114
Tiêu chí 6.7.	117
TIÊU CHUẨN 7.	123
Tiêu chí 7.1.	123
Tiêu chí 7.2.	127
Tiêu chí 7.3.	130
Tiêu chí 7.4.	133
Tiêu chí 7.5.	135
TIÊU CHUẨN 8. NGƯỜI HỌC VÀ SỰ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	140
Tiêu chí 8.1.	140
Tiêu chí 8.2.	149
Tiêu chí 8.3.	152
Tiêu chí 8.4.	157
Tiêu chí 8.5.	162
TIÊU CHUẨN 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	167
Tiêu chí 9.1:	167
Tiêu chí 9.2.	173
Tiêu chí 9.3:	177
Tiêu chí 9.4..	180
Tiêu chí 9.5.	182
TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....	187
Tiêu chí 10.1.	187
Tiêu chí 10.2..	195
Tiêu chí 10.3.	198
Tiêu chí 10.4.	202
Tiêu chí 10.5.	205
Tiêu chí 10.6.	212
TIÊU CHUẨN 11.	218
Tiêu chí 11.1.	218
Tiêu chí 11.2.	224
Tiêu chí 11.3.	227

Tiêu chí 11.4.	231
Tiêu chí 11.5.	234
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	241
PHỤ LỤC.....	254

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

1. Ban chủ nhiệm	BCN
2. Ban Quản lý Khoa học	Ban QLKH
3. Ban Quản lý đào tạo	Ban QLĐT
4. Ban Tổ chức cán bộ	Ban TCCB
5. Ban Kế hoạch tài chính	Ban KHTC
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GD&ĐT
7. Cán bộ	CB
8. Cố vấn học tập	CVHT
9. Công nghệ thông tin	CNTT
10. Cơ sở vật chất	CSVC
11. Chuẩn đầu ra	CĐR
12. Chương trình dạy học	CTDH
13. Chương trình đào tạo	CTĐT
14. Đề tài khoa học	ĐTKH
15. Giảng viên	GV
16. HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ	HTNV
17. hoàn thành tốt nhiệm vụ	httnv
18. hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	htxsnv
19. Học viện Báo chí và Tuyên truyền	HVBC&TT
20. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	HV CTQG HCM
21. Khoa Quan hệ quốc tế	Khoa QHQT
22. không hoàn thành nhiệm vụ	khtnv
23. Kết quả học tập	KQHT
24. Kỹ thuật viên	KTV
25. Nhà Khoa học	Nhà KH
26. Nhà Tuyển dụng	NTD
27. Nhân viên	NV
28. Nghiên cứu khoa học	NCKH
29. Phòng Công tác chính trị và hỗ trợ sinh viên	Phòng CTCT&HTSV

30. Phòng Quản trị và Quản lý kí túc xá	Phòng QT&QLKTX
31. Quan hệ Chính trị và Truyền thông quốc tế	QHCT&TTQT
32. Quan hệ quốc tế	QHQT
33. Sinh viên	SV
34. Thông tin đối ngoại	TTĐN
35. Trung tâm thông tin khoa học	TTTTKH
36. Trung tâm thực hành – hỗ trợ đào tạo	TTTH-HTĐT
37. Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	TTKT&KĐCLĐT
38. Văn phòng khoa	VPK

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 3.1. So sánh các học phần giống và khác nhau trong CTDH ngành QHQT của HVBC&TT với HVNG.....	50
Bảng 3.2: Cấu trúc kiến thức đào tạo ngành QHQT năm 2020.....	52
Bảng 3.3: Thống kê, đánh giá mức độ tham khảo CTĐT của một số Học viện đại học trong nước (chỉ tính các học phần bắt buộc).....	54
Bảng 5.2. Bảng tổng hợp kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học với các phương pháp kiểm tra đánh giá năm 2019.....	79
Bảng 6.1. Thống kê GV quy đổi ngành QHQT tính đến tháng 11/2020.....	100
Bảng 6.2: Hình thức và số lượng công trình nghiên cứu của GV ngành QHQT, Khoa QHQT (2016-2020) [H6.06.07.02].....	119
Bảng 8.1: Bảng đối sánh chính sách tuyển sinh ngành QHQT giai đoạn 2016-2020 [H8.08.01.04.DC]	142
Bảng 8.2: Thống kê số lượng đăng ký, trúng tuyển, nhập học - ngành QHQT giai đoạn 2016-2020 [H8.08.01.10.DC]	147
Bảng 8.3. Bảng so sánh tỷ lệ SV ngành QHQT hoàn thành CTĐT trong 5 năm gần đây [H8.08.03.25]	156
Bảng 9.1. Thống kê danh sách và diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của HVBC&TT	168
Bảng 9.2. Thống kê trang thiết bị phòng học, phòng chức năng phục vụ đào tạo của HVBC&TT	169
Bảng 9.3: Thống kê CSVC khoa QHQT	170
Bảng 9.4. Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo của HVBC&TT	171
Bảng 9.5. Thống kê kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của HVBC&TT	172
Bảng 9.6. Thống kê danh mục tài liệu in tại Thư viện	173
Bảng 9.7. Thống kê danh mục tài liệu số tại Thư viện	174
Bảng 9.8: Thống kê kinh phí bổ sung hàng năm Khoa QHQT	175
Bảng 9.9: Thống kê số lượng tài liệu tại tủ sách Khoa QHQT giai đoạn 2016-2020	176

Bảng 9.10: Danh sách phòng thực hành kèm trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành QHQT	178
Bảng 9.11: Số lượng và kinh phí mua sắm sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị tin học (CNTT, phần mềm).....	181
Bảng 10.1: Số lượng đề tài NCKH được sử dụng trong dạy và học của GV ngành QHQT giai đoạn 2015 – 2020.....	203
Bảng 10.2: Thống kê về NCKH của CBGV Khoa QHQT giai đoạn 2015 – 2020 ..	204
Bảng 10.3: Thống kê số lượng báo cáo KH tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế của giảng viên khoa Khoa QHQT giai đoạn 2015 – 2020	204
Bảng 10.4: Diện tích các phòng học, thực hành, thư viện, KTX của HVBC&TT ...	206
Bảng 10.5: CSVC và tiện ích dành cho GV, SV ngành QHQT	207
Bảng 10.6: Đánh giá, phản hồi của SV ngành QHQT (cuối khoá) về CSVC	208
Bảng 11.1: Thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QHQT trong giai đoạn 2016-2020	219
Bảng 11.2: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp CTĐT ngành QHQT với các CTĐT trong trường, ngoài trường giai đoạn 2016-2020	220
Bảng 11.3: Thống kê tỷ lệ thôi học của SV ngành QHQT trong giai đoạn 2016 -2020	220
Bảng 11.4: Bảng đối sánh tỷ lệ thôi học/bảo lưu của CTĐT ngành QHQT với các CTĐT trong Khoa, Học viện	221
Bảng 11.5: Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QHQT với ngành khác trong trường (tính trong tổng SV tốt nghiệp)	225
Bảng 11.5b: Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của SV sau tốt nghiệp	227
Bảng 11.7: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát SV K35 đã tốt nghiệp Ngành QHQT HVBC&TT và ngành QHQT Đại học KHXH&NV	228
Bảng 11.8: Bảng thống kê số lượng đề tài NCKH sinh viên ngành QHQT từ 2015 – 2020.....	232
Bảng 11.9: Đối sánh SV tham gia nghiên cứu KH giai đoạn 2016 - 2020 đối sánh giữa ngành QHQT và QHCC.....	233
Bảng 11.10: Thống kê mức hài lòng của SV cuối khoá về CTĐT ngành QHQT	236
Bảng 11.11: Thống kê mức hài lòng của NTD về chất lượng SV ngành QHQT tốt	

nghiệp năm 2020 (số lượng NTD: 19).....	236
Bảng 11.12: Thống kê mức độ hài lòng của cựu sinh viên ngành QHQT về CTĐT	237

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Sơ đồ 8.1: Quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học	150
Sơ đồ 8.2: Sơ đồ biểu diễn sự tiến bộ của SV ngành QHQT	156
Hình 11.1: Biểu đồ đối sánh tỷ lệ SV thôi học của các ngành đào tạo khảo sát giai đoạn 2016 - 2020	222

PHẦN I. KHÁI QUÁT

ĐẶT VẤN ĐỀ

Một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu của ngành giáo dục Việt Nam hiện nay là nâng cao chất lượng đào tạo. Chất lượng đào tạo là một trong những yếu tố tiên quyết đến sự tồn tại và phát triển của các cơ sở đào tạo. Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) cũng nằm trong xu thế chung này, được khẳng định thông qua việc các cựu sinh viên, học viên cao học và các nghiên cứu sinh của Học viện hiện đang công tác và đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương ở các Sở, Ban, Ngành và doanh nghiệp trong nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau trên khắp đất nước, đặc biệt trong lĩnh vực công tác tư tưởng, tuyên truyền về đường lối của Đảng và Nhà nước. Việc nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện ngày một trở nên cấp thiết nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế của đất nước.

Để đạt được chất lượng đào tạo cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao như vậy, cần thiết phải quan tâm tới công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Trong năm học 2016 – 2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông báo số 702/TB-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 đưa ra kết luận của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phương án triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học, nhằm hướng dẫn và giao cho các cơ sở đào tạo đại học tự đánh giá và thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục. Đây là cơ sở quan trọng để Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, kiểm chứng, làm căn cứ thực hiện quy hoạch mạng lưới, phân tầng, xếp hạng, từ đó đưa ra mức ưu tiên đầu tư và giao quyền tự chủ cho các trường đại học ở Việt Nam.

Trong nhiều năm qua, Khoa Quan hệ quốc tế (Khoa QHQT) - HVBC&TT là một trong những đơn vị với lịch sử hình thành và bề dày phát triển đã đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo chung của Học viện, đặc biệt có nhiều thế hệ sinh viên được đào tạo tại Khoa đã và đang đảm đương nhiều vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp, hoạt động năng động trong lĩnh vực báo chí và truyền thông. Hiện tại Khoa có 2 ngành đào tạo đều là những ngành nghề đáp ứng nhu cầu cao của xã hội là ngành Quan hệ quốc tế (gồm 2 chuyên ngành là Quan hệ chính trị và Truyền thông

quốc tế, Thông tin đối ngoại) và Truyền thông quốc tế. Đối với Khoa Quan hệ quốc tế, chất lượng đào tạo là vấn đề được quan tâm hàng đầu, nên Khoa đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo, đặc biệt là các ngành và chuyên ngành đào tạo truyền thống của Khoa. Chính vì vậy, Khoa QHQT – HVBC&TT đã tự nguyện đăng ký tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành QHQT, trong đó bao gồm 2 chuyên ngành là QHCT&TTQT và TTĐN.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành QHQT căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng của CTĐT. Thông qua quá trình đánh giá này, Khoa sẽ tự chỉ ra những mặt mạnh để tiếp tục phát huy và những mặt yếu cần khắc phục trong thời gian tới, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra cũng như nâng cao chất lượng đào tạo hơn nữa.

Việc tự đánh giá CTĐT ngành QHQT thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa QHQT trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với tôn chỉ, sứ mạng của Khoa và Học viện. Đây còn là cơ sở cho công tác đánh giá ngoài về CTĐT.

Nội dung đánh giá CTĐT ngành Quan hệ quốc tế được tiến hành theo đúng các nội dung tại các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nội dung đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn liên quan đến chương trình đào tạo bao gồm: Mục tiêu và CDR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học; Chất lượng đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên; Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng đào tạo; và Kết quả đầu ra.

Mục đích tự đánh giá: Quá trình tự đánh giá giúp Khoa Quan hệ quốc tế tự xem xét, nghiên cứu tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và những vấn đề liên quan khác... dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và nội dung thực hiện nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo ngành Quan hệ quốc tế và các mặt hoạt động khác.

Phạm vi tự đánh giá: Hoạt động tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế thuộc Khoa Quan hệ quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Công cụ đánh giá: Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo gồm 11 tiêu chuẩn (trong đó có 50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, Hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí & Kiểm định CLGD; và công văn hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Hội đồng tự đánh giá: được thành lập theo Quyết định số 5064/QĐ-HVBCCTT ngày 16 tháng 10 năm 2019. Hội đồng gồm có 21 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá còn có: Ba Thư ký gồm 24 thành viên và 7 nhóm công tác chuyên trách gồm 25 thành viên. Hội đồng Tự đánh giá được kiện toàn theo quyết định số 6017/QĐ-HVBCCTT ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Phương pháp đánh giá

Quá trình tự đánh giá Chương trình Đào tạo ngành Quan hệ quốc tế của Khoa Quan hệ quốc tế được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT và các công văn hướng dẫn.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá Chương trình Đào tạo đại học được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả thực trạng;
- Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót;
- Lên kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo.

Quy trình tự đánh giá

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;

- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;
- Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;
- Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp mã hoá minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

TỔNG QUAN CHUNG

1. Tổng quan về Học viện Báo chí và Tuyên truyền

a) Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh “*NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.*”

Tầm nhìn của HVBC&TT đến năm 2050: “*trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới... Học viện phấn đấu trở thành:*

Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông

Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.

Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.

Các giá trị cốt lõi mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Cống hiến.*

b) Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, GV, NV của HVBC&TT

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Trường - Ban Giám đốc –Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 29 đơn vị trực thuộc gồm: 16 khoa đào tạo (Khoa Triết học, Khoa Kinh tế, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Khoa Nhà nước - Pháp luật, Khoa Báo chí, Khoa Phát thanh - Truyền hình, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học và Phát triển, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ và Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm); 06 ban (Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý Khoa học, Ban Tổ chức cán bộ, Ban Hợp tác Quốc tế, Ban Thanh Tra, và Ban Kế hoạch- Tài chính); 01 Văn phòng (Văn phòng Học viện); 02 phòng (Phòng Quản trị và Quản lý KTX, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên,), 02 trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo và Trung tâm thông tin Khoa học), 01 viện (Viện Báo chí), 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 12/2020, Học viện có tổng số 396 cán bộ GV, NV, trong đó có 0 Giáo sư, 33 Phó Giáo sư, 95 Tiến sĩ, 212 Thạc sĩ, 39 cử nhân, 17 trình độ khác.

c) Hoạt động đào tạo của HVBC&TT

Học viện có 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 12 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

TT	Tên CTĐT	Mã ngành (nếu có)	Số quyết định/văn bản cho phép mở ngành	Ngày ban hành quyết định
1	Đại học			
1.1	Triết học	7229001	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005
1.2	Kinh tế chính trị	7310102	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005
1.3	Lịch sử	7229010	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005
1.4	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005

1.5	Chính trị học	7310201	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005
1.6	Quan hệ công chúng	7320108	7269/QĐ- BGDĐT	20/12/2005
1.7	Xuất bản	7320401	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.8	Công tác xã hội	7760101	516/QĐ- BGDĐT	10/02/2012
1.9	Ngôn ngữ Anh	7220201	512/QĐ- BGDĐT- ĐHSDH	02/02/2005
1.10	Kinh tế	7310101	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.11	Quan hệ quốc tế	7310206	3144/QĐ- BGDĐT	23/04/2009
1.12	Xã hội học	7310301	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.13	Báo chí	7320101	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.14	Truyền thông đại chúng	7320105	2158/QĐ- BGDĐT	08/06/2018
1.15	Truyền thông đa phương tiện	7320104	2488/QĐ- BGDĐT	05/07/2018
1.16	Truyền thông quốc tế	7320107	2158/QĐ- BGDĐT	08/06/2018
1.17	Quản lý nhà nước	7310205	2639/QĐ- BGDĐT	20/07/2018
1.18	Quản lý công	7340403	2715/QĐ- BGDĐT	27/07/2018
1.19	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7229008	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005

1.20	Quảng cáo	7320110	7269/QĐ- BGĐĐT	20/12/2005
2	Thạc sĩ			
2.1	Chính trị học	8310201	3373/QĐ- BGĐĐT	08/05/2009
2.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8310202	1814/QĐ- BGĐĐT	19/05/2017
2.3	Triết học	8229001	1639/QĐ- BGĐĐT	14/05/2014
2.4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8229008	1841/QĐ- BGĐĐT	19/05/2017
2.5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8229015	6243/QĐ- BGĐĐT	30/12/2016
2.6	Kinh tế chính trị	8310102	8752/QĐ- BGĐĐT	29/12/2008
2.7	Hồ Chí Minh học	8310204	3373/QĐ- BGĐĐT	08/05/2009
2.8	Xã hội học	8310301	1329/QĐ- BGĐĐT	07/04/2010
2.9	Báo chí học	8320101	37/QĐ- BGĐĐT	05/01/2009
2.10	Xuất bản	8320401	1330/QĐ- BGĐĐT	07/04/2010
2.11	Quan hệ công chúng	8320108	3373/QĐ- BGĐĐT	08/05/2009
2.12	Quan hệ quốc tế	8310206	3373/QĐ- BGĐĐT	08/05/2019
3	Tiến sĩ			
3.1	Chính trị học	9310201	1330/QĐ- BGĐĐT	07/04/2010
3.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	9310202	2883/QĐ- BGĐĐT	03/08/2012

3.3	Triết học	9229001	37/QĐ- BGĐĐT	05/01/2009
3.4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9229015	3373/QĐ- BGĐĐT	08/05/2009
3.5	Xuất bản	9320401	1329/QĐ- BGĐĐT	07/04/2010
3.6	Báo chí học	9320101	3978/QĐ- BGĐĐT	02/10/2018

c) Người học

Tính đến tháng 12/2020, số lượng sinh viên trình độ đại học hệ chính quy của Học viện là 7557; số lượng nghiên cứu sinh là 81 và học viên cao học là 935 học viên.

STT	Hình thức đào tạo	Quy mô đào tạo
1	Tiến sỹ	81
2.	Thạc sỹ	935
3.	Đại học	7557

d) Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Trong 5 năm (2016-2020) Học viện đã nghiệm thu 6 đề tài cấp Nhà nước, 19 đề tài cấp Bộ, 119 đề tài cấp cơ sở trọng điểm, 562 đề tài cấp cơ sở, và 159 đề tài NCKH của sinh viên.

**Số lượng công trình NCKH tương ứng với kế hoạch trong 5 năm
(2016-2020)**

STT	Đề tài cơ sở	Đề tài cơ sở trọng điểm	Đề tài khoa học sinh viên	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp Nhà nước
2016	75	29	30	4	1
2017	106	30	30	3	1
2018	108	18	26	3	0
2019	135	24	35	3	0
2020	138	18	38	6	4

Về hợp tác quốc tế, Học viện đã ký kết văn bản ghi nhớ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, có thể kể đến như: Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh), Đại học Tổng

hợp Viên (Cộng hòa Áo), Khoa Khoa học chính trị - Đại học Thammasat - Bangkok (Thái Lan), Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc) và Viện Thông tin văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào. Qua quá trình hợp tác, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã cử nhiều đoàn cán bộ tham gia vào các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, GV tham gia vào các chương trình nghiên cứu về truyền thông...

e) Thư viện và cơ sở vật chất

Hiện nay, thư viện Học viện Báo chí có 24.555 đầu tài liệu bằng tiếng Việt và ngoại văn. Tổng số báo và tạp chí khoảng 110 loại. Tỷ lệ đầu tài liệu/ một ngành đào tạo là 646/1. Từ năm 2013, Học viện đã lập trang thư viện số và đến nay đã cập nhật được 7.304 tài liệu.

Học viện hiện có 86 phòng học với tổng diện tích dành cho học tập là 12.559,19 m²; có 01 hội trường 800 chỗ với sân khấu phục vụ cho luyện tập và biểu diễn văn nghệ và có 18 phòng thực hành.

Học viện đã đầu tư, phòng máy chủ, hệ thống mạng bao gồm đường truyền, thiết bị mạng, hệ thống wifi hệ thống máy tính cho các phòng thi, điện, các phần mềm... đầy đủ để hoạt động liên tục đảm bảo phục vụ tốt nhất cho cán bộ, GV và SV chính quy trong công tác giảng dạy và học tập.

Học viện đã có sự bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất như phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi... để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, GV và SV. Học viện luôn quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất về phòng làm việc cho cán bộ, GV.

f. Tài chính

Trong 5 năm (2016 - 2020), tổng nguồn thu của Học viện là 1,093 tỷ đồng. Hàng năm, Học viện đều tiến hành xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước và thông báo công khai dự toán các khoản thu - chi ngân sách nhà nước. Từ năm 2009, Học viện đã thực hiện tự chủ tài chính một phần.

g. Đảm bảo chất lượng

Trong những năm gần đây, Học viện đã quan tâm, chú trọng đến công tác đảm bảo chất lượng, coi đảm bảo chất lượng là nhiệm vụ then chốt trong mọi hoạt động. Từ năm 2012, Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, và sau đó đến năm 2018 đổi tên thành Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. Trung tâm là đơn vị tham mưu các chính sách về ĐBCL của HVBCTT và là đầu

mối triển khai các hoạt động ĐBCL trong Học viện. Từ năm 2015, Học viện đã thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được ban hành theo Thông tư số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007. Quá trình tự đánh giá giúp Học viện xác định những điểm mạnh và điểm tồn tại, làm căn cứ để tiến hành các cải tiến chất lượng. Đến năm 2018, Học viện thực hiện đánh giá đồng cấp và đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Hàng năm, Học viện đều xây dựng và triển khai các kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo. Cuối năm 2019, Học viện thành lập Hội đồng tự đánh giá và triển khai thực hiện tự đánh giá CTĐT đào tạo các ngành Triết học, Xã hội học, Quan hệ công chúng và Quan hệ quốc tế.

h. Khen thưởng

Trong quá trình hình thành và phát triển, Học viện đã có được nhiều thành tích nổi bật, nhận được các danh hiệu thi đua danh giá:

** Danh hiệu thi đua*

Năm	Danh hiệu	Ngày, tháng, số quyết định
2015-2016	Cờ Thi đua cấp Bộ	Số 3144/QĐ-HVCTQG HCM ngày 18/7/2016
	Cờ Thi đua Chính phủ	Quyết định số: 1822/QĐ-TTg ngày 21/9/2016
2017	Cờ Thi đua cấp Bộ	Quyết định số: Số 197/QĐ-HVCTQG ngày 09-01-2017
2018	Cờ Thi đua Chính phủ	Quyết định số: 440/QĐ-TTg ngày 23/4/2018
2018	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số: 93-QĐ/HVCTQG ngày 10/1/2019
2019	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số 6911-QĐ/HVCTQG ngày 30/12/2019
2020	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số: 44/HVCTQG ngày 07/01/2021
	Cờ thi đua cấp Bộ	Quyết định số: 44/HVCTQG ngày 07/01/2021

**Hình thức khen thưởng*

Năm	Hình thức	Ngày, tháng, số quyết định
2017	Bằng khen của Giám đốc Học viện vì có thành tích xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2016 và 2017	Số 2910/QĐ-HVCTQG, ngày 3/8/2018
2019	Bằng khen của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vì có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2018 và 2019	Số 2221-QĐ/HVCTQG ngày 23/6/2020
2019	Bằng khen của Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vì có đóng góp tích cực cho Cuộc thi tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, năm 2019	Số 534/QĐ-BGDĐT ngày 25/2/2020

2. Tổng quan về Khoa Quan hệ quốc tế

Khoa Quan hệ Quốc tế được thành lập ngày 20/06/1983 theo Quyết định số 03- QĐ/TTH, tiền thân là Khoa Phong trào Cộng sản và Công nhân Quốc tế. Sự ra đời của Khoa gắn bó chặt chẽ với việc thực hiện quyết định 15 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác giáo dục lý luận của Đảng và trên cơ sở hợp nhất hai trường: Trường Tuyên huấn Trung ương và Trường Nguyễn Ái Quốc V. Khoa có nhiệm vụ giảng dạy Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc.

Ngày 18 tháng 5 năm 1994, Khoa được đổi tên là khoa Quan hệ quốc tế theo quyết định số 323/QĐ-TC ngày 18/5/1994 về việc đổi tên khoa Phong trào cộng sản & Công nhân quốc tế thành khoa Quan hệ quốc tế. Theo quyết định này Khoa có ba nhiệm vụ: Giảng dạy Lịch sử Phong trào Cộng sản, Công nhân quốc tế, Giải phóng dân tộc; Giảng dạy những vấn đề Quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; Giảng dạy một số vấn đề cơ bản về ngoại giao và lễ tân.

Năm 2001, Ban chấp hành Trung ương ra quyết định số 16-QĐ/TW ngày 27/12/2001 về việc thành lập Ban chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại nhằm giúp Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thủ tướng chính phủ theo dõi tình hình, đề xuất chủ trương và chỉ đạo, phối hợp kịp thời công tác thông tin đối ngoại (TTĐN). Triển khai hoạt động của quyết định này, Ban chấp hành Trung ương có công văn số 2685-

CV/TTVH về việc đào tạo cán bộ TTĐN, giao cho Bộ Giáo dục & đào tạo cùng với Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) chủ trì xây dựng chương trình đào tạo cử nhân ngành TTĐN. Thực hiện chủ trương của Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí & Tuyên truyền, khoa Quan hệ quốc tế xây dựng thành công chương trình và được giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân TTĐN theo Quyết định số 289 QĐ/BCTT ngày 18/5/2004 về việc Ban hành chương trình đào tạo cử nhân hệ chính quy tập trung 4 năm và các chuyên ngành thuộc Phân viện Báo chí Tuyên truyền (Nay là Học viện Báo chí Tuyên truyền). Từ năm 2004, Khoa bắt đầu đào tạo sinh viên chuyên ngành Thông tin đối ngoại thuộc ngành Báo chí và là cơ sở đầu tiên trong cả nước cung cấp các khoá đào tạo đại học chuyên ngành này.

Đến tháng 9 năm 2009 theo quyết định số 3144/ QĐ-BGDĐT ngày 23/4/2009 về việc giao cho HVBC&TT đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học ngành Quan hệ quốc tế (QHQT), khoa QHQT chính thức tuyển sinh ngành Quan hệ quốc tế, chuyên ngành QHCT&TTQT đầu tiên. Đồng thời, tiếp tục đào tạo chuyên ngành TTĐN.

Năm 2017: Khoa QHQT bắt đầu đào tạo cử nhân hệ chất lượng cao chuyên ngành Quan hệ quốc tế và truyền thông toàn cầu.

Năm học 2018: Khoa bắt đầu đào tạo cử nhân ngành Truyền thông quốc tế

Năm 2019: Khoa bắt đầu đào tạo thạc sỹ ngành QHQT, chuyên ngành Quản lý hoạt động đối ngoại.

Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên

Hiện nay, Khoa có 3 tổ bộ môn gồm tổ bộ môn QHQT, Truyền thông quốc tế và Tiếng Anh chuyên ngành; một VPK và một studio. Độ ngũ CB viên chức đương nhiệm của khoa hiện nay có 15 người trong đó có 2 PGS, 4 TS, 9 ThS. 100% cán bộ giảng dạy trong Khoa có trình độ thạc sỹ trở lên. Hàng năm Khoa đều có kế hoạch bồi dưỡng các cán bộ tập sự và bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới với mục tiêu phát triển đội ngũ các bộ vừa giỏi trình độ kiến thức, vừa có trình độ nhận thức cao phù hợp với đường lối của Đảng.

Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, Khoa QHQT còn mời các chuyên gia, GV, nhà báo từ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản, Học viện Ngoại giao, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tạp chí Thông tin đối ngoại... Chuyên môn và kinh nghiệm thực tế của các cộng tác viên giúp nâng cao chất lượng dạy và học

tại Khoa.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa QHQT và HVBC&TT đều là những người đã tham gia nhiều chương trình đào tạo cán bộ ở nhiều bậc học lý luận, chính trị, giáo dục của HVBC&TT.

Về công tác đào tạo

Khoa QHQT bắt đầu đào tạo cử nhân QHQT từ năm học 2009 – 2010.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, Khoa đã xây dựng các chương trình 4 năm cho đào tạo đại học theo chương trình khung của Bộ GD&ĐT. Khoa đã hoàn thành 100% các môn học có giáo trình cấp nhà xuất bản hoặc cấp cơ sở phục vụ cho đào tạo theo tín chỉ.

Hiện nay, số lượng sinh viên đang theo học các ngành và chuyên ngành của Khoa đạt 515 sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên trong Khoa ngày càng được nâng cao, tới nay đã có 03 sinh tốt nghiệp đạt loại xuất sắc, 02 sinh viên là thủ khoa đầu ra của Học viện.

Khoa đã bắt đầu hướng dẫn 2 khoá học viên cao học đầu tiên với 21 học viên. Khoa luôn củng cố và mở rộng quan hệ đào tạo và liên kết với các cơ sở đào tạo về quan hệ quốc tế như Học viện Ngoại giao, Khoa Quốc tế học – Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Quan hệ quốc tế - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, với các cơ sở báo chí đối ngoại như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Dân trí, Báo Thế giới và Việt Nam... cũng như các cơ quan báo chí tại các địa phương, với các cơ sở bên ngoài như Bộ Ngoại giao, Ban tuyên giáo Trung ương... nhằm tận dụng tốt nhất mối quan hệ hợp tác đào tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Học viện giao. Khoa hợp tác với các đồng chí nguyên là Đại sứ, nhà ngoại giao, chuyên gia cao cấp trong và ngoài nước để luôn cập nhật tình hình, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu. Bên cạnh đó, Khoa còn phối hợp với Ban Hợp tác quốc tế tổ chức lớp học trực tuyến về Chính sách công do chuyên gia Hàn Quốc dạy cho sinh viên, sau 03 khóa học 21 sinh viên của Khoa được đi Hàn Quốc học 03 tuần. Ngoài ra khoa cũng mở lớp học trực tuyến với trường đại của Hàn Quốc, tham gia chương trình tập huấn truyền thông về chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường...

Công tác quản lý theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên được quan tâm sâu sắc. Hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên được Khoa quan tâm

ủng hộ về cả vật chất và tinh thần, cụ thể thông qua các hoạt động như: Tổ chức Hội thảo hướng nghiệp cho sinh viên; Định hướng nghề nghiệp, kế hoạch học tập cho sinh viên từ năm thứ nhất; Xin tài trợ các đơn vị khác ngoài Học viện, tìm kiếm nguồn tài trợ cho sinh viên nghèo vượt khó...

Đặc biệt 10 năm trở lại đây, Khoa đã có sáng kiến tổ chức cho sinh viên năm thứ 3 đi kiến tập nghề nghiệp ở nước ngoài. Trong 5 năm vừa qua, Khoa đã đưa sinh viên các khóa từ khóa 32 đến khóa 36 đi kiến tập tại Lào, Thái Lan, Hàn Quốc. Mỗi khóa trung bình có khoảng 70 sinh viên. Khoa QHQT là đơn vị tiên phong đi đầu trong việc mở ra một hướng mới trong việc gắn đào tạo lý thuyết với thực hành thực tế quốc tế. Đây là hoạt động tăng cường kiến thức, kỹ năng cho sinh viên, gắn lý luận với thực tiễn.

VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Song song với nhiệm vụ chính là giảng dạy, NCKH là hoạt động không thể thiếu đối với mỗi cơ sở giáo dục đại học. Khoa QHQT luôn xác định nâng cao chất lượng đội ngũ GV phải đi đôi với việc tăng cường năng lực NCKH. NCKH góp phần tích lũy, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực và chất lượng giảng dạy, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Vì thế, hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa luôn diễn ra hết sức sôi động và đạt được nhiều thành tích quan trọng.

Hoạt động NCKH của Khoa ngày càng được đề cao và phát triển mạnh thông qua số lượng ngày một tăng các công trình nghiên cứu. Trong vòng 5 năm trở lại đây tính từ năm học 2013 – 2014, khoa đã thực hiện được 52 đề tài khoa học các cấp, 23 hội thảo/ toạ đàm thông tin khoa học, công bố 129 công trình nghiên cứu bao gồm cả sách, bài sách, bài báo khoa học trong nước và quốc tế; cùng 211 công trình dưới các dạng khác.

Năng lực NCKH của Khoa còn thể hiện ở khả năng thực hiện rất nhiều hoạt động hợp tác NCKH với các đối tác nước ngoài. Một số hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế nổi bật như sau: Cán bộ, GV trong Khoa là đơn vị đi đầu trong việc liên hệ với các cơ quan truyền thông, đối ngoại của Việt Nam ở nước ngoài và của một số nước, khảo sát, kết nối đưa sinh viên đi thực tập ở Thái Lan, Lào, Hàn Quốc: Các điểm đến Trung tâm văn hóa Việt Nam tại Lào, đại sứ quán Việt Nam tại Lào, Thái Lan, Hàn Quốc, Đài SBS của Hàn Quốc, Trung tâm văn hóa Thái Lan, Trung tâm văn hóa Hàn Quốc...nhằm nâng cao trình độ, kiến thức thực tiễn cho GV và sinh viên..

Từ 2015 đến 2019 Khoa có 01 đề tài sinh viên của Khoa đạt giải nghiên cứu khoa học cấp Bộ.

Từ năm 2011-2016, dưới sự hướng dẫn của PGS. TS Nguyễn Ngọc Oanh cùng cán bộ, GV, SV khoa QHQT liên tiếp thắng giải trong 04 cuộc thi sáng kiến phòng chống tham nhũng Việt Nam do Thanh tra Chính phủ và Ngân hàng thế giới tài trợ với các chủ đề gần gũi thiết thực đối với sinh viên và môi trường sư phạm của Học viện- dự án *Giảng đường tươi đẹp*.

Năm 2015 trong cuộc thi “Tìm hiểu chính sách đối ngoại của Mỹ” với sinh viên Học viện Ngoại giao sinh viên khoa Quan hệ quốc tế đạt giải ba trong cuộc thi này.

Khoa thường xuyên tổ chức, tham gia nhiều buổi thông tin, tọa đàm khoa học và tham dự đầy đủ các sinh hoạt khoa học cho cán bộ, GV, SV do Học viện Báo chí và Tuyên truyền cũng như các đối tác bên ngoài tổ chức có nội dung liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Cán bộ GV tham dự Lớp bồi dưỡng kiến thức về quan hệ quốc tế; Lớp lồng ghép kiến thức về biến đổi khí hậu vào giảng dạy, Chính sách công, Bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng, Bồi dưỡng về phương pháp xây dựng chương trình tín chỉ, Lớp bồi dưỡng kiến thức tin học, Bồi dưỡng phương pháp xây dựng giáo án điện tử, Lớp hoàn thiện cao cấp lý luận chính trị, kinh điển. Hoạt động khoa học trên đã hỗ trợ đắc lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn của Khoa, nâng cao trình độ mọi mặt cho các GV và giúp SV có định hướng trong hoạt động NCKH.

Đến năm 2030, Khoa Quan hệ quốc tế trở thành Khoa có uy tín trong đào tạo quan hệ quốc tế và truyền thông quốc tế với định hướng phát triển là:

- Lựa chọn hàng đầu của người học về QHQT và truyền thông quốc tế;
- Nơi tập hợp đội ngũ GV, chuyên gia đầu ngành về giảng dạy và NCKH, đặc biệt trong lĩnh vực quan hệ quốc tế và truyền thông quốc tế, có khả năng tham gia giảng dạy các chương trình quốc tế;
- Đào tạo và nghiên cứu, tư vấn chính sách trong lĩnh vực đối ngoại, báo chí - truyền thông và phát triển cộng đồng.

3. Tổng quan về ngành Quan hệ quốc tế

Tiền thân đào tạo của ngành QHQT-HVBC&TT là chuyên ngành Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Theo xu thế hội nhập và phát triển, để đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngành đào tạo QHQT được Quan hệ quốc tế xây dựng và được phép

đào tạo kể từ khóa đầu tiên năm 2009. Hiện nay ngành QHQT có 02 chuyên ngành: QHCT&TTQT và TTĐN. Số lượng GV tham gia giảng dạy CTĐT của ngành QHQT hiện nay có 03 PGS.TS, 3 TS và 05 ThS. Số lượng sinh viên chính quy là 1.386 người. Hàng năm số lượng sinh viên tuyển sinh theo học ngành QHQT của Khoa Quan hệ quốc tế trung bình 104 sinh viên.

Kể từ năm 2009, CTĐT ngành QHQT được đào tạo theo hệ thống tín chỉ, kể từ đó đến nay CTĐT ngành QHQT đã tiến hành nhiều đợt rà soát chỉnh sửa về CTĐT, về CĐR, về đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT nhằm mục đích ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu thực tế của xã hội. Cho đến nay CTĐT ngành Quan hệ quốc tế đã được xây dựng đồng bộ thống nhất, có tính liên thông, liên kết, và ngày càng hoàn thiện, qua nhiều lần được chỉnh sửa bổ sung như các năm 2014, 2016, 2018 và 2020. Hiện nay chương trình đào tạo ngành QHQT bao gồm các chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN, Quan hệ quốc tế và truyền thông toàn cầu (chất lượng cao) đáp ứng được tốt nhất nhu cầu học tập của xã hội.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu:

Phát huy truyền thống gần bốn mươi năm đào tạo đại học, ngành QHQT của Khoa QHQT với tiền thân là Khoa Phong trào Cộng sản và Công nhân Quốc tế được thành lập từ năm 1983 đến nay gồm 2 chuyên ngành là TTĐN và QHCT&TTQT. CTĐT cử nhân ngành QHQT được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành và các quy định, hướng dẫn của HVBC&TT, thể hiện được các mục tiêu, các CĐR của CTĐT dành cho SV tốt nghiệp và bao trùm được các CĐR liên quan tới kiến thức và kỹ năng, thái độ theo khối ngành và theo lĩnh vực. Các CTĐT được xây dựng và thông qua sự thẩm định của Hội đồng KH&ĐT Khoa QHQT, Hội đồng KH&ĐT HVBC&TT để đảm bảo rằng các mục tiêu và CĐR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Học viện, phù hợp với yêu cầu của người học và của xã hội.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Kể từ khi Học viện chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ 2014 cho đến nay, CTĐT ngành QHQT đã được xây dựng đồng bộ thống nhất, có tính liên thông, liên kết, và ngày càng hoàn thiện, qua nhiều lần được chỉnh sửa bổ sung. Quy trình xây dựng cập nhật CTĐT trong đó có mục tiêu đào tạo được ban hành đầy đủ. Hiện nay CTĐT ngành QHQT bao gồm các chuyên ngành TTĐN, QHCT&TTQT đào tạo chính quy. Các CTĐT này được Bộ GD&ĐT, HVBC&TT ra các quyết định ban hành [H1.01.01.01.DC]; [H1.01.01.02.DC]; [H1.01.01.03.DC]

Mục tiêu đào tạo của CTĐT cử nhân QHQT được xây dựng và xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng mục tiêu của CTĐT như Luật Giáo dục Đại học 2018, theo các Thông tư 07 năm 2015, Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016; Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông; Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc

dùng cho Việt Nam [H1.01.01.04]; [H1.01.01.05.DC]; [H1.01.01.06.DC], [H1.01.01.07.DC], [H1.01.01.08.DC] [[H1.01.01.09]. Mục tiêu của CTĐT được thể hiện trong đề án mở ngành [H1.01.01.10], trong các CTĐT trình độ đại học ngành QHQT, và được rà soát chỉnh sửa ban hành trong các năm 2016, 2018 và 2020 [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Qua một số lần chỉnh sửa, cải tiến, mục tiêu CTĐT QHQT hiện nay là:

Mục tiêu chung:

Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QHQT có kiến thức cơ bản và khả năng phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực QHCT & TTQT, TTĐN; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường Học viện công nghệ cao, hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.

Mục tiêu cụ thể:

PO1. Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

PO2. Có kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến ngành học.

PO3. Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành QHQT.

PO4a. Có kiến thức chuyên sâu về quan hệ chính trị, nghiệp vụ đối ngoại và truyền thông quốc tế

PO4b. Có kiến thức chuyên sâu về báo chí, truyền thông đối ngoại

PO5. Có kiến thức tiếng Anh chuyên ngành cơ bản trong hoạt động QHQT.

PO6. Có kỹ năng phân tích, phản biện, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề.

PO7. Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình để làm việc trong môi trường Học viện hội nhập quốc tế

PO8. Có kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông, ngoại ngữ (đặc biệt ngoại ngữ chuyên ngành) để ứng dụng vào chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN

PO9. Kỹ năng nghiệp vụ QHQT và sáng tạo, tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại, truyền thông quốc tế

PO10. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện

làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm trong công tác.

PO11. Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và giám sát các hoạt động trong công việc.

PO12. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Có thể thấy mục tiêu của CTĐT hiện nay được xây dựng là phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Khoa QHQT là “Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QHQT có kiến thức cơ bản và khả năng phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực QHCT & TTQT, TTĐN; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi Học viện công nghệ cao, hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời. **[H1.01.01.11]**

Đồng thời có thể thấy mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành QHQT *phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của HVBC&TT* đã được chỉ rõ và xuyên suốt trong chức năng nhiệm vụ của Học viện từ khi mới thành lập năm 1962 cho đến chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2035 tầm nhìn 2050 **[H1.01.01.12.DC]**, **[H1.01.01.13]**, trong các nghị quyết của Đảng bộ Học viện, chương trình hành động của Đảng ủy, của Ban giám hiệu Học viện. Với sứ mạng của Học viện là “*cơ sở NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, báo chí - truyền thông và một số lĩnh vực khoa học và xã hội nhân văn khác.*” và tầm nhìn của Học viện đến năm 2050 là “*trở thành lựa chọn số một của SV trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng-văn hóa, báo chí và truyền thông, là trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng, văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực, là Học viện đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030, là cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á-Thái Bình Dương*”.

Mục tiêu của CTĐT ngành QHQT cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào

tạo con người Việt Nam tại mục tiêu của GDĐH quy định tại điều 5, Luật GDĐH 2018 “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng NCKH và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường Học viện làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” [H1.01.01.04]. Ngoài ra mục tiêu của CTĐT ngành QHQT cũng đáp ứng được các yêu cầu quy định về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT [H1.01.01.05.DC] gồm các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ trách nhiệm [H1.01.01.09].

Kể từ năm 2016 đến nay, mục tiêu CTĐT ngành QHQT đã qua 3 lần chỉnh sửa thay đổi cho phù hợp. Nếu như mục tiêu của CTĐT năm 2016 mới chỉ nêu một cách vắn tắt thì đến năm 2018 dựa trên các văn bản hướng dẫn về xây dựng mục tiêu CTĐT như Luật Giáo dục đại học 2018, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT [H1.01.01.04]; [H1.01.01.05.DC], các mục tiêu được phân chia cụ thể ra các mục tiêu chung và các mục tiêu riêng gắn liền cụ thể với các mục tiêu về kiến thức, về kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, về trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm. Đến năm 2020, mục tiêu của CTĐT ngành QHQT lại được cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với quy định cho trình độ bậc 6 – bậc đại học theo chuẩn Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 [H1.01.01.06.DC].

Để tiến hành rà soát, chỉnh sửa CTĐT, mục tiêu của CTĐT, Học viện đều ra các quyết định về thành lập ban chỉ đạo và các tổ công tác rà soát xây dựng CTĐT, mục tiêu của CTĐT cũng như ban hành các văn bản hướng dẫn điều chỉnh sửa đổi và rà soát chương trình và mục tiêu CTĐT đại học vào các năm 2018 và 2020 [H1.01.01.14]; [H1.01.01.15.DC]. Những lần rà soát, chỉnh sửa CTĐT, mục tiêu của CTĐT đều được lên kế hoạch điều chỉnh lại cho phù hợp, xác định rõ ràng dựa trên cơ sở các văn bản quy định liên quan đến việc xây dựng mục tiêu, CDR của CTĐT như Luật giáo dục đại học, khung trình độ quốc gia, hay các thông tư quy định của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.09]. Trong quá trình này, Khoa QHQT cũng tiến hành tham khảo các CTĐT và mục tiêu của các CTĐT cùng khối ngành ở một số Học viện khác

để so sánh đánh giá và đưa ra các mục tiêu phù hợp như của Khoa Quốc tế học, ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN và Khoa Chính trị quốc tế và Ngoại giao, HVNG, Khoa Quan hệ quốc tế - Đại học Queensland (Úc) và so sánh giữa các năm [H1.01.01.16].

Mục tiêu của CTĐT ngành QHQT được xây dựng, chỉnh sửa đều thông qua các cuộc họp thảo luận chuyên môn của các Bộ môn, của Hội đồng KH&ĐT Khoa QHQT. [H1.01.01.13]; [H1.01.01.14].

Mục tiêu đào tạo của ngành phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của HVBC&TT và đều được công bố công khai rộng rãi trên website của Học viện, trong sổ tay SV, trong các bản mô tả CTĐT các năm 2018, 2020 [H1.01.01.17], [H1.01.01.18]; [H1.01.01.19]; [H1.01.01.20]; [H1.01.01.21].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành QHQT đã xác định rõ ràng các mục tiêu chung, mục tiêu riêng nhấn mạnh chất lượng đào tạo vào các chuyên ngành sâu (TTĐN, QHCT&TTQT) đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về cử nhân có chuyên môn sâu về nghiên cứu và thực hành truyền thông và công tác đối ngoại.

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của Luật GDDH, tầm nhìn và sứ mạng của HVBC&TT. CTĐT đã cập nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành QHQT, các mục tiêu của CTĐT cũng được rà soát xây dựng dựa trên các khảo sát đánh giá và lấy ý kiến của các bên liên quan, nhất là của người sử dụng lao động nên có tính tiên tiến và gắn với thực tế yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát và điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa lấy được số lượng lớn ý kiến phản hồi của cựu người học ra Học viện sau hơn 1 năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, Khoa có quy định về việc lưu trữ thông tin và cơ chế liên lạc của cựu SV, phát huy tốt hơn nữa vai trò của Hội cựu SV của khoa. Khoa QHQT tăng cường hơn nữa phối hợp với TT KT&KĐCLĐT tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của cựu người học đã tốt nghiệp và các NTD, doanh nghiệp về các nội dung cụ thể của mục tiêu để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Đồng thời, mục tiêu của CTĐT cũng sẽ được Khoa tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật trong những năm tiếp theo định kỳ 2 năm/lần theo các nội dung mới phù hợp với sự phát triển của ngành nghề trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến

trên thế giới.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

CĐR của ngành QHQT được xây dựng bài bản, thường xuyên cập nhật chỉnh sửa dựa trên các văn bản hướng dẫn của HVBC&TT về hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR [H1.01.01.15.DC] và dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo [H1.01.01.06. DC]; các quy định CĐR ngoại ngữ tin học cho SV đại học chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H1.01.01.07.DC]; [H1.01.08.DC], và có sự tham khảo CĐR của một số Học viện khác [H1.01.02.01]; [H1.01.02.02]; H1.01.02.03]. Quy trình xây dựng CĐR được thực hiện theo các bước sau:

- Khảo sát nhu cầu các bên liên quan: nhu cầu xã hội, NTD, cựu SV, GV, cán bộ quản lý chương trình. Việc khảo sát được thực hiện thông qua các buổi hội thảo xây dựng chương trình, phiếu khảo sát và các kênh khảo sát không chính thức khác. Xây dựng CĐR căn cứ trên khung trình độ quốc gia và các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, cụ thể là bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo của bộ giáo dục ban hành theo thông tư 04-2016/TT-BGDĐT [H1.01.02.04].

- Xác định mục tiêu CTĐT

- Xây dựng CĐR theo nguyên tắc Smart (S; Rõ ràng, cụ thể; M: đo lường được, đánh giá được; A: Khả thi; R: Mang tính thực tiễn; T: có thể đạt được sau thời gian đào tạo). CĐR được xây dựng dựa trên các thang đo tham chiếu về thang đo nhận thức Bloom, thang đo cảm xúc (Krathwohl), thang đo kỹ năng (Dave).

- Xây dựng và hoàn thiện CTĐT tích hợp CĐR [H1.01.01.02.DC]; [H1.01.01.03.DC]

Thực hiện quy định xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT của Học viện, theo đó CTĐT ngành QHQT đã xây dựng các CĐR cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực [H1.01.01.02.DC]; [H1.01.01.03.DC]. Các CĐR của CTĐT ngành QHQT đều được xây dựng và xác định nhằm phản ánh được mục tiêu của CTĐT.

Đến năm 2018, CĐR của CTĐT ngành QHQT được tiến hành rà soát chỉnh sửa để đảm bảo phù hợp hơn với quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 [**H1.01.01.02.DC**]; [**H1.01.01.05.DC**] và còn phù hợp với CĐR đối với bậc đại học trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định QĐ 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 [**H1.01.01.08.DC**]. Qua đó, CĐR năm 2018 về cơ bản vẫn phản ánh các yêu cầu tối thiểu của người học về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp. CĐR về ngoại ngữ tin học trong năm 2018 được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông [**H1.01.01.07.DC**, **H1.01.01.08.DC**]. Cụ thể tất cả SV từ khóa 34 khi tốt nghiệp phải đạt trình độ bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản [**H1.01.02.05**]. CĐR này cũng là cơ sở để xác định vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của SV ngành QHQT.

Trong lần chỉnh sửa CĐR năm 2020, CĐR phản ánh được cả về kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp và mức độ tự chủ tự chịu trách nhiệm. Các CĐR của CTĐT trong năm 2020 được xây dựng rõ ràng, sử dụng các thang cấp độ để phản ánh các yêu cầu mà người học cần đạt được, do vậy các CĐR này dễ dàng hơn trong việc đo lường và đánh giá [**H1.01.01.03.DC**]. Đồng thời, CĐR cũng đáp ứng được các mục tiêu của CTĐT, thể hiện qua ma trận đáp ứng mục tiêu của các CĐR CTĐT [**H1.01.02.06**].

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR ngành QHQT, vấn đề tính liên thông của CĐR cũng được quan tâm tính đến, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong quá trình học song song, học thêm các văn bằng 2. Trước hết là tính liên thông giữa CĐR của các CTĐT thuộc Khoa QHQT, về cơ bản các CĐR về chuẩn kiến thức chung của Học viện, CĐR về kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành; CĐR về kỹ năng chung, kỹ năng chuyên ngành; CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm được thống nhất trong các CTĐT của Khoa. Sự khác nhau cơ bản của các CĐR trong các chuyên ngành này là ở chỗ các CĐR về kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và CĐR về kỹ năng chuyên ngành đạt được năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn đặc biệt là trong lĩnh vực QHQT, thông tin và truyền thông đối ngoại [**H1.01.01.03.DC**]. Đối với các ngành đào tạo khác trong Học viện thì về cơ

bản CĐR của ngành QHQT giống CĐR với các ngành khác về chuẩn khối kiến thức giáo dục đại cương, các CĐR về kỹ năng mềm, chuẩn về ngoại ngữ tin học và chuẩn về thái độ chính trị [H1.01.02.07]. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các SV các ngành học khác khi tham gia học thêm các chuyên ngành của ngành QHQT.

CĐR của CTĐT là cơ sở để xây dựng đề cương chi tiết môn học, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá phù hợp. Mỗi môn học đều được thiết kế để đáp ứng một hoặc nhiều CĐR của chương trình và được thể hiện cụ thể trong các môn học thuộc CTĐT. Các học phần trong CTĐT được xây dựng cũng đáp ứng được các yêu cầu CĐR, điều này được thể hiện thông qua các mức độ đòi hỏi của từng học phần trong ma trận CĐR của CTĐT [H1.01.02.08]. CĐR của từng môn học này càng góp phần làm rõ CĐR của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành QHQT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập; và mức độ tối thiểu các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có được sau khi hoàn thành chương trình QHQT. Kết quả khảo sát các bên liên quan về CĐR CTĐT cho thấy tỷ lệ hài lòng với CĐR CTĐT là: 93.8% GV hài lòng, SV cuối khoá là 77.5%, cựu SV là 90%, NTD là 100% hài lòng với CĐR của CTĐT [H1.01.02.09.DC]; [H1.01.02.10.DC]; [H1.01.02.11.DC] [H1.01.02.12.DC]; [H1.01.02.13.DC]

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT phù hợp với định hướng, mục tiêu đào tạo chung của Học viện và Khoa. Để có thể thực hiện được toàn bộ CĐR này, người học được đòi hỏi không chỉ có năng lực học tập mà còn phải có năng lực nghiên cứu, năng lực phát hiện vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực quản lý thời gian và quan trọng hơn cả là năng lực sáng tạo tác phẩm báo chí đối ngoại nói riêng và hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại nói chung. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa các loại hình hoạt động trong mỗi học phần thúc đẩy người học tìm hiểu nội dung học tập từ nhiều cách tiếp cận trong đó phát triển nhu cầu học tập một cách tự giác cho người học.

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi Học viện thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin, nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc CVHT. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CĐR của CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà KH, với sự đón nhận góp ý từ nhiều NTD, cựu SV và các chuyên gia trong lĩnh vực QHQT và truyền thông nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

2. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số SV không ra Học viện đúng hạn do không đạt điều kiện về CĐR ngoại ngữ, đồng thời một vài SV chưa đáp ứng được yêu cầu về năng lực ngoại ngữ của NTD.

3. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, để đáp ứng nhu cầu của xã hội về năng lực ngoại ngữ, Khoa QHQT sẽ điều chỉnh cập nhật việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành, đặc biệt một số môn học chuyên ngành do giáo viên của khoa giảng dạy sẽ thúc đẩy việc đọc, nghiên cứu tài liệu nước ngoài để SV được trang bị một vốn từ chuyên ngành đủ để khi ra Học viện đáp ứng được yêu cầu công việc.

4. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Kể từ khi chuyển từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ, Học viện và Khoa QHQT cùng các Bộ môn đã chủ động trong việc xây dựng CĐR của CTĐT các ngành trong đó có ngành QHQT. Trong quá trình này, Học viện, Khoa và các Bộ môn phụ trách chuyên ngành tiến hành rà soát điều chỉnh CĐR của CTĐT. Học viện cũng đã ban hành quy định về việc rà soát này và ra các thông báo về rà soát chỉnh sửa CĐR, CTĐT [H1.01.01.14.DC]; [H1.01.01.15.DC]. Trong giai đoạn đánh giá, CĐR của chương trình đã được chỉnh sửa, hoàn thiện nhiều lần sau khi tiếp thu các ý kiến của các bên liên quan. Do đó CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình, cho đến nay CĐR ngành QHQT đã được rà soát chỉnh sửa trong các năm 2018 và 2020 [H1.01.01.14.DC], [H1.01.01.15.DC].

Khoa cũng tổ chức các buổi họp khoa về xây dựng CĐR của CTĐT để tiếp nhận ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài Học viện cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV và các nhà sử dụng lao động trên cơ sở đó, Khoa đã tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và kịp thời điều chỉnh CTĐT. Năm 2020, Khoa thực hiện rà soát, điều chỉnh CĐR CTĐT ngành QHQT theo quy định về rà soát cập nhật CTĐT của Học viện [H1.01.01.15.DC]. Căn cứ trên kết quả khảo sát các bên liên quan bao gồm: SV, cựu SV, GV, NTD [H1.01.02.11.DC]; [H1.01.02.12.DC]; [H1.01.02.13.DC]; [H1.01.02.14.DC]. CĐR được nghiệm thu, đánh giá ở cấp Khoa, Học viện [H1.01.01.14.DC], [H1.01.01.15.DC]. CĐR được ban hành theo quyết định ban hành CTĐT của Giám đốc HVBC&TT [H1.01.01.02.DC]; [H1.01.01.03.DC]. Qua mỗi lần rà soát, điều chỉnh CĐR CTĐT ngành QHQT ngày càng được hoàn thiện, phản ánh được mục tiêu của CTĐT; phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng đào tạo của HVBC&TT, của Khoa QHQT [H1.01.01.13.DC], phản ánh được yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT, đáp ứng được CĐR theo Khung trình độ quốc gia do Chính phủ ban hành, và đáp ứng được nhu cầu thực tế xã hội.

CĐR của CTĐT ngành QHQT được xây dựng chú trọng đến việc trang bị về kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; CĐR cũng nêu rõ vị trí việc làm trong tương lai mà người học tốt nghiệp CTĐT ngành QHQT có thể tham gia [H1.01.01.02.DC]; [H1.01.01.03.DC]. Sau khi rà soát, điều chỉnh, CĐR đã tăng cường các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm... theo sự đóng góp của các bên liên quan.

Cụ thể, so sánh giữa CTĐT năm 2018 và năm 2020, Khoa đã chỉnh sửa CĐR theo hướng tinh gọn, bám sát hơn các vấn đề của các yêu cầu thực tiễn về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ với người học. Cụ thể, số lượng CĐR của CTĐT năm 2018 là 24, còn năm 2020 là 16 với một số thay đổi về yêu cầu cụ thể với người học khi tốt nghiệp, trong đó vấn đề cập nhật liên quan tới năng lực khởi nghiệp của SV đã được đề cập ở CĐR 16 một cách rõ ràng (Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý, đánh giá công việc, dẫn dắt khởi nghiệp các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành).

CĐR chương trình năm 2020 ngoài việc dựa theo quy định của thông tư 07 của Bộ GD&ĐT còn dựa vào CĐR cho chương trình đại học được quy định trong

Khung trình độ quốc gia Việt Nam do Chính phủ ban hành. Theo đó, nếu CĐR năm 2018 tách kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành thì CĐR năm 2020 gộp kiến thức này thành kiến thức ngành và xây dựng CĐR theo nhóm các môn học. Nếu CĐR năm 2020 đã được xây dựng hoàn thiện hơn với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; năng lực, đạo đức nghề nghiệp; năng lực công tác sau khi tốt nghiệp; nhấn mạnh hơn vào việc vận dụng tri thức vào phát triển tư duy, giải quyết vấn đề, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, sử dụng CNTT và truyền thông của SV tốt nghiệp theo yêu cầu. Theo đó, CĐR năm 2020 ngành QHQT HVBC&TT đã được rà soát, điều chỉnh và thiết kế khá toàn diện với 3 nội dung cơ bản: Chuẩn về kiến thức, Chuẩn về kỹ năng, Chuẩn về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Các nội dung này được cụ thể hóa thành 16 CĐR. **[H1.01.03.01] [H1.01.03.02]**

Trong chuẩn về kiến thức, CĐR năm 2020 đã nêu cụ thể 3 khối kiến thức gồm kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành. Trong chuẩn về kỹ năng, CĐR năm 2020 đã nêu rõ kỹ năng chung và kỹ năng chuyên ngành gắn liền với vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Đồng thời các CĐR của năm 2020 đã tham chiếu sử dụng thang đo nhận thức để biểu đạt các mức độ cụ thể về nhận thức, kỹ năng, và thái độ. Do đó các CĐR của năm này được xác định rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn **[H1.01.01.03.DC]**

Về cơ bản các CĐR được xây dựng và công bố trong các năm 2018, 2020 đều phản ánh đầy đủ các CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực **[H1.01.01.02.DC]; [H1.01.01.03.DC]; [H1.01.01.18.DC]**. Các CĐR ngày càng được xây dựng làm rõ và chi tiết hơn cho từng yêu cầu của CĐR trên cơ sở căn cứ vào các văn bản. Qua những lần chỉnh sửa hoàn thiện CTĐT và CĐR ngành QHQT đều được Học viện, Khoa QHQT ban hành và công bố rộng rãi, công khai tới các cán bộ GV và người học, người sử dụng lao động và xã hội thông qua website Học viện, của Khoa, sổ tay SV các buổi giới thiệu CTĐT hay các ngày hội Open-day hàng năm, trong tờ rơi quảng bá về CTĐT **[H1.01.01.18.DC]; [H1.01.01.19.DC]; [H1.01.03.03]; [H1.01.03.04]**. Điều này giúp cho người học, xã hội và các bên liên quan tiếp cận được dễ dàng hơn và nắm bắt được các chuẩn về kiến thức, về kỹ năng, về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm mà người học sẽ đạt được sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Định kỳ khoảng 2 năm HVBC&TT tiến hành rà soát, điều chỉnh toàn bộ CTĐT,

CĐR của các ngành học trong đó có ngành QHQT. Việc điều chỉnh có sự tham khảo, tiếp thu các góp ý từ các doanh nghiệp, các NTD và SV tốt nghiệp và đảm bảo phù hợp với các văn bản quy định như Luật Giáo dục đại học, Khung trình độ Quốc gia. Vì vậy, CĐR của ngành được kịp thời bổ sung, điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực QHQT, nhất là trong các ngành chuyên sâu về chính trị và truyền thông quốc tế.

CĐR CTĐT ngành QHQT được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và đặc biệt là đối tượng thí sinh tiềm năng, SV của Khoa ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng kỳ học với từng chuyên ngành cụ thể và từng học phần cụ thể.

3. Tồn tại

CĐR về ngoại ngữ chuyên ngành của một số SV vẫn chưa đáp ứng nhu cầu tuyển dụng. Ngoài ra, Khoa chưa có điểm nhấn trong việc tuyên bố, phổ biến CĐR CTĐT tới các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, để hài hòa giữa yêu cầu của NTD và khả năng đáp ứng của người học về ngoại ngữ, Khoa sẽ tăng cường việc trao đổi học thuật bằng tiếng Anh trong một số môn học chuyên ngành.

Khoa QHQT phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Ban QLĐT xây dựng kế hoạch truyền thông trong đó nhấn mạnh CĐR của CTĐT.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành QHQT đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu tâm lý con người. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học và được quán triệt đến từng đối tượng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo điều kiện môi trường học viện thuận lợi cho SV phát huy tinh thần làm việc nhóm và làm việc độc lập đồng thời nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía GV bộ môn hoặc CVHT. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề

nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CĐR được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà KH, nhằm mục tiêu đảm bảo chất lượng học tập cũng như phát triển kỹ năng, ý thức và thái độ học tập, làm việc chuyên nghiệp cho SV. CĐR được công khai rộng rãi trên website của Học viện.

Một số hạn chế của CĐR của CTĐT ngành QHQT được xác định: Khoa chưa có điểm nhấn trong việc tuyên bố, phổ biến CĐR CTĐT tới các bên liên quan. Ngoài ra, CĐR về ngoại ngữ chuyên ngành của một số SV vẫn chưa đáp ứng nhu cầu tuyển dụng.

Khoa đã có kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục hạn chế và phát huy điểm mạnh như đã nêu ở các phần trên.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt, điểm trung bình là 5,0/7,0.

TIÊU CHUẨN 2

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Trong quá trình thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ, bản mô tả CTĐT có ý nghĩa như một văn bản bản mô tả, giới thiệu chi tiết về CTĐT và hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học cho GV, SV, đồng thời, là tài liệu để giới thiệu, truyền thông về CTĐT với các tổ chức, doanh nghiệp. Với ý nghĩa đó, bản mô tả CTĐT ngành QHQT được điều chỉnh và hoàn thiện chu kỳ 2 năm/lần trên cơ sở các văn bản pháp luật của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, HVBC&TT và các kết quả khảo sát thị Học viện lao động nhằm hướng tới đáp ứng tốt nhất yêu cầu của người học, của thị Học viện lao động và của NTD và đảm bảo tính pháp lý của bản mô tả CTĐT. Trong giai đoạn 2016-2020, Bản mô tả CTĐT đã được rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện trong năm 2018 và 2020. Việc hoàn thiện CTĐT và bản mô tả CTĐT trong giai đoạn này không những đảm bảo tính pháp lý của bản mô tả CTĐT mà còn phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Học viện, của Khoa QHQT cũng như đáp ứng được yêu cầu thực tế. Từ năm 2014, CTĐT ngành QHQT bao gồm 02 chuyên ngành QHCT&TTQT và chuyên ngành TTĐN. Bản mô tả CTĐT ngành QHQT cũng đã được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, tham vấn chính sách về lĩnh vực QHQT và truyền thông quốc tế, TTĐN của nhà nước và của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Bản mô tả CTĐT ngành QHQT cung cấp các thông tin khái quát và mục tiêu của chương trình, các thông tin về CĐR của CTĐT, CTDH, mức độ đóng góp của các học phần đối với CĐR của chương trình, các thông tin chi tiết về mục tiêu và nội dung của các học phần. Cùng với bản mô tả học phần là hệ thống đề cương chi tiết các học phần được trình bày được đầy đủ và chi tiết về mục tiêu, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn học và tài liệu tham khảo. Các tài liệu tham khảo này được đáp ứng bởi hệ thống Thư viện của Học viện.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Sau khi HVBC&TT ban hành CTĐT ngành QHQT theo các văn bản hướng dẫn của Học viện [H2.02.01.01.DC] H2.02.01.02.DC], Khoa QHQT đã tổ chức họp Hội

đồng Khoa để xây dựng kế hoạch hoàn thiện CTĐT trong đó có bản mô tả CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành QHQT được hoàn thiện trên cơ sở điều chỉnh cập nhật CTĐT và bản mô tả CTĐT được ban hành năm 2018 và năm 2020 phù hợp với CĐR của CTĐT và các văn bản pháp luật của Chính phủ, Bộ GD&ĐT **[H2.02.01.03.DC]**; **[H2.02.01.04.DC]**.

Bản mô tả CTĐT ngành QHQT là một văn bản bao gồm các nội dung: (1) Thông tin chung về CTĐT; (2) Mục tiêu đào tạo; (3) CĐR; (4) Khối lượng kiến thức đào tạo toàn khóa học; (5) Đối tượng tuyển sinh; (6) Quy trình đào tạo, tốt nghiệp; (7) Kiểm tra, đánh giá; (8) Nội dung chương trình; (9) Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào CĐR chung của CTĐT; (10) Mô tả tóm tắt các học phần; (11) Kế hoạch giảng dạy (dự kiến); (12) Hướng dẫn thực hiện chương trình **[H2.02.01.03.DC]**; **[H2.02.01.04.DC]**.

Bản mô tả CTĐT ngành QHQT năm 2020 **[H2.02.01.04.DC]** được đánh giá là bản mô tả hoàn chỉnh nhất của ngành QHQT trong giai đoạn 2015 - 2020. Bản mô tả CTĐT đã đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định trong Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, đã được cập nhật những thông tin trên cơ sở rà soát bản mô tả CTĐT năm 2016, điều chỉnh theo sự thay đổi của các CĐR của CTĐT ngành QHQT năm 2018, phù hợp với quy định đối với bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam trong quyết định số 1982/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016. **[H2.02.01.05.DC]** Sự hoàn thiện của bản mô tả CTĐT ngành QHQT được thể hiện qua các tiêu chí chủ yếu như sau:

Thứ nhất, về mục tiêu đào tạo

Mục tiêu của CTĐT đã bám sát các tiêu chí được quy định đối với bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam trong quyết định số 1982/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ 18 tháng 10 năm 2016, phù hợp với đặc điểm riêng về ngành nghề và được thể hiện thông qua 12 mục tiêu nhỏ, được cơ cấu theo 3 nhóm: (1) Mục tiêu về kiến thức: 5 mục tiêu; (2) Mục tiêu về kỹ năng: 4 mục tiêu; (3) Mục tiêu về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: 3 mục tiêu. Các mục tiêu có cấu trúc rõ ràng, thể hiện khả năng có thể lượng hóa và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc xây dựng CĐR cho CTĐT so với các bản mô tả CTĐT trước đó.

Thứ hai, về CDR

CDR của CTĐT ngành QHQT năm 2020 đã thể hiện các mức độ kiến thức kỹ năng và thái độ mà người học cần có nhằm đạt được mục tiêu của CTĐT. Mục tiêu và CDR của chương trình có sự liên hệ chặt chẽ về cấu trúc và mức độ, được trình bày dễ hiểu cho cả đơn vị đào tạo, đơn vị tuyển dụng và người học. Đây cũng là một trong những điểm hoàn thiện của bản mô tả CTĐT năm 2020 so với các năm trước.

Thứ ba, về kiểm tra, đánh giá

Phần kiểm tra, đánh giá của bản mô tả CTĐT năm 2020 đã nêu được hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng trong CTĐT.

Thứ tư, về hướng dẫn thực hiện chương trình

Phần hướng dẫn thực hiện CTĐT của năm 2020 đã bao quát đầy đủ các hướng dẫn đối với các đối tượng liên quan. Đồng thời, kế hoạch điều chỉnh CTĐT đã được trình bày cụ thể hóa các bước quy trình, các nguyên tắc thực hiện, điều chỉnh chương trình với học phần thay thế. Điều này giúp cho bản mô tả CTĐT được rõ ràng và bám sát yêu cầu của thực tế cũng như các quy định của BGD&ĐT.

Thứ năm, các mô tả tóm tắt học phần

Các học phần được mô tả tóm tắt về mục tiêu và những nội dung cơ bản làm căn cứ xây dựng đề cương chi tiết học phần [H2.02.01.06.DC]. Mục tiêu của các học phần được xác định trên cơ sở những chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đáp ứng tương ứng với mỗi học phần trong CTĐT và được Hội đồng KH&ĐT Khoa QHQT thông qua theo các tiêu chí: đặc trưng của học phần, các mức độ CDR tương ứng với mỗi học phần.

Theo thống kê từ việc điều tra bằng bảng hỏi đối với các GV, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT ngành QHQT của HVBC&TT, có 100 % ý kiến đánh giá về bản mô tả CTĐT ngành QHQT có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn với mức điểm từ 3.86/5 đến 3.97/5. Các SV cũ, NTD cũng có ý kiến phản hồi tốt về CTĐT với 100% người được hỏi đều cho rằng CTĐT ngành QHQT mang tính cập nhật và tiên tiến, đáp ứng tốt nhu cầu về lao động của cơ quan, đơn vị tuyển dụng và đảm bảo đạt được CDR về năng lực chuyên môn, kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức. Các tiêu chí: mức độ đảm bảo các thông tin cần thiết của bản mô tả CTĐT, mức độ dễ hiểu của các nội dung trong bản mô tả CTĐT, khả năng tạo thuận lợi cho người học xây dựng kế hoạch học tập, mức

độ dễ tiếp cận của bản mô tả CTĐT đều được SV đã tốt nghiệp, GV và NTD đánh giá đạt mức tốt đạt từ 3.86/5 đến 3.92/5 điểm [H2.02.01.07.DC] [H2.02.01.08.DC] [H2.02.01.09.DC].

2. Điểm mạnh

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành QHQT đảm bảo tính đầy đủ và tường minh về thông tin, các nội dung cập nhật và đảm bảo theo các quy định của Chính phủ, Bộ GD&ĐT và nhu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới về lĩnh vực QHQT. Khối kiến thức chuyên ngành và ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các NTD, nhấn mạnh tính chất thực hành của các kiến thức được đào tạo.

Cấu trúc bản mô tả CTĐT rõ ràng, tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý của HVBC&TT và Bộ GD&ĐT. Ma trận tích hợp các khối kiến thức, các học phần và CDR của chương trình được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT, được cụ thể hóa theo các chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ cho tất cả các học phần của chương trình.

Bản mô tả CTĐT ngành QHQT được cập nhật theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT với chu kỳ 2 - 3 năm/lần.

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT ngành QHQT được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao, dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau: cựu SV, GV, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT tuy đã được cập nhật thường xuyên nhưng bảng hỏi được dùng trong phương pháp lấy ý kiến khảo sát định kỳ của SV, NTD và nhà KH lại chỉ có những thông tin (đặc biệt thông tin về: phục vụ cho việc xác định danh mục học phần, mức độ kiến thức, kỹ năng và thái độ cho các học phần nhằm đạt được CDR của CTĐT cũng như đưa ra các định hướng hoàn thiện CTDH) còn chung chung, chưa cụ thể.

Kế hoạch giảng dạy trong Bản mô tả CTĐT chưa nêu cụ thể định hướng dành cho SV muốn học vượt, học sớm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT kết hợp với TTKT&ĐBCLĐT soạn ra bảng câu hỏi đóng góp cho nội dung CTĐT kỹ lưỡng và cụ thể hơn. Cùng với đó, để cải thiện việc đáp ứng nhu cầu học vượt của người học, Khoa cùng với đội ngũ CVHT sẽ tư vấn cụ thể với SV về lộ trình học tập hiệu quả, đảm bảo tiến độ mong muốn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, Khoa QHQT đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần, chỉnh sửa, bổ sung nội dung đề cương học phần theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của HVBC&TT ban hành [H2.02.01.01.DC]. Đề cương chi tiết các học phần được chỉnh sửa, bổ sung vào năm 2018, 2020 [H2.02.01.06.DC]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa ở mục tiêu và được thể hiện ở các CĐR của từng học phần [H2.02.01.06.DC].

Sau quá trình chỉnh sửa, các đề cương chi tiết học phần năm 2018 và 2020 đã đảm bảo theo quy định bao gồm các thông tin cơ bản như sau: (1) Thông tin về GV; (2) Thông tin chung về học phần (tên học phần bằng tiếng Anh, mã học phần, điều kiện tiên quyết, vị trí, phân loại học phần, yêu cầu khác, phân bổ tín chỉ); (3) Mục tiêu của học phần; (4) CĐR; (5) Tóm tắt nội dung học phần; (6) Nội dung chi tiết học phần và kế hoạch dạy học; (7) Học liệu; (8) Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá; (9) Chính sách môn học. [H2.02.01.06.DC]. Trong đó, có thể thấy sự cải tiến rất rõ từ đề cương học phần 2018 so với đề cương 2016 là sự bổ sung CĐR của học phần; nội dung chi tiết học phần cùng với kế hoạch dạy học được thể hiện rõ ở trong từng học phần và phương pháp kiểm tra đánh giá được nêu một cách cụ thể. Đối với sự cải tiến từ đề cương 2020 và 2018, sự khác biệt đến từ việc bổ sung số tiết tự học của SV vào tổng thể học phần và đối với từng buổi học. Yêu cầu với nội dung giảng dạy cũng chi tiết, cụ thể hơn.

Các đề cương học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trước, theo CĐR mới của CTĐT, theo ma trận tích hợp học phần và CĐR của chương trình [H2.02.01.06.DC]. Đề cương học phần sau khi được nghiệm thu sẽ được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT ngành QHQT [H2.02.02.01.DC]. Người học và các bên liên quan có thể tiếp cận đề cương học

phần trên Khoa. Ngoài ra, trong quá trình học, mọi SV đều được giáo viên cung cấp đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn chuẩn bị bài. Ngoài ra, trong quá trình học, mọi SV đều được giáo viên cung cấp đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn chuẩn bị bài.

Đề cương học phần được định kỳ rà soát theo quy trình như sau:

Căn cứ Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT của HVBC&TT, Khoa tổ chức rà soát, chỉnh sửa, bổ sung ĐCHP sau khi cập nhật CDR và chương trình khung của CTĐT ngành QHQT. [H2.02.01.01.DC]

Khoa tổ chức họp về việc điều chỉnh, cập nhật ĐCHP dựa trên kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan [H2.02.01.01.DC] [H2.02.01.02.DC]

GV phụ trách học phần thực hiện rà soát, cập nhật ĐCHP

Hội đồng KH&ĐT Khoa họp nghiệm thu ĐCHP. GV phụ trách hoàn thiện ĐCHP trên cơ sở góp ý của Hội đồng KH&ĐT khoa. [H2.02.01.01.DC] [H2.02.01.02.DC]

HVBC&TT ra Quyết định ban hành ĐCHP và đưa vào sử dụng. [H2.02.02.02.DC]; [H2.02.02.03.DC]

Học viện công bố ĐCHP trên Cổng thông tin SV và GV giới thiệu ĐCHP trong mỗi học phần. [H2.02.01.06.DC] [H2.02.02.04.DC]

Kết quả khảo sát người học cho thấy hệ thống đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành QHQT được đánh giá cao theo các tiêu chí: (1) Mức độ đầy đủ các thông tin và dễ hiểu của đề cương học phần; (2) Mức độ lượng hóa và rõ ràng của mục tiêu, CDR các học phần; (3) Mức độ hợp lý của nội dung cấu trúc học phần; (4) Khả năng đóng góp của các học phần đối với CDR CTĐT; (5) Sự tương thích giữa PPDH và kiểm tra đánh giá với CDR. Mức độ đánh giá đạt trung bình 4.4 theo thang điểm 5 mức độ [H2.02.02.07].

2. Điểm mạnh

Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Bộ GD&ĐT, HVBC&TT về hình thức và nội dung của học phần.

Mục tiêu của đề cương học phần hướng tới CDR CTĐT ngành QHQT và phù hợp với CDR được các định cho mỗi học phần.

Các đề cương học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về các lĩnh vực chuyên ngành TTĐN, QHCT&TTQT

như: xây dựng hình ảnh và thương hiệu quốc tế, tổ chức sản xuất sản phẩm đối ngoại, tổ chức hoạt động đối ngoại, nghiệp vụ lễ tân và văn phòng đối ngoại... do được thiết kế trên cơ sở phiếu điều tra thông tin về nhu cầu của NTD.

Thông tin trong hệ thống đề cương học phần đảm bảo đầy đủ, dễ hiểu và dễ tiếp cận. CDR của học phần được cụ thể hóa giúp cho người học dễ hiểu và hoạch định các mục tiêu thực hiện chương trình học nhằm đạt được CDR. Kết quả khảo sát và phỏng vấn sâu người học, người tuyển dụng cho thấy hệ thống đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành QHQT được đánh giá cao theo các tiêu chí: (1) Mức độ đầy đủ các thông tin và dễ hiểu của đề cương học phần; (2) Mức độ cụ thể hóa và rõ ràng của mục tiêu, CDR các học phần; (3) Mức độ hợp lý của nội dung cấu trúc học phần; (4) Khả năng đóng góp của các học phần đối với CDR CTĐT; (5) CDR của học phần có sự tương thích và có đóng góp cụ thể để đạt được CDR của CTĐT; (6) Mức độ dễ tiếp cận và dễ hiểu của đề cương chi tiết học phần.... mức độ đánh giá đạt mức cao trong hồ sơ rà soát học phần.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống giáo trình in sách cần được tăng cường hơn, các tài liệu tham khảo quốc tế còn hạn chế đặc biệt các môn thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT tiếp tục cập nhật với các nguồn tài liệu nước ngoài theo hướng chuyên sâu trong lĩnh vực QHQT và TTĐN giúp SV có cơ hội trau dồi ngoại ngữ cũng như tiếp cận với nguồn tài liệu đa dạng hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Sau khi bản mô tả CTĐT ngành QHQT đã được chỉnh sửa, bổ sung năm 2016, 2018 và 2020 [H2.02.01.03.DC]; [H2.02.01.04.DC], và hệ thống đề cương học phần đã được phê duyệt [H2.02.01.07.DC]. Khoa QHQT đã hợp thống nhất các kênh thông tin, hình thức và nội dung của thông tin quảng bá về CTĐT [H2.02.03.01]. Bản mô tả CTĐT, hệ thống đề cương chi tiết học phần đã công bố công khai cho người học và GV và các tổ chức, cá nhân liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau:

công bố công khai trên Cổng thông tin SV của HVBC&TT [H2.02.02.04.DC], Website học viện, trong sổ tay SV [H2.02.03.02] [H2.02.03.03], trong các buổi giới thiệu cho học sinh phổ thông tại cơ sở và tại Học viện trong ngày hội Open day [H1.01.03.04]. Những điều chỉnh, bổ sung đều được cập nhật trên website của Học viện để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện. Bên cạnh đó, Học viện còn có thể hỗ trợ tư vấn trực tiếp qua điện thoại và trực tuyến qua fanpage [H2.02.03.05].

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT ngành QHQT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Bản mô tả CTĐT ngành QHQT và đề cương chi tiết học phần đã đảm bảo tính công khai, dễ hiểu và dễ tiếp cận không chỉ đối với cán bộ, GV của Học viện mà với cả SV và những bên liên quan đều dễ dàng tiếp cận và tham khảo [H2.02.03.06]; [H2.02.01.09.DC]; [H2.02.02.05.DC].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành QHQT được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao, dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ ý kiến đóng góp, xây dựng của hội đồng KH khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Mọi thông tin trong bản đặc tả và đề cương học phần (mục tiêu, CDR, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá ...) đều được công bố công khai và dễ tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các bên liên quan tham gia lấy ý kiến phản hồi về bản mô tả CTĐT và ĐCHP chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, Khoa QHQT phối hợp với TTKT&KĐCLĐT lên kế hoạch cụ thể và tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan với số lượng nhiều hơn.

5. Tự đánh giá

Mức độ đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành QHQT được công bố rõ ràng, đầy đủ

và tường minh. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Bản mô tả CTĐT ngành QHQT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới về lĩnh vực QHQT. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Bộ môn đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp, xây dựng của Hội đồng KHĐT Khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà KH. Việc lấy ý kiến của NTD, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT đã được thực hiện theo đúng quy định về thời gian và các thông tin cần thiết phục vụ chỉnh sửa, bổ sung CTĐT và các đề cương học phần.

Ma trận hiển thị kết quả chương trình CDR được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa, lượng hóa theo các học phần và được thể hiện trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của HVBC&TT.

Theo CTĐT, phần lớn đề cương của các học phần đều có hệ thống bài giảng, giáo trình bằng tiếng Việt để SV có thể khảo cứu dễ dàng. Cơ sở dữ liệu cập nhật trong các chuyên ngành thuộc ngành QHQT được cập nhật thường xuyên qua hệ thống thư viện Khoa, thư viện Học viện. Cơ sở dữ liệu online về kiến thức chuyên ngành cần được bổ sung trong thời gian tới.

Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT vẫn còn một số tồn tại như sau: Bản mô tả CTĐT tuy đã được cập nhật thường xuyên nhưng bảng hỏi lấy ý kiến các bên liên quan vẫn còn những thông tin chung chung. Kế hoạch giảng dạy trong bản mô tả CTĐT chưa nêu cụ thể định hướng cho SV học vượt, học sớm. Hệ thống tài liệu tham khảo còn hạn chế các giáo trình in sách, tài liệu tham khảo quốc tế. Việc lấy ý kiến phản hồi về Bản mô tả CTĐT và ĐCHP còn chưa nhiều. Để cải thiện tình hình này, từ năm 2021, Khoa QHQT cùng với Trung tâm KT&ĐBCLĐT, các phòng ban của Học viện có những biện pháp cụ thể như đã đề xuất ở trên để bản mô tả và đề cương chi tiết được đáp ứng tốt hơn các tiêu chí đánh giá, phục vụ tốt hơn cho người học.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt, điểm trung bình 5,33/7,0

TIÊU CHUẨN 3

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Đối với bất kì ngành đào tạo nào, chương trình dạy học (CTDH) có vai trò rất quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của Khoa QHQT. Với ý nghĩa đó, CTDH của ngành QHQT luôn luôn được đổi mới, rà soát, điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu đào tạo trong từng giai đoạn.

CTDH trình độ đại học ngành QHQT có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ. Các CTDH thuộc ngành QHQT được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. Khung CTĐT bao gồm các học phần môn học được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.

Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CĐR

1. Mô tả

CTDH ngành QHQT [H3.03.01.01] được thiết kế bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CĐR được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo các nội dung theo đúng quy định của thông tư 04/2016/TT-BGDĐT. Trong CTDH nội dung được đảm bảo các mục tiêu đào tạo và được cụ thể hóa trong hệ thống CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ (mức tự chủ và trách nhiệm).

CĐR của ngành QHQT được xây dựng dựa trên những hướng dẫn cụ thể [H3.03.01.02.DC] [H3.03.01.03.DC] gồm CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học được kí hiệu từ PLO1 đến PLO16. Trong đó CĐR về kiến thức từ PLO1 đến PLO6b, CĐR về kỹ năng từ PLO7 đến PLO13, CĐR về năng lực tự chủ là PLO14 đến PLO16, đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu của CTĐT. [H3.03.01.01]

CTDH năm 2020 của ngành QHQT được thiết kế với 130 tín chỉ trong đó có 103 tín chỉ bắt buộc (tương đương chiếm 79%) và 18 tín chỉ tự chọn (chiếm 21%)

[H3.03.01.01]. Chương trình này là kết quả của việc rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2018, sự điều chỉnh tập trung vào sự điều chỉnh các môn học giữa các khối kiến thức khác nhau trong chương trình nhằm đảm bảo tính tổng thể của chương trình cũng như tính logic trong việc tiếp nhận kiến thức, kỹ năng của SV. Sự điều chỉnh này được cho là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của người tuyển dụng lao động về chuyên môn nghiệp vụ đối với cử nhân ngành QHQT.

Với 130 tín chỉ, các môn học trong CTĐT ngành QHQT được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau từ giáo dục đại cương đến thực tập và viết luận văn tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 48 tín chỉ ($48/130=37\%$), khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành gồm 43 tín chỉ chiếm 33%, khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ chiếm 23% và kiến thức bổ trợ chỉ chiếm 7%

[H3.03.01.04]. Các khối kiến thức này góp phần đạt được những CĐR nhất định về kiến thức, kỹ năng, thái độ. **[H3.03.01.04].** Cụ thể:

+ Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học đạt được CĐR như: Hiểu được các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam làm nền tảng cho việc định hướng học tập, làm việc theo ngành được đào tạo (PLO1); Hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, pháp luật, quản lý hoạt động văn hoá-tư tưởng, tâm lý, ngôn ngữ, kinh tế và tin học văn phòng để bước đầu phân tích các vấn đề cơ bản của QHQT (PLO2); Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam (PLO 8); Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT (PLO 9).

+ Khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành giúp người học vận dụng các kiến thức lý luận của khoa học chính trị, QHQT, truyền thông để phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản trong QHQT và truyền thông quốc tế. (PLO3). Bên cạnh đó, tiếng Anh chuyên ngành là một trong ba mảng đào tạo lớn của ngành, do đó, việc vận dụng các kiến thức tiếng Anh chuyên ngành phục vụ cho các công việc chuyên môn là một CĐR quan trọng (PLO4).

Với đặc thù hai chuyên ngành riêng biệt, khối kiến thức chuyên ngành QHCT&TTQT giúp người học vận dụng kiến thức về lý luận và thực tiễn trong

QHQT để nghiên cứu, giải thích góp phần giải quyết các vấn đề QHQT hiện đại như QHQT khu vực châu Á-Thái Bình Dương, Quan hệ kinh tế quốc tế, An ninh phi truyền thống... và các chủ thể phi nhà nước như các phong trào chính trị - xã hội, các tổ chức quốc tế...(PLO5a), vận dụng kiến thức về lý luận và thực tiễn trong QHQT để nghiên cứu, giải quyết các vấn đề về nghiệp vụ đối ngoại (PLO6a); Kỹ năng cơ bản của công tác đối ngoại bao gồm Nghiệp vụ ngoại giao & văn phòng đối ngoại, Tổ chức hoạt động đối ngoại, giao tiếp liên văn hoá, nghệ thuật phát ngôn đối ngoại, giao tiếp & đàm phán quốc tế (PLO11);

Khối kiến thức chuyên ngành TTĐN cung cấp kiến thức báo chí và truyền thông giúp SV vận dụng vào nghiên cứu, giải quyết các vấn đề về báo chí và truyền thông đối ngoại (PLO5b), vận dụng kiến thức báo chí và truyền thông trong các hoạt động thuộc lĩnh vực báo chí và truyền thông đối ngoại (PLO6b); đồng thời cung cấp các kỹ năng cơ bản để SV áp dụng vào sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí, truyền thông đối ngoại (PLO12).

Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành đều giúp SV có được các kỹ năng tổng hợp như kỹ năng giao tiếp, phân tích, phản biện, tư duy sáng tạo (PLO7); kỹ năng giải quyết vấn đề trong hoạt động QHQT và truyền thông đối ngoại (PLO10); kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để nghe, nói, đọc, viết, biên phiên dịch các tài liệu chuyên ngành QHQT và các sản phẩm báo chí đối ngoại (PLO13); năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm (PLO14); năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành QHQT và có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp (PLO15); năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý, đánh giá công việc, dẫn dắt khởi nghiệp các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành (PLO16). **[H3.03.01.05.DC]**

CTDH là sự gắn kết hợp lý giữa các môn học trong học chương trình từ việc lập kế hoạch chi tiết theo từng kì với tiến trình giảng dạy cụ thể **[H3.03.01.06.DC]** và CDR người học cần đạt được sau mỗi học phần **[H3.03.01.07.DC]** Điều này không chỉ đảm bảo tính logic của chương trình, tính liên quan của các môn học mà còn phù hợp với khả năng tiếp cận của người học theo thời gian. Đây là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo CDR của người học.

Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể và thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, tiếp thu các kiến thức của học phần là mắt xích quan trọng trong việc đảm bảo CĐR về kiến thức của người học.

Bên cạnh đó, việc xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy trong từng học phần theo quan điểm lấy người học làm trung tâm có vai trò rất quan trọng trong việc đạt CĐR của người học không chỉ về kiến thức mà còn CĐR về kỹ năng [H3.03.01.07.DC]. Các phương pháp giảng dạy được thiết kế tùy thuộc vào nội dung cũng như đặc điểm của từng học phần, dưới đây là một số phương pháp giảng dạy cơ bản mà hầu hết các học phần trong CTĐT đều sử dụng:

Các hình thức dạy học gồm: Dạy học lý thuyết, thực hành, tự học, e-learning, blended learning.

Các PPDH: Phương pháp thuyết giảng, PPDH tương tác, PPDH gián tiếp và PPDH trải nghiệm. Cụ thể:

- Nhóm phương pháp thuyết giảng mang tính tương tác: Bao gồm phương pháp giảng lý thuyết, hỏi đáp (Mục đích: phát triển khả năng nhớ, hiểu);

- Nhóm PPDH tương tác: Bao gồm phương pháp thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề (Mục đích: Phát triển khả năng nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, đánh giá);

- Nhóm PPDH gián tiếp: Bao gồm phương pháp nghiên cứu trường hợp, giải quyết vấn đề, dạy học qua tình huống (Mục đích: Phát triển khả năng hiểu, phân tích, vận dụng, đánh giá, giải quyết vấn đề);

- Nhóm PPDH trải nghiệm: Bao gồm phương pháp nghiên cứu thực tế, thực địa; thực hành; bài tập thực hành; dự án (Mục đích: Phát triển khả năng vận dụng, phân tích, đánh giá; giải quyết vấn đề; kỹ năng thực hành nghề nghiệp). Nhận thức được mối quan hệ nhất quán giữa CĐR, phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả của người học được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, của HVBC&TT và gắn với phương pháp giảng dạy đã sử dụng trong từng môn học. Sự kết hợp một cách có chủ đích đó đảm bảo đánh giá đúng kết quả của người học, là công cụ tích cực góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của người học một cách hiệu quả [H3.03.01.09.DC]. Về cơ bản, mỗi học phần được đánh giá dựa trên 3 hệ số A, B, C theo công thức:

$$Đ_{HP} = 0,1A + 0,3B + 0,6C$$

Trong đó:

A: Điểm chuyên cần và tinh thần thái độ học tập

B: Điểm đánh giá giữa học kì

C: Điểm thi kết thúc học phần

Căn cứ vào quy định đó, điểm B, C là điểm được GV phụ trách môn học xác định căn cứ vào quy định chung của Học viện và căn cứ vào phương pháp giảng dạy đã áp dụng đối với môn học. Điểm B, C được thể hiện trong hồ sơ giảng dạy của từng GV [H3.03.01.10]. Về cơ bản, phương pháp đánh giá được thể hiện trong bảng ma trận đáp ứng giữa PPDH và CDR của CTĐT [H3.03.01.08.DC]

Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ cũng như tổng kết được thiết kế nhằm đảm bảo đạt CDR:

Kiểm tra trắc nghiệm: Nhằm đánh giá khả năng ghi nhớ và hiểu biết các kiến thức nền tảng thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành.

Kiểm tra viết tự luận: Nhằm đánh giá kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lý giải các sự kiện và hiện tượng. Ngoài ra phương pháp này còn đánh giá kỹ năng giao tiếp của người học.

Kiểm tra vấn đáp: Nhằm đánh giá kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lý giải các sự kiện và hiện tượng. Ngoài ra phương pháp này còn đánh giá kỹ năng giao tiếp của người học.

Kiểm tra thuyết trình: Kiểm tra khả năng hiểu, vận dụng kiến thức; kỹ năng phân tích, lập luận; tư duy phản biện; kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm học.

Tiểu luận: Kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích, tổng hợp; tư duy phản biện; kỹ năng giao tiếp; năng lực tự chủ, kỹ năng nghiên cứu, tự học.

Bài tập lớn: Bao gồm các sản phẩm thực hành như bài báo, tạp chí, bài giảng, giáo án, v.v nhằm kiểm tra kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm.

Sản phẩm và báo cáo thực tế, thực tập: Bao gồm các bài báo, bài giảng, giáo án, và báo cáo các đợt thực tế chính trị-xã hội, thực tập nghề nghiệp nhằm kiểm tra tổng hợp năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, các kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm như phân tích, phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, năng lực dẫn dắt chuyên môn, v.v.

Khoá luận tốt nghiệp: Đánh giá năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng mềm như phân tích, phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, năng lực dẫn dắt chuyên môn, v.v.

Các học phần đều có hình thức kiểm tra thường xuyên nhằm đánh giá sự tham gia tích cực của người học, thái độ, tinh thần học tập. Ngoài ra, CTDH cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp. Tăng cường thực hành giao tiếp, tăng kỹ năng tự làm việc, làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm tăng cường tính chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp cho người học. Số giờ tự học, tự nghiên cứu của SV được lập theo từng tuần gắn với số giờ trên lớp với quy định cứ 1 giờ lên lớp SV phải tự học, tự nghiên cứu 2 giờ **[H3.03.01.01]**.

Như đã trình bày ở trên, CTDH ngành QHQT được xây dựng với các nội dung cụ thể từ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CDR, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và từng học phần được công bố công khai trên Website của Học viện, fanpage và tờ rơi **[H3.03.01.11]**. CTDH đã nhận được khá nhiều ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các thông tin phản hồi có được từ nhiều kênh khác nhau tùy thuộc vào từng bên liên quan cụ thể **[H3.03.01.12.DC] [H3.03.01.13.DC] [H3.03.01.14.DC]**

Ý kiến phản hồi của người học được thu nhận thông qua phiếu khảo sát đánh giá, thông qua các buổi đối thoại giữa SV và lãnh đạo Học viện, thông qua các buổi sinh hoạt lớp với GVCN/CVHT, thông qua các cuộc họp phản ánh tình hình SV hàng tháng giữa khoa và đại diện các lớp, thông qua hoạt động của các câu lạc bộ **[H3.03.01.15] [H3.03.01.16]**. Phần lớn các ý kiến đều cho rằng CTDH là rõ ràng, các học phần trong chương trình giúp SV dần hoàn thiện kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ cần thiết để có thể tự tin sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng cần chú trọng hơn nữa đến kỹ năng mềm của SV vì đây là điều kiện rất quan trọng đối với bất cứ một ứng viên nào khi bắt đầu chính thức hòa nhập với thị Học viện lao động **[H3.03.01.14.DC]**.

Hầu hết các nhà KH cho rằng, CTDH phù hợp và có tính tương đương với CTDH ngành QHQT của nhiều cơ sở đào tạo khác. Tuy nhiên, cần chú trọng hơn đến đặc thù của ngành bằng cách lồng ghép các ví dụ thực tế, tình huống thực tế

trong quá trình giảng dạy. Điều này đảm bảo SV ra Học viện, khi tiếp cận với công việc đối ngoại thuộc các tổ chức chính trị, xã hội, các cơ quan báo chí đối ngoại.... đều tiếp cận được một cách nhanh nhất, tốt nhất. **[H3.03.01.02.DC]**; **[H3.03.01.03.DC]**

Theo phản hồi từ phía cựu SV, CTDH phù hợp với yêu cầu thực tế sau khi ra Học viện, giúp SV sau khi ra Học viện có khả năng thích ứng được với công việc thực tế. Đặc biệt, họ nhấn mạnh vai trò của GV đã được thực hiện trong quá trình học **[H3.03.01.12.DC]**

GV tham gia giảng dạy ngành QHQT cho rằng CTDH khá hợp lý, các khối kiến thức có lượng tin chỉ cân đối, tổng số lượng các học phần kiến tập, thực tập và thực tế chính trị-xã hội là 7 TC trong nội dung kiến thức đào tạo giúp SV tổng hợp được kiến thức và rèn luyện được nhiều kỹ năng quan trọng **[H3.03.01.13.DC]**

Người sử dụng lao động (trong số này có nhiều người là cựu học sinh của Học viện) nhận xét, CTDH của Ngành QHQT có nhiều ưu điểm do SV được học một số môn có tính đặc thù của ngành và trong quá trình học được làm nhiều sản phẩm môn học chuyên ngành và thực tế môn học, thực tế chính trị-xã hội và thực tập nghiệp vụ (kiến tập). Do vậy, khi ra Học viện, SV tiếp cận khá tốt với công việc đặc biệt là công việc thuộc các lĩnh vực đối ngoại và truyền thông **[H3.03.01.17.DC]**.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành QHQT được thiết kế phù hợp với mục tiêu và CĐR của ngành về kiến thức, kỹ năng, thái độ (mức tự chủ và trách nhiệm). Chương trình cũng đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo sự cân đối giữa giờ tự học và giờ trên lớp, đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần trong chương trình... những điểm mạnh đó là cơ sở tốt để đáp ứng yêu cầu của CĐR.

Đồng thời CTDH cũng đã thiết kế rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy trong từng học phần theo quan điểm lấy người học làm trung tâm có vai trò rất quan trọng trong việc đạt CĐR của người học không chỉ về kiến thức mà còn CĐR về kỹ năng... Các hình thức dạy học cũng được xác định theo hướng đạt CĐR của CTĐT.

Nhóm các hình thức kiểm tra, đánh giá được ghi nhận trong CTDH là khá đa dạng, chuẩn xác để giúp đánh giá SV đạt được CĐR của CTĐT

3. Điểm tồn tại

Các tổ hợp phương pháp giảng dạy được thiết kế trong CTDH để SV đạt CĐR

của CTĐT được thực hiện trên thực tế còn có một số thách thức do cơ sở hạ tầng một số phòng học chưa thuận lợi, ví dụ phương pháp giảng dạy dựa trên giải quyết vấn đề (teaching based on problem solving) rất khó áp dụng vì chỗ ngồi. Một số ít GV chưa chịu khó cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của SV.

Bên cạnh đó, một số học phần trong CTDH gắn với thực tế công việc như gắn việc học tập với thực hành ở các cơ quan, đơn vị chưa rõ ràng, chưa được thể hiện trên thực tế.

4. Kế hoạch hành động

Xuất phát từ những tồn tại nói trên, có thể đề xuất kế hoạch hành động cụ thể là Khoa QHQT đề xuất Học viện bố trí một số phòng học đặc thù cho việc áp dụng các PPDH hiện đại, mới. Khoa QHQT sẽ từng bước đề xuất với Học viện chủ động tăng cường ký kết những thỏa thuận hợp tác với các cơ sở thực tập, đặc biệt là thỏa thuận về phương thức thực tập, kiến tập và thực tế học phần.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả:

Việc xây dựng CTDH ngành QHQT được thực hiện theo quy trình xây dựng, cập nhật CTĐT [H3.03.01.03.DC], trong đó các học phần được xác định rõ mức đóng góp để đạt được CĐR [H3.03.01.01.DC]. Mức độ đóng góp của từng học phần vào CĐR của CTĐT được xem xét ở ba cấp độ: thấp (L), trung bình (M), cao (H) [H3.03.02.05.DC]. Đề cương các học phần đều thể hiện rõ mối liên hệ giữa CĐR học phần và CĐR của CTĐT [H3.03.01.07.DC]

Trong CTDH, các nhóm học phần nói chung và từng học phần nói riêng đều thể hiện được sự đóng góp một cách rõ ràng cho việc đạt được CĐR. Cụ thể như sau: Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương có mục tiêu cung cấp kiến thức nền tảng, các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam làm nền tảng cho việc định hướng học tập, làm việc theo ngành được đào tạo. Kiến thức, kỹ năng thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, pháp luật, quản lý hoạt động văn hoá-tư tưởng, tâm lý, ngôn ngữ, kinh tế và tin học văn phòng để bước đầu

phân tích các vấn đề cơ bản của QHQT...nhằm đáp ứng CĐR PLO1, PLO2. Bên cạnh đó, các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam (PLO8) và kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT (PLO9) là các CĐR cơ bản của khối kiến thức đại cương.

Các học phần cơ sở ngành bao gồm các học phần về cơ bản về khoa học chính trị, QHQT, truyền thông, TTĐN như Nhà nước và pháp luật, Truyền thông và vận động, QHQT, Quan hệ kinh tế quốc tế, Cơ sở truyền thông quốc tế, ... Các học phần thuộc nhóm này có mục tiêu giúp người học vận dụng các kiến thức lý luận để phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn cơ bản trong QHQT và truyền thông quốc tế (PLO3). Bên cạnh đó, việc vận dụng các kiến thức tiếng Anh chuyên ngành và rèn luyện các Kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để nghe, nói, đọc, viết, biên phiên dịch các tài liệu chuyên ngành QHQT và các sản phẩm báo chí đối ngoại, phục vụ cho công việc chuyên môn cũng nhằm đáp ứng CĐR về tiếng Anh chuyên ngành của chương trình qua ba học phần TACN1,2,3 và những môn tự chọn như Biên dịch TACN, Tiếng Anh giao tiếp đối ngoại (PLO4, PLO5);

Bước vào nhóm các chuyên ngành thuộc hai lĩnh vực QHCT&TTQT và TTĐN, sự phân chia chuyên ngành là rõ ràng thể hiện ở khối lượng các môn học thuộc lĩnh vực QHQT có trọng số cao hơn ở chuyên ngành QHCT&TTQT, trong khi trọng số các môn thuộc nhóm truyền thông đối ngoại cao hơn hẳn ở ngành TTĐN. Cụ thể, nhóm các học phần chuyên ngành QHCT& TTQT gồm các học phần góp phần giúp SV vận dụng kiến thức về lý luận và thực tiễn trong QHQT để nghiên cứu, giải quyết các vấn đề QHQT hiện đại như QHQT khu vực châu Á-Thái Bình Dương, Quan hệ kinh tế quốc tế, An ninh phi truyền thống... và các chủ thể phi nhà nước như các phong trào chính trị - xã hội, các tổ chức quốc tế...(PLO5a), vận dụng kiến thức về lý luận và thực tiễn trong QHQT để nghiên cứu, giải quyết các vấn đề về nghiệp vụ đối ngoại (PLO6a), đồng thời có được các kỹ năng giải quyết vấn đề trong hoạt động QHQT và truyền thông quốc tế, kỹ năng cơ bản của công tác đối ngoại bao gồm Nghiệp vụ ngoại giao & văn phòng đối ngoại, Tổ chức hoạt động đối ngoại, giao tiếp liên văn hoá, nghệ thuật phát ngôn đối ngoại, giao tiếp & đàm phán quốc tế. (PLO10, PLO11).

Đối với chuyên ngành TTĐN, các học phần giúp SV vận dụng kiến thức báo chí và truyền thông để nghiên cứu, giải quyết các vấn đề về báo chí đối ngoại và truyền thông quốc tế (PLO5b), vận dụng kiến thức báo chí và truyền thông trong các hoạt động thuộc lĩnh vực báo chí đối ngoại và truyền thông quốc tế (PLO6b), đồng thời có được kỹ năng sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại, truyền thông quốc tế (PLO12).

Xuyên suốt trong tất cả các học phần, các kỹ năng giao tiếp, phân tích phản biện và tư duy sáng tạo (PLO7), năng lực tự chủ và trách nhiệm (PLO14, PLO15, PLO16) đều được đề cập đến. Những phân tích ở trên cho thấy, tất cả các học phần được thiết kế có sự logic nhằm đạt CĐR của học phần nói riêng và của CTDH nói chung.

Những phân tích ở trên cho thấy, tất cả các học phần được thiết kế có sự logic nhằm đạt CĐR của học phần nói riêng và của CTDH nói chung.

PPDH và kiểm tra đánh giá trong CTDH ngành QHQT được xác định theo Hướng dẫn thiết kế PPDH và kiểm tra đánh giá hướng tới đạt CĐR của Học viện BCTT [H3.03.02.01] [H3.03.02.02]. Khi thiết kế CTDH, Khoa QHQT đã xây dựng các ma trận PPDH và CĐR, phương pháp kiểm tra đánh giá và CĐR [H3.03.01.08.DC] [H3.03.01.09.DC] nhằm đảm bảo PPDH và kiểm tra đánh giá trong CTDH đa dạng, phù hợp đảm bảo đáp ứng CĐR. Đề cương học phần cũng thể hiện rõ sự phù hợp của các PPDH, kiểm tra đánh giá trong học phần với CĐR [H3.03.01.07.DC]

Trong từng đề cương chi tiết học phần, việc gắn CĐR học phần với CĐR chương trình là điều bắt buộc, và được thể hiện rõ ràng, cụ thể [H3.03.01.07.DC]. Các CĐR này thể hiện sự phù hợp với mục tiêu của học phần cũng như thể hiện sự liên kết, đóng góp vào đạt CĐR của CTĐT ở chỗ: với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở ngành, mức độ đạt được CĐR đa phần ở mức Low (thấp) so với yêu cầu chung CĐR của ngành. Sau đó, mức độ đạt được CĐR dần tăng lên ở mức Medium (trung bình) và High (Cao) với các học phần thuộc khối Cơ sở ngành và Chuyên ngành. Điều này cũng phù hợp với định hướng giáo dục, đào tạo từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp của mỗi kỳ học, năm học.

CTDH ngành QHQT được thiết kế dựa trên sự tham khảo CTĐT cùng ngành QHQT của HVNG [H3.03.02.03.DC]. Sự giống và khác nhau giữa các học phần trong CTĐT của Khoa QHQT của HVBCCTT và CTĐT QHQT của HVNG được thể hiện như sau:

Bảng 3.1. So sánh các học phần giống và khác nhau trong CTDH ngành QHQT của HVBC&TT với HVNG

(Nguồn: CTĐT ngành QHQT năm 2020 của HVBC&TT và HVNG)

Nội dung đôi sánh	CTDH ngành QHQT của HVNG	CTDH QHQT của HVBC&TT
Các học phần giống nhau	Lịch sử văn minh thế giới, Xã hội học đại cương, Chính trị học đại cương, Lịch sử ngoại giao Việt Nam, Phương pháp nghiên cứu QHQT, Lịch sử QHQT cận hiện đại, Lịch sử QHQT hiện đại, CSDN Việt Nam từ 1945 đến 1975, CSDN Việt Nam từ 1975 đến nay, Lý luận QHQT, Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh, Lý thuyết An ninh quốc tế, Xung đột quốc tế sau CTL, Chính trị quốc tế hiện đại, Quan hệ kinh tế quốc tế, Truyền thông quốc tế, Ngoại giao văn hóa, Kinh tế đối ngoại Việt Nam, Công pháp quốc tế, Tiếng Anh chuyên ngành, Kỹ thuật soạn thảo văn bản, Công tác ngoại giao, Đàm phán quốc tế	Lịch sử văn minh thế giới, Xã hội học đại cương, Chính trị học đại cương, Lịch sử ngoại giao và chính sách đối ngoại Việt Nam, Phương pháp nghiên cứu QHQT, Lý luận QHQT, Chính sách đối ngoại của một số nước lớn trên thế giới, An ninh và xung đột, Quan hệ chính trị quốc tế, Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại Việt Nam, Ngoại giao kinh tế và văn hóa, Luật pháp quốc tế, Tiếng Anh chuyên ngành, Nghiệp vụ ngoại giao và văn phòng đối ngoại, Giao tiếp và đàm phán quốc tế.
Các học phần khác nhau	Lịch sử các học thuyết chính trị, Các vấn đề toàn cầu, Ngoại giao đa phương, Cơ chế hợp tác an ninh đương đại, Phân tích chính sách an ninh, Nghiên cứu khu vực học (Trung Quốc, Hoa Kỳ, ASEAN, EU, Nga), Phân tích sự kiện quốc tế	Lý luận báo chí quốc tế, Lý thuyết truyền thông, Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế, Lao động nhà báo đối ngoại, Thông tấn báo chí đối ngoại.

Sở dĩ có sự khác nhau là do CTĐT của HVNG chuyên sâu về nghiên cứu, thực hành chính trị quốc tế và ngoại giao, còn CTĐT của HVBC và TT không chỉ đào tạo về nghiên cứu, thực hành trong lĩnh vực quan hệ chính trị quốc tế mà còn đào tạo người làm công tác truyền thông quốc tế và TTĐN chuyên nghiệp.

Trước khi được công bố chính thức, CTDH của từng ngành, từng chuyên ngành đều được thông qua bởi bộ môn chuyên môn, Hội đồng KH&ĐT Khoa QHQT, Hội đồng KH&ĐT HVBC&TT [H3.03.01.02.DC] [H3.03.01.03.DC]. Sau những lần chỉnh sửa và đưa vào tổ chức giảng dạy, ngành QHQT đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía NTD, SV cuối khóa, GV, NV về CTDH hiện nay đang thực hiện [H3.03.01.17.DC] [H3.03.01.12.DC] [H3.03.01.13.DC] [H3.03.01.14.DC]. Các ý kiến đánh giá nói trên của người sử dụng lao động cho thấy: CDR về kiến thức, kỹ năng cứng được các học phần đáp ứng khá tốt; CDR về kỹ năng mềm và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV chưa hoàn toàn đáp ứng, cần phải xem xét thêm trong từng học phần. Điều này có liên quan đến phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá trong từng môn học.

Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy, trên 100% người học đánh giá mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng [H3.03.01.17.DC] [H3.03.01.12.DC] [H3.03.01.13.DC] [H3.03.01.14.DC].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH có sự tương thích cao thể hiện qua từng khối kiến thức khác nhau trong CTDH. Tất cả các học phần được thiết kế có sự logic nhằm đạt CDR của học phần.

Tất cả các học phần trong CTDH đều thể hiện rõ mức độ đóng góp cụ thể về kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được CDR của người học. Điều này thể hiện rất rõ thông qua ma trận kỹ năng của CTDH.

Ngoài ra các học phần trong CTDH đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy và nêu rõ tên cán bộ trực tiếp giảng dạy học phần.

Việc đánh giá KQHT của người học trong từng học phần được quy định cụ thể. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được Khoa QHQT và GV trực tiếp phụ trách học phần thực hiện theo hướng dẫn và theo phương pháp giảng dạy trong từng học phần.

3.Điểm tồn tại

Hoạt động tự học của SV ở một số học phần trong CTDH chưa phát huy được hết năng lực của SV

4.Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm chia sẻ cách thức kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của SV một cách cụ thể, thường xuyên nhằm phát huy tối đa hiệu quả đạt được CDR của việc SV tự nghiên cứu trong mỗi học phần.

5.Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7

Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1.Mô tả

CTDH của ngành QHQT được thiết kế dựa trên quy trình xây dựng, cập nhật CTĐT của HVBC&TT nhằm hướng tới việc đạt được CDR của CTĐT [H3.03.01.01.DC]. Nhằm đáp ứng các CDR về kiến thức, kỹ năng chung; kiến thức, kỹ năng ngành và chuyên ngành; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, CTDH được cấu trúc với các khối kiến thức: Kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ. Cơ sở ngành và chuyên ngành, số tín chỉ và tỉ lệ cụ thể như sau:

**Bảng 3.2: Cấu trúc kiến thức đào tạo ngành QHQT năm 2020
(Nguồn: CTĐT ngành QHQT năm 2020)**

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Tỉ trọng (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	
1	Kiến thức đại cương	42	6	37%
2	Kiến thức cơ sở ngành	12	6	14%
3	Kiến thức ngành, thực tế chính trị, xã hội, kiến tập	19	6	19%
4	Kiến thức chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp, khóa	24	6	23%

	luận tốt nghiệp/các môn thi thay thế tốt nghiệp			
5	Kiến thức bổ trợ	6	3	7%
	TỔNG	130		100%

Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 48 TC chiếm tỉ lệ 37% tổng số TC trong nội dung kiến thức đào tạo. Trong đó có 42 TC bắt buộc và 6 TC tự chọn.

Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 18 TC chiếm 14%, trong đó có 12TC bắt buộc và 6TC tự chọn. Khối kiến thức ngành gồm 25 TC chiếm 19%, trong đó có 19TC bắt buộc và tự chọn là 12 TC. Khối kiến thức ngành cũng bao gồm cả học phần thực tế chính trị-xã hội chung của ngành và học phần kiến tập.

Khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ, chiếm 23%, trong đó có 24TC bắt buộc và 6TC tự chọn. Trong khối kiến thức chuyên ngành số TC dành cho thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn thay thế tốt nghiệp là 09 tín chỉ chiếm trên 30% tổng số TC của khối kiến thức chuyên ngành.

Trong tổng số TC của toàn bộ nội dung kiến thức đào tạo có 130TC với 103TC bắt buộc chiếm xấp xỉ 80%, còn lại 27 TC tự chọn chiếm 20%.

Với cấu trúc như trên có thể nhận thấy một số điểm nổi bật như sau:

+ Tỉ lệ các khối kiến thức trong CTDH được thiết kế khá cân đối và hợp lý. Tuy nhiên, tỉ lệ của khối kiến thức chung (37%) được cho là hơi cao so với tỉ lệ của khối kiến thức ngành (31%) và chuyên ngành (23%).

+ Số TC dành cho các học phần thực tế chính trị-xã hội, kiến tập, thực tập nhiều thể hiện sự tập trung cho việc đạt CDR của SV dưới góc độ nâng cao cả về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng làm việc.

+ Tỉ lệ tín chỉ tự chọn hơi thấp so với toàn bộ (20%) trong khi số môn tự chọn khá nhiều (tổng số 27 học phần trên tổng 64 học phần toàn chương trình, chiếm 42%). Đây là một trong những khó khăn đối với SV khi lựa chọn môn học, tuy nhiên cũng thể hiện tính đa dạng của học phần tự chọn.

Các khối kiến thức cụ thể trong nội dung kiến thức đào tạo ngành QHQT được thiết kế theo trình tự từ kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, chương trình được giảng dạy trong 4 năm. Các kiến thức giáo dục đại cương được cung cấp cho SV trong 3 học kỳ đầu tiên. Các học phần cơ sở ngành và kiến thức ngành được thiết kế trong hai đến ba học kỳ tiếp theo bao gồm các học phần kiến

thức ngành tự chọn. Các học kỳ cuối của chương trình, SV được cung cấp các học phần chuyên ngành và khóa luận hoặc môn thi thay thế tốt nghiệp. Các học phần tự chọn được thiết kế nhằm mục đích hướng SV vào các chuyên sâu và mở rộng kiến thức bằng cách chọn các môn trong một chương trình gần với chuyên sâu lựa chọn. Sự cân đối của các khối kiến thức, kết hợp với trình tự giảng dạy từng học phần, kế hoạch giảng dạy từng kì học [H3.03.01.01.DC] [H3.03.01.06.DC]. Mục tiêu cũng như sự đóng góp cụ thể của từng học phần vào CDR của ngành thể hiện rõ trong ma trận đáp ứng giữa các học phần và CDR của CTĐT [H3.03.01.07.DC] là cơ sở để SV tiếp thu tốt kiến thức hướng tới đạt CDR một cách chắc chắn nhất có thể.

Khi xây dựng CTDH ngành QHQT, Khoa QHQT đã tham khảo các CTĐT của các Học viện có uy tín trong và ngoài nước như: Khoa Chính trị quốc tế và Ngoại giao, HVNG và Đại học Queensland, Úc [H3.03.02.03.DC] [H3.03.03.01].

Bảng 3.3: Thống kê, đánh giá mức độ tham khảo CTĐT của một số Học viện đại học trong nước (chỉ tính các học phần bắt buộc)

(Nguồn: dựa trên CTĐT ngành QHQT của HVBC&TT, HVNG và trường Đại học Queensland, Úc)

Học viện- Khối kiến thức		Giáo dục đại cương		Giáo dục chuyên nghiệp		Tổng số	
		Số HP	Số TC	Số HP	Số TC	Số HP	Số TC
CTĐT ngành QHQT, HVBC&TT		12	39	21	65	33	104
Số HP/TC của ngành QHQT trùng với CTDH của	HVNG	14	13	12	44	24	83
	Đại học Queensland, Úc	8 học phần giống HVBC và TT, tương đương 16 tín chỉ				16	26
Chỉ tiêu đánh giá mức độ tham khảo của CTDH ngành	HVNG	100%	100%	57%	65%	73%	80%
	Đại học Queensland, Úc					50%	61,54%

QHQT với						
-----------------	--	--	--	--	--	--

Số liệu thống kê, phân tích trong bảng 3.3. cho thấy rõ mức độ tham khảo CTDH của một số cơ sở đào tạo trong nước. Trong 46 học phần bắt buộc tương đương với 130 TC thuộc CTDH của ngành QHQT có 20 học phần (45 TC) trùng với CTDH của HVNG và Đại học Queensland, Úc. Số lượng học phần (số TC) còn lại của CTDH là dành cho các học phần mang tính đặc thù của ngành.

Về cơ bản, khối kiến thức giáo dục đại cương trong CTDH ngành QHQT khá tương đồng với các khối kiến thức này của các CTDH khác. Điều này được minh chứng bởi 100% số học phần (số TC) trong khối kiến thức giáo dục đại cương của CTDH ngành QHQT HVNG.

Đối với khối kiến thức giáo dục chuyên ngành, mức độ tham khảo của CTDH ngành QHQT HVBC&TT với ngành QHQT của HVNG ít nhất 13 học phần trùng với CTDH của HVNG (tương đương 45%).

Điểm khác biệt căn bản là ở các khối kiến thức chuyên ngành do tính chuyên sâu của ngành QHQT định hướng báo chí-truyền thông. Sự khác biệt phản ánh ở các học phần đối với từng chuyên ngành cụ thể như:

- + Đối với ngành QHQT thuộc HVBC&TT, sự khác biệt ở các môn như: TTĐN Việt Nam, Nghệ thuật phát ngôn đối ngoại, Truyền thông và vận động,

- + Đối với chuyên ngành QHCT&TTQT, sự khác biệt ở môn: Các phong trào chính trị-xã hội quốc tế.

- + Đối với chuyên ngành TTĐN, sự khác biệt ở các môn như: Lý luận báo chí quốc tế, Lao động nhà báo quốc tế, Thông tấn báo chí đối ngoại, Chính luận báo chí đối ngoại, Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế.

Ngoài ra sự khác biệt còn thể hiện số TC cho các môn thực tế chính trị-xã hội, học phần kiến tập, học phần thực tập khi tăng số tín chỉ cho các học phần này. Thêm vào đó, trên thực tế triển khai CTDH, Khoa còn có Kiến tập nước ngoài, vốn là một trong những điểm nhấn trong CTDH của Khoa. Trong học phần Kiến tập, song song với việc SV được gửi đi các cơ quan báo chí, truyền thông, đối ngoại trong nước, Khoa còn tổ chức cho SV đi kiến tập tại các cơ quan hành chính (Quốc hội Thái Lan,

Trụ sở cơ quan hợp tác quốc tế KOICA), đối ngoại (ĐSQ Việt Nam tại Lào, Thái Lan, Hàn Quốc, Trung tâm văn hóa Việt Nam tại Lào), cơ quan báo chí-truyền thông nước ngoài (Đài Phát thanh - Truyền hình quốc gia Lào, Báo Tharat- Thái Lan, Đài truyền hình Quốc gia Thái Lan, Đài Phát thanh Thái Lan, Đài Truyền hình Hàn Quốc MBC, SBS). Hoạt động này được tổ chức từ năm 2011 tới nay và nằm trong khuôn khổ học phần kiến tập. Đến nay, SV trong Khoa đã được đến thăm và học tập tại các đất nước Lào, Thái Lan (từ K29 đến K34) và Hàn Quốc (từ K35 đến nay). Sự khác biệt này được cho là hoàn toàn hợp lý và phù hợp với hướng đào tạo chuyên sâu về QHQT, báo chí-truyền thông đối ngoại, đồng thời là điểm nhấn giúp SV có cơ hội quan sát thực tế, mở rộng cơ hội nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, CTDH ngành QHQT có sự khác biệt với CTDH của các Học viện khác ở sự bổ sung định hướng về báo chí đối ngoại và truyền thông quốc tế. Đây là lĩnh vực được nhiều SV yêu thích và lựa chọn, mang lại lợi thế cạnh tranh cho Khoa với đặc thù là một Khoa đào tạo nằm trong hệ thống HVBC&TT.

CTDH ngành QHQT từ năm 2016 đến nay đã được rà soát, chỉnh sửa 3 lần vào năm 2016, 2018 và năm 2020 xuất phát từ việc yêu cầu phải bắt kịp sự thay đổi về nhu cầu nguồn nhân lực trong xã hội. Các lần thay đổi đó Học viện đều có ban hành các quy định, hướng dẫn điều chỉnh sửa đổi CTĐT [H3.03.01.02.DC] [H3.03.01.03.DC]. Trong quá trình thực hiện yêu cầu của Học viện, Khoa QHQT yêu cầu các bộ môn liên quan đến ngành QHQT tổ chức họp, đánh giá lại các học phần bộ môn giảng dạy xin ý kiến các bên liên quan về CTDH [H3.03.01.02.DC] [H3.03.01.03.DC], sau cùng là tổng hợp ý kiến thông qua Hội đồng KH&ĐT Khoa, Hội đồng KH&ĐT HVBC&TT.

So với phiên bản cấu trúc chương trình năm 2016, năm 2018 cấu trúc chương trình đã [H3.03.03.02]

- Tăng cường khối lượng kiến thức đáp ứng nhu cầu của NTD: Phương pháp nghiên cứu KHXXH&NV, Quan hệ chính trị quốc tế
- Tăng cường các học phần kỹ năng: Tổ chức sản xuất sản phẩm TTQT, Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, Tiếng Anh chuyên ngành
- Bổ một số học phần có thể có sự trùng lặp về nội dung: Địa lý kinh tế thế giới, Xử lý tình huống đối ngoại, Nghiệp vụ văn phòng báo chí
- Tăng số tín chỉ của các học phần, từ 2-3 tín chỉ bằng cách tích hợp nội dung

giảng dạy các môn học như: Nghiệp vụ ngoại giao và văn phòng đối ngoại, Lịch sử ngoại giao và chính sách đối ngoại Việt Nam, Ngoại giao kinh tế và văn hóa.

+ Năm 2018, theo yêu cầu của Học viện, kết cấu các khối kiến thức thay đổi do sắp xếp lại. Nhưng về cơ bản số môn học cũng như số tín chỉ trong từng khối kiến thức không có sự thay đổi đáng kể do năm 2014 đã điều chỉnh khá hợp lý so với chương trình theo niên chế cũ.

Những sự thay đổi nói trên xuất phát từ nhu cầu của người học và để đảm bảo tính chuyên sâu của các module học phần.

Đến năm 2020, tuy cấu trúc chương trình không thay đổi so với năm 2018 [H3.03.03.03], nhưng từ khảo sát các bên liên quan, các điều chỉnh về chương trình khung đã được thực hiện như sau:

- Bổ sung các môn “Lý luận QHQT”, “Phương pháp nghiên cứu QHQT” vào chương trình;

- “An ninh phi truyền thống” là học phần thay thế khoá luận dành cho chuyên ngành QHCT&TTQT, “Hệ thống TTĐN và TTQT” là học phần thay thế khoá luận dành cho chuyên ngành TTĐN;

- Hai học phần “Lý luận QHQT” và “Quan hệ kinh tế quốc tế” thuộc tự chọn cơ sở ngành;

- “Lịch sử QHQT”, “Lịch sử ngoại giao và chính sách đối ngoại Việt Nam”: kiến thức ngành bắt buộc;

- “Đối ngoại công chúng”, “QHQT khu vực châu Á-TBD”, “Các tổ chức quốc tế”: tự chọn kiến thức ngành;

- “Giao tiếp và đàm phán quốc tế”, “Ngoại giao kinh tế và văn hoá”, “Luật pháp quốc tế”: chuyên ngành QHCT&TTQT bắt buộc;

Các điều chỉnh ở trên được căn cứ theo quy định về việc xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT [H3.03.03.04] dựa trên sự góp ý của các bên liên quan. Sau khi xây dựng CTDH, Khoa QHQT yêu cầu các GV hoàn thiện đề cương các học phần theo mẫu mới [H3.03.01.07.DC]

Như vậy, từ 2014 đến nay, CTDH được điều chỉnh 2 lần bình quân 2 năm /lần tương ứng với những lần điều chỉnh CĐR vào các năm 2018, 2020. Năm 2016 có sự rà soát nhưng không điều chỉnh do khóa đào tạo tín chỉ đầu tiên vẫn chưa ra Học viện.

CTDH ngành QHQT với 130TC trong thời gian 8 học kì tương đương 4 năm học đã tích hợp được các kiến thức từ giáo dục đại cương đến cơ sở ngành và chuyên ngành. Việc bố trí các học phần theo từng kì học một cách hợp lý giúp người học dần dần đạt được CĐR theo yêu cầu. Bởi, mỗi khối kiến thức, mỗi học phần trong từng khối kiến thức đều tập trung hướng đến những mục tiêu và gắn với CĐR cụ thể. Cùng với đó, các học phần trong kiến thức đào tạo cũng có mối liên hệ, gắn kết nhất định thể hiện rõ ràng ở sự phân chia các khối kiến thức, nhóm kiến thức trong nội dung kiến thức đào tạo. Sự phân định đó làm tiền đề quan trọng cho việc phát triển nội dung kiến thức đào tạo của CTĐT cao học trong tương lai.

Về tính liên thông, kết nối giữa CTĐT ngành QHQT với các CTĐT khác (cụ thể là CTĐT ngành Chính trị học) của Học viện được thể hiện qua Bản giải trình sự liên thông của CTĐT [H3.03.03.05]. Tính liên thông cụ thể như sau:

- Về cấu trúc chương trình: Tổng khối lượng kiến thức là 130 tín chỉ được chia thành 3 khối chính là Kiến thức Giáo dục đại cương, Kiến thức cơ sở ngành và Kiến thức chuyên ngành thống nhất cho cả 2 ngành:

- Về các học phần trong CTĐT:

- Khối kiến thức đại cương: các học phần của 2 ngành hoàn toàn giống nhau

- Khối kiến thức cơ sở ngành: được chia nhỏ với 3 khối là kiến thức cơ sở khối ngành, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Trong đó: Kiến thức cơ sở khối ngành bắt buộc gồm 12 TC giống nhau hoàn toàn giữa 2 ngành, bao gồm: Khoa học lãnh đạo, Nhà nước và pháp luật, Truyền thông và vận động, QHQT; Các học phần tự chọn của khối kiến thức này gồm 6TC của hai chuyên ngành này là khác nhau. Tổng số tín chỉ giống nhau của khối kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành là 60TC.

- Khối kiến thức ngành và chuyên ngành: tổng khối lượng của cả hai ngành là 70 tín chỉ. Ở khối kiến thức này, số TC trùng nhau giữa hai chuyên ngành là 6TC của các học phần: TTĐN Việt Nam, Thể chế chính trị thế giới.

Như vậy so sánh CTDH của ngành Chính trị học và ngành QHQT khối lượng kiến thức có thể chuyển đổi hoàn toàn ít nhất là 50,7% (66TC/130TC), như vậy khối lượng kiến thức phải tích lũy bổ sung nhiều nhất cũng chỉ là 49,3%. Điều này thể hiện tính liên thông cao của CTDH ngành QHQT theo chiều ngang.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành QHQT có cấu trúc rõ ràng, hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành, giữa khối kiến thức bắt buộc và tự chọn. CTĐT được thiết kế đảm bảo sự logic về cấu trúc cho phép SV có khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đáp ứng yêu cầu thực tế về nhân lực của xã hội.

CTDH được xây dựng, rà soát, điều chỉnh dựa trên kết quả đánh giá của các bên liên quan (người học, NTD, các chuyên gia) và tham khảo, đối sánh với CTDH mới nhất của các Học viện có uy tín trong nước cho thấy được tính cập nhật của CTDH của ngành QHQT. CTDH vừa đảm bảo được tính liên thông dọc (từ trung cấp, cao đẳng lên đại học), vừa đảm bảo được tính liên thông ngang với các ngành khác thuộc khối khoa học chính trị.

3. Điểm tồn tại

Sự phối kết hợp PPDH thực hành giữa các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp còn chưa cao dẫn tới việc SV đi thực hành môn học chưa phát huy hết kỹ năng được trang bị.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT sẽ tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm xây dựng kế hoạch thực hành đối với các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng mạng lưới các cơ sở cho SV đi thực địa, đi thực tế học phần.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành QHQT được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần phù hợp với mục tiêu và CDR của CTĐT, đảm bảo tính cân đối và logic giữa các học phần.

Mỗi học phần trong CTDH thể hiện rõ sự tương thích về nội dung, tổ hợp phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được CDR.

CTDH của ngành QHQT đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần. Các học phần được bố trí hợp lý về điều kiện tiên quyết, thời lượng, thời điểm. Đồng thời, các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành đảm bảo chương trình trở thành khối thống nhất.

CTDH thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của đào tạo, yêu cầu CĐR và đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Nội dung cập nhật trong CTDH được dựa trên những kết quả khảo sát các đối tượng liên quan và các góp ý của các nhà KH trong lĩnh vực QHQT. CTDH vừa đảm bảo được tính liên thông dọc (từ trung cấp, cao đẳng lên đại học), vừa đảm bảo được tính liên thông ngang với các ngành khác thuộc khối khoa học chính trị.

Tuy nhiên, các tổ hợp PPDH trong CTDH còn có một số trở ngại trên thực tế triển khai, hoạt động tự học của một số SV trong một số học phần còn chưa cao, sự phối kết hợp PPDH thực hành giữa các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp còn chưa cao dẫn tới việc SV đi thực hành môn học chưa phát huy hết kỹ năng. Do vậy, trong kế hoạch hành động, Khoa cần tổ chức nhiều hơn các buổi sinh hoạt chuyên môn, tọa đàm để phát huy khả năng tự học của SV, xây dựng kế hoạch thực hành đối với các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng mạng lưới các cơ sở cho SV đi thực địa bằng cách ký kết thêm nhiều biên bản ghi nhớ hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt và điểm trung bình đạt 5,0/7,0 điểm

TIÊU CHUẨN 4

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dạy và học trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo, Khoa QHQT luôn coi trọng việc xây dựng chiến lược dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, GV đóng vai trò dẫn dắt, truyền cảm hứng học tập và phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của SV. Các GV trong Khoa và các Bộ môn chuyên ngành luôn nỗ lực hết mình triển khai các phương pháp giảng dạy tích cực, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo chất lượng đầu ra được NTD đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Mục tiêu giáo dục của Học viện và Khoa QHQT được thể hiện qua sứ mạng của Học viện và được đề cập cụ thể trên Website của Học viện đó là “NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác” [H4.04.01.01]. Đặc điểm của nguồn nhân lực chất lượng cao là nguồn nhân lực có trình độ học vấn và chuyên môn cao, có kỹ năng lao động giỏi và có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi nhanh chóng của thời đại, có khả năng đáp ứng được với công việc của tổ chức trong cả hiện tại và tương lai; có sức khỏe và phẩm chất tốt, có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức, những kỹ năng đã được đào tạo vào quá trình sản xuất nhằm đem lại năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Mục tiêu này đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng và vai trò của HVBC&TT là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, báo chí-truyền thông.

Mục tiêu giáo dục trên đã được Học viện tuyên bố rõ ràng trên website của Học viện và được cụ thể hóa thành tuyên bố của các cấp lãnh đạo cao nhất của Học viện thông qua các chủ trương "Tự chủ, đổi mới, chất lượng cao" của Học viện [H4.04.01.01]

Đối với CTĐT ngành QHQT, mục tiêu đào tạo của ngành là “đào tạo, bồi

đưỡng cử nhân ngành QHQT có kiến thức cơ bản và khả năng phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực QHCT & TTQT, TTĐN; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường Học viện công nghệ cao, hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời” [H4.04.01.02.DC]. Ngoài ra, cử nhân QHQT còn được trang bị các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng làm việc và lãnh đạo nhóm, giao tiếp, thuyết trình...) và các kiến thức, kỹ năng về tin học, ngoại ngữ có trình độ cao và chất lượng cao, có thể đáp ứng được mọi yêu cầu theo mọi cấp độ, đặc biệt là yêu cầu về chất lượng nhân lực có trình độ cao của thị trường lao động [H4.04.01.03].

Để thực hiện mục tiêu giáo dục này, mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học được tuyên bố trong CTĐT, và được cụ thể hóa trong từng đề cương môn học [H4.04.01.04.DC], được phổ biến cho toàn thể cán bộ, GV, SV, NTD và toàn xã hội.

Đối với GV, mục tiêu đào tạo và CĐR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương môn học [H4.04.01.04.DC]. Trong quá trình giảng dạy các môn học trong CTĐT ngành QHQT, GV sẽ sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp với từng khối kiến thức và giai đoạn học tập của SV trong CTĐT nhằm đạt được mục tiêu giáo dục của ngành QHQT.

Đối với các môn học lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà cho SV và kiểm tra khả năng tự học của SV thông qua bài tập, thảo luận, seminar. Đối với các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành GV áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích SV thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc các lĩnh vực QHQT, báo chí-truyền thông đối ngoại. Ngoài ra, Khoa tăng cường tích hợp nhiều PPDH như nghiên cứu trường hợp, giải quyết vấn đề, dạy học qua tình huống với mục đích phát triển khả năng hiểu, phân tích, vận dụng, đánh giá, giải quyết vấn đề, hoặc nhóm PPDH trải nghiệm bao gồm nghiên cứu thực tế, thực địa, thực hành, dự án. [H4.04.01.05.DC]. Hiệu quả của các PPDH

tích hợp này với CDR được thể hiện rõ trong ma trận PPDH và CDR [H4.04.01.06.DC].

Trong tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành QHQT, tiêu chí đánh giá học phần, kiểm tra đánh giá SV, mức độ kiến thức SV cần đạt được sau mỗi học phần đều được tuyên bố rõ ràng và cụ thể trong đề cương chi tiết học phần. [H4.04.01.04.DC] SV có thể biết được mình cần phải học những nội dung gì trong từng học phần, mục tiêu của học phần, hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá từ đó có thể truyền tải mục tiêu giáo dục của Học viện và của ngành QHQT vào trong các hoạt động học tập của mình. Tất cả các học phần trong CTĐT được thiết kế rõ ràng gồm giờ lý thuyết trên lớp, giờ thực hành, giờ tự học. Các phương pháp học tập tích cực hiện đại như làm việc nhóm, thuyết giảng tương tác, giải quyết vấn đề, nghiên cứu trường hợp, dự án sản phẩm, thực tế, thực tập, mô hình lớp học đảo ngược được vận dụng tích cực trong các học phần chuyên ngành nhằm đạt được mục tiêu đào tạo của CTĐT [H4.04.01.04.DC] [H4.04.01.03]

Để giới thiệu và phổ biến rộng rãi mục tiêu đào tạo của ngành QHQT, vào đầu học kỳ của các năm học, Khoa QHQT và các Bộ môn chuyên ngành tổ chức các buổi tuyên truyền về mục tiêu đào tạo, CTĐT của ngành trong các buổi sinh hoạt của lớp, của đoàn thanh niên, hội SV Khoa, được phổ biến trong "Tuần sinh hoạt đầu khóa" dành cho các tân SV và khai giảng đầu khóa, gặp mặt đầu khóa mới của Khoa [H4.04.01.07]. Tại các buổi "Open day" và "Tư vấn tuyển sinh" tổ chức hàng năm, các thông tin về mục tiêu đào tạo, cơ hội việc làm, vị trí việc làm của SV ngành QHQT được làm thành các brochure (tờ rơi) nhằm truyền tải và phổ biến rộng rãi các thông tin về mục tiêu đào tạo của ngành đến các NTD, các em SV [H4.04.01.08].

Bên cạnh đó, Khoa QHQT cũng như các Bộ môn trong Khoa đã thực hiện việc truyền tải mục tiêu giáo dục này thông qua các buổi họp khoa bàn về mục tiêu, cách thức dạy học [H4.04.01.09]. Qua các đề tài khoa học mà Khoa đã hướng dẫn SV thực hiện qua các năm có thể thấy Khoa luôn định hướng những đề tài gắn liền với nhu cầu thực tiễn, phù hợp với xu thế và nhu cầu của xã hội [H4.04.01.10.DC]. Bảng khảo sát ý kiến của người học về hiệu quả của triết lý giáo dục của Khoa [H4.04.01.11] và minh chứng những lĩnh vực việc làm mà SV khoa QHQT các khóa tốt nghiệp đang đảm nhận đến nay có thể thấy mục tiêu giáo dục của Khoa được hiện thực hóa một cách rất rõ ràng, cụ thể và đúng với định hướng mục tiêu về triết lý

phát triển đào tạo nhân lực trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại và QHQT [H4.04.01.12]. Nội dung về chủ trương, chiến lược giáo dục của Học viện cũng được Khoa trao đổi trong các buổi tọa đàm, Hội đồng KH&ĐT – Đào tạo và trong các bản khảo sát về CTĐT của Khoa với các NTD [H4.04.01.13.DC]. Đối với NTD, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực QHQT và TTĐN làm việc tại các cơ quan tuyển dụng được mời tham gia xây dựng chương trình, biên soạn đề cương môn học, và đánh giá CTĐT của khoa [H4.04.01.14] [H4.04.01.15].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của ngành QHQT đã được tuyên bố rõ ràng dưới các hình thức khác nhau ví dụ như trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, fanpage của Khoa và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới GV và SV. Đội ngũ cán bộ GV và các bên liên quan nắm rất rõ mục tiêu giáo dục và thống nhất hành động để hiện thực hóa mục tiêu này.

3. Điểm tồn tại

Việc phổ biến mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan chưa có điểm nhấn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Ban QLĐT xây dựng kế hoạch truyền thông trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục của CTĐT.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Quy định thiết kế phương pháp giảng dạy được quy định rõ trong thiết kế phương pháp giảng dạy của TTKT&KĐCLĐT và kiểm định chất lượng [H4.04.02.01]. Chiến lược giảng dạy và học tập của ngành QHQT là tiếp cận giáo dục dựa trên CĐR, ở cấp độ chương trình, từ CĐR mong đợi của CTĐT, thiết kế CĐR SV, thiết kế CĐR môn học. Dựa trên CĐR này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến CĐR chương trình

GV trong Học viện nói chung và Khoa nói riêng đều thường xuyên được đào

tạo, bồi dưỡng về các phương pháp giảng dạy, về cách thiết kế và tổ chức hoạt động học tập đa dạng [H4.04.02.02]; [H4.04.02.03.DC]. Bên cạnh đó, Học viện cũng rất chú trọng công tác tổ chức các hội thảo khoa học hàng năm với nhiều chủ đề hội thảo cấp khoa được phê duyệt có nội dung bàn về phương pháp giảng dạy với từng chuyên ngành cụ thể. [H4.04.02.04].

Công nghệ được sử dụng trong hoạt động dạy và học một cách linh hoạt với việc sử dụng kết hợp hình thức giảng dạy online và offline. GV có thể giao và kiểm tra bài tập thường xuyên cho SV trực tiếp hoặc trực tuyến. Về cơ sở vật chất tại Học viện hiện nay đã được đầu tư mạng wifi phủ sóng toàn bộ các giảng đường và SV, GV đều dễ dàng tiếp cận. Các phần mềm hỗ trợ học tập như Microsoft Teams cũng được phổ biến và SV hoàn toàn được miễn phí trong việc được cung cấp tài khoản. Các trang thiết bị, phòng học, phòng thực hành đa dạng đáp ứng đầy đủ mục tiêu đào tạo. [H4.04.02.05]. Việc chuẩn bị và tổ chức bài giảng dùng các phương tiện giảng dạy hiện đại như máy chiếu đã được Học viện trang bị trên tất cả các phòng học của giảng đường. Trong quá trình giảng dạy, GV đưa vào nhiều hình ảnh liên hệ thực tế, hoặc biểu đồ, sơ đồ, video, các mô hình để bài giảng sinh động, thu hút với SV [H4.04.01.04.DC]

Phương pháp dạy, phương pháp học và hình thức kiểm tra đánh giá được hội đồng KH&ĐT khoa nhận xét là phù hợp với từng học phần [H4.04.02.06]. Các tổ bộ môn và Khoa cũng thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc GV linh hoạt trong việc lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp cho số tín chỉ và tính chất của từng học phần cũng như tùy đối tượng SV (trong ngành, ngoài ngành) [H4.04.02.07]. Tất cả các học phần trong CTĐT đều yêu cầu SV tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của SV. [H4.04.01.04.DC]

Trong quá trình giảng dạy, GV lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng SV, chẳng hạn SV năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp SV dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Với các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho SV năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích SV thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý

kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc các lĩnh vực QHQT, truyền thông quốc tế, TTĐN. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp SV vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, SV phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện **[H4.04.01.04.DC]**

Chương trình học tập của ngành QHQT được thiết kế linh hoạt giúp SV có thể lựa chọn môn học, lộ trình học, phương thức đáp ứng yêu cầu kiểm tra đánh giá, phương thức đào tạo và thời lượng học tập tối ưu **[H4.04.02.08]**. Sự đa dạng trong môi trường học tập được phát huy khi SV được đăng ký theo hệ thống tín chỉ, bởi SV có thể tùy chọn lớp phù hợp với thời gian và lộ trình học tập của bản thân. Đối với khoa QHQT, SV còn được tiếp cận với những môn học giảng dạy bằng tiếng Anh hoàn toàn theo phương pháp online thông qua GV của Học viện ĐH Sookmyung, Hàn Quốc trong chương trình liên kết của Học viện, đồng thời môi trường học tập bao gồm SV nhiều khóa và có thể đến từ các khoa khác nhau **[H4.04.02.09]**. Các phương pháp được áp dụng cho các môn lý thuyết được áp dụng linh hoạt: tổ chức thảo luận nhóm, trình bày các nghiên cứu cá nhân, thuyết trình theo chủ đề Đề cương của mỗi một môn học đều có phần hướng dẫn tự học với khối lượng tự học bằng 2 lần khối lượng giờ lý thuyết (phiên bản ĐCCTHP 2020) **[H4.04.01.04.DC]**. Đây là các hoạt động tự học của SV nhằm kết nối khối lượng kiến thức và xuyên chuỗi các môn học trong hệ thống các môn học của ngành QHQT.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học ngành QHQT là “*lấy người học làm trung tâm*” với các PPDH đa dạng như: Phương pháp thuyết giảng, PPDH tương tác, PPDH gián tiếp và PPDH trải nghiệm. Cụ thể:

- Nhóm phương pháp thuyết giảng mang tính tương tác: Bao gồm phương pháp giảng lý thuyết, hỏi đáp (Mục đích: phát triển khả năng nhớ, hiểu);
- Nhóm PPDH tương tác: Bao gồm phương pháp thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề (Mục đích: Phát triển khả năng nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, đánh giá);
- Nhóm PPDH gián tiếp: Bao gồm phương pháp nghiên cứu trường hợp, giải quyết vấn đề, dạy học qua tình huống (Mục đích: Phát triển khả năng hiểu, phân tích,

vận dụng, đánh giá, giải quyết vấn đề);

- Nhóm PPDH trải nghiệm: Bao gồm phương pháp nghiên cứu thực tế, thực địa; thực hành; bài tập thực hành; dự án (Mục đích: Phát triển khả năng vận dụng, phân tích, đánh giá; giải quyết vấn đề; kỹ năng thực hành nghề nghiệp).

Để phát huy tính chủ động của SV, trong quá trình giảng dạy GV đã đặt ra nhiều câu hỏi gợi mở để SV tự tư duy, phát triển ý tưởng, đóng góp vào bài học [H4.04.01.04.DC]. Trong các hình thức đánh giá, bài tập lớn, tiểu luận được giao một cách linh hoạt phù hợp với môn học để yêu cầu SV tìm kiếm, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp tài liệu [H4.04.01.04.DC].

Để lấy ý kiến phản hồi của người học về các phương pháp giảng dạy của GV, sau khi kết thúc một môn học, TTKT&KĐCLĐTĐ đều thực hiện Khảo sát đánh giá của SV đối với GV bằng hình thức trực tuyến qua cổng thông tin SV [H4.04.02.10]; [H4.04.02.11.DC]. Kết quả khảo sát năm 2018 đến 2020 cho thấy hầu hết người học đều đồng ý với phương pháp giảng dạy của GV sử dụng trên lớp (điểm trung bình đối với các chỉ tiêu đánh giá phương pháp giảng dạy của GV đều đạt mức 8,0 điểm trở lên) [H2.02.02.12]. Căn cứ vào kết quả này, mỗi GV sẽ tự mình điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng môn học.

Ngoài ra, theo chu kỳ 2 năm một lần, các bộ môn quản lý chuyên ngành còn thực hiện khảo sát đánh giá các bên liên quan về phương pháp giảng dạy, CTĐT để liên tục điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu thực tiễn của các đơn vị được khảo sát tuyển dụng [H4.04.02.11.DC] [H4.04.02.12] [H4.04.02.13] [H4.04.01.13.DC]. Sau khi có kết quả khảo sát, các bộ môn tiến hành tổng hợp rà soát và điều chỉnh. Bộ môn đã tăng cường các học phần chuyên ngành, các môn phục vụ trực tiếp yêu cầu của công việc, xã hội và nhiều học phần tự chọn mang tính chuyên sâu giúp SV lựa chọn được các học phần phục vụ cho yêu cầu công việc trong thực tế và tăng cường kỹ năng tổ chức, lãnh đạo, và thuyết trình [H4.04.02.06].

Ngoài hoạt động dạy/học, việc chủ động học tập, tìm tòi cái mới của SV luôn được khuyến khích thông qua các hoạt động đa dạng như: các cuộc thi Olympic, các phong trào NCKH SV được tổ chức hàng năm với các giải thưởng có tính khoa học và thực tiễn cao [H4.04.01.13.DC]. Với nguồn cơ sở dữ liệu trực tuyến đa dạng và phong phú, dễ tiếp cận trên thư viện của Học viện tại địa chỉ <http://ajc.hcma.vn> đã tạo điều kiện cho SV tự nghiên cứu, tìm tòi các kiến thức liên quan đến các bài tập

hoặc NCKH của mình **[H4.04.02.14]**. SV Học viện được tiếp cận với NCKH từ rất sớm. Năm đầu tiên, hầu hết SV sẽ được tiếp cận với các môn học liên quan đến phương pháp nghiên cứu và từ năm thứ hai trở đi, các SV được đăng ký nghiên cứu đề tài khoa học thông qua CVHT và Khoa. Ý tưởng về đề tài sẽ được thông qua và cấp kinh phí nghiên cứu nếu có hướng nghiên cứu phù hợp. **[H4.04.01.10.DC]**

Thống kê công trình NCKH của SV cho thấy việc Học viện chú trọng việc đầu tư cho SV được nghiên cứu đề tài phù hợp với nội dung của các học phần trong chương trình, đáp ứng mục tiêu đào tạo **[H4.04.01.10.DC]**.

Việc áp dụng các NCKH vào giảng dạy là một phần quan trọng trong công tác NCKH hàng năm của GV, và điều này thể hiện qua việc giải trình sự ứng dụng đề tài NCKH là giáo trình in sách, giáo trình nội bộ hay tài liệu tham khảo hàng năm của GV. Trong giai đoạn 2015-2020, Học viện ưu tiên các công trình, đề tài mang tính ứng dụng cao vào công tác giảng dạy, đặc biệt chú trọng đến giáo trình in sách cho các học phần trong tất cả các CTĐT. Học viện và Khoa đã tạo điều kiện cho SV tham gia các hoạt động thực tế, thực tập bằng việc hỗ trợ kinh phí cho các đợt thực tập của SV và cấp kinh phí cho các đề tài khoa học của SV một cách thường xuyên, đều đặn **[H4.04.02.15]**. Đồng thời các GV cũng thường xuyên có liên hệ với NTD để làm cầu nối giúp SV có môi Học viện thực tập trải nghiệm được nhiều công việc trong thực tiễn nhất có thể.

Đào tạo thực tế là một nội dung bắt buộc của Học viện. Trong tổng số 130 tín chỉ của ngành QHQT có 7 tín chỉ dành riêng cho việc thực tế chính trị-xã hội, kiến tập, thực tập. Tuy nhiên, việc đưa kiến thức thực tiễn vào giảng dạy không chỉ thông qua các học phần thực tập, kiến tập mà trong suốt các học phần, SV thường xuyên có các chuyến đi thực tế môn học (HP Tổ chức hoạt động đối ngoại, HP Lao động nhà báo quốc tế, HP Lịch sử ngoại giao và Chính sách đối ngoại Việt Nam, ...)
[H4.04.01.04.DC]

Các hoạt động dạy và học của GV trong Khoa theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV **[H4.04.02.16]**. Điều này được thể hiện tóm tắt thông qua ma trận phương pháp, hình thức dạy học và CDR cùng với đề cương học phần. **[H4.04.01.06.DC]**
[H4.04.01.04.DC] Các cơ quan ban ngành, tổ chức chính trị xã hội và doanh nghiệp

thường xuyên phối hợp với khoa trong việc kết hợp đào tạo thực tế thông qua các học phần thực tập, kiến tập cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc đề nghị gửi SV đi thực tế môn học. **[H4.04.02.17]; [H4.04.02.18]**. Thông qua trao đổi trực tiếp và khảo sát NTD, có thể thấy mức độ đào tạo thực tế đối với SV khoa được thực hiện khá tốt, với mức độ hài lòng của NTD trung bình là hơn 80% với chất lượng đào tạo của Học viện **[H4.04.01.13.DC]**.

Nắm bắt kịp xu hướng đào tạo phục vụ phát triển cộng đồng, Khoa QHQT đã liên tục định hướng cho SV tham gia các hoạt động, dự án có ý nghĩa nhằm phục vụ mục tiêu truyền thông thay đổi nhận thức cộng đồng. Dự án “Giảng đường tươi đẹp” của Khoa đã được Ngân hàng Thế giới (WB) và Thanh tra chính phủ tài trợ trong suốt nhiều năm với nhiều hoạt động có ý nghĩa góp phần phòng chống tham nhũng trong lĩnh vực giáo dục **[H4.04.02.19]**. Hoạt động đã thu hút sự tham gia của nhiều SV các khóa trong khoa, đồng thời là minh chứng rõ ràng cho việc đào tạo gắn liền với thực tế của Khoa. Nhiều sự kiện khác của SV như chào K, hoạt động Halloween tổ chức hàng năm, FIA day... đã thể hiện sự năng động, sáng tạo của SV đồng thời gắn liền việc giảng dạy về truyền thông và QHQT gắn liền với thực tiễn **[H4.04.02.20.DC] [H4.04.02.21] [H4.04.02.22]**.

Năm 2020 trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ở Việt Nam và trên thế giới, Học viện đã nhanh chóng ban hành Quy chế dạy học trực tuyến **[H4.04.02.23]** và triển khai việc dạy-học trực tuyến trên phần mềm Microsoft Teams **[H4.04.02.24]** đến các GV và SV của Học viện. Ban QLĐT đã gửi lịch giảng đăng ký online cho GV và theo dõi tiến độ giảng dạy qua Teams **[H4.04.02.25]**. Việc dạy học trực tuyến đã giúp cho Khoa và Học viện đảm bảo tiến độ CTĐT của năm, đồng thời các hình thức kiểm tra đánh giá cũng được thực hiện hết sức linh hoạt. Hình thức thi viết của các môn được chuyển sang bài tập lớn, tiểu luận hoặc vấn đáp online để phù hợp với bối cảnh chung **[H4.04.02.26]**. 100% GV của Khoa đã tham gia vào giảng dạy online và có GV đã được ghi nhận đạt thành tích trong khen thưởng việc dạy-học trực tuyến của Học viện **[H4.04.02.20.DC]**.

Học viện vẫn tiếp tục duy trì cho phép GV đăng ký 30% giờ giảng online vào năm học 2020-2021. Điều này giúp GV và SV tiếp tục thích nghi với tình hình mới, đồng thời vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy- học trực tiếp và trực tuyến để việc giảng dạy và học tập trở nên hiệu quả hơn và đạt CĐR trong thời đại mới.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, sinh được tiếp cận với nhiều phương pháp giảng dạy đa dạng; ngoài ra CTĐT của ngành được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo, thường xuyên cập nhật nội dung thực tế, kết hợp lý thuyết và thực hành theo tỷ lệ phù hợp, chú trọng nâng cao các kỹ năng về tin học và ngoại ngữ của SV để đảm bảo đạt CĐR, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp cho SV sau khi tốt nghiệp.

Các hoạt động dạy và học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn ví dụ như trong tình hình dịch bệnh Covid – 19 nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học như đã công bố.

2. Điểm tồn tại

Cơ sở hạ tầng một số phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của người học, lớp học đông, bàn ghế còn khó dịch chuyển thuận lợi cho việc phục vụ các mô hình giảng dạy khác nhau.

Một số trở ngại với hoạt động thực tế học phần, thực tế chính trị - xã hội, kiến tập, thực tập của SV vẫn còn tồn tại liên quan đến kinh phí hay sự sẵn sàng hợp tác của các đơn vị, cơ quan tiếp nhận SV.

3. Kế hoạch hành động

Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm 2021, Bộ môn chuyên ngành của Khoa QHQT, Ban QLĐT, bộ phận TH-HTĐT thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau: tiếp tục thực hiện đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với các CĐR trong CTĐT hướng người học chủ động tự học và tự nghiên cứu; Ban QLĐT cần nghiên cứu bố trí một lớp dạy với số lượng SV vừa đủ.

Trước khi bắt đầu các học phần có đi thực tế, học phần thực tế chính trị - xã hội, học phần kiến tập, học phần thực tập các GV học phần phối hợp với CVHT chủ động thông báo về kế hoạch và kinh phí để SV chủ động. Đồng thời, Học viện và Khoa chủ động liên hệ, ký kết hợp tác với nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc thực tế, kiến tập, thực tập, của SV.

4. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Với tầm nhìn đến năm 2030 của Khoa QHQT trở thành đơn vị có uy tín trong đào tạo QHQT và truyền thông quốc tế [H4.04.01.02.DC], Khoa đề ra sự thống nhất giữa mục tiêu, cách tiếp cận dạy học, đào tạo con người có tư duy sáng tạo, phê phán, tiếp cận công nghệ, làm việc trong môi Học viện công nghệ số - 4.0. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm [H4.04.03.01]. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể [H4.04.01.10.DC]

Tất cả đề cương chi tiết các môn học cho SV ngành QHQT đều nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Đề cương mỗi môn học đều có phần hướng dẫn tự học của học phần nhằm hướng dẫn SV tự học, thời lượng tự học được quy định bằng 2 lần thời lượng học trên lớp. Mỗi học phần đều mô tả chi tiết các kiến thức và kỹ năng SV đạt được khi kết thúc học phần [H4.04.01.04.DC] Đặc biệt trong học phần thực tập hoặc tốt nghiệp chuyên ngành QHQT đều có các nội dung mở, hướng người học áp dụng các kiến thức đã được trang bị để tự lựa chọn các chuyên đề thực tập tốt nghiệp [H4.04.01.04.DC]. Về hoạt động giảng dạy, GV dành thời gian trên lớp truyền đạt các kiến thức nền tảng, đồng thời giải đáp thắc mắc và định hướng cho SV tìm hiểu thêm qua hệ thống tham khảo trên thư viện Học viện, ở các thư viện trực tuyến có liên kết với Học viện hoặc kho dữ liệu cá nhân của chính các GV. Các kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng đặt vấn đề - giải quyết vấn đề với nguồn tài nguyên kiến thức trực tuyến thông qua đó được hình thành và giúp cho người học rất nhiều cho quá trình làm việc sau này. [H4.04.03.02]

Để lấy ý kiến phản hồi của người học về các phương pháp giảng dạy của GV có giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, sau khi kết thúc 1 môn học, Ban QLĐT đều thực hiện Khảo sát đánh giá của SV đối với GV bằng hình thức trực tuyến [H4.04.02.11.DC]. Kết quả khảo sát

cho thấy: hầu hết người học đều đánh giá các tiêu chí "Môn học góp phần trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho bạn"; "GV hướng dẫn cho bạn phương pháp học tập khi bắt đầu môn học"; "GV rèn luyện cho bạn phương pháp liên kết giữa các vấn đề của môn học với thực tiễn" với số điểm đánh giá đều trên 8,5 cho từng chỉ tiêu. Kết quả này cho thấy phương pháp giảng dạy của GV đã giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học **[H4.04.02.11.DC]**

SV ngành QHQT được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô **[H4.04.01.10.DC]**; Nhiều hoạt động ngoại khóa do các câu lạc bộ của Khoa, Học viện tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu của SV ngành QHQT **[H4.04.02.03.DC]**. Các bài tập, sản phẩm thực hành phong phú của SV như thông qua bài thuyết trình, clips, dự án... được làm đã chứng tỏ sự tự nghiên cứu nghiêm túc của SV với các học phần nói riêng và đối với CTĐT nói chung **[H4.04.03.03]**.

Hàng năm, Học viện đều tổ chức các lớp học bồi dưỡng kỹ năng mềm cho SV của Khoa và toàn Học viện nhằm rèn luyện các kỹ năng tự học, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình **[H4.04.03.04]**. Tất cả các kỹ năng này sẽ giúp SV nâng cao khả năng tự học suốt đời.

Khoa đã lấy ý kiến khảo sát NTD về chất lượng công việc dựa trên kỹ năng có được của cựu SV. Dựa trên kết quả khảo sát 19/25 NTD năm 2018, 21% NTD cho rằng Kiến thức, kỹ năng của SV tốt nghiệp từ ngành QHQT của HVBCCTT đáp ứng được yêu cầu công việc, không cần phải đào tạo lại. 79% NTD cho rằng Kiến thức, kỹ năng của SV tốt nghiệp từ ngành QHQT của HVBCCTT cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc, nhưng cần bổ trợ thêm, bao gồm: 5% bổ trợ kiến thức chuyên môn, 40% bổ trợ kỹ năng nghiệp vụ, 30% bổ trợ kỹ năng về CNTT, 5% nâng cao/ bổ trợ kỹ năng ngoại ngữ, 10% bổ trợ kỹ năng mềm. Đến năm 2020, kết quả này đã được cải thiện đáng kể với việc 31 % NTD cho rằng Kiến thức, kỹ năng của SV tốt nghiệp từ ngành QHQT của HVBCCTT hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu công việc. 69% NTD cho rằng kiến thức, kỹ năng của SV tốt nghiệp từ ngành QHQT của HVBCCTT cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc, nhưng cần bổ trợ thêm, gồm kiến thức chuyên ngành; kỹ năng nghiệp vụ; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng ngoại ngữ, tin

học. [H4.04.01.13.DC]

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học đa dạng và có tính định hướng cao, tạo điều kiện cho SV rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Khoa và các Bộ môn chuyên ngành rất tích cực động viên người học tham gia hoạt động ngoại khóa, thực hành - thực tập tại các cơ sở sản xuất để nâng cao chuyên môn và rèn luyện phẩm chất.

3. Điểm tồn tại

Còn một bộ phận SV chưa tích cực tham gia vào hoạt động dạy và học thực tế của Khoa và Học viện do yếu tố khách quan như việc SV vừa học vừa làm (làm thêm không đúng chuyên ngành, chuyên môn).

Không gian lớp hơi nhỏ, bàn ghế còn cố định và không thuận tiện cho việc sử dụng đa dạng hoạt động giảng dạy áp dụng các phương pháp tích cực.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT lên kế hoạch đa dạng hóa các hoạt động dạy học thông qua thực tế thu hút hơn nữa sự tham gia của SV như nâng cao hiệu quả mạng lưới cựu SV, liên kết với các đơn vị tuyển dụng để tìm nguồn thông tin về việc làm phù hợp với ngành học giúp cho SV vừa có cơ hội thực hành nghề nghiệp nâng cao khả năng học tập suốt đời vừa có cơ hội tăng thu nhập.

Đồng thời, với từng môn học, GV của Khoa sẽ tiến hành khảo sát ý kiến người học trước và sau khi kết thúc môn học để kịp thời nắm bắt được nhu cầu, phản hồi về nội dung, phương pháp giảng dạy để điều chỉnh cho phù hợp từng đối tượng và yêu cầu của SV.

Khoa QHQT lên kế hoạch đề xuất Học viện thiết kế một số phòng học cho phù hợp với các hoạt động dạy và học nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 4

Với mục đích giáo dục đại học là nhằm phát triển tri thức ngày càng cao trong người học. Mục tiêu giáo dục ngành QHQT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến

công khai tới các bên liên quan, các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với CDR, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Kết quả đánh giá của 3 tiêu chí trong tiêu chuẩn 4 ở trên cho thấy CTĐT ngành QHQT đã đạt được các yêu cầu của tiêu chuẩn 4. Căn cứ vào kết quả đánh giá theo thang điểm đã đưa ra, tổ tự đánh giá CTĐT ngành cho rằng mặc dù vẫn còn một số hạn chế như: phổ biến mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan chưa có điểm nhấn, hiện thực hóa phương pháp dạy và học ngành QHQT còn gặp trở ngại vì điều kiện khách quan như sự bố trí của phòng hộ, sự tiếp nhận của các đơn vị tiếp nhận SV trong các học phần thực tế..., nhưng nhìn chung kết quả đánh giá các tiêu chí trong tiêu chuẩn 4 đều đạt mức điểm 5. Trong thời gian tới, Khoa QHQT đề xuất với các phòng ban xây dựng kế hoạch truyền thông trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục. chủ động thiết lập quan hệ tốt với các đơn vị tiếp nhận SV thực tế, kiến tập, thực tập; tập thể cán bộ, GV ngành QHQT sẽ tiếp tục thực hiện công tác rà soát, đổi mới, cải tiến CTĐT kết hợp với thiết kế hợp lý phương pháp và nội dung của từng học phần. Đây được xem là nhiệm vụ cần thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng mục tiêu của đào tạo cũng như nâng cao chất lượng dạy và học theo các tiêu chí mà tiêu chuẩn 4 đã đề ra.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí và cả 3 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Việc đánh giá KQHT của SV được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình SV theo học tại Khoa QHQT, HVBC&TT nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu học phần và khóa học. Việc đánh giá này được Khoa QHQT thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt CDR trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Do đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời KQHT, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR

1. Mô tả

Để đạt được các mục tiêu, CDR của CTĐT ngành QHQT, Học viện đã triển khai nhiều hoạt động kiểm tra đánh giá người học. Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ GD&ĐT, Học viện đã ban hành quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá người học trong quá trình đào tạo, thi các học phần thay thế tốt nghiệp và chấm khóa luận tốt nghiệp. Các quy định này thống nhất trong toàn Học viện, được nêu rõ trong quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC]; Mỗi SV khi nhập Học viện đều được phát 01 cuốn sổ tay SV trong đó có nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm, xếp loại [H5.05.01.02.DC]. Các thông tin liên quan đến công tác khảo thí cũng như những nội dung liên quan đến KQHT của SV đều được đăng tải trên website của Học viện và cổng thông tin SV [H5.05.01.03.DC] [H5.05.01.04.DC]. Ngoài ra, ngay khi bắt đầu mỗi học phần mỗi học phần các GV chủ động cung cấp cho SV đề cương chi tiết của học phần, trong đó cũng nêu rõ cách đánh giá: tỷ trọng điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, bài tập, bài thi kết thúc học phần [H5.05.01.05.DC].

Để hoàn thành chương trình học tập ngành QHQT, SV phải tích lũy đủ 130 tín chỉ của chương trình **[H5.05.01.06]**. Điểm đánh giá học phần được quy định rõ trong các Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.07.DC]**. Điểm đánh giá học phần bao gồm điểm quá trình: điểm A về đánh giá ý thức của SV trong quá trình học từ tham gia đầy đủ các buổi lên lớp, tích cực đóng góp xây dựng bài, điểm B là điểm các bài kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm C là điểm thi kết thúc học phần. Các bài kiểm tra và bài thi đánh giá kiến thức SV thu nhận được và kỹ năng hình thành được từ các học phần. Cụ thể, tỷ trọng của các điểm thành phần A, B, C lần lượt là 0,1, 0,3 và 0,6. Điểm đánh giá học phần được chuyển sang thang điểm chữ và thang điểm 4 được quy định trong các quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ nêu trên. Các quy định về số lượng các đầu điểm, tỷ trọng các điểm thành phần của học phần được quy định rõ trong 100% đề cương chi tiết học phần **[H5.05.01.05.DC]** và được công khai trên cổng thông tin của nhà Học viện.

Việc lựa chọn các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá KQHT của người học ngành QHQT được xác định theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR của Học viện **[H5.05.01.08]**. Theo đó, xuất phát từ CDR của CTĐT, Khoa QHQT lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của người học phù hợp để có thể đo lường mức độ đạt được CDR. **[H5.05.01.09]**.

Tùy vào đặc thù và mục tiêu của học phần, các hình thức kiểm tra đánh giá được lựa chọn và có thể được kết hợp với nhau để đánh giá KQHT. Các hình thức mà khoa đang sử dụng để kiểm tra đánh giá là trắc nghiệm khách quan đa lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, bài luận văn, bài thi thực hành, thực tế, thực tập, bài trình bày, nghiên cứu tình huống, nghiên cứu dự án, thuyết trình ý tưởng, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch. Tỷ lệ hình thức đánh giá được sử dụng cho các chuyên ngành thuộc ngành QHQT được tổng hợp trong danh mục thống kê hình thức kiểm tra đánh giá kết quả các học phần trong CTĐT **[H5.05.01.10]**. Kết quả tổng hợp có thể thấy, hiện tại các học phần ngành QHQT chủ yếu sử dụng hình thức kiểm tra viết tự luận để đánh giá cuối kỳ với tỷ lệ khoảng 49.5% **[H5.05.01.12]**. Hình thức làm bài tiểu luận chiếm 13% **[H5.05.01.13]** ; bài tập thực hành, sản phẩm chiếm 22% **[H5.05.01.14]** ; kiểm tra vấn đáp, thuyết trình chiếm 9% **[H5.05.01.15]** ; kiểm tra trắc nghiệm chiếm 2% **[H5.05.01.16]** và đánh giá cuối khóa chiếm 4.5% **[H5.05.01.17.DC]** trong năm

học 2019-2020. Hình thức tự luận giúp đánh giá khả năng tái hiện kiến thức, vận dụng và liên hệ những kiến thức đã học vào thực tế. Hình thức làm bài tập lớn, bài tiểu luận giúp SV tư duy sâu và phát triển các kỹ năng nghiên cứu độc lập. Ngoài ra, hình thức kiểm tra vấn đáp giúp đánh giá năng lực người học một cách trực tiếp, cụ thể, chuyên sâu và hình thức làm sản phẩm báo chí, truyền thông cũng được sử dụng để gia tăng khả năng thực hành của SV. **[H5.05.01.08]**

Học viện đã ban hành tài liệu hướng dẫn về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng đề thi chi tiết và khoa học **[H5.05.01.11]** và xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tự luận **[H5.05.01.18]**. Trên cơ sở đó, các bộ môn chủ động thiết kế ngân hàng đề thi gồm các nhóm câu hỏi dễ, trung bình và khó tương ứng với 6 cấp bậc tư duy trong thang cấp độ, tư duy của Bloom: Nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. Mỗi đề thi thông thường bao gồm các câu hỏi của cả ba nhóm từ dễ đến khó ở trên. Với cách thức này, công tác thi, kiểm tra đánh giá được mức độ đáp ứng CDR về kiến thức chuyên môn, cũng như kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề của người học. Hàng năm, TTKT&KĐCLĐT có các báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm về công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá **[H5.05.01.19.DC]**.

SV đủ điều kiện được giao khóa luận tốt nghiệp khi hoàn thành toàn bộ các học phần, tích lũy đủ số tín chỉ trong CTĐT và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy chế đào tạo đại học và theo tỉ lệ làm khóa luận trên tổng số SV từng lớp chiếm không quá 30% dựa theo điểm số của sáu kỳ học từ năm thứ nhất đến năm thứ ba, xếp theo thứ tự từ trên xuống dưới của lớp **[H5.05.01.20.DC]**. Việc giao đề tài và hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cho SV đủ điều kiện được thể hiện trong các cuộc họp khoa và danh sách phân công hướng dẫn **[H5.05.01.21.DC]** **[H5.05.01.22.DC]** theo quy định, hướng dẫn thực hiện khóa luận tốt nghiệp **[H5.05.01.20]**. Trong quá trình thực hiện khóa luận, về cơ bản SV của Khoa đều chủ động cùng GV hướng dẫn hoàn thành khóa luận. Đối với những SV còn chưa chủ động, BCN Khoa cùng GV đôn đốc, nhắc nhở trong các buổi phản ánh SV hàng tháng và email, điện thoại trực tiếp **[H5.05.01.23.DC]** **[H5.05.01.24]**

Khóa luận tốt nghiệp giúp đánh giá việc SV áp dụng kiến thức chuyên sâu chuyên ngành QHQT vào thực tế hoạt động tổ chức hoạt động đối ngoại và truyền thông quốc tế trong các tổ chức chính trị-xã hội, các cơ quan, ban ngành, các cơ quan

báo chí đối ngoại, các doanh nghiệp,... Việc SV nghiên cứu, lập luận, phân tích các vấn đề về QHQT để tìm hiểu, khai thác về một lĩnh vực chuyên sâu của chuyên ngành QHQT hoặc tổ chức sản xuất một sản phẩm TTĐN, truyền thông quốc tế cụ thể phục vụ cho việc ra quyết định quản lý đồng thời tăng khả năng làm việc độc lập của SV. Khóa luận tốt nghiệp được đánh giá thông qua: điểm đánh giá quá trình làm khóa luận, điểm chấm khóa luận của hội đồng được thực hiện theo quy chế, quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.22.DC]**

Quy trình về việc xét công nhận tốt nghiệp cho SV trước khi ra Học viện được quy định rõ trong quy chế, quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.07.DC]**. SV phải tích lũy đủ số học phần và khối lượng kiến thức của CTĐT với 130 tín chỉ, điểm trung bình chung tích lũy của khóa đạt ≥ 2.0 , có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, đạt CĐR ngoại ngữ và tin học **[H5.05.01.07.DC]** **[H5.05.01.25]**. Điều này được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và sổ tay SV **[H5.01.01.06]**, **[H5.01.01.02.DC]**. Quy trình xét công nhận tốt nghiệp cho người học được thực hiện theo các bước:

B1. Sau khi có kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi các học phần thay thế tốt nghiệp, Ban QLĐT tổng hợp bảng KQHT toàn khóa của SV, rà soát, kiểm tra đối chiếu kết quả chứng chỉ giáo dục quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất, CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học gửi cho các Khoa và các SV để SV được biết và tự kiểm tra, tự đối chiếu.

B2. Sau khi có kết quả phản hồi từ các Khoa, Ban QLĐT trình Hội đồng xét tốt nghiệp của Học viện xét công nhận tốt nghiệp cho SV trong toàn Học viện;

B3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những SV đủ điều kiện tốt nghiệp. Danh sách SV đủ điều kiện được công bố công khai trên website Học viện qua các năm **[H5.05.01.26]**.

Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá trong CTĐT của Khoa QHQT được định kỳ rà soát, cải tiến dựa trên sự tham khảo ý kiến các bên liên quan **[H5.05.01.27.DC]** **[H5.05.01.28.DC]**; **[H5.05.01.29]** Sự cải tiến trong công tác kiểm tra đánh giá được thể hiện tăng cường hình thức thi tiểu luận, thuyết trình, báo cáo sản phẩm **[H5.05.01.10.DC]**.

Bảng 5.2. Bảng tổng hợp kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học với các phương pháp kiểm tra đánh giá năm 2019

(Nguồn: Trung tâm KT- KĐCLĐT)

Đơn vị: %

Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Tỉ lệ hài lòng
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của SV	0,0	9,6	12,3	64,4	13,7	78,1
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng CĐR	0,0	9,6	16,4	54,8	19,2	74,0
3. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	2,8	9,7	12,5	52,8	22,2	75,0
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	0,0	9,6	16,4	50,7	23,3	74,0
5. Quá trình kiểm tra, đánh giá KQHT của SV khách quan, công bằng	0,0	8,2	16,4	54,8	20,5	75,3
6. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	1,4	6,8	17,8	53,4	20,5	74,0
7. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	0,0	6,8	17,8	53,4	21,9	75,3
Trung bình	0,6	8,6	15,7	54,9	20,2	75,1

Kết quả khảo sát đánh giá chất lượng môn học với SV Khoa QHQT cho thấy có 75,1% SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các hình thức và nội dung kiểm tra

đánh giá KQHT phù hợp với tính chất đặc thù môn học và nội dung kiểm tra/thi đánh giá tổng hợp được kiến thức và kỹ năng SV phải đạt theo CĐR [H5.05.01.28.DC]

2. Điểm mạnh

Khoa QHQT dưới yêu cầu và hướng dẫn của Học viện đã chỉ đạo các bộ môn rất tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được CĐR. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện trên cơ sở có lấy ý kiến góp ý của các GV. Trước các cuộc họp tổng kết rút kinh nghiệm về công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá được tiến hành ở cả cấp Học viện, Khoa và bộ môn các kết quả môn học đều được TTKT&KĐCLĐT kết hợp với khoa thực hiện phân tích phổ điểm của từng môn học. Trong những năm học gần đây, Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát ý kiến SV về việc thiết kế việc đánh giá KQHT của người học đã được tiến hành để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá. Kết quả là người học đã đánh giá cao việc đánh giá KQHT của người học mà khoa QHQT đang thực hiện phù hợp với mức độ đạt được CĐR

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít; trọng số điểm chuyên cần chưa hợp lý.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2021 trở đi, Khoa QHQT đề xuất Học viện cụ thể là TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT Đào tạo phối hợp xây dựng và thiết kế: hình thức kiểm tra trắc nghiệm ở các khoa thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành; trọng số hình thức kiểm tra đánh giá với tỷ lệ phù hợp đáp ứng tốt CĐR.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả

Hiện nay các quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan cho tuyển sinh đầu vào, quá trình đào tạo, thi tốt nghiệp và chấm luận văn tốt nghiệp được nêu rõ trong quy chế tuyển

sinh, quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, quy định công tác khảo thí [H5.05.01.01.DC] [H5.05.01.07.DC] [H5.05.02.01.DC] và trong đề cương chi tiết các học phần [H5.05.01.05.DC]. Các quy định này được công bố công khai trong sổ tay SV [H5.05.01.02.DC], trên website Học viện [H5.05.01.03.DC] và trong buổi sinh hoạt đầu khóa [H5.05.02.02.DC]. Kế hoạch về thời gian thi tuyển sinh đầu vào, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp đều được đăng tải trên website của Học viện [H5.05.02.03] và được gửi đến các Khoa. Ngoài ra, sau khi nhận được các thông báo này của Học viện, Khoa, Bộ môn cũng thông báo đến SV thông qua cổng thông tin điện tử của SV. Cụ thể, mỗi học kỳ SV có 12-16 tuần học đối với các môn 3 tín chỉ và 8-9 tuần học đối với các môn 2 tín chỉ, tùy thuộc vào tỉ lệ lý thuyết và thực hành của mỗi học phần. Sau khi kết thúc thời gian học SV bắt đầu vào kỳ thi học kỳ. Trong đó thời gian ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất 2/3 ngày cho 1 tín chỉ [H5.05.01.07.DC]. Ngoài ra, từ năm 2016 Học viện ban hành CDR ngoại ngữ đối với tất cả các ngành học, đồng thời việc phân loại SV theo trình độ ngoại ngữ ngay từ đầu vào đã được triển khai từ năm học 2016-2017 để dễ dàng triển khai hình thức dạy học phù hợp với đối tượng SV [H5.05.02.04].

Điểm đánh giá học phần được tính theo công thức $0,1A+0,3B+0,6C$. Trong đó A, B, C là các điểm thành phần được quy định trong các quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.07.DC]. Điểm đánh giá học phần được chuyển sang thang điểm chữ và thang điểm 4 được quy định trong các quy chế và quy định nêu trên. Tất cả đề cương các học phần đều nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp,...), phương pháp đánh giá, tiêu chí, trọng số điểm và được GV giảng dạy học phần đó cung cấp cho lớp [H5.05.01.05.DC]

Đề thi được quy định đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học [H5.05.01.19.DC]. Đối với khóa luận tốt nghiệp sẽ được hội đồng chấm khóa luận gồm 3 thành viên độc lập đánh giá dựa trên các tiêu chí cụ thể như sau (1) Tính cấp thiết về lý luận và thực tiễn của đề tài; tính khả thi, không trùng lặp với các công trình đã công bố (thể hiện qua phần Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài); (2) Đề tài và phương pháp nghiên cứu đề tài phù hợp ngành/chuyên ngành đào tạo; (3) Xây dựng khung lý thuyết phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài; (4) Vận dụng khung lý thuyết để khảo sát, phân tích thực tiễn,

nhận diện đúng và trúng vấn đề cần khắc phục, giải quyết; (5) Phương hướng, giải pháp phù hợp với yêu cầu lý thuyết và thực tiễn đòi hỏi; (6) Thông tin dữ liệu được cập nhật, dẫn nguồn đầy đủ, chính xác, tin cậy, hình thức trình bày đúng quy cách trình bày khoá luận; (7) Bố cục rõ ràng, cân đối giữa các chương, các tiết, các tiểu tiết; (8) Văn phong mạch lạc, đảm bảo tính khoa học, ít sai sót về chính tả, lỗi kỹ thuật, in ấn; (9) Sắp xếp danh mục tài liệu tham khảo đúng quy định. Các tiêu chí này được quy định rõ trong mẫu phiếu chấm khoá luận tốt nghiệp của ủy viên hội đồng, thư ký hội đồng và thành viên hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp. **[H5.05.01.22.DC]**.

Từ học kỳ 2 năm học 2013-2014, Học viện ra thông báo về kế hoạch khảo thí các học phần giảng dạy trong học kỳ và năm học, các thông báo này được đăng trên website của Học viện **[H5.05.01.03.DC]**. Học viện đã ban hành Quy định khảo thí trong đó quy định về kết thúc học phần có chỉnh sửa, bổ sung định kỳ **[H5.05.02.01.DC]**. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá **[H5.05.02.01.DC]** **[H5.05.01.11.DC]**. Toàn bộ hoạt động thi, đánh giá KQHT đối với các học phần khảo thí của toàn Học viện do TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT và khoa thực hiện; TTKT&KĐCLĐT là đơn vị đầu mối và thường xuyên báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá **[H5.05.01.07.DC]**. Việc rà soát các hình thức kiểm tra đánh giá cũng được TTKT&KĐCLĐT lên kế hoạch và kết hợp với khoa, những hoạt động này được thể hiện trong kế hoạch kiểm tra công tác khảo thí hàng năm và biên bản họp khoa, biên bản thẩm định HĐKH Khoa **[H5.05.01.19.DC]**; **[H5.05.02.05.DC]**.

Học kỳ cuối khóa, các SV đủ điều kiện được nhận đề tài để làm khoá luận tốt nghiệp, còn các SV không đủ tiêu chuẩn làm khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình khung đào tạo của ngành QHQT ở một trong hai chuyên ngành QHCT&TTQT hoặc TTĐN. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài khoá luận tốt nghiệp, được sự đồng ý của GV hướng dẫn, SV phải hoàn thành khoá luận tốt nghiệp và in thành 3 quyển đóng bìa mềm nộp tại khoa chuyên môn sẽ được tổ chấm tốt nghiệp chấm dựa trên các tiêu chí về cấu trúc, nội dung khoá luận, trích dẫn tài liệu tham khảo, câu văn, từ ngữ và thái độ (đối với nhận xét hướng dẫn). SV không hoàn thành khoá luận tốt nghiệp do điều

kiện khách quan được giáo viên hướng dẫn và khoa xác nhận, hoặc có kết quả chấm khoá luận tốt nghiệp bị điểm F phải lùi thời gian tốt nghiệp làm lại khoá luận tốt nghiệp hoặc phải học và thi 6 (hoặc 7) tín chỉ thay thế khoá luận tốt nghiệp. Điểm chấm khoá luận của từng thành viên tổ chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm học phần khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp là trung bình cộng điểm của các thành viên trong tổ chấm, làm tròn đến một chữ số thập phân, quy về thang điểm chữ theo quy định. Điểm khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học. **[H5.05.01.07.DC]**

Qua kết quả khảo sát người học về việc đánh giá KQHT có thể thấy trên 90% số SV được khảo sát đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với tiêu chí các quy định về đánh giá KQHT được thông báo rõ ràng và công khai tới người học **[H5.05.01.28.DC]**. Kết quả khảo sát đánh giá của SV đối với GV Khoa QHQT cũng cho thấy điểm trung bình của tiêu chí được cung cấp đề cương chi tiết và cách đánh giá KQHT ở mức tốt **[H5.05.01.28.DC]**.

Một số ít SV có kiến nghị về KQHT đã được Học viện giải quyết theo đúng thủ tục quy định, đảm bảo quyền lợi của SV **[H5.05.02.06.DC]**. Kết quả phúc khảo được công bố đến từng SV thông qua tài khoản cá nhân, đến khoa chủ quản và công khai trên website của TTKT&KĐCLĐT **[H5.05.02.07]**.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu học phần trong tài khoản học tập cá nhân, Sổ tay SV và Quy chế đào tạo Đại học. Toàn bộ GV của Khoa QHQT đều thực hiện việc thông báo quy định về đánh giá đến SV ngay từ tuần 1 của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về đánh giá cuối học phần được nhấn mạnh trong suốt thời gian học. Bộ phận VPK phối hợp với Ban QLĐT của Học viện, các đội ngũ CVHT trong việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá KQHT được chuyển đến SV trong thời gian nhanh nhất có thể.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các quy định về đánh giá KQHT của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương học phần, được GV phổ biến trực tiếp vào đầu kì học, được đăng tải trên trang website của Học viện nhưng số lượng người học truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Học viện, fanpage của khoa còn hạn chế. Lý do là

một bộ phận SV còn chưa quan tâm đến các quy định về đánh giá KQHT theo dạng tín chỉ, vẫn chỉ chú ý đến việc đánh giá KQHT dựa trên điểm kiểm tra cuối kỳ nên một số SV chưa nắm rõ các quy định về đánh giá KQHT nhất là khi có sự thay đổi.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT, Khoa QHQT tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá KQHT của người học, tăng cường thông báo công khai cho SV qua các kênh thông tin nhất là website đào tạo của Học viện và thông qua cổng thông tin điện tử của SV. Đồng thời Khoa QHQT chỉ đạo CVHT thường xuyên phổ biến cũng như nhắc lại các quy định về đánh giá KQHT vào đầu năm và những thay đổi nếu có.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

GV khoa QHQT thực hiện các phương pháp đánh giá KQHT đa dạng. Hình thức kiểm tra: bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài tập lớn (sản phẩm truyền thông) được sử dụng linh hoạt phù hợp với đặc thù môn học. Đối với thi tự luận, đề thi được đa dạng hóa từ trắc nghiệm khách quan đến tự luận, bao gồm cả những đề tự luận không sử dụng tài liệu hoặc được sử dụng tài liệu tùy thuộc vào đặc thù môn học. Đối với các môn chuyên ngành, đặc biệt là chuyên ngành về truyền thông quốc tế và TTĐN, hình thức kiểm tra bài tập lớn được sử dụng phổ biến giúp SV gắn kết việc học lý thuyết với thực hành làm ra sản phẩm. Đối với một số môn thuộc chuyên ngành QHQT, hình thức thi vấn đáp được sử dụng nhằm giúp SV rèn luyện kỹ năng suy luận, thuyết trình, phản biện và dần hình thành năng lực, sự am hiểu thực sự và phong thái tự tin, làm quen dần với những áp lực tâm lý, cách sắp xếp thời gian khoa học hợp lý sẽ là nền tảng kỹ năng quan trọng để phục vụ tốt công tác thực tế sau này. Điều này được thể hiện rõ trong thống kê các hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá, trong các đề cương học phần chi tiết và trong các bài thi, kiểm tra, sản phẩm báo cáo của SV. **[H5.05.01.10.DC]**

Trước năm 2016, việc ra đề thi, tổ chức cho thi, chấm thi do TTKT&KĐCLĐT phụ trách việc ra đề, chấm thi và báo cáo điểm; Năm 2018 các học phần thuộc môn

cơ sở ngành và chuyên ngành do các Khoa phụ trách việc ra đề, tổ chức thi, đánh hỏi phách và lên điểm trên cơ sở lịch do Ban QLĐT sắp xếp chung cho toàn Học viện. Đến nay, công tác này đã có thay đổi rõ rệt. Hiện nay, phương pháp đánh giá KQHT của người học cho các học phần trong CTĐT được ngành QHQT tuân thủ theo quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá của Học viện **[H5.05.02.01.DC]**, **[H5.05.01.11.DC]**. Các hình thức kiểm tra, đánh giá chủ yếu bao gồm: Thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, làm sản phẩm và bài tập tiểu luận. Theo thống kê, việc đánh giá học phần dưới hình thức tự luận được thiết kế với cho trên 53% tổng số học phần **[H5.05.01.10.DC]** **[H5.05.03.01]**. Hình thức thi của từng học phần được bộ môn tham khảo ý kiến của các GV giảng dạy và được thống nhất ghi trong đề cương chi tiết các học phần **[H5.05.01.05.DC]**. Việc thiết kế đề thi của các học phần trong ngành được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn thiết kế câu hỏi và ngân hàng đề thi do Học viện ban hành **[H5.05.01.11.DC]**

Hiện nay, đề thi các học phần được cấu trúc theo CDR môn học. Căn cứ kế hoạch của TTKT&KĐCLĐT **[H5.05.03.02]**, các bộ môn phân công cán bộ giảng dạy xây dựng CSDL ngân hàng đề thi để đánh giá KQHT. Nhóm cán bộ giảng dạy phụ trách môn học sẽ thảo luận về chuyên môn để xây dựng ngân hàng câu hỏi (đối với các môn thi theo hình thức trắc nghiệm) và đề thi (Với các môn thi theo hình thức tự luận) theo cấu trúc trên, sau đó, lấy ý kiến góp ý trong cuộc họp chuyên môn của bộ môn, và tiến hành điều chỉnh (nếu cần thiết)**[H5.05.02.05.DC]**.

Sau khi được sự nhất trí của bộ môn, ngân hàng câu hỏi và đề thi viết đối với các môn đại cương được chuyển tới TTKT&KĐCLĐT quản lý, lựa chọn, in cho các kỳ thi **[H5.05.02.01.DC]**. Bên cạnh cơ sở dữ liệu ban đầu, hàng kỳ, các bộ môn chuyên môn đều có thể bổ sung/ cập nhật/ sửa đổi các cơ sở dữ liệu của các học phần. Quy trình bổ sung/ cập nhật/ sửa đổi cũng được tiến hành tuân tự như trên. Cơ sở dữ liệu đánh giá KQHT của các học phần khảo thí được lưu trữ và quản lý tại Ban QLĐT (bản gốc) và TTKT&KĐCLĐT (bản sao) và toàn bộ dữ liệu về kết quả thi được lưu trữ trên phần mềm QLĐT của Học viện **[H5.05.02.01.DC]**.

Đề thi sử dụng trong kỳ thi được lấy ngẫu nhiên từ cơ sở dữ liệu ngân hàng đề thi, đáp án thông qua phần mềm chuyên dụng với số lượng từ 3 đến 5 đề thi cho mỗi học phần đối với các môn trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Đối với các môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, vì đã có ngân hàng đề thi nên lãnh đạo

khoa hoặc tổ trưởng bộ môn tổ hợp thành ba đề thi (đối với hình thức thi tự luận) và trước giờ thi lãnh đạo khoa sẽ chọn ra một đề trong ba đề thi đó. Thời gian làm mỗi bài thi viết dao động từ 60 phút đến 120 phút, có cấu trúc đề thi rõ ràng, đề thi phải có đáp án và thang điểm chi tiết đến 0,25 điểm. TTKT&KĐCLĐT có trách nhiệm quản lý, sao in đề thi đối với các môn đại cương còn các môn cơ sở ngành do khoa đảm nhiệm [H5.05.02.01.DC] [H5.05.01.11.DC]. Đến thời điểm tổ chức thi, cán bộ trông thi của mỗi phòng thi sẽ lấy túi đề và bóc niêm phong trước sự chứng kiến của người dự thi. Sau khi kết thúc thời gian làm bài, bài thi và đề sẽ được các bộ coi thi thu lại, chuyển về TTKT&KĐCLĐT để rọc phách và niêm phong bài thi đối với các học phần kiến thức đại cương. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, cán bộ coi thi chuyển bài thi và các bài thi về VPK chủ quản, cán bộ được phân công sẽ rọc phách và niêm phong bài thi. Bài thi được chấm trong khoảng thời gian 2 tuần sau khi kết thúc kỳ thi [H5.05.02.01.DC]. Việc thực hiện quy định về xây dựng, sử dụng và quản lý câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, ngân hàng đề thi kết thúc học phần, đã giúp công tác quản lý trở nên thuận lợi hơn.

KQHT của người học được đánh giá được chia thành các mức độ theo điểm trung bình của các tiêu chí bao gồm kết quả bài thi kết thúc học phần, kết quả bài kiểm tra và tinh thần học tập, mức độ chuyên cần trong suốt quá trình tham gia lớp học phần đó [H5.05.01.05.DC]. Bài thi kết thúc học phần được cán bộ giảng dạy phụ trách môn học chấm tập trung tại các địa điểm theo quy định. Mỗi bài thi sẽ có 2 cán bộ giảng dạy chấm điểm. Nếu điểm do hai người chấm lệch nhau quá 1 điểm đối với môn tự luận và quá 0.5 điểm đối với môn thi trắc nghiệm thì bài thi đó sẽ được chủ nhiệm bộ môn hoặc trưởng khoa xem xét và kết luận về kết quả.

Khi các bài thi đã được chấm theo quy định, cán bộ vào điểm sẽ vào điểm trên phần mềm. Điểm bài thi được cập nhật trên hệ thống phần mềm quản lý, và đồng thời in 01 bản gốc tại Ban QLĐT và 02 bản photo để lưu tại TTKT&KĐCLĐT và VPK [H5.05.02.06.DC]. Trong thời gian 15 ngày sau khi thi điểm sẽ được các đơn vị phụ trách cập nhật trên phần mềm QLĐT. Người học đăng nhập tài khoản cá nhân để biết kết quả đánh giá.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được kết quả, nếu người học có yêu cầu, có thể làm thủ tục phúc khảo kết quả đánh giá học phần. Cụ thể, người học liên hệ với TTKT&KĐCLĐT để làm đơn đề nghị. Trong thời gian 15 ngày,

TTKT&KĐCLĐT kết hợp với Thanh tra và các Khoa quản lý học phần để tổ chức chấm thi phúc khảo. Bài thi được tổ chức phúc khảo xem xét từng quy trình: đánh phách, vào điểm, hỏi phách, nội dung ... Kết quả chấm phúc khảo sẽ là kết quả của đánh giá bài thi và được các thành viên tổ chấm phúc khảo. Kết quả này được thông báo tới người học tương tự như trong quy trình công bố điểm lần đầu tiên [H5.05.02.01.DC].

Đối với một số môn học chuyên ngành và thực hành giảng dạy, việc đánh giá được tiến hành theo hình thức vấn đáp. Công tác tổ chức được tiến hành tập trung tại phòng học. Người học chia thành các nhóm nhỏ, lần lượt mỗi người học sẽ trình bày kết quả của mình trước hội đồng chấm thi; điểm đánh giá được xác định bằng điểm trung bình của tất cả các thành viên của hội đồng và tuân thủ theo quy định về đánh giá học phần vấn đáp [H5.05.01.11.DC]

Sự đa dạng, mức độ tin cậy, công bằng của đề thi, công tác tổ chức thi được đưa ra thảo luận trong các cuộc họp Khoa, hội nghị giao ban đào tạo, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học của Khoa QHQT, của Học viện [H5.05.03.04] [H5.05.03.05] và trong các cuộc đối thoại giữa BGĐ HV và SV các năm [H5.05.03.06].

Việc phân công hướng dẫn học phần kiến tập, thực tập, thực tế kinh tế-xã hội được thực hiện trước mỗi kỳ kiến tập, thực tập thông qua các buổi họp khoa và có quyết định cụ thể về GV hướng dẫn kiến tập thực tập của Học viện [H2.02.03.07] [H5.05.03.07]. Các học phần liên quan đến kiến tập, thực tập sẽ là tổng hợp các đầu điểm của cán bộ hướng dẫn tại cơ quan, đơn vị, GV hướng dẫn của Khoa, CVHT lớp và lãnh đạo khoa [H5.05.03.09].

Đối với khóa luận và các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, việc đánh giá được tiến hành theo hình thức tổ chức chấm khóa luận và thi thay thế khóa luận tập trung. Công tác tổ chức được tiến hành tập trung tại VPK. Hội đồng bao gồm Chủ tịch, Ủy viên, Thư ký chấm bài độc lập rồi lấy ý kiến thống nhất về kết quả khóa luận. Hồ sơ chấm điểm được tập hợp và lưu trữ theo quy định đánh giá khóa luận tốt nghiệp [H5.05.01.17.DC]

Kết quả khảo sát đánh giá chất lượng môn học dưới hình thức khảo sát online cho thấy trung bình 90% SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nội dung các phương thức kiểm tra đánh giá KQHT đảm bảo độ tin cậy và công bằng [H5.05.01.28.DC].

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của SV đa dạng: kiểm tra viết, tiểu luận, vấn đáp, bài tập nhóm, cá nhân, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình các chủ đề của các học phần... Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá KQHT trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Học viện, TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT phối hợp với Khoa QHQT bổ sung hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT trực tuyến một cách chính thức.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Việc công bố kết quả đánh giá của người học nằm trong quy định về quy trình khảo thí kết thúc học phần đối với hệ chính quy của Học viện [H5.05.02.01.DC]. SV có thể nộp đơn đề nghị kiểm tra lại quy trình chấm thi học phần cho Trung tâm KT – KĐCLĐT trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thông báo điểm trên mạng. Thời gian chấm phúc khảo và công bố điểm cho SV là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị của SV. KQHT của SV được Học viện thông báo kịp thời và công khai bằng cách đăng tải trên phần mềm QLĐT với cổng thông tin SV và khoa chủ quản [H5.05.01.04.DC]. KQHT của người học được Học viện tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị QLĐT, Khoa chuyên ngành và lưu trữ trên phần mềm QLĐT của Học viện, được sao lưu định kỳ vào hệ thống và hệ thống máy chủ. Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo đã giúp Học viện quản lý KQHT của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu KQHT của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Đối với trường hợp xin phúc khảo bài thi, Trung tâm KT – KĐCLĐT tổ chức phúc khảo bài thi và thông báo điểm phúc khảo trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn xin phúc khảo thông báo

trực tiếp cho từng SV, Ban QLĐT và Khoa chủ quản **[H5.05.02.01.DC]**.

Ngoài ra, kết thúc mỗi học kỳ Học viện đều bố trí các buổi để GVCN, CVHT họp lớp, tổng kết hoạt động học tập, ghi nhận những đánh giá của người học về việc đánh giá kết quả học phần, thời gian công bố điểm **[H5.05.04.01] [H5.05.04.02.DC]**. Thông qua KQHT này GVCN, CVHT sẽ cùng người học có định hướng tốt hơn trong xây dựng kế hoạch học tập. Sau khi họp lớp, Khoa QHQT và Học viện cũng tổ chức buổi tiếp xúc đối thoại giữa SV, CVHT với các đơn vị liên quan để ghi nhận thêm ý kiến của SV về vấn đề KQHT được phản hồi kịp thời **[H5.05.04.02.DC] [H5.05.01.23.DC] [H5.05.03.06.DC]**. Thông qua những cuộc đối thoại này, Khoa QHQT, các bộ môn trong Khoa và các phòng ban chức năng trong Học viện cung cấp giải đáp thắc mắc của SV, giúp SV nắm rõ hơn về quy trình, thời gian phản hồi KQHT, chuyển những thắc mắc của SV về việc phản hồi KQHT tới các đơn vị liên quan.

Việc công nhận kết quả tốt nghiệp cho SV năm cuối được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định về đánh giá khóa luận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.20.DC] [H5.05.01.07.DC]**. Theo quy định, sau khi hội đồng đánh giá thi hoặc bảo vệ tốt nghiệp của Khoa tổ chức đánh giá, kết quả bảo vệ khóa luận tốt nghiệp sẽ được công bố ngay cho SV và được gửi về Ban QLĐT, và trình Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp Học viện; căn cứ vào những văn bản đó, Học viện ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho SV. Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Học viện quản lý và cấp phát đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ của Bộ GD&ĐT. Tương tự đối với việc công nhận kết quả thi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định về CĐR cũng được Học viện công bố trên cơ sở kết quả đánh giá và văn bản đề nghị công nhận kết quả do Hội đồng chấm thi ngoại ngữ, tin học trình lên Học viện.

Đối với những SV trong diện tồn đọng, cảnh báo, CVHT sẽ trực tiếp gọi điện, liên lạc bằng nhiều hình thức để nhắc nhở SV. Đồng thời thông qua các buổi họp phân ánh SV, lãnh đạo khoa cũng yêu cầu SV hoặc cán bộ lớp giải trình về các nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của SV. Lãnh đạo Khoa cũng thường đưa ra các giải pháp cho tình trạng này bằng cách đốc thúc, nhắc nhở SV thông qua cán bộ lớp và CVHT. **[H5.05.04.03]**

Qua kết quả khảo sát người học về việc đánh giá KQHT có thể thấy trên 84%

số SV được khảo sát đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với tiêu chí thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp cải thiện KQHT [H5.05.04.04].

2. Điểm mạnh

Kết quả kiểm tra đánh giá KQHT của người học được công bố đúng quy định, sau 02 tuần. Từ năm học 2016-2017, Học viện đã sử dụng phần mềm nhập điểm thành phần. Việc nhập điểm thành phần trên phần mềm đảm bảo SV được biết điểm của mình trên portal cá nhân sớm để người học có thể cải thiện được KQHT của mình. Trong quá trình học tập và ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, người học được chủ động trao đổi, hỗ trợ trực tiếp từ CVHT hoặc Ban QLĐT, từ GV, từ các bộ phận chuyên môn thông qua thư điện tử hoặc gặp gỡ trực tiếp.

3. Tồn tại

Trong một số thời điểm do số lượng truy cập lớn nên việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp, cấp bằng trên phần mềm QLĐT của SV khoa QHQT bị tắc nghẽn, phần mềm quản lý chưa đồng bộ hay phần mềm quản lý KQHT bị lỗi gây khó khăn cho công tác quản lý của các phòng ban chức năng và KQHT chưa được phản hồi kịp thời tới SV.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, Khoa QHQT đề xuất Học viện đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ KQHT và hoạt động đào tạo tại TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT

1. Mô tả

Quy định về việc giải quyết khiếu nại của người học về KQHT được Học viện quy định trong Quy định công tác khảo thí của Học viện [H5.05.02.01.DC] và được phổ biến tới sinh viên trong tuần sinh hoạt đầu khóa [H5.05.02.02.DC], đồng thời được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Học viện [H5.05.01.03.DC]. Đối với điểm bài thi kết thúc học phần theo hình thức thi viết, sau khi người học nhận được điểm bài thi hết môn trên hệ thống của Học viện, căn cứ thông báo về thời gian phúc khảo kết quả bài thi của Trung tâm KT – KĐCLĐT và Ban QLĐT [H5.05.01.03.DC], nếu có thắc mắc về điểm số, SV có thể làm đơn phúc khảo bài thi

gửi lên Trung tâm KT – KĐCLĐT trong thời gian quy định. Mẫu đơn xin phúc khảo được công bố trên website của Học viện và sổ tay SV [H5.05.01.02.DC]. Tại Trung tâm KT – KĐCLĐT luôn có cán bộ theo dõi, tiếp nhận và thực hiện các công việc liên quan đến khiếu nại của người học.

Hàng kỳ, vẫn có các trường hợp SV khiếu nại về điểm bài thi kết thúc học phần, tuy nhiên, số lượng đơn khiếu nại chiếm tỷ lệ rất nhỏ trên tổng số bài thi trong kỳ đó [H5.05.02.06.DC]. Sau khi nhận được thông báo từ Trung tâm KT – KĐCLĐT về việc phúc khảo bài thi của các học phần, Trưởng Khoa sẽ chỉ đạo trực tiếp giải quyết. Mọi thông tin liên quan đến việc khiếu nại KQHT sẽ được lưu lại tại Trung tâm KT – KĐCLĐT và Ban QLĐT. Thống kê cho thấy 100% số đơn khiếu nại được giải quyết [H5.05.02.06.DC].

Việc tổ chức thi cũng thực hiện theo kế hoạch chung của Học viện và đề thi cũng được niêm phong, bài thi được đọc phách, và việc chấm thi sẽ được tiến hành tại văn phòng bộ môn quản lý học phần đối với môn chuyên ngành và cơ sở ngành và tại TTKT&KĐCLĐT với những môn đại cương. Kết quả đánh giá được các đơn vị phụ trách công tác chấm thi gửi trực tiếp đến Ban QLĐT. Nếu có nhu cầu phúc khảo, người học làm các thủ tục tương tự ở TTKT&KĐCLĐT. Thông báo về việc phúc khảo đối với các học phần chưa khảo thí cũng được TTKT&KĐCLĐT thông báo tới các Khoa và bộ môn.

Ngoài ra, SV có thể phản ánh các ý kiến liên quan đến khiếu nại về KQHT thông qua các buổi họp lớp, CVHT hoặc các buổi họp phản ánh sinh viên [H5.05.01.23.DC], [H5.05.04.02.DC].

Qua khảo sát người học về thủ tục khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại KQHT có thể nhận thấy SV cho rằng có thể tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT và SV cho rằng các khiếu nại được giải quyết thỏa đáng [H5.05.01.27.DC] [H5.05.01.28.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng và công khai tới người học thông qua website của các các phòng chức năng, qua hệ thống email SV, qua GVCN, CVHT, tuần công dân SV. Người học được hướng dẫn cụ thể để tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại KQHT, có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về KQHT. Khoa QHQT và các bộ môn trong Khoa luôn đảm bảo quyền lợi cho

người học khi có thắc mắc về KQHT.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số SV chưa nắm rõ về các quy trình, các quy định về khiếu nại KQHT dẫn đến quá thời gian phúc tra, phúc khảo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Học viện, TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT, Khoa QHQT và các bộ môn trong Khoa cần tiếp tục tăng cường phổ biến các quy định liên quan đến việc khiếu nại KQHT tới SV thông qua các kênh khác nhau, nhất là hệ thống email SV và trong các buổi sinh hoạt lớp, tuần công dân SV.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá KQHT của người học ở Khoa QHQT được thực hiện một cách khách quan, theo đúng các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và HVBC&TT để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa QHQT luôn tập trung vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR, phản hồi kịp thời đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Học viện, Khoa và các phòng ban liên quan đã tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được CDR. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện trên cơ sở có lấy ý kiến góp ý của các GV. Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của SV về phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua nhiều hình thức

Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện được việc học tập.

Tuy nhiên, tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít; trọng số điểm chuyên cần chưa hợp lý, lượng SV truy cập vào website tìm hiểu thông tin

về kiểm tra, đánh giá của người học còn hạn chế; Phương pháp đánh giá KQHT trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT. Đôi khi việc truy cập xem KQHT còn bị tắc nghẽn do số lượng lớn cùng truy cập trong cùng một thời điểm.

Những hạn chế này sẽ được Học viện, Khoa QHQT, các phòng ban chức năng lên kế hoạch hành động khắc phục từ năm 2021 như tăng hình thức kiểm tra trắc nghiệm, thiết kế tỷ trọng hình thức kiểm tra, đánh giá học phần phù hợp để đáp ứng tốt CDR, tăng cường thông báo công khai qua nhiều kênh thông tin, giao trách nhiệm cho CVHT, bổ sung hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT trực tuyến chính thức, nâng cấp cơ sở hạ tầng mạng, phần mềm... để thuận lợi cho việc lưu trữ và truy cập xem KQHT của người học.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí, cả 5 đều đạt, điểm trung bình là 5/7.

TIÊU CHUẨN 6:

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

Với đội ngũ cán bộ quản lý, GV, NCV có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng, cơ cấu, độ tuổi, HVBC&TT đã và đang thực hiện tốt các nhiệm vụ quan trọng: đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Học viện có kế hoạch, quy trình tuyển dụng viên chức công khai, minh bạch; sử dụng và quản lý cán bộ theo đúng quy định của Nhà nước và HVCTQGHCM; có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, GV, NCV được thường xuyên tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước. Quy chế dân chủ được đảm bảo và phát huy trong mọi hoạt động của Học viện. Công tác chuẩn hóa, nâng cao chất lượng, trình độ cho đội ngũ cán bộ luôn được Học viện xác định là nhiệm vụ then chốt.

Khoa QHQT là một trong những khoa đào tạo mũi nhọn của HVBC&TT với hai ngành đào tạo là QHQT và TTQT. Khoa không có chức danh NCV. Đội ngũ GV ngành QHQT được quy hoạch (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch GV được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định. Việc phân công nhiệm vụ đảm bảo chính xác, phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, thành tích học thuật và kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận sự đóng góp của mỗi cá nhân tạo động lực phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Do nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác cán bộ và phát triển đội ngũ GV trong trường đại học, nên vấn đề quy hoạch, phát triển đội ngũ này luôn được Học viện và Khoa quan tâm, chú trọng. Điều này được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 và Chiến lược phát triển Khoa

QHQT đến năm 2030, tầm nhìn 2050 [H6.06.01.01.DC] [H6.06.01.02.DC]. Để cụ thể hóa định hướng trong chiến lược, Học viện đã ban hành hệ thống các văn bản sau: Đề án vị trí việc làm; Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức; Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý; Quy định về GV thỉnh giảng [H6.06.01.03.DC] [H6.06.01.04.DC] [H6.06.01.05.DC] [H6.06.01.06].

Quy trình tuyển dụng cán bộ được thực hiện một cách rõ ràng, công khai, minh bạch, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Ban TC-CB, căn cứ vào chỉ tiêu viên chức đã được phê duyệt, căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trường đơn vị đăng ký nhu cầu tuyển dụng gửi Ban TC-CB tổng hợp báo cáo trình Giám đốc phê duyệt [H6.06.01.07.DC]. Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện được thành lập nhằm đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác, khách quan. Kết quả tuyển dụng được công bố tới từng ứng viên dự tuyển [H6.06.01.08. DC].

Đối với Khoa QHQT, trong chiến lược phát triển của đơn vị, Khoa luôn chú trọng phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng nhằm mục tiêu “*xây dựng đội ngũ GV QHQT đạt chuẩn chuyên môn cao theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đáp ứng nhu cầu hội nhập khu vực và quốc tế*» [H6.06.01.02.DC]. Định hướng phát triển công tác cán bộ của Khoa được xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện [H6.06.01.01.DC]. Công tác quy hoạch đội ngũ GV của Khoa được thực hiện phù hợp với quy định của HVCTQGHCN và HVBC&TT [H6.06.01.04.DC] [H6.06.01.24].

Đối với ngành QHQT, việc quy hoạch đội ngũ GV đều được nghiên cứu kỹ, đề cập rõ ràng và thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định. Điều đó được thể hiện trong các cuộc họp tổ bộ môn (tổ QHQT, TTĐN (hiện là TTQT) và tiếng Anh chuyên ngành), trong các cuộc họp tổng kết năm học, hội nghị CBVC hàng năm [H6.06.01.09.DC] [H6.06.01.11.DC] [H6.06.01.07.DC]. Trên thực tế, kế hoạch quy hoạch, phát triển đội ngũ GV ngành QHQT được xây dựng dựa trên kế hoạch phát triển nhân lực của các tổ bộ môn và yêu cầu thực tiễn của công tác đào tạo và NCKH, phù hợp với chiến lược phát triển của Khoa, Học viện. Từ năm 2016 đến nay, số lượng GV ngành QHQT không có biến động nhiều, dao động trong khoảng

từ 8 đến 9. Giai đoạn 2016 - nay, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của ngành QHQT, Học viện đã thu hút và tuyển dụng cho Khoa 3 GV trẻ, có trình độ chuyên môn tốt, trong đó có 1 thạc sĩ tốt nghiệp tại Anh chuyên ngành Kinh tế đối ngoại (năm 2016), 01 tiến sĩ tốt nghiệp trong nước chuyên ngành Đông phương học (năm 2018) và 01 thạc sĩ tốt nghiệp tại Anh chuyên ngành Tài chính (giảng dạy tại Khoa từ năm 2014 dưới dạng hợp đồng tạm tuyển và mới được xét tuyển đặc biệt trong kỳ tuyển dụng viên chức năm 2020) [H6.06.01.08.DC]. Công tác quy hoạch cán bộ quản lý (trưởng, phó khoa) được thực hiện định kỳ theo đúng quy định [H6.06.01.13.DC].

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo tại Khoa được thực hiện một cách nghiêm túc. Quy trình bổ nhiệm trưởng/phó khoa, trưởng bộ môn đều được thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng, đúng theo quy định [H6.06.01.05.DC]. Năm 2018, Khoa tiếp nhận 1 tiến sĩ chuyên ngành QHQT về làm Phó Trưởng khoa kiêm Tổ trưởng tổ QHQT; năm 2019, Trưởng khoa được bổ nhiệm lên vị trí Phó Giám đốc Học viện và Phó Trưởng khoa lên vị trí Trưởng khoa [H6.06.01.12.DC].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch. Hàng năm, Học viện có kế hoạch cụ thể về kéo dài thời gian hoặc chấm dứt hợp đồng với GV nghỉ hưu. Chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng chính sách hiện hành. Giai đoạn 2016 - nay, Khoa chưa có GV nào nghỉ hưu; năm 2019, có một GV trẻ chấm dứt hợp đồng làm việc vì lý do cá nhân [H6.06.01.14].

Học viện và Khoa luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ GV để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của vị trí việc làm. Hàng năm, Học viện, Khoa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV nói chung, cán bộ quản lý nói riêng thông qua việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn trong và ngoài nước [H6.06.01.07. DC] [H6.06.01.09. DC] [H6.06.01.10.DC]. Về tham gia các khóa học dài hạn: năm 2017, Học viện cử 3 GV đi học nghiên cứu sinh về QHQT tại Đại học KHXH&NV(Đại học QG Hà Nội) và HVNG, 1 GV đi học đại học chuyên ngành II tiếng Anh tại HVBC&TT; năm 2018, 1 GV đi học nghiên cứu sinh ngành CTH tại HVBC&TT [H6.06.01.10.DC]. Về các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước: gần như 100% GV của ngành đều tham gia lớp bồi dưỡng QHQT được tổ chức thường niên tại Viện QHQT (HVCTQG HCM), 78% GV

đã có bằng cao cấp, trung cấp lý luận chính trị, 100% GV đều tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn trong và ngoài nước như: nghiệp vụ báo chí, kinh điển Mác - Lênin, phương pháp giảng dạy tích cực... [H6.06.01.10.DC]. Đến nay, 100% GV có đầy đủ các chứng chỉ bắt buộc theo quy định: nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ [H6.06.01.15. DC].

Học viện, Khoa QHQT cũng ban hành các quy chế khen thưởng để kịp thời động viên, khích lệ đội ngũ cán bộ GV khi đạt chức danh phó giáo sư, giáo sư, đạt trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, đạt giải thưởng trong cuộc thi giảng dạy các cấp, trong NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng... [H6.06.01.16.DC] [H6.06.01.17].

Chất lượng GV ngành QHQT có sự phát triển mạnh mẽ. Hiện tại, tổng số GV cơ hữu của ngành là 9, trong đó có 1 cán bộ quản lý kiêm nhiệm (trước đây là Trưởng khoa, hiện là Phó Giám đốc HVBC&TT, nhưng vẫn tiếp tục giảng dạy, NCKH và tham gia các sinh hoạt khác tại Khoa như Đảng, Công đoàn). Đa phần cán bộ giảng dạy của ngành có tuổi đời trẻ, nhiệt huyết, đam mê giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hiện độ tuổi bình quân của GV cơ hữu là: 41; cơ cấu về giới là: 2 nam (22%) và 7 nữ (78%) [H6.06.01.15. DC]. Các GV trẻ luôn có tinh thần cầu thị, muốn khẳng định bản thân, giàu nhiệt huyết, sáng tạo, tâm lý và đặc biệt có trình độ ngoại ngữ, tin học thành thạo, có phương pháp giảng dạy tích cực, thu hút người học. Tính đến thời điểm hiện tại, 100% cán bộ giảng dạy của ngành đều có trình độ trên đại học. Số lượng GV có học vị tiến sĩ ngày càng tăng. Năm 2018, có thêm 1 cán bộ giảng dạy bảo vệ thành công luận án tiến sĩ; cũng trong năm này, Học viện tuyển dụng thêm 1 tiến sĩ cho ngành QHQT. Số GV cơ hữu có chức danh phó giáo sư là 2 (22%), số GV đạt trình độ tiến sĩ là 3 (chiếm 34 %) và số GV đang làm nghiên cứu sinh là 4 (44 %). Xét về ngạch GV, hiện nay ngành QHQT có 2 GV cao cấp, 3 GV chính, 1 GV đã xét hồ sơ đủ tiêu chuẩn và đang chờ nâng hạng chính thức lên GV chính [H6.06.01.15. DC]. Hầu hết GV của khoa/ngành đều có khả năng sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh, Pháp, Trung, Nhật, Nga) trong giao tiếp, có thể đọc, dịch tài liệu tiếng Anh để hỗ trợ công tác giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Một số GV có thể sử dụng tiếng Anh để giảng dạy các học phần chuyên ngành QHQT, TTĐN; đồng thời tham gia trợ giảng/phiên dịch cho chuyên gia trong các chương trình hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo quốc tế [H6.06.01.15.DC][H6.06.01.18] [H6.06.01.19].

Để đảm bảo số lượng, chất lượng đội ngũ GV nhằm phục vụ tốt công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, BCN Khoa luôn chú trọng công tác phát triển GV. Căn cứ để BCN Khoa xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức là: (i) Đảm bảo đội ngũ kế cận có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn cao; (ii) Đảm bảo số lượng, cơ cấu độ tuổi, giới tính; (iii) Dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ GV sắp nghỉ quản lý/nghỉ hưu [H6.06.01.07.DC] [H6.06.01.20.DC]. Việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp cho GV, đặc biệt là GV mới/trẻ được giao cho các tổ bộ môn phụ trách. GV mới/trẻ trước khi giảng dạy đều được các GV có kinh nghiệm và trình độ kèm cặp, bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp [H6.06.01.09.DC]. Theo lộ trình phát triển đội ngũ của ngành, đến năm 2024, toàn bộ GV cơ hữu đều đạt học vị tiến sĩ; đến năm 2030, sẽ có thêm từ 1 đến 2 GV đạt chức danh phó giáo sư; mỗi bộ môn đều có GV đạt chức danh phó giáo sư hoặc GV cao cấp [H6.06.01.02.DC].

Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, Khoa còn hợp tác với nhiều GV kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các nhà KH, GV uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH [H6.06.01.21.DC].

Về công tác đánh giá CBVC và bình xét thi đua - khen thưởng nhằm ghi nhận, tạo động lực cho đội ngũ GV phấn đấu, hoàn thành tốt trách nhiệm đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng: Học viện đã xây dựng các tiêu chí, chỉ số đánh giá nhằm phục vụ cho việc đánh giá, phân loại và bình xét thi đua - khen thưởng chính xác nhất, tạo động lực phấn đấu cho đội ngũ CBVC [H6.06.01.22.DC]. Đối với cán bộ quản lý (BCN Khoa) ngoài kênh đánh giá CBVC như đã nêu, Học viện còn đánh giá thông qua lấy phiếu tín nhiệm tại đơn vị theo định kỳ [H6.06.01.12.DC]. Đối với GV mới được tuyển dụng, hàng năm, Khoa đều tiến hành đánh giá năng lực, ý thức, thái độ, phù hợp với quy định của Học viện [H6.06.01.23.DC]. Kết quả đánh giá giúp Học viện nắm được thực trạng năng lực, uy tín của GV và cán bộ quản lý nhằm điều chỉnh cách thức quản lý, điều hành trong công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ.

2. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng được đề án vị trí việc làm đối với tất cả các đơn vị trong Học viện, trong đó có Khoa QHQT để vận hành công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sắp

xếp công việc hợp lý.

Việc quy hoạch GV của ngành QHQT (bao gồm thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện, nhu cầu thực tế và phù hợp với các quy định của Khoa, Học viện, giúp ngành chủ động về công tác cán bộ.

Giai đoạn 2016 - nay, Khoa QHQT nói chung và ngành QHQT nói riêng luôn quan tâm đến việc quy hoạch, phát triển đội ngũ GV. Tính đến thời điểm hiện tại, ngành QHQT đã xây dựng được đội ngũ GV trẻ, năng động, có trách nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý, đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch còn chưa chú trọng đúng mức tới sự cân đối tỷ lệ nam - nữ trong phạm vi ngành, Khoa và Học viện, dẫn tới mất cân bằng giới trong đội ngũ cán bộ GV.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, Khoa QHQT đề xuất Học viện có kế hoạch rà soát lại công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ GV để có đội ngũ GV đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đảm bảo cân đối tỷ lệ nam - nữ trong phạm vi ngành, khoa, trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5,5/7 điểm.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ GV cơ hữu của ngành QHQT là 9, trong đó số lượng phó giáo sư là 2 (22%), tiến sĩ là 3 (34 %); số GV đang làm nghiên cứu sinh là 4 (44 %) [H6.06.02.01].

Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, Khoa còn hợp tác với nhiều GV kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các chuyên gia, nhà KH, GV uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH

như: Đại học KHXH&NV (Đại học QG Hà Nội), HVNG, Viện QHQT (HVCTQG HCM), Đại học Luật Hà Nội, Bộ Ngoại giao, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy ban Đối ngoại Quốc hội, các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông, một số trường đại học ở nước ngoài: Đại học Nữ sinh Syoukmyung (Hàn Quốc), Đại học Thammasat (Thái Lan) ...[H6.06.01.21.DC].

Hiện nay, số lượng GV quy đổi là 13,9 nếu chỉ tính riêng cho ngành QHQT và là 16,06 nếu tính cho tổng số GV tham gia đào tạo [H6.06.02.01] (Bảng 6.1). Số lượng SV đại học chính quy ngành QHQT là 383 (cuối học kỳ II năm học 2019-2020) [H6.06.02.03]. Tính đến thời điểm tháng 11/2020, tỷ lệ SV/GV quy đổi của ngành QHQT là 23,84 SV/GV [H6.06.02.02].

Bảng 6.1. Thống kê GV quy đổi ngành QHQT tính đến tháng 11/2020

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHQT)

(Chú thích: GV quy đổi ngành QHQT được tính dựa trên Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH về việc hướng dẫn tự đánh giá CTĐT- 01/09/2016)

Số TT	Trình độ học vị chức danh	Hệ số quy đổi theo trình độ	Tổng chưa quy đổi	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	Tổng quy đổi nội bộ ngành	Số bổ sung từ GV nhóm chung (đã quy đổi)	Tổng quy đổi ngành (để tính SV/GV)
				GV trong biên chế trực tiếp GD	GV HĐ dài hạn trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Hệ số quy đổi theo vị trí GV =>			1	1	0,3	0,2	0,2			
1	Giáo sư	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	3	3	3	-	0,9	0,6	-	4,5	03	-
4	Tiến sĩ	2	3	6	-	-	-	-	6	28	-

Số TT	Trình độ học vị chức danh	Hệ số quy đổi theo trình độ	Tổng chưa quy đổi	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	Tổng quy đổi nội bộ ngành	Số bổ sung từ GV nhóm chung (đã quy đổi)	Tổng quy đổi ngành (để tính SV/GV)
				GV trong biên chế trực tiếp GD	GV HĐ dài hạn trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
5	Thạc sĩ	1	4	4	-	-	-	-	4	33	-
6	Cử nhân	0,5	-	-	-	-	-	-	-	0,3	-
	Tổng		10	13	0	0,9	0,6	0	14,5	1,56	16,06

Giai đoạn 2016 - nay, quy mô đào tạo ngành QHQT khá ổn định, trong khi nhu cầu xã hội có xu hướng tăng lên, thể hiện thông qua điểm đầu vào và số lượng SV dự tuyển, nhập học cao [H6.06.02.04].

Khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn, giờ NCKH của GV ngành QHQT được áp dụng đúng theo Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT, trong đó quy định rõ giờ giảng dạy, NCKH cho từng đối tượng. Cụ thể: (i) đối với GV cao cấp - hạng I (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ): giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với giáo sư là 270, NCKH là 950; học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 90; giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với phó giáo sư là 270, NCKH là 900, học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 110; đối với tiến sĩ lần lượt là 290, 850 và 210. (ii) Đối với GV chính (Hạng II): GV có học vị tiến sĩ: giờ chuẩn giảng dạy các môn học; giờ NCKH và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; GV chưa đạt trình độ tiến sĩ: 280, 700 và 260. (iii) Đối với GV (Hạng III): GV có học vị tiến sĩ: 270, 600 và 360 giờ; GV chưa đạt trình độ tiến sĩ: 270, 600 và 360 giờ [H6.06.02.05.DC].

Nhìn chung, giai đoạn 2016 - nay, khối lượng giảng dạy của GV ngành QHQT đều vượt so với quy định, số giờ vượt nhiều nhất thường tập trung ở các GV có học hàm, học vị cao hoặc GV lâu năm [H6.06.02.08]. Theo số liệu thống kê, bình quân

số giờ giảng dạy quy đổi của một GV cơ hữu ngành QHQT khá cao, đặc biệt trong năm học 2015 - 2016 lên tới 881,72 giờ. Tuy nhiên, khối lượng này có xu hướng giảm hơn trong ba năm học gần đây (2017 - 2018, 2018 - 2019 và 2019 - 2020 do số lượng GV cơ hữu tăng lên [H6.06.02.06. DC] [H6.06.02.01]).

Mặc dù khối lượng giảng dạy lớn, nhưng GV ngành QHQT đều đảm bảo chất lượng giảng dạy. Điều này được thể hiện thông qua khảo sát đánh giá của SV đối với GV và đối với các học phần được học theo từng học kỳ [H6.06.02.07.DC]. Đây là một trong những căn cứ quan trọng để Khoa, các tổ bộ môn đánh giá, cải tiến, điều chỉnh trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Bên cạnh giảng dạy, NCKH cũng là một nhiệm vụ trọng tâm đối với đội ngũ GV ngành QHQT. Điều này đã được quy định rõ trong Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT [H6.06.02.05.DC]. Đây chính là cơ sở, căn cứ để Học viện, Khoa và các tổ bộ môn đánh giá hoạt động NCKH hàng năm của đội ngũ GV trong đơn vị mình. Trong Quy chế cũng ghi rõ yêu cầu về từng loại hoạt động KH tính ra giờ quy đổi, cách quy đổi khối lượng NCKH hàng năm dựa trên các công trình công bố, các hoạt động KH mà GV đã thực hiện trong năm. Mặc dù trong giai đoạn 2016 - nay, GV ngành QHQT phải đảm đương khối lượng công việc giảng dạy lớn, nhưng theo số liệu thống kê, thì GV rất tích cực tham gia các hoạt động NCKH. Cụ thể: tham gia thực hiện 3 đề tài cấp Nhà nước, 3 đề tài cấp Bộ, chủ trì thực hiện 36 đề tài cấp cơ sở, xuất bản 28 sách chuyên khảo và sách giáo trình, 2 cuốn sách công bố quốc tế, công bố 5 bài báo quốc tế, 45 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước, 69 bài tham luận hội thảo khoa học các cấp [H6.06.02.09]. Cùng với những hoạt động KH khác, khối lượng giờ NCKH quy đổi bình quân của một GV trong năm luôn cao hơn so với quy định, đặc biệt trong hai năm học gần đây (2018 - 2019 và 2019 - 2020) [H6.06.02.10.DC].

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của từng GV ngành QHQT được xác định rõ ràng thông qua hệ thống các văn bản quy định của Học viện và được giám sát bởi tổ bộ môn, Khoa (Hội đồng KH-ĐT, BCN Khoa) và các đơn vị chức năng trong Học viện, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Học viện có các quy định cụ thể về khối lượng giảng dạy, NCKH, phân loại

đánh giá, thi đua đối với các hoạt động giảng dạy, NCKH của GV; do đó có căn cứ để cải tiến hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Ngành QHQT có đội ngũ GV cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo về chất lượng và số lượng để giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tỷ lệ SV/GV phù hợp (23,84 SV/GV), đảm bảo chất lượng đào tạo cho ngành QHQT. Đây cũng là căn cứ quan trọng để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù số lượng GV có học vị tiến sĩ tăng, nhưng tỉ lệ GV có học hàm phó giáo sư chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa cần tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước (cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế, cơ quan chuyên môn của Việt Nam trong lĩnh vực QHQT, TTĐN) để mời các chuyên gia tham gia giảng dạy/trao đổi một số nội dung của các học phần ngành/chuyên ngành, đặc biệt trong mảng thực tế chính trị - xã hội.

Năm 2022, rà soát, hỗ trợ 1 tiến sĩ (hiện là Phó Trưởng khoa QHQT) hoàn thành hồ sơ xét phong tặng chức danh phó giáo sư.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Phát triển đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức, có năng lực, trình độ chuyên môn cao là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của HVBC&TT. Để thực hiện điều đó, Học viện đã xây dựng và ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức [H6.06.01.04.DC]. Để đảm bảo tính chính xác, rõ ràng trong việc tuyển dụng và bổ nhiệm, Học viện đã xây dựng Đề án vị trí việc làm nhằm rà soát lại toàn bộ đội ngũ CBVC; từ đó có kế hoạch phân bổ, điều chỉnh, bổ sung nguồn lực, bố trí công việc phù hợp cho các năm tiếp theo. Đề án vị trí việc làm quy định tiêu chuẩn năng lực,

được xác định theo từng vị trí, nhóm công việc [H6.06.01.03.DC].

Trong công tác tuyển dụng, hàng năm, Hội đồng tuyển dụng của Học viện triển khai quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, công khai, bao gồm chỉ tiêu, tiêu chí, hình thức thi tuyển và thời gian tiến hành tuyển dụng. Tiêu chí tuyển dụng được xây dựng dựa trên quy định của Nhà nước và HVCTQGHCN [H6.06.03.01] [H6.06.01.04.DC]. Trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức của HVCT-HCQGHCN (nay là HVCTQGHCN) và HVBC&TT có các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật). Cụ thể: (1) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; (2) Nếu dự tuyển các vị trí có yêu cầu trình độ đại học, ứng viên phải tốt nghiệp cơ sở đào tạo công lập, hệ chính quy, tập trung, loại khá trở lên, không thi lại quá 2 môn (trong đó có môn chuyên ngành) hoặc tốt nghiệp các cơ sở đào tạo uy tín của nước ngoài có chuyên môn phù hợp với vị trí cần tuyển. Nếu dự tuyển các vị trí có yêu cầu trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, ngoài yêu cầu bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành thỏa mãn điều kiện trên, ứng viên còn phải có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ chuyên ngành phù hợp; (3) Trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ C trở lên một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc; (4) Trình độ tin học tương đương trình độ B, sử dụng thành thạo chương trình tin học văn phòng và ứng dụng CNTT để soạn bài giảng và giảng dạy; (4) Có khả năng sư phạm, không nói ngọng, không nói lắp, bảo đảm các yêu cầu ngoại hình; (5) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; (6) Có lý lịch rõ ràng [H6.06.01.04.DC].

Đối với các ứng viên tuyển dụng vào vị trí GV ngành QHQT, thì ngoài các yêu cầu chung theo quy định, trước khi đăng ký tuyển dụng, Hội đồng Khoa họp bàn đưa ra các yêu cầu riêng tùy thuộc vào yêu cầu phát triển cụ thể của ngành trong từng giai đoạn. Điều đó được thể hiện trong Biên bản họp khoa quy hoạch rà soát cán bộ và Tiêu chí tuyển dụng của Khoa [H6.06.01.23.DC] [H6.06.01.20.DC].

Trên thực tế, quy trình tuyển dụng được tiến hành như sau: hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Ban TC-CB, căn cứ vào chỉ tiêu viên chức đã được phê duyệt, căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trường đơn vị đề xuất nhu cầu tuyển dụng về Ban TC-CB để tổng hợp báo cáo trình Giám đốc phê duyệt. Kế hoạch tuyển dụng của Học viện được gửi tới các đơn vị trong toàn trường, được đăng tải trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng (báo viết, báo nói, báo hình), trên trang tin điện tử của trường và niêm yết công khai tại trụ sở

làm việc [H6.06.01.08.DC]. Các bước tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình và các quy định của pháp luật như Nghị định 116, Nghị định 29, Luật viên chức 2012, Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 và Quy định của trường về việc tuyển dụng công chức, viên chức [H6.06.03.01] [H6.06.01.04.DC]. Kết quả tuyển dụng được thông báo tới ứng viên trúng tuyển, công bố công khai đến các đơn vị, trên trang tin điện tử của trường [H6.06.01.08.DC].

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trên website của Học viện, được niêm yết tại Ban TC-CB [H6.06.01.08. DC]. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Học viện, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, với xu thế phát triển chung của giáo dục đại học [H6.06.01.04.DC] [H6.06.01.03.DC]. Đối với vị trí GV, ứng viên phải trải qua phần thi giảng phù hợp với chuyên môn đăng ký dự tuyển [H6.06.01.20. DC].

Trong quá trình tuyển dụng GV cho các khoa nói chung và Khoa/ngành QHQT nói riêng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện được thành lập để đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng. Hội đồng tuyển dụng hoạt động theo từng kỳ thi tuyển hoặc kỳ xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.01.04.DC].

Sau khi trúng tuyển, GV ngành QHQT tham gia dự giờ, biên soạn đề cương bài giảng, được một GV có kinh nghiệm và chuyên môn sâu hướng dẫn. GV tập sự phải thông qua giáo án và giờ giảng tại tổ bộ môn trước khi lên lớp chính thức. Số giờ giảng của GV tập sự được quy định trong Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT [H6.06.02.05.DC]. Sau 1 năm tập sự, Học viện, BCN Khoa và tổ bộ môn tiến hành đánh giá về ý thức, chuyên môn, phương pháp giảng dạy; nếu đạt thì mới được công nhận hết tập sự [H6.06.01.08.DC] [H6.06.01.09.DC] [H6.06.01.23.DC].

Trong giai đoạn từ 2016 - nay, để đảm bảo yêu cầu phát triển đội ngũ GV cũng như phát triển đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, ngành QHQT đã tiến hành tuyển dụng thêm 3 cán bộ giảng dạy. Cả 3 GV đều được đào tạo bài bản, có trình độ cao về chuyên môn, ngoại ngữ, có phẩm chất đạo đức tốt. Cụ thể: 2 thạc sĩ tốt nghiệp tại Anh và 1 tiến sĩ tốt nghiệp trong nước [H6.06.01.23.DC].

Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo công khai và dân chủ. Điều đó được thể hiện thông qua Quyết định về việc ban hành Quy

ché bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý [H6.06.01.05.DC]. Việc bổ nhiệm cán bộ xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị và năng lực của từng cán bộ, do đó đội ngũ này phù hợp với vị trí công việc và hoàn thành tốt/xuất sắc nhiệm vụ được giao [H6.06.03.02.DC] [H6.06.03.03.DC].

Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, Học viện thực hiện tốt việc qui hoạch cán bộ lãnh đạo tại các đơn vị, trong đó có Khoa QHQT; đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H6.06.01.01.DC] [H6.06.01.13.DC]. Học viện đã ban hành và triển khai thực hiện tốt Qui định tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ quản lý tại Khoa QHQT. Khoa tổ chức hội nghị với sự tham dự của đại diện Ban Giám đốc, Ban TC-CB cùng toàn thể đơn vị để lấy phiếu tín nhiệm và trình lên Đảng ủy Học viện xét duyệt [H6.06.01.12.DC]. Phiếu giới thiệu là một kênh tham khảo của Giám đốc HVBC&TT/HVCTQGHCM trước khi xác định nhân sự bổ nhiệm. Qui định này đảm bảo cho quy trình bổ nhiệm được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công khai theo tinh thần cải cách hành chính, tránh phiền hà, tiêu cực. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định [H6.06.01.05.DC]. Việc bổ nhiệm lãnh đạo Khoa còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giữa Khoa và Học viện [H6.06.01.15.DC] [H6.06.01.12.DC].

Công tác bổ nhiệm của Khoa QHQT được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị [H6.06.01.12.DC] [H6.06.01.05.DC]. Các vị trí được bổ nhiệm là Trưởng/Phó Khoa, Tổ trưởng tổ bộ môn đều hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ về quản lý, đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.03.02.DC]. Thành tích tập thể và cá nhân được ghi nhận là minh chứng cho sự bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chính xác của Học viện [H6.06.03.02.DC] [H6.06.03.03.DC].

Trong giai đoạn từ 2016 - nay, Học viện đã bổ nhiệm và bổ nhiệm lại nhân sự vào vị trí lãnh đạo Khoa QHQT (Trưởng, Phó khoa) và tổ bộ môn [H6.06.03.04]. Tất

cả các vị trí được bổ nhiệm đều đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn theo đúng quy định. Quá trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ của tất cả CBVC và đảm bảo bổ nhiệm đúng những người có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt [H6.06.01.05.DC].

Nhìn chung, việc tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ ngành QHQT đảm bảo đúng quy định, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của ngành, Khoa và Học viện. Cán bộ được bổ nhiệm đều hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao [H6.06.03.02.DC] [H6.06.03.03.DC]. 3 GV được tuyển dụng trong giai đoạn này đều hoàn thành tốt thời gian tập sự, được Khoa đánh giá cao [H6.06.01.23.DC]. Sau thời gian tập sự, các GV tham gia công tác giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Thông qua khảo sát SV về người dạy và các học phần cho thấy, các GV được tuyển dụng đã đáp ứng được số lượng, chất lượng giảng dạy [H6.06.02.07.DC]. Ngoài ra, nhiệm vụ NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cũng được đảm bảo theo đúng quy định [H6.06.03.02.DC][H6.06.03.03.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện đã thực hiện tốt quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện và nhu cầu thực tế, đặc biệt đã xây dựng được Đề án vị trí việc làm, làm căn cứ cho công tác tuyển dụng, bổ nhiệm.

Việc tuyển dụng công chức, viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định.

Công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện đúng quy định, quy trình, đảm bảo công khai và dân chủ.

Công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị, trong đó có Khoa QHQT được thực hiện tốt, đảm bảo tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tình trạng mất cân đối về tỉ lệ cán bộ giữa các độ tuổi, giới và học hàm, học vị cao đối với đội ngũ GV ngành QHQT

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT đề xuất với Ban TCCB lập kế hoạch tuyển dụng phù hợp hơn với điều kiện thực tế hiện nay, đặc biệt chú ý về giới, học hàm, học vị để

đảm bảo chất lượng đội ngũ cán bộ GV cũng như sự cân bằng tỷ lệ nam - nữ.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

GV là nguồn lực rất quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Khoa nói chung và ngành QHQT nói riêng, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu, then chốt. Tại HVBC&TT, yêu cầu về năng lực của đội ngũ GV được xác định và được đánh giá trong các văn bản như: Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Quyết định về việc ban hành Quy chế về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ công tác của GV ở HVBC&TT, HVCTQGHCN [H6.06.04.01] [H6.06.02.05.DC].

Học viện quan tâm chú trọng đến năng lực đội ngũ GV thông qua các quy định chuẩn về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H6.06.04.01]. Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT về việc chuẩn hóa năng lực sư phạm, năng lực ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng CNTT, Học viện thường xuyên cử cán bộ GV tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ này [H6.06.01.10.DC]. Thông qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, GV được trang bị kiến thức, kỹ năng để có thể đạt được các chuẩn năng lực theo quy định, giúp công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV ngày càng hiệu quả.

Hiện nay, 100% GV của ngành QHQT có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, CNTT trước khi lên lớp, đáp ứng đầy đủ quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy theo Thông tư liên tịch 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của liên bộ Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ [H6.06.04.01] [H6.06.01.18.DC]. Ngoài ra, từ năm 2016 - nay, GV ngành QHQT cũng tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp ngắn hạn như: Kỹ năng xây dựng bài giảng điện tử, Ứng dụng CNTT trong dạy học theo mô hình lớp học đảo ngược, Phương pháp giảng dạy tích cực, Phương pháp quản lý đào tạo theo TC, Chính sách công, Sản xuất chương trình trên smart phone, Kiến thức chuyên ngành QHQT, Tập huấn chuyên môn về truyền thông, Biến đổi khí hậu...

[H6.06.01.10.DC]. Để đáp ứng yêu cầu về năng lực, đội ngũ GV ngành QHQT không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Từ năm 2016 - nay, ngành Quan hệ quốc tế có thêm 3 GV có học vị tiến sĩ, 2 GV thăng hạng GV chính. Đến nay, 100% GV có trình độ trên đại học theo chuẩn chức danh nghề nghiệp [H6.06.01.15.DC].

Năng lực GV của Học viện nói chung và ngành QHQT nói riêng được đánh giá ở hai phương diện chính là năng lực sư phạm và năng lực NCKH. Năng lực sư phạm bao gồm năng lực giảng dạy, thiết kế chương trình, tài liệu dạy học, tổ chức dạy học, năng lực giao tiếp, sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học, v.v. Năng lực NCKH bao gồm năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, thực hiện các công trình, đề tài NCKH và công bố KH trong nước và quốc tế. Những năng lực này của GV được đánh giá ngay trong quá trình tuyển dụng và định kỳ hàng năm trên cơ sở quy định cụ thể trong đánh giá, phân loại GV [H6.06.01.22.DC]. Quy chế GV quy định rõ năng lực, trách nhiệm của GV trong việc thực hiện các hoạt động dạy học và NCKH. Học viện cũng quy định cách thức đánh giá năng lực giảng dạy và NCKH đối với GV ở các trình độ, hạng ngạch khác nhau thông qua định mức giờ chuẩn giảng dạy (bao gồm giờ đứng bục và giờ quy đổi) và giờ chuẩn NCKH (bao gồm các hoạt động KH được quy đổi) [H6.06.02.05.DC].

Ngoài quy định về giờ chuẩn trong công tác giảng dạy và NCKH, Học viện còn đánh giá năng lực GV thông qua giờ quy đổi công tác học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác, trên cơ sở đó xác định mức độ HTNV. Đây là những căn cứ để Học viện quản lý, phân công, bố trí GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và cũng là cơ sở để Học viện đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm. Đồng thời, những quy định trên cũng là cơ sở để GV xây dựng kế hoạch giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình.

Việc đánh giá năng lực GV ngành QHQT dựa vào khối lượng giảng dạy và NCKH theo quy định. Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, NCKH hàng năm của Học viện, Khoa, GV ngành QHQT thực hiện khối lượng giảng dạy và NCKH trên cơ sở định mức giờ chuẩn về giảng dạy, NCKH theo hạng mức chức danh nghề nghiệp. Trong giai đoạn từ 2016- nay, GV ngành QHQT đều hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy và NCKH theo quy định của Học viện [H6.06.02.06. DC].

Hàng năm, Học viện thực hiện đánh giá năng lực GV theo đúng quy định về

đánh giá, xếp loại GV và bình xét các danh hiệu thi đua - khen thưởng. Học viện quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại, bình xét thi đua - khen thưởng của cá nhân và tập thể. Theo đó, GV được đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ thông qua giảng dạy, NCKH theo định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng cụ thể. Có 4 mức đánh giá: HTSXNV, HTTNV, HTNV và KHTNV. Trên cơ sở tự đánh giá của GV và nhận xét của đồng nghiệp, trưởng đơn vị đánh giá, xếp loại GV. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Học viện bình xét, quyết định xếp loại các danh hiệu thi đua dựa trên các kết quả đánh giá xếp loại GV [H6.06.04.02] [H6.06.04.03] [H6.06.03.02.DC]. Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm giúp mỗi cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và nắm bắt tổng quan về tình hình giảng dạy, NCKH trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp.

Việc đánh giá năng lực GV ngành QHQT từ phía Học viện (thi GV dạy giỏi), Khoa (dự/thi giờ giảng) và SV (khảo sát) cũng được thực hiện thường xuyên [H6.06.04.04] [H6.06.04.05] [H6.06.02.07.DC]. Với mỗi học phần, GV thường khảo sát SV về mức độ hài lòng đối với năng lực của người dạy bằng các hình thức đa dạng (phiếu khảo sát, nêu/viết ý kiến vào giấy...), trên cơ sở đó tổng hợp và đối sánh với kết quả khảo sát chính thức của Học viện thông qua Trung tâm KT&KĐCLĐT [H6.06.04.06]. Đánh giá của SV đối với GV/các học phần thuộc ngành QHQT được thực hiện công khai, khách quan, minh bạch. Kết quả khảo sát bằng phiếu/online giai đoạn 2016 - nay cho thấy đánh giá của SV đối với GV ngành QHQT đều đạt ở mức tốt [H6.06.02.07.DC]. Đó là minh chứng cho việc giảng dạy một cách nghiêm túc (theo đúng quy định của Học viện) và đảm bảo chất lượng của GV ngành QHQT. Qua đó giúp Khoa đánh giá một cách chính xác năng lực của đội ngũ GV tại đơn vị mình.

Như vậy, năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng, nhất quán. Học viện và Khoa thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh để hoàn thiện hơn năng lực giảng dạy và NCKH, các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Năng lực của GV ngành QHQT được xác định rõ ràng, đầy đủ, thể hiện trong

các văn bản quy định của Học viện.

Năng lực của GV ngành QHQT được đánh giá chính xác, hiệu quả thông qua nhiều hình thức đa dạng từ phía Học viện, Khoa và SV: đánh giá, xếp loại, thi đua – khen thưởng hàng năm; thi GV giỏi cấp khoa/trường; dự giờ giảng, khảo sát...

3. Điểm tồn tại

Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ GV ngành QHQT còn chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Học viện tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng tăng cường khả năng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ giảng dạy ngành QHQT để có thể phát huy tốt hơn năng lực giảng dạy và NCKH (có thể công bố nhiều công trình quốc tế hơn).

Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực QHQT để tạo cơ hội cho cán bộ GV được đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ/ngoại ngữ ở nước ngoài.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

HVBC&TT luôn chú trọng phát triển đội ngũ GV, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích và tạo mọi điều kiện để GV hoàn thành tốt công việc của mình. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ GV trẻ, GV tập sự trong giảng dạy và NCKH luôn được Học viện xem là nhiệm vụ then chốt [H6.06.01.01.DC]. Để đáp ứng nguyện vọng được đào tạo, nâng cao trình độ của GV, Học viện luôn xác định cụ thể các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng cho đội ngũ giảng dạy.

Ban TC-CB là đơn vị được Ban Giám đốc Học viện giao nhiệm vụ thực hiện rà soát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ trong trường [H6.06.05.01] [H6.06.05.02]. Hàng năm, Ban TC-CB gửi Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng đơn vị, trên cơ sở đó tổng hợp trình Giám đốc phê duyệt quyết định cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng của GV [H6.06.01.10.DC].

Học viện, Khoa QHQT có chính sách, biện pháp, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, GV tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong và ngoài nước. Để đẩy nhanh tiến độ GV đạt chuẩn học vị, Học viện có nhiều chính sách khuyến khích như ưu đãi

về tài chính, giờ giảng. Đối với GV là học viên cao học, nghiên cứu sinh hệ tập trung: được ưu tiên cho việc tập trung nghiên cứu trong thời gian theo quyết định nhập học của cơ sở đào tạo, được hưởng chế độ khi tham gia giảng dạy như GV mời, được Học viện chi trả học phí theo quy định của Nhà nước, được hưởng các chế độ tương đương khi bình xét thi đua... [H6.06.02.05.DC]. Ngoài ra, GV đi học cao học và nghiên cứu sinh sẽ được thưởng khi hoàn thành chương trình học đúng thời hạn [H6.06.01.16.DC]. Đối với các chương trình học bổng nước ngoài, Học viện công khai thông báo tới các đơn vị, tạo điều kiện, khuyến khích để cán bộ GV, đặc biệt GV trẻ tham gia dự tuyển [H6.06.05.03].

Nhu cầu phát triển chuyên môn, NCKH của đội ngũ GV còn được Học viện, Khoa QHQT quan tâm, tạo điều kiện như: cử tham gia hội nghị, HTKH các cấp; hỗ trợ công bố nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín, đặc biệt trên các tạp chí quốc tế; cử tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và NCKH trong và ngoài nước; hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài NCKH các cấp; khuyến khích, khen thưởng và hỗ trợ tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH ... [H6.06.01.10.DC] [H6.06.01.16.DC]. Tổng kinh phí hỗ trợ của Học viện cho các hoạt động trên trong năm 2016 là 15,847 tỷ đồng; năm 2017 là 13,453 tỷ đồng; năm 2018 là 17,058 tỷ đồng; năm 2019 là 12,551 tỷ đồng [H6.06.01.10.DC]. GV ngành QHQT nhận được sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn trong, ngoài nước và kinh phí hỗ trợ NCKH của HVCTQG HCM và HVBC&TT [H6.06.01.10.DC].

Phát triển đội ngũ GV của Khoa QHQT nói chung và ngành QHQT nói riêng được xác định rõ trong Chiến lược phát triển Khoa QHQT đến năm 2030, tầm nhìn 2050, Báo cáo tổng kết năm học và Báo cáo Hội nghị CBVC hàng năm [H6.06.01.02.DC] [H6.06.01.11.DC] [H6.06.01.07.DC]. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ GV, BCN Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và theo từng giai đoạn phát triển [H6.06.05.04]. Hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn bám sát Đề án vị trí việc làm của Học viện [H6.06.01.03.DC]. Ví dụ: “Năm 2016 - 2017, cử 1-2 GV đi học nghiên cứu sinh về QHQT, báo chí - truyền thông”; “Năm 2018, hỗ trợ 1 nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sĩ, 1 thạc sĩ tiếp tục bậc học tiến sĩ”; “Năm 2018: tuyển 1-2 tiến sĩ chuyên ngành QHQT/CTH” [H6.06.01.07.DC] [H6.06.01.11.DC]

[H6.06.05.04]. Các kế hoạch này đã được Khoa và GV triển khai thực hiện, thể hiện sự phát triển về chất của đội ngũ GV. Giai đoạn 2016 - nay, Khoa có 4 GV đi học nghiên cứu sinh chuyên ngành QHQT và CTH tại các cơ sở đào tạo uy tín trong nước. Đến nay, 100% GV ngành QHQT đã tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ mà Học viện tổ chức [H6.06.01.10.DC]. Hiện tại, ngành QHQT có 9 GV cơ hữu, trong đó có 2 phó giáo sư (22%), 3 tiến sĩ (34%) và 4 thạc sĩ đang đi học nghiên cứu sinh (44%). Toàn bộ GV của ngành đều có chứng chỉ tin học, ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm theo quy định [H6.06.01.15. DC].

Sau khi hoàn thành các khóa đào tạo, bồi dưỡng, một số GV của Khoa đã được quy hoạch, bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý như Trưởng, Phó Khoa, Tổ trưởng tổ bộ môn [H6.06.01.12.DC].

Như vậy, nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ GV ngành QHQT được xác định và đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

Để đảm bảo/nâng cao chất lượng cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn, trong và ngoài nước, năm 2018, 2019, Học viện đã tiến hành khảo sát GV về mức độ hài lòng của GV đối với hoạt động này. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng của GV ở mức khá cao [H6.06.05.05].

2. Điểm mạnh

Học viện có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ GV ngành QHQT được đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn (giảm giờ giảng, hỗ trợ kinh phí đào tạo, động viên, khen thưởng...).

Việc xác định nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của GV được tiến hành khảo sát thường xuyên. Học viện, Khoa QHQT có những hoạt động triển khai các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả. Nội dung đào tạo và phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV thiết thực, phong phú.

Đội ngũ GV giảng dạy tại các lớp tập huấn, bồi dưỡng là những người có trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực đảm nhiệm, nhiều CTĐT có sự tham gia giảng dạy của GV nước ngoài.

3. Điểm tồn tại

Hình thức tổ chức một số lớp đào tạo, bồi dưỡng chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của GV. Ví dụ: một số khóa học ngoại ngữ chưa phù hợp về mặt thời gian do việc bố trí lớp học trong giờ hành chính, khó đảm bảo cho sự tham gia

thường xuyên, đầy đủ của GV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Học viện BC&TT, Khoa QHQT có kế hoạch hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí để GV có thể tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn.

Khoa QHQT đề xuất các phòng ban chức năng có liên quan đến việc mở lớp như Ban TC-CB và Ban QLĐT thay đổi hình thức tổ chức các lớp học ngoại ngữ cho phù hợp với nhu cầu của GV, tạo điều kiện về thời gian và công việc để GV có thể tham gia đầy đủ nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Với từng chức danh nghề nghiệp, Học viện có qui định cụ thể về khối lượng công việc (giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác) [H6.06.02.05.DC]. Hàng năm, kết quả công việc của đội ngũ GV ngành QHQT trong giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được Khoa, Học viện đánh giá, phân loại theo quy định [H6.06.01.22.DC]. Kết quả công việc của GV được đánh giá căn cứ trên cơ sở khối lượng công việc theo năm học/năm hành chính [H6.06.06.01].

Đầu học kỳ, trên cơ sở khối lượng công việc giảng dạy được Học viện giao, Trưởng bộ môn/BCN Khoa tiến hành phân công cho GV theo quy định hạng mức chức danh nghề nghiệp. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, theo quy định của Học viện, GV còn phải hoàn thành khối lượng cụ thể trong NCKH [H6.06.02.05.DC] [H6.06.06.01].

Đầu năm, GV thực hiện đăng ký thi đua theo các danh hiệu như LĐTT, CSTĐ cấp cơ sở [H6.06.02.05.DC]. Cuối năm hành chính (trước năm 2017: xét theo năm học), Khoa QHQT và Học viện tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của HVCTQG HCM với những quy định cụ thể về nội dung, tiêu chí, trên cơ sở đó làm căn cứ bình xét, đánh giá khả năng hoàn thành nhiệm vụ của GV [H6.06.01.22.DC] [H6.06.03.02.DC].

Xem xét khen thưởng chính là ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của các cá nhân, tạo động lực cho cán bộ GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động khác; đồng thời là cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý. Kết quả xếp loại của cán bộ GV sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm [H6.06.01.16.DC] [H6.06.03.02.DC].

Quy trình đánh giá cán bộ GV hàng năm được đưa ra trong các quy định, quyết định về đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức của HVBC&TT và Công văn Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của HVCTQGHCN [H6.06.01.22.DC]. Về cơ bản, quy trình đánh giá được thực hiện theo 3 bước: (1) Cá nhân làm báo cáo tự đánh giá kết quả công việc theo nhiệm vụ được giao; (2) Trình bày báo cáo tự đánh giá tại Hội đồng thi đua đơn vị để đồng nghiệp nhận xét, đóng góp ý kiến; (3) Trường đơn vị quyết định đánh giá, phân loại. Căn cứ vào các tiêu chí đánh giá, cá nhân tự xếp loại theo 4 mức: HTSXNV, HTTNV, HTNV và KHTNV. Các nội dung, tiêu chí cụ thể về đánh giá, xếp loại cá nhân được thể hiện rõ trong Công văn Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của HVCTQGHCN mà Ban TC-CB gửi tới các đơn vị, trong đó bao gồm: (i) Tư tưởng chính trị; (ii) Phẩm chất đạo đức, lối sống; (iii) Ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong, lề lối làm việc; (iv) Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; (v) Điểm cộng và (vi) Điểm trừ [H6.06.01.22.DC].

GV ngành QHQT hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NKCH và các công việc khác luôn nhận được danh hiệu xứng đáng: LĐTT, CSTĐCS, Giấy khen của Giám đốc HVBC&TT, Bằng khen của Giám đốc HVCTQGHCN, Thủ tướng Chính phủ... Mức độ hoàn thành công việc trong năm sẽ làm căn cứ để bình xét thi đua, khen thưởng cấp cao [H6.06.03.02.DC] [H6.06.03.03.DC]. Đồng thời, kết quả đánh giá cũng làm căn cứ để nâng lương trước thời hạn cho cán bộ GV [H6.06.06.07].

Nhờ những quy định đánh giá, phân loại GV mà năng lực trong giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV ngành QHQT ngày càng được hoàn thiện. Trong 5 năm qua, GV ngành QHQT liên tục đạt danh hiệu CSTĐCS, LĐTT, nhiều GV được khen thưởng bậc cao như Bằng khen của Giám đốc HVCTQGHCN, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ [H6.06.03.02.DC]

[H6.06.03.03.DC].

Để đảm bảo quản trị công việc theo kết quả của GV được dân chủ, khách quan, trước khi ban hành các văn bản quy định về chế độ làm việc, đánh giá cán bộ GV, quy chế thi đua - khen thưởng v.v, Học viện đều tiến hành gửi Thông báo xin ý kiến góp ý kèm dự thảo Quy định tới Khoa [H6.06.06.02]. Ý kiến đóng góp của GV trong khoa được tổng hợp thành văn bản gửi Ban TC-CB để hoàn thiện, trình Ban Giám đốc phê duyệt trước khi ban hành [H6.06.06.03]. Ngoài ra, việc lấy ý kiến đóng góp của GV còn được thực hiện qua nhiều hình thức khác như thông qua Báo cáo tổng kết hội nghị CBVC của Khoa và Học viện, Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học [H6.06.01.07.DC] [H6.06.06.04] [H6.06.01.23.DC]; thông qua khảo sát mức độ hài lòng của GV đối với công tác đánh giá, xếp loại, thi đua - khen thưởng. Kết quả thu được từ khảo sát (năm 2019) về công tác xếp loại, thi đua - khen thưởng của Học viện ở mức khá. Cụ thể: 69,23% hài lòng với việc thực hiện quản trị GV, NV và NCV (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc của Học viện và 71,79% hài lòng về kết quả đánh giá, đặc biệt là thi đua - khen thưởng và công nhận [H6.06.06.05]. Trên cơ sở khảo sát và những ý kiến đóng góp đó, Học viện đã tiến hành cải tiến trong công tác thi đua - khen thưởng hàng năm nhằm sát thực, phù hợp với thực tế [H6.06.06.06].

Tính đến thời điểm hiện nay, Học viện không có đơn từ khiếu nại nào về kết quả đánh giá, bình xét thi đua - khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV [H6.06.06.08]. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai tại Học viện nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Học viện đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả HTNV, thi đua - khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV. Điều đó không chỉ tạo động lực cho GV ngành QHQT trong giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV được thực hiện tốt.

Phần lớn GV ngành QHQT đều vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (giảng dạy, NCKH). Nhiều GV đạt danh hiệu LĐTĐ, CSTĐ cấp cơ sở, được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước thời hạn... Điều này tạo động lực và hỗ trợ cho đào

tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản uy tín trong và ngoài nước giữa GV của các tổ bộ môn trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT sẽ tiến hành xây dựng cơ chế phối hợp nghiên cứu giữa GV của các tổ bộ môn trong Khoa cũng như với các nhà KH uy tín ngoài khoa để tăng cường các công trình nghiên cứu chung được đăng tải trên các tạp chí uy tín, nhà xuất bản uy tín trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Cùng với đào tạo, hoạt động NCKH là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng HVBC&TT trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao [H6.06.01.01.DC]. Hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo của Học viện và Khoa QHQT [H6.06.02.05.DC]. Khoa rất chú trọng hỗ trợ GV ngành QHQT trong các hoạt động NCKH [H6.06.01.02.DC] [H6.06.07.01]. Hầu hết GV trong Khoa đều làm chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài được hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài đạt loại xuất sắc [H6.06.07.02] [H6.06.07.06]. Nhiều năm, Khoa và một số GV đã đạt thành tích cao trong NCKH (thành tích tập thể, cá nhân) [H6.06.03.03.DC].

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV Khoa QHQT nói chung và ngành QHQT nói riêng. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng. Hoạt động NCKH của GV ngành QHQT được thực hiện theo Quy chế về quản lý hoạt động KH theo Quyết định số 856/QĐ-MĐC của HVBC&TT [H6.06.07.03]. Theo đó, GV phải hoàn thành khối lượng NCKH như: nghiên cứu đề tài KH các cấp, viết bài đăng tạp chí KH, tham luận HTKH các cấp, hướng dẫn SV NCKH, tham dự hội nghị, hội thảo, tọa đàm KH, sinh hoạt học thuật,

tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề v.v [H6.06.02.05.DC]. Trong kế hoạch NCKH hàng năm, GV phải đề ra những mục tiêu nghiên cứu cụ thể nhằm ít nhất đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo KH, hướng dẫn SV NCKH...) [H6.06.07.05] [H6.06.02.05.DC]. Học viện đã ban hành quy định số giờ chuẩn hoạt động KH hàng năm đối với mỗi chức danh, học vị của cán bộ GV trong trường. Cụ thể, đối với GV cao cấp, giáo sư/phó giáo sư là 900 giờ; GV chính là 700 giờ; GV là 600 giờ. Trong Quy chế cũng ghi rõ các yêu cầu về từng loại hoạt động KH được quy đổi và số giờ quy đổi cho mỗi hoạt động. Trên cơ sở giờ quy định về NCKH, Học viện tiến hành đối sánh với kết quả thực hiện công tác NCKH của GV, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành công việc và bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm [H6.06.02.05.DC] [H6.06.07.04] [H6.06.02.10.DC].

Việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp của GV được thực hiện theo đúng quy định. Căn cứ vào kế hoạch NCKH hàng năm, Ban QLKH gửi thông báo chỉ tiêu cùng các tiêu chí cụ thể cho từng loại hình đề tài tới các đơn vị trong trường. GV đề xuất và thuyết minh đề tài KH trước Hội đồng KH - ĐT Khoa. Sau khi được Hội đồng KH - ĐT Khoa thông qua, các đề tài KH được tổng hợp và đăng ký với Ban QLKH. Ban QLKH thẩm tra đề xuất của Khoa trước khi báo cáo Ban Giám đốc. Lãnh đạo Học viện ra quyết định giao đề tài cũng như các nhiệm vụ KH khác trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng KH - ĐT Học viện [H6.06.07.03] [H6.06.07.05] [H6.06.07.04]. Với quy trình xét duyệt chặt chẽ và yêu cầu cụ thể về sản phẩm đã góp phần nâng cao chất lượng của đề tài KH của Học viện nói chung và Khoa/ngành QHQT nói riêng [H6.06.07.06].

Hoạt động NCKH của GV ngành QHQT được giám sát thông qua Hội đồng KH - ĐT Khoa QHQT và Ban QLKH Học viện. Hội đồng KH - ĐT Khoa có trách nhiệm giám sát tiến độ và chất lượng thực hiện các nhiệm vụ KH đã được Học viện phê duyệt trong năm như: đề tài KH các cấp, đề tài KHSV, hội thảo và thông tin KH [H6.06.01.23.DC]. Ban QLKH thường xuyên theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ NCKH của các đơn vị trong trường, trong đó có Khoa QHQT. Định kỳ trong năm, Ban QLKH tổ chức cuộc họp báo cáo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ KH của các đơn vị trong Học viện. Thành phần tham dự: đại diện Ban Giám đốc (phụ trách KH), Ban QLKH, đại diện lãnh đạo, thư ký KH của các đơn vị, trong đó có

Khoa QHQT. Trong cuộc họp, lãnh đạo Khoa QHQT báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH đã được phê duyệt trong năm (kèm theo minh chứng); đồng thời trình bày những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện và đề xuất, kiến nghị những nội dung cụ thể nhằm đảm bảo/nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động [H6.06.07.07] [H6.06.07.08].

Chất lượng các công trình nghiên cứu KH của GV ngành QHQT được Hội đồng KH - ĐT Khoa, Hội đồng nghiệm thu đề tài của Học viện giám sát, đánh giá theo quy định về quản lý KH của Học viện. Các đề tài KH sau khi hoàn thành sẽ được Hội đồng nghiệm thu đề tài của Học viện đánh giá, xếp loại theo các mức: xuất sắc, khá, trung bình, yếu. Nhìn chung, chất lượng đề tài KH của GV ngành QHQT đều được xếp loại từ mức khá trở lên, chưa có công trình nào bị xếp loại yếu. Những công trình KH khác (sách chuyên khảo, giáo trình, bài báo KH) đều được xuất bản bởi các nhà xuất bản uy tín, đăng trên những tạp chí khoa học chuyên ngành có chỉ số ISSN; nhiều báo cáo tại các hội thảo KH quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ. Đa đa số các công trình KH của GV ngành QHQT đã được xã hội hóa, làm tài liệu học tập, tham khảo cho người học và những ai quan tâm nghiên cứu trong lĩnh vực QHQT, TTĐN [H6.06.07.01]. Kết quả NCKH của đội ngũ GV ngành QHQT trong 5 năm gần đây được thống kê cụ thể dưới đây:

Bảng 6.2: Hình thức và số lượng công trình nghiên cứu của GV ngành QHQT, Khoa QHQT (2016-2020) [H6.06.07.02]

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học (2016-2020) của Khoa QHQT)

Năm	Đề tài các cấp			Bài báo		Sách		Báo cáo KH	
	Cấp NN	Cấp Bộ	Cấp cơ sở	Trong nước	Quốc tế	Giáo trình	Chuyên khảo	HT trong nước	HT quốc tế
2016	1	2	5	9	-	1	3	11	5
2017	-	1	6	13	1	-	5	7	5
2018	-	-	7	8	1	2	4	10	2
2019	-	-	7	4	2	2	7	10	7
2020	2	-	11	11	1	3	3	10	2
Tổng	3	3	36	45	5	8	22	48	21

Theo số liệu thống kê 4 hạng mục trên (đề tài, sách, bài đăng tạp chí, báo cáo khoa học), thì năm 2020, GV ngành QHQT công bố nhiều công trình KH nhất. Năm 2018, 2019, không có đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và số lượng bài báo cũng giảm hơn so với các năm khác. Tuy nhiên, đối sánh với kết quả NCKH của ngành QHCC, Khoa QHCC&QC trong Học viện, thì phần lớn số lượng các công trình nghiên cứu KH của đội ngũ GV ngành QHQT cao hơn, chỉ thấp hơn ở hạng mục bài báo đăng trên các tạp chí trong nước [H6.06.07.09].

Việc xác lập, giám sát và đối sánh các loại hình, số lượng hoạt động NCKH của GV không chỉ nhằm đảm bảo tiến độ, mà còn nhằm cải tiến chất lượng. Thông qua các hoạt động trên, Khoa QHQT đánh giá thực trạng, trên cơ sở đó phát huy điểm mạnh và đề xuất biện pháp điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng hoạt động KH của đội ngũ GV ngành QHQT [H6.06.01.23.DC].

Về phía Học viện, công tác tổng kết, đánh giá các hoạt động NCKH cũng được thực hiện hàng năm thông qua Hội nghị Thư ký KH, Hội nghị CBVC. Tại các hội nghị này, Học viện thông báo các kết quả NCKH, những quy định mới liên quan đến NCKH, khả năng hợp tác, liên kết với các đơn vị ngoài trường cũng như những phương hướng, nhiệm vụ triển khai trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV ngành QHQT được xác lập rõ ràng. Hoạt động NCKH của GV ngành QHQT được giám sát chặt chẽ, thường xuyên bởi Hội đồng KH - ĐT Khoa và Ban QLKH Học viện nhằm đảm bảo định mức, tiến độ và chất lượng.

GV ngành QHQT luôn vượt mức giờ NCKH hàng năm do Học viện quy định. GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu KH khác nhau (ĐTKH các cấp, sách chuyên khảo, giáo trình, bài viết đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, báo cáo tại HTKH trong nước và quốc tế) và đảm bảo chất lượng các công trình nghiên cứu.

Khoa QHQT có đối sánh số lượng và loại hình các hoạt động nghiên cứu của GV hàng năm để cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH cấp Bộ, Nhà nước của GV ngành QHQT còn ít, các công trình công bố quốc tế còn hạn chế và chủ yếu là của những GV có học hàm, học vị cao.

4. Kế hoạch hành động

Khoa QHQT đề xuất Học viện có cơ chế, chính sách hỗ trợ động viên, khen thưởng kịp thời các GV có nhiều thành tích trong NCKH, đặc biệt là các GV trẻ.

Từ năm 2021, Khoa QHQT đưa ra khuyến nghị về việc các tổ bộ môn thành lập nhóm nghiên cứu mạnh để định hướng GV ngành QHQT tham gia thực hiện đề tài các cấp, đặc biệt là đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước và có nhiều công trình công bố quốc tế hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV ngành QHQT đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức, thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Để đạt được kết quả đó, HVBC&TT đã thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ GV bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí và chấm dứt hợp đồng. Với các quy định cụ thể về khối lượng công việc (giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác), đội ngũ GV có cơ sở để xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm và thực hiện hiệu quả khối lượng công việc được giao. Do đó, toàn bộ GV ngành QHQT đều hoàn thành vượt mức giờ giảng, NCKH và các hoạt động khác trong năm. Ngoài ra, Học viện, Khoa QHQT luôn khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ GV tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn, dài hạn, trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Những quy định của Học viện về đánh giá, xếp loại, thi đua - khen thưởng; những chính sách khuyến khích, hỗ trợ là động lực giúp cán bộ GV phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình.

Bên cạnh những điểm mạnh đó, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: (i) Về công tác tuyển dụng, Học viện, Khoa chưa quan tâm đúng mức tới cơ cấu về giới, nên tỉ lệ nam - nữ chưa cân đối. (ii) Về đội ngũ GV ngành QHQT, tỉ lệ GV có học hàm phó giáo sư còn chưa đồng đều ở các tổ bộ môn; (iii) Về các lớp bồi dưỡng, tập huấn, còn có những điểm chưa phù hợp như: thời gian, nhu cầu, kinh phí...; (iv) Về NCKH, số lượng các đề tài NCKH cấp Bộ, Nhà nước cũng như các công trình công bố quốc tế của GV ngành QHQT chưa nhiều.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng đó, Học viện, Khoa QHQT tiếp tục phát huy các

thế mạnh và có kế hoạch hành động nhằm hạn chế tối đa những tồn tại. Cụ thể: (i) Có chính sách tuyển dụng đảm bảo thu hút các ứng viên có năng lực chuyên môn cao, quan tâm đúng mức về giới nhằm đảm bảo cân bằng tỉ lệ nam – nữ; (ii) Hỗ trợ GV có học vị tiến sĩ làm hồ sơ xét chức danh phó giáo sư; (iii) Xem xét, điều chỉnh thời gian học của các lớp tập huấn, bồi dưỡng (như các lớp học ngoại ngữ) để GV có thể tham gia đầy đủ, hiệu quả hơn; (iv) Có các cơ chế để nâng cao hơn nữa năng lực NCKH của đội ngũ GV, đặc biệt trong những hạng mục còn hạn chế như: đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và các công trình công bố quốc tế.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí, cả 7 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình ở mức: 5,5 /7.

TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Đội ngũ NV đóng vai trò quan trọng và khẳng định được vị trí của mình trong nhiều hoạt động của Học viện. Hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thực hiện hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy - học, NCKH của GV và SV. Đội ngũ này là những người làm việc tại Khoa QHQT và tại các đơn vị khác trong trường. Học viện, Khoa QHQT chủ trương đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển đội ngũ NV hỗ trợ nhằm đạt chất lượng phục vụ tốt nhất. Đó là các chiến lược trong quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo để phát triển đội ngũ NV.

Đội ngũ NV của Khoa QHQT nói chung và ngành QHQT nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đó là những NV có tinh thần phục vụ tốt, năng lực chuyên môn cao, sẵn sàng tham gia các khóa bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện tại, số lượng NV của ngành QHQT là 22, trong đó của Khoa là 7 và của các đơn vị trong trường là 15.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Năm 2017, Học viện có Quyết định về việc chỉnh sửa và ban hành Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050, trong đó bao gồm kế hoạch hành động về xây dựng nguồn nhân lực. Giải pháp nêu rõ: (i) Nhà trường cần có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ NV, quy hoạch bổ nhiệm phù hợp với điều kiện cụ thể; (ii) Xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch; (iii) Có chính sách phát triển trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ một cách rõ ràng [H7.07.01.01.DC].

Dựa trên kế hoạch hành động về phát triển nguồn nhân lực, Học viện, Khoa QHQT đã tiến hành xây dựng và triển khai công tác quy hoạch đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT. Về phía HVBC&TT, Học viện đã xây dựng Đề án vị trí việc làm nhằm rà soát, xác định nhu cầu đội ngũ CBVC nói chung và đội ngũ NV hỗ trợ nói riêng, đồng thời tiến hành quy hoạch chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp và hoàn

thành đề án việc làm cho các đơn vị hành chính trực thuộc [H7.07.01.03.DC].

Về phía Khoa QHQT, việc rà soát vị trí việc làm, xây dựng kế hoạch và triển khai công tác quy hoạch đội ngũ NV được thể hiện trong Chiến lược phát triển của Khoa, Biên bản họp hội nghị CBVC hàng năm và Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.02.DC] [H7.07.01.03.DC] [H7.07.01.04.DC]. Trong Chiến lược phát triển của Khoa và Đề án vị trí việc làm có đề cập đến vấn đề quy hoạch, phát triển nhân sự (số lượng, tuyển dụng, bổ nhiệm). Trong Biên bản họp hội nghị CBVC hàng năm có đề cập đến nhu cầu nhân sự của Khoa trong từng thời điểm. Cụ thể: trong năm 2018, để tăng cường đội ngũ NV hỗ trợ ngành QHQT, Khoa đề xuất Học viện bổ sung vị trí chuyên viên VPK đang khuyết thiếu do chuyên viên VPK được điều chuyển lên làm GV [H7.07.01.05] [H7.07.01.06].

Học viện thường tiến hành rà soát đội ngũ NV, đối chiếu với Đề án vị trí việc làm, trên cơ sở đó tiến hành phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng NV cho các đơn vị [H7.07.01.03.DC] [H7.07.01.07.DC]. Việc đề xuất nhân sự của các đơn vị được Ban TC - CB tổng hợp và trình lên Ban Giám đốc, trên cơ sở đó làm căn cứ xây dựng kế hoạch nhân sự của Học viện [H7.07.01.07.DC]. Học viện công bố kế hoạch tuyển dụng chung cho toàn trường, trong đó bao gồm đội ngũ NV hỗ trợ. Kế hoạch tuyển dụng được thông báo trong Hội nghị giao ban cán bộ quản lý, bằng văn bản tới các đơn vị trong trường và trên trang thông tin điện tử của HVBC&TT [H7.07.01.07.DC].

Học viện có các chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV làm việc tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Điều đó được thể hiện trong Quy định về việc bổ nhiệm, tuyển dụng công chức, viên chức [H7.07.01.08.DC]. Để giúp đội ngũ NV nâng cao trình độ, chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc, Học viện thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng như: tin học văn phòng, quản lý nhân sự, TC-CB, tài chính - kế toán, pháp chế, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục... [H7.07.01.09.DC] Ngoài ra, Học viện cũng có các chính sách hỗ trợ đội ngũ NV tham gia các khóa học dài hạn như: cử nhân chuyên ngành hai, thạc sĩ, tiến sĩ... [H7.07.01.09.DC] [H7.07.01.10.DC].

Đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT gồm hai nhóm: nhóm NV hỗ trợ trong Khoa QHQT (CVHT, chuyên viên VPK) và nhóm NV hỗ trợ ngoài khoa QHQT (làm việc tại các phòng ban, trung tâm như: Ban QLĐT, Ban QLKH, Phòng

CTCT&HTSV, Trung tâm TTKH, TTKT&KĐCLĐT, Bộ phận TH-HTĐT (Văn phòng), Phòng QT & QLKTX). Việc quy hoạch đội ngũ NV hỗ trợ được thực hiện tốt, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ NV của ngành QHQT đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.11.DC].

Trung tâm TTKH luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin, lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của GV và SV ngành QHQT. Các công cụ tra cứu tài liệu được cải tiến định kỳ. Do vậy, để đáp ứng yêu cầu công việc, đội ngũ NV phải có trình độ chuyên môn cao và phải được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ. Hàng năm, theo quy định của Học viện, Trung tâm TTKH đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về khả năng phục vụ bạn đọc để kịp thời điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của người học và GV [H7.07.01.12]. Trung tâm TTKH phân bổ NV phụ trách các khoa trong trường để thuận lợi trong quá trình triển khai công việc, trong đó số lượng NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT là 3 [H7.07.01.11.DC].

Bên cạnh Trung tâm TTKH của Học viện, Khoa cũng có tủ sách phục vụ cho việc tra cứu của người học, trong đó bao gồm các tài liệu về QHQT. Chuyên viên VPK kiêm nhiệm hỗ trợ công việc này [H7.07.01.13.DC]. Theo quy định, SV có thể lên VP khoa để mượn tài liệu vào 2 ngày trong tuần. Cụ thể: sáng từ 8.00 -11.00, chiều từ 14.00 – 16.30 thứ 3 và thứ 6 hàng tuần [H7.07.01.13.DC]. Tài liệu của Khoa luôn được kịp thời cập nhật, kiểm kê và phân loại số lượng theo danh mục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu [H7.07.01.14].

Các phòng ban chức năng khác cũng luôn tạo điều kiện hỗ trợ tốt nhất cho CTĐT ngành QHQT. Ban QLĐT, Bộ phận TH-HTĐT (Văn phòng), Trung tâm KT & KĐCLĐT, Phòng CTCT & HTSV, Phòng QT& QLKTX đều phân công NV trực tiếp phụ trách các vấn đề liên quan đến CTĐT ngành QHQT [H7.07.01.11.DC].

Đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT tại các đơn vị khác trong trường đều có trình độ từ đại học trở lên, trình độ ngoại ngữ từ B1 trở lên và chứng chỉ tin học văn phòng trở lên. Trong số đó, nhiều NV có chứng chỉ quản lý nhà nước chương trình chuyên viên/chuyên viên chính. NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT tại các phòng, ban, trung tâm trên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.11.DC].

Đối với Khoa QHQT, bên cạnh 1 chuyên viên VPK, còn có 6 GV kiêm nhiệm công tác CVHT. Chủ trương của Khoa là GV đồng thời kiêm nhiệm CVHT nhằm tạo thuận lợi cho việc quản lý, hỗ trợ SV; giúp sự tương tác giữa Khoa/Ngành QHQT và người học được sát sao, kịp thời nhất. Đội ngũ NV hỗ trợ này đều có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, trình độ ngoại ngữ từ B2 trở lên, trình độ tin học từ C trở lên [H7.07.01.11.DC]. Với trình độ chuyên môn và năng lực tin học, ngoại ngữ của mình, CVHT có thể hỗ trợ SV trong quá trình học tập và NCKH [H7.07.01.19]. Với tư cách là CVHT, NV hỗ trợ phải có hiểu biết sâu về CTĐT, quy chế đào tạo nhằm tư vấn cho SV một cách hiệu quả, chính xác. Đồng thời, phải có khả năng quản lý, tư vấn giải quyết các vấn đề khác ngoài học tập cho SV như: xây dựng đội ngũ cán sự lớp, kỷ luật, rèn luyện, các hoạt động ngoại khóa... Chuyên viên VPK làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước. CVHT luôn có giờ trực và công việc cụ thể tại khoa (1buổi/tuần) [H7.07.01.13.DC].

Ngoài ra, Khoa còn xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ khác, cụ thể: thư ký KH, phụ trách hợp tác quốc tế, phụ trách công tác phát triển Đảng cho SV (Chi ủy), phụ trách truyền thông, thủ quỹ, kế toán [H7.07.01.13.DC]. Những NV này có nhiệm vụ hỗ trợ người học trong các hoạt động hợp tác quốc tế, NCKH, phát triển Đảng và các hoạt động ngoại khóa.

Đội ngũ NV hỗ trợ được định kỳ đánh giá thông qua kết quả xếp loại hàng năm và thông qua đánh giá của SV [H7.07.01.16.DC] [H7.07.01.15.DC] [H7.07.01.17]. Kết quả xếp loại hàng năm của đội ngũ NV hỗ trợ đều ở mức HTTNV trở lên và tương ứng với kết quả đó là các mức thi đua – khen thưởng, đa số là LĐTT [H7.07.01.16.DC]. Bên cạnh kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm của Học viện, đánh giá đội ngũ NV hỗ trợ ngành QHQT còn được thể hiện thông qua khảo sát mức độ hài lòng của SV. Kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ % hài lòng của SV về đội ngũ NV hỗ trợ tăng dần: năm 2017 là 53.87 %, năm 2018: 61.73 %, năm 2019: 75%, năm 2020: 74.60% [H7.07.01.15.DC].

Nhìn chung, đội ngũ NV hỗ trợ của ngành QHQT luôn hoàn thành tốt việc hỗ trợ học tập, NCKH và rèn luyện của SV [H7.07.01.18] [H7.07.01.20].

2. Điểm mạnh

Học viện đã quan tâm đến việc quy hoạch đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT thông qua các chiến lược dài hạn và kế hoạch ngắn hạn. Chính sách thu hút, tuyển dụng và phát

triển đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT được cụ thể hóa theo các năm.

Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV hỗ trợ ngày càng tốt nhờ công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên của Học viện và quá trình học tập nâng cao trình độ của NV.

Đội ngũ NV hỗ trợ trong và ngoài khoa QHQT đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Đội ngũ NV đã hỗ trợ SV tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của SV liên quan đến học tập, nghiên cứu và rèn luyện tại khoa, trường, giúp SV có thành tích học tập, nghiên cứu tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Chuyên viên VP Khoa QHQT chưa được tham gia một số lớp bồi dưỡng, tập huấn cho nhiệm vụ kiêm nhiệm như nghiệp vụ thư viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, Khoa kiến nghị với Học viện tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện cho chuyên viên VPK kiêm nhiệm công việc thủ thư.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Học viện có qui định và quy trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và NV. Quá trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo đúng qui trình, quy định. Nhờ đó, Học viện có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.

Trong công tác tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện triển khai quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, công khai, bao gồm chỉ tiêu, tiêu chí, hình thức thi tuyển và thời gian tiến hành tuyển dụng. Công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các quy định của Nhà nước và HVCTQG HCM [H7.07.02.01] [H7.07.01.08.DC].

Việc tuyển dụng đội ngũ NV xuất phát từ nhu cầu của khoa, phòng, ban, trung tâm. Sau khi khảo sát trực tiếp nhu cầu nhân sự của các đơn vị, Ban TC-CB triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03.DC]. Cụ thể đối với Khoa QHQT:

Ban TC-CB khảo sát nhu cầu nhân sự về đội ngũ NV hỗ trợ ngành tại Khoa, trên cơ sở đó xây dựng vị trí việc làm cho chuyên viên VPK và đội ngũ CVHT [H7.07.01.03.DC]. Các tiêu chí tuyển dụng đội ngũ NV được quy định cụ thể, rõ ràng trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức của Học viện, trong Đề án vị trí việc làm của Khoa QHQT, trong đó bao gồm các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức; bằng cấp chuyên môn; trình độ tin học, ngoại ngữ [H7.07.01.08.DC] [H7.07.01.03.DC].

Các tiêu chí tuyển dụng được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, NV trong trường [H7.07.01.07.DC]. Kế hoạch, tiêu chí tuyển chọn, danh sách thí sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện và các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.01.07.DC].

Trong quá trình tuyển dụng NV cho các đơn vị nói chung và ngành QHQT nói riêng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện được thành lập để đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng. Hội đồng tuyển dụng hoạt động theo từng kỳ thi tuyển hoặc kỳ xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ [H7.07.01.08.DC]. Kết quả tuyển dụng được thông báo tới ứng viên dự tuyển và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.01.07.DC].

Đối với công tác quy hoạch, cán bộ có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với từng chức vụ quản lý, được đơn vị giới thiệu sẽ được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo để đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Việc quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện công khai. Học viện thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo thuộc các lĩnh vực công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể; đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H7.07.02.02].

Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của các phòng, ban, trung tâm và năng lực của mỗi cán bộ, được thực hiện theo đúng qui định của HVCTQGHCN, HVBC&TT. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ, rõ ràng trong Quy định về công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm của HVBC&TT [H7.07.02.03]. Những NV hỗ trợ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn, được đề nghị bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Học viện [H7.07.02.03] [H7.07.02.04].

Về công tác luân chuyển, đội ngũ NV hành chính của các đơn vị có thể được điều chuyển đến các đơn vị khác trong trường. Ví dụ, năm 2019, vị trí chuyên viên VPK Khoa QHQT bị khuyết, nên Học viện đã điều chuyển chuyên viên VPK Phát thanh - Truyền hình sang đảm nhiệm [H7.07.02.05] [H7.07.02.06].

Để đảm bảo xây dựng Quy định về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được chính xác, phù hợp trong các giai đoạn khác nhau, Học viện đã tiến hành phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV [H7.07.02.07]. Sau khi gửi bản Dự thảo Quy định về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV tới các đơn vị trong trường, Ban TC-CB tổng hợp các ý kiến đóng góp, trên cơ sở đó xây dựng Quy định và trình Ban Giám đốc phê duyệt trước khi ban hành chính thức.

Học viện có môi trường làm việc dân chủ: cán bộ quản lý, GV, NV có quyền tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Học viện; mọi yêu cầu chính đáng và các khiếu nại, tố cáo (nếu có) đều được giải quyết kịp thời, đúng qui định. Trong thời gian từ 2016 - nay, không có bất kỳ khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và điều chuyển cán bộ quản lý, NV Khoa QHQT [H7.07.02.08].

Nhìn chung, từ năm 2016-nay, số lượng NV hỗ trợ được xác định là phù hợp với nhu cầu thực tế của CTĐT ngành QHQT. Đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT chủ yếu có trình độ từ thạc sĩ (các chuyên ngành phù hợp) trở lên, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Các quy định liên quan tới tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được Học viện xác định và công khai. Các tiêu chí tuyển dụng được xác định thông qua nhu cầu hoạt động của Học viện, ý kiến đóng góp của các đơn vị trong trường. Các tiêu chí tuyển dụng NV hỗ trợ được quy định rõ ràng trong thông tin tuyển dụng thể hiện tính công khai minh bạch và dân chủ.

Những NV hỗ trợ có đủ năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn được bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Học viện.

Học viện đã tuyển dụng được đội ngũ NV đáp ứng các tiêu chuẩn về phẩm chất

đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Đội ngũ NV nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế văn hóa công sở của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Trên thực tế, việc điều chuyển NV đôi khi còn chưa cân nhắc đến tính phù hợp và ổn định, gây một số khó khăn bước đầu trong việc hỗ trợ SV của ngành QHQT.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, Khoa QHQT đề xuất và phối hợp với các phòng ban trong Học viện như Ban TC-CB tiếp tục triển khai hoàn thiện đề án vị trí việc làm, thực hiện điều chuyển NV kiêm nhiệm công việc giữa các phòng, ban, trung tâm phù hợp.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Bên cạnh đội ngũ GV, ngành QHQT luôn đề cao vai trò của đội ngũ NV hỗ trợ. Xây dựng đội ngũ NV có đủ phẩm chất và năng lực là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH.

Quy trình đánh giá NV hỗ trợ hàng năm được thể hiện trong các Quy định và quyết định về đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức HVBC&TT và công văn hướng dẫn đánh giá thi đua hàng năm [H7.07.03.01.DC]. Về cơ bản, quy trình đánh giá được thực hiện theo 3 bước: (1) Cá nhân làm báo cáo tự đánh giá kết quả công việc theo nhiệm vụ được giao; (2) Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp để các thành viên trong đơn vị đóng góp ý kiến; (3) Trưởng đơn vị quyết định đánh giá, phân loại NV. Căn cứ vào các tiêu chí đánh giá, cá nhân tự xếp loại theo 4 mức: HTSXNV, HTTNV, HTNV và KHTNV. Các tiêu chí cụ thể để đánh giá, xếp loại cá nhân được thể hiện rõ trong văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua do Ban TC-CB gửi tới các đơn vị hàng năm, trong đó bao gồm tư tưởng, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc [H7.07.03.01.DC] [H7.07.01.16.DC].

Hiện nay, việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thực hiện định kỳ vào cuối năm hành chính. Ban TC-CB gửi Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân

và bình xét danh hiệu thi đua tới các đơn vị. Tại đơn vị, Hội đồng thi đua – khen thưởng tiến hành tổ chức bình xét toàn bộ NV của đơn vị mình. Tiêu chí, quy trình đánh giá như đã trình bày ở trên đảm bảo tính dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá, xếp loại cá nhân là căn cứ quan trọng để tham mưu, đề xuất nâng cao hiệu quả công tác; kiện toàn tổ chức bộ máy; bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp; quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển; khen thưởng, kỷ luật, bình xét các danh hiệu thi đua; chi thu nhập tăng thêm và thực hiện các chính sách khác đối với NV hỗ trợ.

Bên cạnh đánh giá từ phía cá nhân, đơn vị chủ quản, Học viện, thì năng lực, thái độ, kết quả làm việc của đội ngũ NV còn được đánh giá thông qua khảo sát lấy ý kiến của GV và người học [H7.07.03.03.DC] [H7.07.01.15.DC]. NV hỗ trợ được đánh giá, xếp loại hàng năm thông qua các loại hình khác nhau sẽ làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao [H7.07.01.16.DC].

Đối với ngành QHQT, có hai nhóm NV hỗ trợ: nhóm NV hỗ trợ của Khoa QHQT và nhóm NV hỗ trợ của các đơn vị khác trong Học viện.

Thứ nhất, đối với nhóm NV hỗ trợ của Khoa QHQT: Hiện nay, CTĐT ngành QHQT có 1 chuyên viên VPK và 6 GV kiêm nhiệm công tác CVHT. Chuyên viên VPK có trình độ thạc sĩ, có bằng cử nhân tiếng Anh chuyên ngành II, trình độ tin học B2. 6 GV kiêm nhiệm công tác CVHT đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên (100%), trong đó có 2 tiến sĩ, 4 thạc sĩ [H7.07.01.11.DC].

Nhằm đáp ứng nhiệm vụ đảm nhận, hàng năm, đội ngũ NV hỗ trợ của Khoa QHQT đều được tham gia các khóa bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ, quản lý hành chính nhà nước, quốc phòng - an ninh..., được tạo điều kiện để bồi dưỡng nâng cao trình độ. Nhiều người được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, được tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước, được tham gia thực hiện các đề tài NCKH... [H7.07.01.09.DC]. Nhiều NV được đánh giá, xếp loại HTTTN, HTSXNV, đạt danh hiệu LĐTT, CSTĐ cấp cơ sở [H7.07.01.16.DC]. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa QHQT và Học viện đối với đóng góp của đội ngũ NV hỗ trợ. Nhìn chung, đội ngũ CVHT, chuyên viên VPK đều đảm bảo năng lực hỗ trợ tốt cho CTĐT.

Thứ hai, đối với nhóm NV hỗ trợ tại các đơn vị khác trong trường: Năng lực của đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT tại các đơn vị khác trong trường đều đáp ứng quy định trong đề án vị trí việc làm. Đó là các NV của Ban QLĐT, Ban QLKH, Trung tâm TTKH, Trung tâm KT& KĐCLĐT, Phòng CTCT& HTSV, Phòng QT&QLKTX, Bộ phận TH-HTĐT (Văn phòng) [H7.07.01.03.DC].

Kết quả đánh giá phân loại tập thể và cá nhân được Học viện thông báo tới các đơn vị, trong Báo cáo CBVC hàng năm [H7.07.03.02.DC] [H7.07.01.16.DC]. Các NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT không có ai bị xếp loại KHTNV, đa phần đều đạt từ mức HTTNV trở lên [H7.07.01.16.DC].

Ngoài ra, Học viện, Khoa QHQT còn thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của người học và GV đối với năng lực của đội ngũ NV hỗ trợ. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của GV đối với đội ngũ NV hỗ trợ trong 2 năm gần đây (2018, 2019) lần lượt là 66,67% và 85,71%. [H7.07.03.03.DC]. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của SV cuối khóa đối với đội ngũ NV hỗ trợ trong 4 năm gần đây 2017, 2018, 2019, 2020 lần lượt là 53,87%, 61,73%, 75% và 74,60% [H7.07.01.15.DC]. Từ số liệu đối sánh đó cho thấy, mức độ hài lòng của GV và SV đối với đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT tăng dần theo các năm. Duy chỉ trong năm 2020, mức độ hài lòng của SV đối với đội ngũ NV hỗ trợ có giảm, nhưng không đáng kể (74,60%) so với năm 2019 (75%).

Kết quả đánh giá năng lực chuyên môn, nhiệm vụ, mức độ hoàn thành công việc của NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT là căn cứ quan trọng để Học viện xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Hàng năm, Học viện gửi các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức các lớp về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ ngành QHQT [H7.07.01.09.DC].

2. Điểm mạnh

Quy trình xác định đánh giá năng lực đội ngũ NV hỗ trợ đảm bảo công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Học viện.

Khoa QHQT luôn quan tâm đến việc hỗ trợ phát triển chuyên môn, bồi dưỡng cho đội ngũ NV. Hiện nay, 6 NV hỗ trợ của Khoa đang được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia học nghiên cứu sinh cũng như tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ liên quan.

Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những cán bộ trẻ, năng động, nhiệt tình.

3. Điểm tồn tại

Giờ làm việc của GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy mỗi kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa phối hợp với các phòng ban chức năng và GV để sắp xếp thời gian cụ thể, hợp lý cho CVHT trong việc hỗ trợ SV.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực là điều kiện quyết định để Học viện có thể phát triển trong môi trường cạnh tranh. Vì vậy, chiến lược phát triển đội ngũ NV, đặc biệt chú trọng về chất lượng hỗ trợ công tác đào tạo luôn được Học viện quan tâm. Điều đó được thể hiện trong mục tiêu phát triển đội ngũ CBVC đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050 và Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.01.DC] [H7.07.01.03.DC]. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV được xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ NV của Học viện [H7.07.04.01]. Bên cạnh đó, Học viện cũng quan tâm, xem xét đến nhu cầu phát triển của cá nhân, được thể hiện thông qua việc phê duyệt đề nghị đi học các khóa đào tạo/bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn của đội ngũ NV [H7.07.01.09.DC].

Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV được xây dựng trên cơ sở đối chiếu giữa thực trạng đội ngũ NV của Học viện so với tiêu chuẩn quy định của Nhà nước [H7.07.04.01]. Kế hoạch mở/cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng được thông báo rộng rãi trên các nhóm zalo (của trưởng/phó các đơn vị trong Học viện), bằng văn bản gửi đến các đơn vị liên quan để NV có kế hoạch đăng ký tham gia, đơn vị lập danh sách đăng ký gửi Ban TC-CB [H7.07.04.01] [H7.07.04.02] [H7.07.01.09.DC].

Trong giai đoạn từ 2016 - nay, Học viện đã cử nhiều NV tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như: đại học chuyên ngành II và sau đại học, các lớp ngắn hạn về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, quản lý nhân sự,

TC-CB, tài chính - kế toán, công tác pháp chế, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục v.v [H7.07.01.09.DC]. Trong năm 2020, toàn trường có 111 lượt cán bộ lãnh đạo và NV hỗ trợ được cử đi tham gia 12 khóa tập huấn ngắn hạn và tham gia các hội nghị, hội thảo nhằm nâng cao trình độ [H7.07.01.09.DC]. Ngoài ra, đội ngũ NV còn được Học viện khuyến khích làm hồ sơ thi nâng ngạch chuyên viên [H7.07.04.03].

Việc triển khai các hoạt động đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV của Học viện nói chung và ngành QHQT nói riêng do Ban TC-CB phụ trách thực hiện. Tuy nhiên, các đơn vị phụ trách nhân sự liên quan đến đội ngũ NV cho CTĐT ngành QHQT cũng đồng thời có những kế hoạch phát triển đội ngũ riêng của mình, phù hợp với chiến lược chung của Học viện [H7.07.04.04].

Học viện có hệ thống giúp phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV: (i) Ban TC - CB: giúp rà soát việc đánh giá chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT; (ii) Ban KH -TC: lập kế hoạch chi ngân sách phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng; (iii) Khoa KT Giáo dục đại cương, Trung tâm tin học - ngoại ngữ: hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng (tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm); (iv) Tổ phương pháp 3M: hỗ trợ bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy, nghiên cứu.

Học viện tiến hành tổ chức/cử đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động hỗ trợ; luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho NV hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước bằng cách tạo điều kiện về chế độ chính sách: thời gian, khối lượng công việc, kinh phí học tập, bồi dưỡng [H7.07.01.10.DC] [H7.07.04.05.DC]. Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV hỗ trợ phần lớn do HVCTQG HCM chi trả [H7.07.01.09.DC].

Hiện nay, ngành QHQT có đội ngũ NV hỗ trợ đảm bảo năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý SV và các hoạt động hỗ trợ khác. Cụ thể: 1 chuyên viên VPK kiêm CVHT và 6 GV kiêm nhiệm các công tác hỗ trợ SV như: CVHT, thư ký khoa học, phát triển Đảng, truyền thông, HTQT... [H7.07.01.13.DC]. Đội ngũ NV hỗ trợ của ngành QHQT được BCN Khoa định hướng nhu cầu đào tạo bồi dưỡng để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, ngành QHQT còn nhận được sự phối hợp chặt

chẽ của đội ngũ NV hỗ trợ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm tốt. Đó là các KTV, NV làm việc ở các đơn vị khác trong trường: Ban QLĐT, Ban QLKH, Trung tâm TTKH, Trung tâm KT & KĐCLĐT, Phòng CTCT & HTSV, Phòng QT & QLKTX, Bộ phận TH-HTĐT (Văn phòng) [H7.07.01.11.DC].

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của đội ngũ NV về công tác đào tạo, bồi dưỡng, Học viện tiến hành khảo sát NV về mức độ hài lòng đối với các khóa học này [H7.07.04.06].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Học viện và Khoa luôn xác định rõ những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ NV hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho NV được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, chuyên nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu bồi dưỡng đào tạo của bản thân đội ngũ NV. Trên cơ sở đó, đội ngũ NV hỗ trợ của Học viện đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH tại trường. Đội ngũ NV hỗ trợ của Khoa QHQT luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa, hiệu quả cho người học.

3. Điểm tồn tại

Sau khi kết thúc các lớp đào tạo, bồi dưỡng, Học viện chưa thường xuyên thực hiện lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ NV hỗ trợ về hiệu quả của các lớp học trên, mà chủ yếu do các chuyên gia/GV giảng dạy tự lấy ý kiến phản hồi để thay đổi phương pháp giảng dạy cũng như chất lượng bài giảng của mình.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT đề xuất Học viện cụ thể là bộ phận theo dõi lớp học như Ban TC-CB, Ban QLĐT, Trung Tâm KT&KĐCLĐT... lên kế hoạch tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NV về hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng sau khi kết thúc khóa học.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Học viện, các phòng, ban, trung tâm và Khoa QHQT luôn quan tâm, quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của NV hỗ trợ nhằm tạo động lực cho NV trong quá trình làm việc và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Học viện ban hành quy định cụ thể về khối lượng công việc đối với đội ngũ NV, đồng thời cũng có những quy định cụ thể về các tiêu chí liên quan đến đánh giá, xếp loại, thi đua - khen thưởng [H7.07.03.01.DC] [H7.07.05.01] [H7.07.01.03.DC]. Hàng năm, Học viện, Khoa QHQT, các phòng, ban, trung tâm triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo. NV hỗ trợ hoàn thành tốt, xuất sắc công việc được giao sẽ nhận được những kết quả xứng đáng như: đạt danh hiệu LĐTT, CSTĐ cấp cơ sở, được nâng lương trước thời hạn... [H7.07.01.16.DC] [H7.07.05.02].

Học viện, Khoa QHQT, các phòng, ban, trung tâm, thực hiện đánh giá định kỳ kết quả triển khai công việc và xếp loại thi đua - khen thưởng cho đội ngũ NV hỗ trợ. Dựa vào kết quả thực hiện của NV, các đơn vị và Học viện thành lập Hội đồng tiến hành họp xét công tác đánh giá xếp loại, thi đua - khen thưởng [H7.07.05.05] [H7.07.05.03] [H7.07.05.04]. Về cơ bản, các bước bình xét được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ: (1) Học viện gửi công văn hướng dẫn đánh giá, xếp loại, bình xét danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân hàng năm tới các đơn vị; (2) các bước tiến hành đánh giá ở các đơn vị: cá nhân tự đánh giá -> các thành viên trong đơn vị đóng góp ý kiến -> quyết định của trưởng đơn vị; (3) các bước tiến hành đánh giá ở cấp trường: các đơn vị tổng hợp kết quả đánh giá cùng với bản tự đánh giá cá nhân có ý kiến của lãnh đạo đơn vị tới Ban TC-CB, trên cơ sở đó Ban TC-CB tập hợp báo cáo lên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Học viện để đánh giá và quyết định [H7.07.05.04]; (4) Ban TC-CB công bố kết quả tới toàn thể các đơn vị trong trường bằng văn bản [H7.07.01.16.DC].

Để thuận tiện cho việc theo dõi và giám sát quá trình làm việc của đội ngũ NV cũng như giúp đội ngũ NV nắm được các công việc để chủ động thực hiện, Học viện đã xây dựng đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03.DC]. Đề án vị trí việc làm quy định cụ thể khối lượng công việc đối với từng vị trí việc làm. Đây cũng là cơ sở đánh giá kết quả công việc của đội ngũ NV hỗ trợ. Năng lực của đội ngũ NV còn được Học viện đánh giá thông qua khảo sát mức độ hài lòng của SV cuối khoá [H7.07.01.15.DC].

Học viện đã ban hành quy định công khai, rõ ràng về chế độ làm việc của đội ngũ NV, cụ thể thời gian làm việc sáng từ 8h - 12h, chiều từ 13h - 17h **[H7.07.04.05.DC]**. Ngoài việc đánh giá đội ngũ NV qua kết quả công việc, Học viện còn đánh giá thời gian làm việc thông qua hình thức chấm công, kiểm tra đột xuất **[H7.07.05.06]**. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV được thực hiện nghiêm túc, thông qua trưởng các đơn vị và bộ phận thanh tra theo các văn bản quy định của Học viện, Khoa và các đơn vị chủ quản (phòng, ban, trung tâm).

Ngoài danh hiệu thi đua, NV hỗ trợ có kết quả làm việc tốt đáp ứng các tiêu chuẩn của Học viện về nâng bậc lương trước thời hạn sẽ được xét theo quy định **[H7.07.05.02]**. Dựa vào kết quả đánh giá phân loại CBVC, hàng năm Học viện tính toán và chi trả mức thu nhập tăng thêm tương ứng nhằm khuyến khích đội ngũ NV nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H7.07.01.10.DC]**.

Việc quản trị theo kết quả công việc và quá trình làm việc đã góp phần khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ NV, từ đó nâng cao hiệu quả hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của CTĐT ngành QHQT. Có thể thấy sự cải thiện đó thông qua một số kết quả sau: (i) Các vấn đề thắc mắc, góp ý của cán bộ GV và người học được thể hiện tại các buổi đối thoại liên quan đến hoạt động hỗ trợ của NV đối với CTĐT ngành QHQT hầu hết đã được giải quyết và thay đổi, các ý kiến thắc mắc năm sau không còn bị lặp lại so với năm trước, thể hiện các vấn đề đó đã được cải thiện **[H7.07.05.07]**; (ii) Việc quy định chấm công thời gian làm việc hàng ngày khiến cho đội ngũ NV phải thực hiện nghiêm túc hơn về thời gian làm việc, giảm hiện tượng đi sớm về muộn, điều đó được thể hiện qua bảng chấm công thời gian làm việc hàng ngày **[H7.07.05.06]**; (iii) Có những phản hồi tích cực về hoạt động của đội ngũ NV thông qua kết quả khảo sát các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV từ 2016-nay **[H7.07.03.03.DC]** **[H7.07.01.15.DC]**.

Để đảm bảo quy chế dân chủ trong việc đóng góp ý kiến của đội ngũ CBVC, trước khi ban hành các quy định về thi đua - khen thưởng hoặc quy định đánh giá thực hiện công việc, Học viện công bố bản dự thảo gửi về các đơn vị để lấy ý kiến đóng góp, sau đó tổng hợp điều chỉnh trước khi ban hành các quy định chính thức **[H7.07.05.08]**.

Năm 2019, Học viện thực hiện khảo sát cán bộ, NV về mức độ hài lòng đối với công tác thi đua - khen thưởng, xếp loại giai đoạn 2016 - 2020. Kết quả cụ thể:

(i) Đối với việc thực hiện quản trị GV và NV (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc: 69.23 % hài lòng; (ii) Đối với kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua, khen thưởng và công nhận): 71.79 % hài lòng [H7.07.05.09]. Trên cơ sở khảo sát đó, Học viện có những cải tiến, thay đổi trong việc quản trị theo kết quả công việc của NV để nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Những cải tiến trong quy trình, quy định triển khai đánh giá xếp loại thể hiện ở những nội dung: (i) quy định về đối tượng đánh giá, phân loại; (ii) tiêu chuẩn đánh giá xếp loại; (iii) tỉ lệ đánh giá, xếp loại; (iv) quy trình đánh giá, xếp loại [H7.07.05.10]. Những cải tiến này dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị trong Học viện và đảm bảo tính hợp lý hơn của công tác đánh giá.

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua - khen thưởng cho đội ngũ NV hỗ trợ được quy định rõ ràng, công khai giúp công tác quản trị theo kết quả công việc và quá trình làm việc được triển khai tích cực trong Học viện góp phần khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ NV, từ đó nâng cao hiệu quả hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của CTĐT ngành QHQT.

Khoa QHQT có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ NV cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc và có những hình thức khen và công nhận trong các cuộc đánh giá, bình bầu thi đua tạo động lực và hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ NV hỗ trợ chưa lập kế hoạch cụ thể về khối lượng công việc, thời gian và nguồn lực thực hiện công việc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, dựa trên đề án vị trí việc làm của Học viện, các đơn vị chủ quản hướng dẫn đội ngũ NV lập kế hoạch cá nhân hàng năm, trong đó cụ thể hóa khối lượng công việc, thời gian và nguồn lực thực hiện, làm cơ sở giám sát cũng như động lực trong quá trình làm việc của NV.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ NV hỗ trợ ngành QHQT đảm bảo về số lượng và năng lực chuyên

môn, nghiệp vụ. Đội ngũ NV được quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định và quy trình. Tiêu chí tuyển dụng, việc bổ nhiệm, điều chuyển NV của Học viện được công bố công khai. Học viện, Khoa QHQT có các cơ chế tạo điều kiện, khuyến khích NV hỗ trợ tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn, dài hạn, trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc quản trị theo kết quả công việc của NV được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ đào tạo, NCKH, các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hiện nay, chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành QHQT nói chung và Khoa QHQT nói riêng đảm bảo đảm đương tốt nhiệm vụ hỗ trợ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của Khoa, Học viện.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh trên, thì vẫn còn một số tồn tại cơ bản như: (i) Trên thực tế việc điều chuyển NV đôi khi còn chưa cân nhắc đến tính phù hợp và ổn định, gây một số khó khăn bước đầu trong việc hỗ trợ SV của ngành QHQT; (ii) Chưa có các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ thư viện cho chuyên viên VP khoa; (iii) Giờ làm việc của GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy mỗi kỳ; (iv) Học viện chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ NV hỗ trợ về hiệu quả của từng lớp bồi dưỡng, tập huấn.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng đó, Học viện, Khoa QHQT sẽ tiếp tục phát huy các thế mạnh và có kế hoạch hành động nhằm hạn chế tối đa những tồn tại. Cụ thể: (i) Tiếp tục triển khai hoàn thiện đề án vị trí việc làm (ii) Tổ chức các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ thư viện cho chuyên viên VPK kiêm nhiệm công việc thủ thư; (iii) Phối hợp với các phòng ban chức năng và GV để sắp xếp thời gian cụ thể, hợp lý cho CVHT trong việc hỗ trợ SV; (IV) Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ NV hỗ trợ về hiệu quả của từng lớp bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng của Học viện.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí, cả 5 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình ở mức: 5,2/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ SỰ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Năm 2014, HVBC&TT đã chuyển đổi từ hình thức đào tạo theo NC sang hình thức đào tạo theo TC theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT và đáp ứng xu thế của thời đại. Ưu điểm của hình thức đào tạo này là giúp người học tăng cường ý thức trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân và thực hiện dân chủ hoá trong giáo dục.

Trong giai đoạn từ năm 2016 - nay, Học viện, Khoa QHQT đã xây dựng cho ngành QHQT chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể và phương pháp xét tuyển công khai. Chính sách tuyển sinh được được công khai và cập nhật, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Người học ngành QHQT được học tập và rèn luyện trong môi trường tốt: được tư vấn và hỗ trợ kịp thời, thường xuyên; được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện một cách chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm quản lý đến đội ngũ CVHT, chuyên viên VPK, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan trong trường. Ngoài ra, Học viện còn tạo môi trường tâm lý, xã hội tích cực, cảnh quan trong khuôn viên sạch, đẹp, tiện ích, từ đó đảm bảo chất lượng hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh của Học viện được thể hiện cụ thể trong Đề án tuyển sinh hàng năm. Thông tin về tuyển sinh các ngành học, trong đó có ngành QHQT luôn cụ thể, rõ ràng: khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện nhận hồ sơ, phương thức tuyển sinh, hình thức xét tuyển, đối tượng ưu tiên, đối tượng tuyển thẳng... [H8.08.01.01.DC].

Chính sách tuyển sinh được công bố công khai và thường xuyên cập nhật trên các phương tiện thông tin đại chúng như: cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin tuyển sinh của HVBC&TT (<http://tuyensinhajc.edu.vn/>), website HVBC&TT, fanpage khoa QHQT, trong cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh đại học các năm, trong tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh... [H8.08.01.03.DC] [H8.08.01.02.DC] [H8.08.01.15].

Từ năm 2016 - nay, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học, Học viện đã sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy cho ngành QHQT. Khi xét tuyển, các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt theo đúng quy định [H8.08.01.01.DC]. Học viện cũng áp dụng triệt để tuyển sinh theo ngành, tất cả thông tin của ngành QHQT như: số lượng tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển, cách tính điểm trúng tuyển, điểm chuẩn... đều được công bố công khai và cập nhật hàng năm [H8.08.01.01.DC] [H8.08.01.02.DC] [H8.08.01.03.DC].

Phương thức tuyển sinh chính quy ngành QHQT trong 2 năm gần đây (2019 và 2020) là xét tuyển căn cứ trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia và xét học bạ. Tổ hợp môn xét tuyển cho ngành QHQT cũng có sự mở rộng hơn khi cùng sử dụng cả 3 tổ hợp là D01 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán), D72 (Tiếng Anh, Ngữ văn, KHTN), D78 (Tiếng Anh, Ngữ văn, KHXH). Nếu có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do các cơ quan ETS, British Council, IDP cấp, thí sinh được quy đổi điểm sang điểm xét tuyển sinh với khối R24, R25, R26. Ngoài ra, ngành QHQT còn diện tuyển sinh khác là tuyển thẳng thí sinh đạt giải học sinh giỏi Quốc gia môn tiếng Anh và tuyển thẳng thí sinh có chứng chỉ IELTS , TOEFL... hoặc được quy đổi sang điểm khuyến khích khi xét tuyển bằng học bạ theo quy định. Đối với diện tuyển thẳng, thí sinh có giải kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia môn tiếng Anh sẽ được tuyển thẳng. Do đặc thù của ngành đào tạo, nên thí sinh có khả năng tiếng Anh tốt sẽ có lợi thế hơn. Đối với diện xét tuyển theo học bạ THPT, điều kiện là thí sinh từ các trường chuyên/năng khiếu đạt học lực loại giỏi, hạnh kiểm loại tốt trong cả ba năm học THPT [H8.08.01.01.DC]. Việc điều chỉnh, bổ sung chính sách tuyển sinh của Học viện nhằm mục đích nâng cao chất lượng đầu vào và gia tăng số lượng thí sinh.

Dưới đây là Bảng đối sánh chính sách tuyển sinh của ngành QHQT với ngành QHCC, Khoa QHCC&QC (cùng trường) và ngành QHQT của HVNG (giai đoạn 2016-2020). Đối sánh cho thấy, ngành QHQT và QHCC&QC có chính sách tuyển sinh giống nhau, trong khi ngành QHQT của HVNG khác ở đối tượng tuyển, phương thức tuyển, tổ hợp môn thi/xét tuyển và điểm ưu tiên. Tổ hợp môn thi/xét tuyển trúng tuyển của ngành QHQT, HVNG khá đa dạng, tạo cơ hội cho cơ sở đào tạo thu hút được nhiều thí sinh đăng ký, từ đó có thể lựa chọn được những thí sinh chất lượng (điểm đầu vào khá cao và ổn định qua các năm) [H8.08.01.04.DC]. (Bảng 8.1).

Bảng 8.1: Bảng đối sánh chính sách tuyển sinh ngành QHQT giai đoạn 2016-2020 [H8.08.01.04.DC]

(Nguồn: dựa trên Đề án tuyển sinh của HVBC&TT và HVNG từ 2016-2020)

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Đối tượng tuyển sinh	(1) (2) (3): Tốt nghiệp THPT; riêng (1)(2) có: Điểm TB \geq 6.0; Hạnh kiểm: Khá; TB thi THPT \geq 6.0	(1) (2) (3): Tốt nghiệp THPT; riêng (1)(2) có: Điểm TB \geq 6.0; Hạnh kiểm: Khá; TB thi THPT \geq 6.0	(1) (2) (3): Tốt nghiệp THPT; riêng (1)(2) có: Điểm TB \geq 6.0; Hạnh kiểm: Khá; TB thi THPT \geq 6.0	(1) (2) (3): Tốt nghiệp THPT; riêng (1)(2) có: Điểm TB \geq 6.0; Hạnh kiểm: Khá; TB thi THPT \geq 6.0	(1) (2) (3): Tốt nghiệp THPT; riêng (1)(2) có: 5 kỳ (trừ kì cuối) có điểm TB từng kì \geq 6.0 và hạnh kiểm Khá
Phạm vi tuyển sinh	Cả nước	Cả nước	Cả nước	Cả nước	Cả nước
Phương thức tuyển sinh	Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia; Tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia; Tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: (1), (2), (3) áp dụng Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT: (1), (2), (3) áp dụng	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: (1), (2), (3) áp dụng Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT: (1), (2), (3) áp dụng	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: (1), (2), (3) áp dụng Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT: (1), (2) (3) áp dụng

			<p>Xét tuyển theo học bạ: (1) (2) áp dụng học sinh trường chuyên/năng khiếu công lập và học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong cả 3 năm học</p>	<p>Xét tuyển theo học bạ: (1) (2) áp dụng học sinh THPT học lực >6.0, hạnh kiểm Khá trong 5 kỳ.</p>
		<p>Xét tuyển theo học bạ: (1) (2) áp dụng</p>	<p>(3) áp dụng thêm ưu tiên xét tuyển thí sinh đạt giải Nhất Nhì Ba HS Giỏi quốc gia</p>	<p>(1) (2) áp dụng tuyển thẳng thí sinh có chứng chỉ tương đương IELTS 6.5, học lực khá, HK tốt 5 kỳ (không tính kỳ cuối lớp 12)</p> <p>(3) Ưu tiên xét tuyển: thí sinh giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi học sinh Giỏi quốc gia.</p> <p>(3) có thêm xét tuyển kết hợp Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và Kết quả học tập THPT với thí sinh có IELTS từ 6.5 trở</p>

					lên, tiếng Pháp: DELF-B1 trở lên, TB chung từng năm học lớp 10,11, và kỳ I 12 từ 8.0 trở lên. Hạnh kiểm từng năm học lớp 10,11, và kỳ I 12 đạt Tốt.
Tổ hợp môn thi/xét tuyển	(1) (2): D14; D01; D11 (3) D1, A1, D3 Riêng (1) (2): các tổ hợp có nhân đôi tiếng Anh	(1) (2) (3) D01, D72, D78, R24, R25, R26 (3) D1, A1, D3 Riêng (1) (2): các tổ hợp có nhân đôi tiếng Anh	(1) (2): D01, D72, D78, R24, R25, R26 (3) D1, A1, D3 Riêng (1) (2): các tổ hợp có nhân đôi tiếng Anh	(1) (2) (3): D01, D72, D78, R24, R25, R26 (3) D01, A01, D3 Riêng (1) (2): các tổ hợp có nhân đôi tiếng Anh	(1) (2) (3): D01, D72, D78, R24, R25, R26 (3) D01, A01, D3, D04 Riêng (1) (2): các tổ hợp có nhân đôi tiếng Anh
Điểm trúng tuyển	(1) 28/40 (2) 30.0-30.5 (3) 24.25	(1): 32.17-32.67 (2) 33.83-34.33 (3) 26	(1) QHCT-TTQT: 25.25-26.25; TTĐN: 25-26.5 (2) 29-30.5 (3) 21.1	(1) QHCT-TTQT: 29.2-30.7; TTĐN: 29.25-30.75 (2): 32.25-34 (3) 25.1	1) QHCT TTQT: 32.55-33.55; TTĐN: 32.2 - 33.7 (2) 34.45 - 36.2 (3): 25.6; 26.6
Điểm ưu tiên	Áp dụng chính sách cộng điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng vào điểm thi/điểm xét tuyển				(1)(2) Áp dụng chính sách cộng điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối

		trọng vào điểm xét tuyển theo học bạ từ 0,05 đến 0.1 điểm (3) theo quy định của Bộ
Điểm khuyến ích	Không	Đối với xét tuyển đối với kỳ thi THPT quốc gia, (1)(2) cộng thêm điểm với: Giải Khuyến khích HS giỏi QG: 0.3đ Giải Nhất, Nhì, Ba HS giỏi cấp tỉnh: 0.2đ Giải Khuyến khích HS Giỏi cấp tỉnh: 0.1đ
Đôi trọng ưu tiên	Theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, Cao đẳng do Bộ GD&ĐT ban hành	

(1): Ngành QHQT (2 chuyên ngành: QHCT-TTQT và TTĐN), HVBC&TT

(2): Ngành QHCC, HVBC&TT; (3): Ngành QHQT, HVNG

Trong những năm qua, HVBC&TT luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh do Bộ GD&ĐT công bố hàng năm cho tất cả các ngành đào tạo của trường, trong đó có ngành QHQT với 2 chuyên ngành: TTĐN và QHCT&TTQT (trước là QHQT).

Quy trình xây dựng tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được thực hiện theo các bước sau: (1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu SV → Tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp → Đề xuất tiêu chí và phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo → (2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo; (3) Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT áp dụng trong công tác tuyển sinh. Tuy nhiên, sau tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh. Nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện cải tiến, điều chỉnh bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh **[H8.08.01.06.DC]** **[H8.08.01.07]** **[H8.08.01.14.DC]** **[H8.08.01.09.DC]**.

Hoạt động tuyển sinh được giám sát và phân tích hàng năm thông qua việc thống kê kết quả tuyển sinh từng năm theo ngành cụ thể như: số lượng thí sinh trúng tuyển (nguyện vọng 1, nguyện vọng bổ sung, tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, dự bị dân tộc, lưu học sinh Lào) và số lượng thí sinh nhập học **[H8.08.01.11.DC]**. Đồng thời, Học viện họp Hội đồng tuyển sinh hàng năm nhằm đánh giá kết quả, phương thức, tiêu chí tuyển sinh, các kênh tuyển sinh của năm trước và đề xuất phương án tuyển sinh năm mới **[H8.08.01.09.DC]**. Đó là cơ sở để phục vụ cải tiến chất lượng tuyển sinh.

Để đảm bảo số lượng, chất lượng đầu vào, ngoài chính sách tuyển sinh, Học viện và Khoa sử dụng nhiều biện pháp quảng bá tuyển sinh khác nhau: tư vấn qua điện thoại, email, mạng xã hội, AJC open day, livestream, tư vấn tuyển sinh cho học sinh THPT và phụ huynh (tại chỗ, đi đến các tỉnh, thành) **[H8.08.01.02.DC]**. Hoạt động này đã giới thiệu những nội dung chi tiết trong chính sách tuyển sinh cũng như CTĐT chuyên ngành TTĐN và QHCT&TTQT của ngành QHQT tại HVBC&TT. Bên cạnh đó, hoạt động tuyển sinh ngành QHQT còn có sự tham gia tích cực của Khoa và GV trong khoa. Ví dụ: Khoa đã thành lập Ban truyền thông, CLB truyền thông của Liên chi đoàn SV, trong đó có thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tuyển

sinh; thiết kế poster, tờ rơi; cử GV có kinh nghiệm tư vấn tuyển sinh tại các sự kiện như AJC open day, livestream hoặc tới các trường THPT để tư vấn cho thí sinh...
[H8.08.01.13.DC] [H8.08.01.14.DC] [H8.08.01.02.DC].

Số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển, nhập học, điểm chuẩn của ngành QHQT đều được Ban QLĐT tổng kết, báo cáo lãnh đạo Học viện và lãnh đạo Khoa QHQT nhằm đánh giá công tác tuyển sinh **[H8.08.01.11.DC]**. Số liệu thống kê tại bảng 8.2 cho thấy số lượng và chất lượng đầu vào của người học ngành QHQT tương đối ổn định qua các năm và khá cao so với mặt bằng chung toàn trường **[H8.08.01.12.DC]**.

Bảng 8.2: Thống kê số lượng đăng ký, trúng tuyển, nhập học - ngành QHQT giai đoạn 2016-2020 [H8.08.01.10.DC]

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Năm		Số lượng thí sinh đăng ký vào CTĐT	Số lượng thí sinh trúng tuyển	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển
2016	QHQT (tuyển chung)	397	143	1:3.97	84	28/40	30.42
2017	QHQT (tuyển chung)	370	106	1:3.7	94	32.17-32.67/40	33.7
2018	QHCT-TTQT	245	62	1:4.9	53	25.25-26.25/40	28.9
	TTĐN	350	49	1:7	48	25-26.5/40	28.42
2019	QHCT-TTQT	218	75	1:4.38	53	29.2-30.7/40	31.35
	TTĐN	201	65	1:4.02	57	29.25-30.75/40	32.42

2020	QHCT- TTQT	230	59	1:4.6	55	32.55- 33.55/40	33.53
	TTĐN	225	63	1: 4.5	57	32.2- 33.7/40	33.44

Hàng năm, trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan như: NTD, chuyên gia, cựu SV, Khoa và Học viện tiến hành nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của ngành trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực về QHQT của thị trường lao động [**H8.08.01.08**].

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Học viện được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Chính sách tuyển sinh có tính lượng hóa (quy định cụ thể về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp ngành QHQT tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển từ cao xuống thấp.

Chính sách tuyển sinh được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Cụ thể: cổng thông tin tuyển sinh của HVBC&TT (<http://tuyensinhajc.edu.vn/>), website HVBC&TT, fanpage khoa QHQT, trong cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh đại học các năm, trong tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh...

Chính sách tuyển sinh còn được cập nhật hàng năm trên cơ sở góp ý của các bên liên quan (khoa đào tạo, NTD, nhà KH, cựu SV...); từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học, tạo nên tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất.

3. Tồn tại

Khi thực hiện truyền thông về tuyển sinh, các hoạt động còn chưa coi trọng đúng mức vai trò của phụ huynh thí sinh, chưa mở rộng và đưa đối tượng phụ huynh của thí sinh là đối tượng trọng tâm thứ hai sau thí sinh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT và Học viện tiếp tục tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh, mỗi GV là một tuyên truyền viên cho ngành QHQT.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyển sinh của Học viện để có chiến

lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp. Khi thực hiện truyền thông về tuyển sinh, nên nhấn mạnh tới đối tượng là phụ huynh của thí sinh.

Cần tiếp tục hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh hàng năm để đảm bảo hiệu quả công tác tuyển sinh đại học chính quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm.

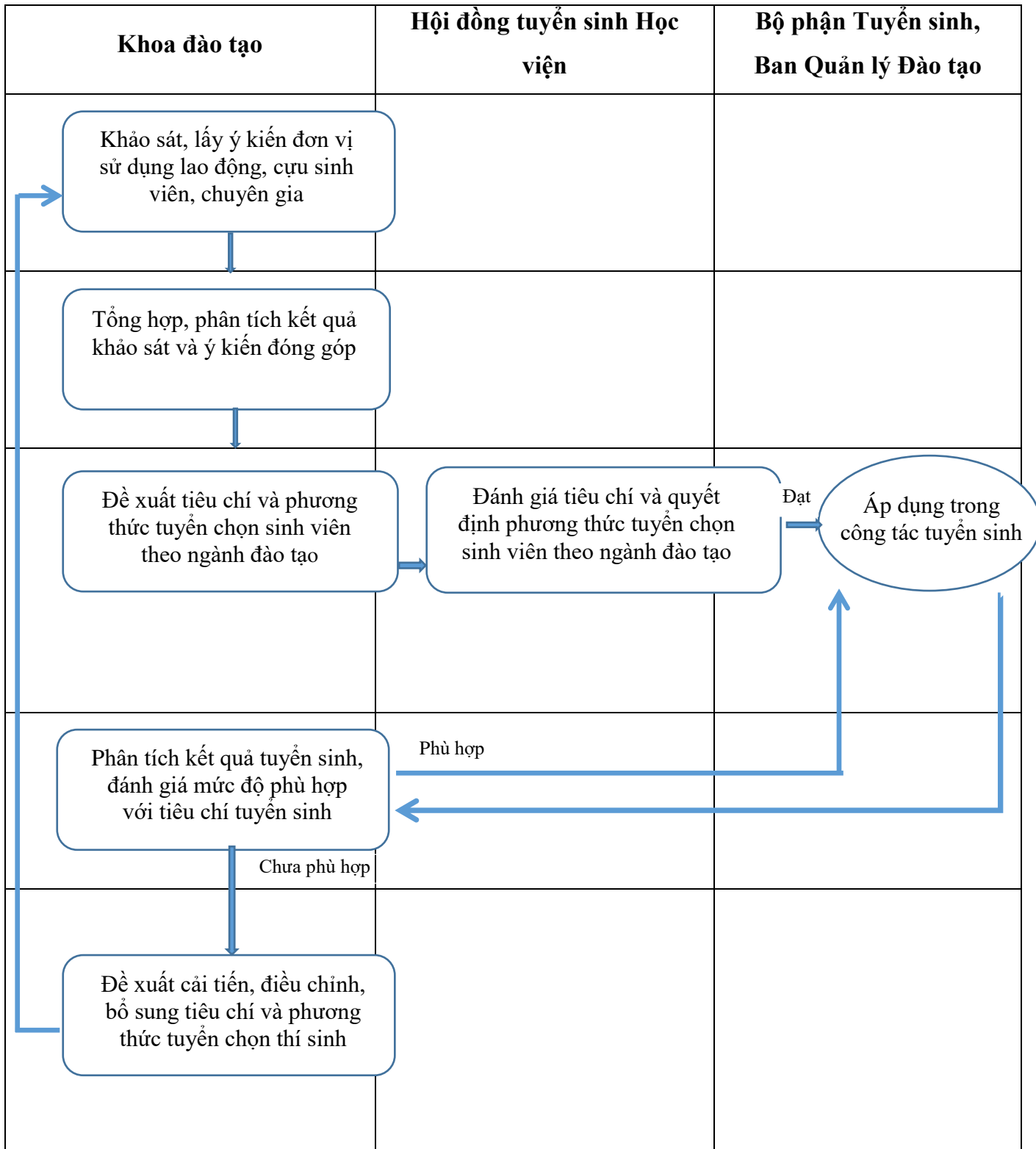
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Để đảm bảo tính khoa học, khách quan, chính xác, quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện thực hiện dựa trên góp ý của các khoa đào tạo, NTD, nhà KH, cựu SV... Trên cơ sở góp ý của các bên liên quan, các bước tiến hành của quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học gồm: (1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu sinh viên → Tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp → Đề xuất tiêu chí và phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo → (2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo; (3) Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT áp dụng trong công tác tuyển sinh. Tuy nhiên, sau tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh. Nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện cải tiến, điều chỉnh bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh [H8.08.01.05.DC] H8.08.01.14.DC [H8.08.01.04.DC] [H8.08.01.09.DC] [H8.08.02.01]. Dưới đây là sơ đồ minh họa quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học:

Sơ đồ 8.1: Quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học

(Nguồn: Ban QLĐT, HVBC&TT)



Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy của các ngành đào tạo trong trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được xác định, ghi rõ trong Đề án tuyển sinh - công bố công khai hàng năm trên trang website tuyển sinh của Học viện [H8.08.02.02] [H8.08.02.03] [H8.08.01.01.DC].

Đối với ngành QHQT, trước năm 2015, phương pháp tuyển chọn người học được thực hiện theo 2 phương thức: thi tuyển và xét tuyển thẳng. Với phương pháp thi tuyển, tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng: đó là các thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT và tương đương, có tổng điểm các môn thi khối C, D trong kỳ thi tuyển sinh đại học chung do Bộ GD&ĐT tổ chức cộng điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) phải lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển chung của Học viện. Với phương pháp xét tuyển thẳng, tiêu chí tuyển chọn người học ngành QHQT được áp dụng theo quy chế tuyển thẳng của Bộ GD&ĐT, cụ thể là các thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia môn tiếng Anh, thí sinh diện ưu tiên xét tuyển.

Từ năm 2016 - nay, Học viện thay đổi phương pháp tuyển chọn người học cho ngành QHQT. Cụ thể: áp dụng phương pháp xét tuyển với 3 hình thức gồm xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia, xét tuyển thẳng và xét tuyển theo học bạ THPT. Với phương pháp xét tuyển thẳng: vẫn áp dụng theo quy chế tuyển thẳng của Bộ GD&ĐT như năm 2014. Với phương pháp xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia: tiêu chí tuyển chọn người học ngành QHQT được dựa trên điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi thuộc các tổ hợp D01, R24, D72, D78, R25, R26 của kết quả kỳ thi THPT quốc gia, có cộng điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) và lấy điểm từ cao xuống đến đủ chỉ tiêu của ngành [H8.08.01.01.DC][H8.08.01.04.DC] [H8.08.01.11.DC].

Thí sinh dự tuyển có thể tra cứu kết quả xét tuyển tại trang tuyển sinh của trường ở địa chỉ: <http://tuyensinhajc.edu.vn/> [H8.08.01.03.DC]. Sau khi có kết quả xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh HVBC&TT công bố trên website của trường để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và đến nhập học theo thời gian ghi trong giấy báo nhập học [H8.08.01.03.DC] [H8.08.01.12.DC].

Dựa trên quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học (Sơ đồ 8.1), Học viện, Khoa luôn có sự rà soát, điều chỉnh tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học sao cho phù hợp với năm tuyển sinh sau đó.

2. Điểm mạnh

Hiện nay, Học viện và Khoa đã có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành QHQT trên cơ sở góp ý của các bên liên quan.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành QHQT được công bố rộng rãi, công khai, là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi, giám sát.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành QHQT rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT, nên kết quả tuyển chọn khách quan và chính xác.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực, có kiến thức và ngoại ngữ vào học ngành QHQT.

3. Điểm tồn tại

Tổ hợp môn thi dùng trong xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia cho ngành QHQT còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Ban QLĐT kết hợp với Khoa QHQT tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm theo đúng quy chế tuyển sinh với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, phù hợp với ngành QHQT.

Khoa đề xuất với Hội đồng Tuyển sinh Học viện: bổ sung thêm tổ hợp môn thi khác như tổ hợp D07 để xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia trong kỳ tuyển sinh năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

HVBC&TT xây dựng lộ trình và bắt đầu triển khai lộ trình chuyển đổi sang đào tạo theo TC từ năm 2014 đối với hệ đại học chính quy. Như vậy, bắt đầu từ năm 2014, về cơ bản, tất cả các hệ đào tạo ngành QHQT đã tổ chức chuyển đổi từ đào tạo NC sang hình thức đào tạo theo TC với nhiều ưu điểm. Để phát huy tối đa ưu điểm của hình thức đào tạo theo TC, Học viện, Khoa QHQT đã áp dụng hệ thống giám sát phù hợp theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện cũng như kết quả, khối lượng học tập của SV ngành QHQT. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và kết quả, khối lượng học tập của SV ngành QHQT là sự kết hợp của 3 cấu phần: (1) Hệ thống các văn bản quy định làm cơ sở cho việc giám sát [H8.08.03.01.DC]; (2) Các công cụ phương tiện hỗ trợ quản lý theo học chế TC như phần mềm quản lý đào tạo, tài khoản cá nhân SV [H8.08.03.27] [H8.08.03.05]; (3) Các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát như: Khoa QHQT (đội ngũ chuyên viên

VPK, CVHT), Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV [H8.08.03.03][H8.08.03.02]
[H8.08.03.04].

- **Hệ thống các văn bản quy định làm cơ sở cho việc giám sát**

Học viện BC&TT đã ban hành nhiều quy định hướng dẫn cách thức xác định kết quả học tập và rèn luyện của SV để làm cơ sở cho việc giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo TC [H8.08.03.01.DC]. Tất cả các quy định này được tập hợp trong cuốn Sổ tay SV và được phát miễn phí sau khi SV nhập học [H8.08.03.06]. Cụ thể đối với ngành QHQT, người học sẽ phải hoàn thành 130 TC trong 4 năm (8 học kỳ chính). Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học ngành QHQT được đánh giá theo 3 thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp SV không đạt, phải đăng ký học lại học phần đó. SV ngành QHQT được Học viện công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2,0 trở lên theo thang điểm 4 [H8.08.03.01.DC]. Bên cạnh việc ban hành các quy định về xác định điểm học tập và rèn luyện, Học viện và Khoa cũng ban hành CTĐT phù hợp [H8.08.03.07] [H8.08.03.08]. Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với SV ngành QHQT không vượt quá 23 TC. Khối lượng học tập này được thiết kế để người học với lực học trung bình có thể hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định. Trong CTĐT ngành QHQT, kế hoạch học tập được phổ biến cho toàn thể SV của ngành để thông qua đó, bản thân SV, Khoa chủ quản và Học viện có thể so sánh, đánh giá khối lượng học tập của SV trong suốt thời gian học [H8.08.03.07].

Hệ thống các văn bản quy định rõ ràng, công khai, làm cơ sở cho việc giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và kết quả, khối lượng học tập của SV ngành QHQT.

- **Hệ thống công cụ và phương tiện hỗ trợ việc giám sát**

Học viện, Khoa QHQT đã thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp để theo dõi sự tiến bộ, kết quả, thành tích và khối lượng học tập của SV ngành QHQT. Học viện đã xây dựng, phát triển hệ thống quản lý theo học chế TC (phần mềm Maxman) để theo dõi sự tiến bộ, thành tích và khối lượng học tập của SV [H8.08.03.27]. Phần mềm này tích hợp nhiều phân hệ quản lý (quản lý hồ sơ SV,

quản lý điểm rèn luyện, quản lý điểm học tập...) và được phân quyền các hệ quản lý cho Ban QLĐT, Phòng CTCT&HT SV, Khoa QHQT. Bên cạnh đó, SV ngành QHQT cũng được cung cấp tài khoản cá nhân, nhờ đó có thể truy cập công thông tin SV bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông báo như: lịch thi, lịch sinh hoạt lớp, thời khóa biểu, đăng ký thi, đăng ký học, CTĐT và đặc biệt là kết quả quá trình học tập (điểm trung bình tích lũy, điểm từng môn học, điểm rèn luyện, kết quả xử lý học vụ...) [H8.08.03.05]. Đầu mỗi kỳ, SV tiến hành đăng ký số lượng TC cho kỳ học trên công thông tin SV, sau đó in nộp Bản đăng ký TC cho CVHT. Trên cơ sở đó, CVHT duyệt đăng ký TC và nộp Bản tổng hợp cho Ban QLĐT [H8.08.03.10]. Ban QLĐT sẽ đưa ra cảnh báo nếu SV đăng ký không đủ số TC/1 học kỳ bằng cách gửi Bản thống kê danh sách SV đăng ký không đủ TC tới CVHT, khoa đào tạo và SV [H8.08.03.26]. Cuối mỗi học kỳ và năm học, SV tự đánh giá trên hai phương diện: kết quả học tập và rèn luyện; sau đó tập thể lớp, CVHT xem xét, đánh giá vào phiếu sơ kết cuối kỳ, phiếu tổng kết cuối năm học của SV [H8.08.03.11] [H8.08.03.12].

Như vậy, các công cụ và phương tiện, hỗ trợ việc giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và kết quả, khối lượng học tập của SV ngành QHQT khá phù hợp, hiệu quả.

- **Các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát**

Tham gia vào hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV ngành QHQT là đội ngũ chuyên viên VPK, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV [H8.08.03.14]. Là những cán bộ giảng dạy nắm chắc quy chế và CTĐT, nên CVHT có thể tư vấn một cách hiệu quả về kế hoạch, tiến độ, phương pháp học tập, phương thức kiểm tra, đánh giá theo học chế TC. Đội ngũ CVHT thường xuyên cung cấp thông tin, thông báo những nội dung liên quan đến chương trình học tập, quyền lợi và trách nhiệm cho người học bám sát tiến trình đào tạo. Việc tư vấn học tập được tiến hành đều đặn, thường kỳ trong các buổi sinh hoạt lớp (định kỳ 3 tháng/1 lần hay họp phản ánh sinh viên định kỳ 1 tháng 1 lần (vào ngày 20 hàng tháng) [H8.08.03.17] [H8.08.03.15].

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua: (1) họp khoa, trong đó có nội dung về công tác đào tạo, công tác SV, công tác NCKH [H8.08.01.14.DC]; (2) họp phản ánh SV (thành phần: đại diện lãnh đạo khoa, CVHT, chuyên viên VPK và đại diện ban cán sự các lớp, đại diện Liên chi đoàn khoa QHQT) [H8.08.03.15]. Ngoài ra, CVHT của ngành QHQT

còn theo dõi tiến độ của người học thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Học viện [H8.08.03.27]. Các hoạt động này nhằm nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện cũng như lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, đề xuất của người học để kịp thời giải đáp, điều chỉnh hay báo cáo, đề xuất lên Học viện.

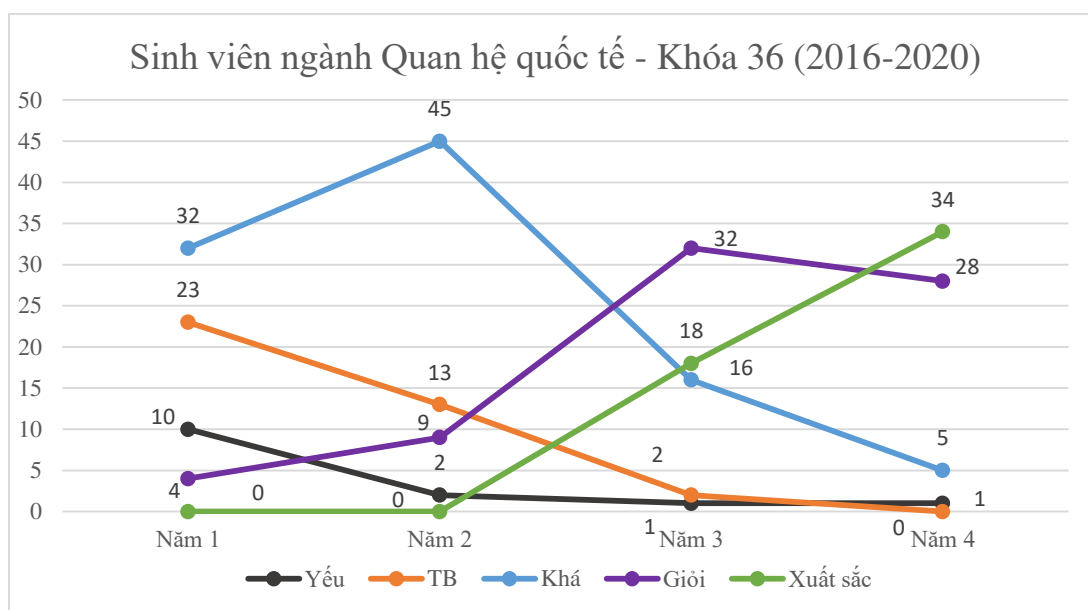
Tại HVBC&TT, Ban QLĐT được giao nhiệm vụ là đơn vị quản lý, hỗ trợ các hoạt động dạy, học và kết quả học tập của SV [H8.08.03.21.DC]. Phòng CTCT&HT SV là đơn vị quản lý các hoạt động rèn luyện và kết quả rèn luyện của SV [H8.08.03.18].

Sau mỗi học kỳ, Ban QLĐT, Phòng CTCT&HT SV, Khoa QHQT đánh giá và đưa ra các quyết định về kết quả học tập, rèn luyện của SV căn cứ trên kết quả học tập và quá trình rèn luyện [H8.08.03.09] [H8.08.03.12] [H8.08.03.11] [H8.08.03.20]. Trên cơ sở đó, Học viện sẽ xét học bổng/khen thưởng hoặc đưa ra các quyết định kỷ luật SV ở các mức độ khác nhau (khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ học 1 năm, buộc thôi học) [H8.08.03.19] [H8.08.03.16][H8.08.03.20]. Cuối học kỳ, Ban QLĐT phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Khoa QHQT xem xét tình trạng học tập (nghỉ học quá thời gian cho phép, không đăng ký đủ số lượng TC cho học kỳ, điểm tích lũy thấp dưới mức quy định...) của SV, sau đó sẽ gửi danh sách chính thức những SV thuộc diện kỷ luật ở các mức độ khác nhau kèm Quyết định tới Khoa, SV. Số liệu về kết quả học tập, rèn luyện SV các khóa, tỷ lệ SV ngừng học, thôi học, khen thưởng, kỷ luật... được thống kê trong Báo cáo tổng kết năm học của Khoa và Học viện để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại và phương hướng cho năm học tới [H8.08.03.16] [H8.08.03.19][H8.08.03.22.DC] [H8.08.03.23.DC].

Như vậy, nhờ có hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện bởi nhiều bộ phận khác nhau: thông qua Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV (cấp trường) và hệ thống CVHT, chuyên viên VPK (cấp khoa), mà sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được giám sát để điều chỉnh kịp thời. Kết quả học tập của SV ngành QHQT có sự tiến bộ dần qua các năm học. Tỷ lệ yếu kém và trung bình của SV năm cuối thường giảm hơn rất nhiều so với năm thứ nhất, tỷ lệ đạt loại giỏi, xuất sắc cũng tăng dần theo các năm [H8.08.03.13] [H8.08.03.24] (Sơ đồ 8.2).

Sơ đồ 8.2: Sơ đồ biểu diễn sự tiến bộ của SV ngành QHQT

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)



Hệ thống giám sát phù hợp và áp dụng liên tục giúp tỷ lệ SV ngành QHQT hoàn thành chương trình học đúng tiến độ (4 năm) trong năm 2016 là tuyệt đối (100%). Tuy nhiên, từ năm 2017 – 2020, tỷ lệ hoàn thành CTĐT đúng tiến độ giảm xuống, lần lượt là: 96,5 %, 61%, 75% và 87,5% (Bảng 8.3). Điều này được lý giải: một tỷ lệ (từ 3,5% – 49%) SV tốt nghiệp chậm tiến độ vì chưa hoàn thành các yêu cầu CDR của CTĐT: chứng chỉ quốc phòng, giáo dục thể chất, ngoại ngữ, tin học. Học viện, Khoa đã thông báo tới từng SV chưa tốt nghiệp để nhắc nhở kịp thời, giúp SV có kế hoạch bổ sung sớm nhất [H8.08.03.15].

Bảng 8.3. Bảng so sánh tỷ lệ SV ngành QHQT hoàn thành CTĐT trong 5 năm gần đây [H8.08.03.25]

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Năm tốt nghiệp/Khóa SV	Số lượng SV toàn khóa (HK II, năm thứ tư)	Số lượng SV hoàn thành CTĐT đúng 4 năm*	Tỷ lệ %
2016 (K32)	89	89	100%
2017 (K33)	145	140	96,5%
2018 (K34)	154	94	61%
2019 (K35)	116	87	75%
2020 (K36)	64	56	87,5%

(* đã học xong 130 TC và tốt nghiệp)

2. Điểm mạnh

Học viện ban hành hệ thống các văn bản quy định (Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống TC và Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện SV hệ chính quy) một cách công khai, đầy đủ, làm cơ sở cho việc giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và kết quả, khối lượng học tập của SV ngành QHQT.

Hệ thống quản lý theo học chế TC (phần mềm Maxman), tài khoản cá nhân của SV và các chủ thể tham gia (đội ngũ chuyên viên VPK, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV) hỗ trợ tích cực, hiệu quả việc giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học.

3. Tồn tại

Trên thực tế, có một vài thời điểm việc truy cập và update của Phần mềm quản lý đào tạo (Maxman) còn tắc nghẽn do lượng truy cập quá tải, nên đôi khi chưa đáp ứng kịp các yêu cầu trong quản lý đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, Học viện xây dựng và triển khai đề án đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo (Maxman) để hỗ trợ khoa, đơn vị chức năng và GV lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo cũng như hỗ trợ giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời, hiệu quả.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Quy trình/kế hoạch cũng như công tác triển khai thực hiện các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua cùng với các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm giúp cải thiện kết quả học tập và khả năng có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp được thể hiện rõ trong Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy hệ TC của HVBC&TT [H8.08.03.01.DC].

Để giúp SV ngành QHQT học tập, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc làm sau khi tốt nghiệp, thì ngoài hoạt động giảng dạy trên lớp, HVBC&TT còn có nhiều hoạt động/dịch vụ hỗ trợ khác. Học viện giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt

động này cho nhiều đơn vị trong trường: Khoa QHQT, Ban QLĐT, Ban QLKH, Phòng CTCT&HTSV... [H8.08.04.01] [H8.08.03.21.DC] [H8.08.04.02] [H8.08.04.03] [H8.08.04.05].

Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức cuộc gặp gỡ - đối thoại giữa Ban Giám đốc, lãnh đạo các khoa, phòng, ban với đại diện SV tất cả các lớp trong trường. Tại buổi gặp gỡ - đối thoại này, Ban Giám đốc, lãnh đạo các đơn vị giải đáp và tư vấn trực tiếp những vướng mắc, kiến nghị của SV liên quan đến đào tạo, rèn luyện, đời sống..., đồng thời cập nhật những thông tin mới nhất về chính sách, CTĐT cho SV [H8.08.04.16]. Sau buổi đối thoại, Phòng CTCT&HTSV có trách nhiệm tổng hợp những ý kiến, đóng góp, đề xuất của SV gửi tới các khoa đào tạo, đơn vị liên quan để nắm bắt thông tin và xử lý (nếu có) [H8.08.04.16]. Chính vì vậy, SV HVBC&TT nói chung và SV ngành QHQT nói riêng luôn được lắng nghe, tư vấn, hỗ trợ kịp thời, hiệu quả.

Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV được Học viện, Khoa QHQT thực hiện cụ thể như sau:

Đối với SV mới nhập học, để giúp các em sớm hòa nhập với môi trường học tập mới, Phòng CTCT&HTSV có trách nhiệm phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho SV trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cũng như cung cấp thông tin cho tân SV về các chính sách, dịch vụ hỗ trợ (KTX, kiểm tra sức khỏe, BHYT, miễn giảm học phí...) [H8.08.04.06]. Trong ngày nhập học, Đoàn thanh niên Học viện, Liên chi đoàn Khoa QHQT có rất nhiều hoạt động giới thiệu về các CLB của Học viện và Khoa như: đội Văn nghệ Xung kích, CLB Thanh niên vận động hiến máu AJC, CLB Võ thuật, CLB Guitar, CLB Bóng rổ, CLB Phục hồi mất gốc tiếng Anh, đội lễ tân AJC... và các hoạt động về văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, tình nguyện vì cộng đồng như: Chào tân SV -Welcome to AJC, Phút cuối, Tài sắc nữ sinh Báo chí – Press Beauty, Tìm kiếm người dẫn chương trình tài năng - Speak up, Tình nguyện Mùa hè xanh, Tình nguyện Đông ấm, Giải bóng đá thường niên AJC Cup, hoạt động hiến máu tình nguyện, Kịch báo chí, các hoạt động tập huấn kỹ năng mềm... để SV ngành QHQT có thể lựa chọn, ứng tuyển theo năng lực và sở thích của mình [H8.08.04.06] [H8.08.01.13.DC].

Đối với hoạt động tư vấn học tập và đào tạo: sau khi SV nhập học, Khoa

QHQT tổ chức gặp mặt đầu năm giữa BCN Khoa, CVHT, chuyên viên VPK và SV nhằm giới thiệu/trao đổi các quy định, hướng dẫn thực hiện CTĐT... [H8.08.04.06] [H8.08.04.07]. Website của Học viện, tài khoản của SV cũng cung cấp đầy đủ thông tin, hệ thống văn bản, thông báo về quy định đào tạo, CTĐT, kế hoạch năm học, kết quả học tập, đánh giá, khen thưởng, kế hoạch tốt nghiệp... [H8.08.04.07]. Trong quá trình học tập tại Học viện, SV luôn nhận được sự tư vấn, hỗ trợ nhiệt tình của BCN Khoa, đội ngũ CVHT, chuyên viên VPK, chuyên viên Ban QLĐT như: đăng ký TC, hủy TC, học lại, học tự nguyện, học song bằng, học vượt, hoãn thi, sắp xếp kế hoạch học tập để đạt CĐR, xóa cảnh báo... [H8.08.04.08.DC] [H8.08.04.10.DC]. SV được cung cấp số điện thoại của CVHT hoặc dễ dàng tra cứu trên website của Khoa, Học viện tên CVHT cùng với thông tin liên lạc (email, số điện thoại) để có thể liên lạc tư vấn ngoài giờ học [H8.08.04.09]. Để tiện thông tin, trao đổi, mỗi lớp còn lập một nhóm trên mạng xã hội (facebook, viber, zalo...) bao gồm toàn bộ SV trong lớp và CVHT [H8.08.04.10.DC].

Đối với hoạt động NCKH, SV ngành QHQT được khuyến khích tham gia NCKH và được GV trong Khoa, chuyên viên Ban QLKH hỗ trợ, hướng dẫn. Hàng năm, sau khi nhận được thông báo đăng ký nhiệm vụ KH của đơn vị, Khoa gửi bản đăng ký, trong đó có nhiệm vụ KH của SV (bao gồm ĐTKH SV, HTKHSV) cho Ban QLKH. Sau khi Hội đồng KH - ĐT trường phê duyệt, Ban QLKH sẽ gửi kế hoạch hoạt động KH trong năm tới từng đơn vị để triển khai. Số lượng đề tài trung bình/năm của SV ngành QHQT là 2-3 đề tài, với số SV tham gia khoảng 10-15 SV/năm [H8.08.04.13] [H8.08.04.12]. Bên cạnh các ĐTKH, SV ngành QHQT còn tham gia viết tham luận cho HTKHSV cấp cơ sở [H8.08.04.13]. Đây là cơ hội tốt để SV bước đầu làm quen với NCKH: biết cách viết một tham luận báo cáo tại hội thảo, cách trình bày các kết quả nghiên cứu của mình, qua đó giúp cải thiện khả năng học tập, nghiên cứu của SV.

Với mục đích ghi nhận, động viên, khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, NCKH và rèn luyện, Học viện có những chính sách khen thưởng kịp thời như: trao học bổng, giấy khen, giải thưởng cho tập thể/cá nhân có thành tích học tập, NCKH tốt... [H8.08.04.14.DC] [H8.08.04.15]. Ngoài ra, Học viện còn nhiều dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học như: vay vốn tín dụng giáo dục, hoạt động ngoại khóa, tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ

ngành nghiệp cho SV ...Học viện ủy quyền cho Phòng CTCT&HTSV thực hiện làm thủ tục xác nhận vay vốn tín dụng giáo dục cho SV, đảm bảo 100% SV thuộc đối tượng vay vốn được làm đúng thủ tục tại trường. Đồng thời, Phòng CTCT&HTSV cũng là đầu mối phối hợp với Khoa trong việc rà soát, lập danh sách SV thuộc diện được học bổng khuyến học, học bổng cho SV nghèo/có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn... [H8.08.04.14.DC].

Đối với các hoạt động thi đua, tình nguyện, ngoại khóa: Học viện, Khoa QHQT rất quan tâm tới việc tổ chức các hoạt động này. Một số hoạt động tiêu biểu như: mùa hè xanh, phục vụ tuyển sinh đại học, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ SV, cắm trại, văn nghệ, Phút cuối, chào K, Halloween, FIA day, các kỳ thi (Olympic tiếng Anh, mô phỏng kỳ họp Đại Hội đồng Liên hợp quốc, tàu Đông Nam Á....), các hoạt động thực hành nghề nghiệp tại các CLB đội nhóm: đội lễ tân, CLB truyền thông, tiếng Anh... [H8.08.04.11.DC] Nhìn chung, SV ngành QHQT đều hưởng ứng và tham gia tích cực vào các hoạt động thi đua, tình nguyện, ngoại khóa do Học viện, Khoa phát động [H8.08.04.11.DC] [H8.08.01.13.DC]. Đó thực sự là những sân chơi thú vị, bổ ích và lành mạnh, giúp SV có cơ hội trải nghiệm, học hỏi và hội nhập. Các hoạt động này giúp SV tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học, hình thành và phát triển kỹ năng mềm, nâng cao ý thức, thái độ trong học tập và rèn luyện. Tổng hòa các lí do đó, nên tỷ lệ SV năm thứ 2,3,4 đạt kết quả học tập từ khá trở lên tăng hơn nhiều so với năm thứ nhất [H8.08.04.24] (sơ đồ 8-2); tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp trong 3 năm gần đây (2017, 2018, 2019) của ngành QHQT khá cao (từ 78,5% - 98,50%) [H8.08.04.20].

Ngoài ra, Học viện, Khoa QHQT cũng rất quan tâm, chú trọng tới hoạt động tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ nghề nghiệp cho SV. Khoa luôn đề cao việc tăng cường kiến thức thực tiễn và kỹ năng, nghiệp vụ nhằm nâng cao cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp như: thực tế môn học, thực tế chính trị - xã hội, kiến tập trong nước/nước ngoài, thực tập...[H8.08.04.17] [H8.08.04.18]. Định kỳ hàng năm, Khoa QHQT phối hợp với Đoàn Thanh niên Học viện tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp cho SV ngành QHQT: định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV, phỏng vấn xin việc, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh... [H8.08.04.19]. Ngoài ra, Khoa cũng tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm KH về triển vọng nghề nghiệp cho SV ngành QHQT hoặc lồng ghép

nội dung này trong các HTKHSV [H8.08.04.19]. SV ngành QHQT tham gia các buổi tư vấn hướng nghiệp khá đầy đủ, hào hứng [H8.08.04.19].

Hàng năm, Học viện, Khoa QHQT đều có báo cáo, phân tích, đánh giá về các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác; trên cơ sở đó tiếp tục phát huy những điểm mạnh và có giải pháp hạn chế tồn tại nhằm hỗ trợ tốt nhất cho SV. [H8.08.03.22.DC] [H8.08.03.23.DC]. Bên cạnh đó, Học viện còn tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của SV ngành QHQT đối với dịch vụ hỗ trợ đào tạo và việc làm do Học viện, Khoa tổ chức. Kết quả khảo sát ý kiến người học cho kết quả tăng dần theo các năm. Cụ thể: năm 2017 tỷ lệ % SV hài lòng: 51%, năm 2018: 59,90%, năm 2019: 75,70% và năm 2020: 73,20% [H8.08.04.22]. Khảo sát về tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp của SV ngành QHQT trong 3 năm gần đây 2017, 2018 và 2019 cho thấy tỷ lệ SV ngành QHQT tốt nghiệp có việc làm khá cao, đặc biệt trong năm 2018 (98.5%) và 2019 (95%), trong đó tỷ lệ đúng chuyên ngành đạt trên 60% [H8.08.04.20].

2. Điểm mạnh

Học viện, Khoa QHQT đã có nhiều hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và rất quan tâm tới việc tổ chức các hoạt động này tiêu biểu như: mùa hè xanh, phục vụ tuyển sinh đại học, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ SV, cắm trại, văn nghệ, Phút cuối, chào K, Halloween, FIA day, các kỳ thi (Olympic tiếng Anh, mô phỏng kỳ họp Đại Hội đồng Liên hợp quốc, tàu Đông Nam Á...), các hoạt động thực hành nghề nghiệp tại các CLB đội nhóm: đội lễ tân, CLB truyền thông, tiếng Anh... và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Sự phối hợp giữa Khoa QHQT với các đơn vị trong Học viện như Phòng CTCT& HTSV, Ban QLĐT, Ban QLKH, Đoàn Thanh niên khá hiệu quả, từ đó hỗ trợ tốt các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ cho SV.

Tỷ lệ SV ngành QHQT tốt nghiệp có việc làm khá cao (theo khảo sát năm 2018 là 98.5% và 2019 là 95%).

3. Điểm tồn tại

Một số hoạt động ngoại khóa vẫn chưa có sự tham gia đầy đủ, tích cực của tất cả SV ngành QHQT.

4. Kế hoạch hành động

Khoa QHQT tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong Học viện để duy trì thường xuyên và phát triển hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua cùng các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm giúp SV cải thiện kết quả học tập, rèn luyện và khả năng có việc làm đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp.

Khoa QHQT khuyến khích SV ngành QHQT tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp của Khoa, Học viện. Cụ thể: (i) Từ phía Khoa, Học viện: cộng điểm rèn luyện cho SV, tặng giấy khen cho tập thể (chi đoàn, liên chi đoàn) có thành tích hoạt động tốt; (ii) Từ phía Liên chi đoàn Khoa QHQT: xây dựng phong trào, vận động thành viên trong mỗi chi đoàn tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa...

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Môi trường

• Môi trường tâm lý, xã hội

Khoa QHQT, Phòng CTCT&HTSV đóng vai trò tư vấn hỗ trợ tâm lý cho SV khi SV có những vấn đề thắc mắc cần giải đáp [H8.08.05.01] [H8.08.04.10.DC] [H8.08.04.14.DC].

Mỗi lớp đều có ban cán sự và ban chấp hành chi đoàn [H8.08.05.02]. Ban chấp hành chi đoàn luôn chú ý đến việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho chi đoàn mình. Một số hoạt động tiêu biểu thường niên như: Halloween, FIA day, chào K, hội trại, các giải thi đấu bóng đá nam/nữ... [H8.08.01.13.DC]. Những hoạt động này đã gắn kết các thành viên trong lớp, trong liên chi, tạo ra bầu không khí vui vẻ, năng động và lành mạnh cho SV ngành QHQT. Như vậy, các hoạt động ngoại khóa đã tạo dựng môi trường tâm lý tốt cho SV. Các hoạt động xã hội, thể thao, văn nghệ... cũng giúp SV có cơ hội nâng cao sức khỏe và giảm bớt căng thẳng trong học tập và cuộc sống.

CVHT họp lớp định kỳ 3 tháng/1 lần hoặc trong những tình huống phát sinh để nắm bắt tình hình và động viên tâm lý cho SV [H8.08.04.10.DC]. Nếu SV gặp khó khăn, thì lớp, CVHT có trách nhiệm chia sẻ, động viên các em vượt qua hoặc đưa ra các biện pháp tháo gỡ.

Khu KTX được lắp đặt mạng wifi tạo điều kiện thuận lợi, thoải mái cho SV trong quá trình học tập và sinh hoạt. Học viện tiến hành đặt các biển cảnh báo PCCC tại tất cả các tầng nhà: nhà hành chính A1, các khu giảng đường, thư viện, studio, KTX, nhà ăn SV theo đúng quy định **[H8.08.05.03]**. Điều này tạo ra một môi trường tâm lý an toàn, thoải mái cho SV và cán bộ, GV.

Học viện, Khoa QHQT thường xuyên tổ chức các hoạt động để tạo môi trường lôi cuốn SV yêu ngành nghề tham gia như thành lập các CLB (Đội Lễ tân, CLB Truyền thông, CLB tiếng Anh...), thường xuyên tổ chức các hoạt động văn - thể như các giải thể thao (bóng đá nam/nữ), hội diễn văn nghệ, cắm trại và các hoạt động tình nguyện (thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, SV bảo vệ môi trường...) **[H8.08.01.13.DC]**. Tất cả những hoạt động trên đều góp phần tạo ra những sân chơi bổ ích và môi trường lành mạnh, nhân văn để SV được sống, học tập, rèn luyện nhằm phát huy khả năng, trí tuệ của mình.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để SV thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH. Chính vì vậy, Học viện duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học hàng năm cũng như cho toàn bộ SV trong trường theo định kỳ **[H8.08.05.04]**. Thực hiện luật BHYT, trong 5 năm qua đã có gần 1000 SV của ngành QHQT tham gia BHYT, trong đó một số SV đã được khám, chữa bệnh thông qua BHYT **[H8.08.05.04]**. Phòng Y tế hỗ trợ SV giải quyết các thủ tục liên quan đến BHYT và là nơi xử lý ban đầu, tư vấn các vấn đề sức khỏe cho SV. Đặc biệt trong năm 2020, với sự bùng nổ/lây lan của dịch Covid, Học viện, Phòng Y tế đã có những biện pháp kịp thời, theo đúng khuyến nghị của Chính phủ và HVCTQG HCM để ổn định tâm lý cho SV: giãn cách xã hội (nghỉ học), nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch: sát khuẩn toàn bộ khuôn viên của trường (nhà hành chính, giảng đường, trung tâm TTKH, KTX); đo nhiệt độ tại cổng trường, đeo khẩu trang... Hàng năm, Phòng Y tế báo cáo kết quả về công tác y tế theo đúng quy định hiện hành, chưa để xảy ra vi phạm sự cố về y tế trong 5 năm qua **[H8.08.05.15]**.

Học viện, Văn phòng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và công an phường, quận, thành phố nhằm đảm bảo tốt an ninh, tạo môi trường xã hội trật tự, an toàn cho người học tại trường, khu vực KTX và khu vực SV ngoại trú xung quanh trường **[H8.08.05.05]**.

Môi trường tâm lý thoải mái tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, được SV

đánh giá khá tốt với 76,12% SV hài lòng [H8.08.05.06]. Năm 2020, 74,60% SV đánh giá tốt các hoạt động hỗ trợ học tập, y tế, môi trường an ninh. Tất cả những điều đó cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của đội ngũ NV phòng ban, cán bộ quản lý đã tạo được tâm lý thoải mái, tin tưởng, an tâm cho SV để các em tích cực cố gắng trong học tập và rèn luyện [H8.08.05.07].

- **Môi trường cảnh quan**

HVBC&TT luôn ý thức tạo ra môi trường cảnh quan sạch, đẹp, giúp SV có thể thư giãn, nghỉ ngơi, giải trí ngoài giờ học và các hoạt động ngoại khóa. Trong những năm qua, Học viện không ngừng nỗ lực tạo điều kiện cho SV được học tập, rèn luyện và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường với không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi, nhiều cây xanh, vườn hoa, ghề đá [H8.08.05.11] [H8.08.05.12].

Tổng diện tích đất của Học viện: 57.310m². Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một SV chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, GV cơ hữu, trung tâm TTKH, cơ sở thực hành...): 14.552,19m². Các phòng học nhỏ, phòng học lớn, phòng thực hành được đặt tại các tòa nhà B1, B3, B5, B6, B8A, B8, B9, B11, B15, A1, A2, A4, được bố trí hợp lý, bao gồm 1 hội trường 800 chỗ, 1 Hội trường 200 chỗ, 8 phòng học trên 100 chỗ, 35 phòng học 70 chỗ, 47 phòng học nhỏ (39 phòng trên 40 chỗ, 8 phòng trên 30 chỗ), 2 phòng bảo vệ luận văn và 17 phòng thực hành trong đó có 4 phòng LAB học ngoại ngữ; 5 phòng thực hành tin học. Các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho học tập của SV: bàn ghế, bảng, máy chiếu, điều hòa, quạt ... Số chỗ ở KTX SV Việt Nam: 1106 chỗ, số chỗ ở KTX SV nước ngoài: 86 chỗ. [H8.08.05.10]

CSVC phục vụ cho công tác rèn luyện và sinh hoạt văn nghệ, thể dục thể thao của SV bao gồm 1 hội trường lớn 800 chỗ thiết kế theo kiểu sân khấu, 1 sân KTX, 1 sân vận động có trang bị dụng cụ tập luyện thể dục thể thao. Về cơ bản, các công trình trên đảm bảo nhu cầu thiết yếu để người học tổ chức và duy trì được các hội thi/sự kiện văn nghệ, văn hóa, xã hội; luyện tập và tổ chức các giải thể thao cấp khoa, cấp trường đều đặn hàng năm] [H8.08.05.09] [H8.08.05.08] [H8.08.05.10].

HVBC&TT có quy định văn hóa công sở, trong đó nhấn mạnh đến cách thức ứng xử thầy - trò, quy định đối với trang phục, thể cán bộ, thể SV nhằm tạo ra trật tự, kỷ cương học đường. Các nội quy/quy tắc ứng xử trong khuôn viên trường cũng

được công bố công khai nhằm tạo không khí nghiêm túc, an ninh và trật tự [H8.08.05.13].

GV, SV cuối khóa đánh giá tốt về môi trường xã hội, cảnh quan, tâm lý của Học viện [H8.08.05.06] [H8.08.05.14].

2. Điểm mạnh

SV được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường tâm lý, xã hội thoải mái với rất nhiều hoạt động hữu ích. Môi trường cảnh quan đẹp với không gian thoáng đãng, nhiều cây xanh, sạch sẽ, tiện lợi giúp SV thư giãn, nghỉ ngơi, giải trí.

Các quy định văn hóa công sở, nội quy/quy tắc Học viện, cách ứng xử thầy – trò v.v... tạo được không khí nghiêm túc, an ninh, trật tự trong môi trường học đường.

3. Tồn tại

Về môi trường cảnh quan: chỗ để xe máy còn chưa được quy hoạch ở một khu độc lập do hạn chế về diện tích và kinh phí xây dựng (phụ thuộc vào HVCTQGHCM).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT cùng các đơn vị khác trong trường đề xuất Học viện cụ thể là Phòng QT&QLKTX, Văn phòng tham mưu xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo khu vực để xe máy chuyên nghiệp hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 8:

Chất lượng SV là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành QHQT. Chất lượng này thể hiện trước hết ở điểm đầu vào và kết quả học tập, rèn luyện của SV trong suốt thời gian được đào tạo tại trường. Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của SV phù hợp, hiệu quả, bao gồm 3 cấu phần: (i) Hệ thống các văn bản quy định làm cơ sở cho việc giám sát; (ii) Hệ thống công cụ và phương tiện hỗ trợ việc giám sát; (iii) Các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát. Bên cạnh hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua, SV ngành QHQT còn nhận được nhiều dịch vụ hỗ trợ khác như: vay vốn theo chương trình của ngân hàng chính sách xã hội, miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích học tập, trợ

cấp xã hội, tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ nghề nghiệp... Những hoạt động đó nhằm khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH. Ngoài ra, SV còn được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

Bên cạnh những điểm mạnh trên, vẫn còn một số tồn tại cơ bản như: (i) tổ hợp môn thi dùng trong xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia cho ngành QHQT còn chưa phong phú; (ii) việc truy cập và update của Phần mềm quản lý đào tạo (Maxman) còn tắc nghẽn do lượng truy cập quá tải, nên đôi khi chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu trong QLĐT; (iii) Một số hoạt động ngoại khóa vẫn chưa có sự tham gia đầy đủ, tích cực của tất cả SV ngành QHQT; (iv) Về môi trường cảnh quan: chỗ để xe máy còn chưa được quy hoạch ở một khu độc lập do hạn chế về diện tích và kinh phí xây dựng (phụ thuộc vào HVCTQGHCM).

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng đó, Khoa và Học viện cần triển khai các kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh và hạn chế những tồn tại. Cụ thể: (i) Bổ sung thêm tổ hợp môn thi khác như tổ hợp D07 để xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia trong kỳ tuyển sinh năm học 2021-2022; (ii) Đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời; (iii) Khuyến khích SV ngành QHQT tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp của Khoa, Học viện. Cụ thể: (i) Từ phía Khoa, Học viện: cộng điểm rèn luyện cho SV, tặng giấy khen cho tập thể (chi đoàn, liên chi đoàn) có thành tích hoạt động tốt; (ii) Từ phía Liên chi đoàn Khoa QHQT: xây dựng phong trào, vận động thành viên trong mỗi chi đoàn tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa... ; (iv) Khoa QHQT cùng các khoa khác trong trường đề xuất Học viện cụ thể là Phòng QT&QLKTX, Văn phòng tham mưu xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo khu vực để xe máy chuyên nghiệp hơn.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí, cả 5 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình ở mức: 6/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 9

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Học viện Báo chí và Tuyên Truyền có hệ thống thư viện, hệ thống trang thiết bị thực hành, cơ sở vật chất đã được Học viện từng bước đầu tư, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn khác.

Bên cạnh công tác đầu tư, cải tạo, Học viện đã từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có, xây dựng cảnh quan xanh – sạch – đẹp, môi trường văn hóa trong Học viện.

HVBC&TT luôn chủ động xây dựng dự án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách nhà nước để bổ sung, hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn.

Công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị thực hành của Học viện đã từng bước đi vào nề nếp. TTTTKH của Học viện khang trang đáp ứng tốt nhu cầu của GV và SV. KTX được đầu tư xây dựng và cải tạo thoáng mát, sạch sẽ. Việc khai thác CSVC của Học viện đã từng bước đi vào KH, hiệu quả.

Với sự quan tâm của Học viện, Khoa QHQT đã được trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu KH của ngành QHQT, chuyên ngành Thông tin đối ngoại và chuyên ngành Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, hệ thống tài liệu KH... mà ngành QHQT hiện có và sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

HVBC&TT có đủ giảng đường, phòng học, phòng chuyên đề, phòng đọc cùng trang thiết bị kèm theo đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV, SV theo qui định. CSVC dành cho CTĐT ngành QHQT được dùng chung với CSVC trong toàn Học viện. Học viện bố trí những giảng đường lớn ở các khu giảng đường ghé B1, B3, B5, B6, B8, B9 đủ đáp ứng nhu cầu tập 80 -150 SV đối với một số học phần đại cương. Ngược lại, các môn chuyên ngành cho SV ngành QHQT có số lượng SV ít hơn (từ 30 - 50 SV) được bố trí linh hoạt ở các phòng học phù hợp với nhu cầu học tập [H9.09.01.14]. Số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc phục vụ đào tạo của HVBC&TT như sau:

Bảng 9.1. Thống kê danh sách và diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của HVBC&TT

(Nguồn: Thống kê của Văn phòng)

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, GV cơ hữu	146	19.339,00
2.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10
3.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20
4.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34
5.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
6.	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28
7.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, GV cơ hữu	60	2.180,00
8.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
9.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
10	Tổng	170	27.179,08

Diện tích xây dựng phục vụ đào tạo của HVBC&TT bao gồm Hội trường, giảng đường, và các phòng học các loại, phòng làm việc là 19.339,00 m². Trong đó diện tích phòng học là 11.957,9m² trên tổng sinh viên chính quy là 7557; do đó, diện tích phòng học bình quân là 1,58m²/sv [H9.09.01.01.DC]. Diện tích này đã đáp ứng đủ số lượng phòng học và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của Học viện.

Số lượng và diện tích phòng học của Học viện đáp ứng yêu cầu dạy và học của tất cả các ngành đào tạo trong đó có ngành QHQT (bao gồm giờ giảng lý thuyết, bài tập thực hành, thảo luận). 100% các phòng học này được trang bị đầy đủ máy chiếu, bảng chống lóa và màn chiếu, đầy đủ hệ thống quạt, điều hoà, hệ thống âm thanh, chiếu sáng, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo của ngành QHQT. [H9.09.01.02.DC].

Bảng 9.2. Thống kê trang thiết bị phòng học, phòng chức năng phục vụ đào tạo của HVBC&TT

(Nguồn: Thống kê của Văn phòng)

Phòng học	SL	Trang thiết bị	Số lượng
Giảng đường, phòng học	86	Bàn	2859
		Ghế	5773
		Máy chiếu	132
		Loa đài	251
		Hệ thống chiếu sáng	

Trong mỗi phòng học, giảng đường, đều có nội quy, quy định về việc sử dụng CSVC, trang thiết bị. Các thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập tại các giảng đường, lớp học được quản lý, kiểm tra hàng ngày bởi tổ cán bộ Bộ phận TH – HTĐT và các công nhân vệ sinh [H9.09.01.12.DC]. Do đó, trang thiết bị hỏng hóc được sửa chữa kịp thời. Thống kê trong giai đoạn 2015-2020, số phòng học sử dụng chung toàn Học viện đã đáp ứng nhu cầu đào tạo và giảng dạy của ngành QHQT. Cụ thể, tuần suất sử dụng phòng học sử dụng riêng cho ngành QHQT so với toàn Trường chiếm từ 4% (học kỳ 2 năm học 2016-2017) và cao nhất đến 13% (học kỳ 2 năm học 2019-2020).

Hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV, CBVC. Hiện tại, Học viện có 86 phòng làm việc với diện tích 11.957,9m² cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các cán bộ, GV và NV cơ hữu. Học viện đã có khu hành chính tập trung tại tòa nhà 11 tầng với đầy đủ phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, GV cao cấp; phòng hội thảo. Học viện đã ban hành biểu quản lý, sử dụng tòa nhà hành chính làm việc, đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT ngành QHQT [H9.09.01.01.DC] [H9.09.01.03] [H9.09.01.05.DC].

Khoa QHQT có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp đủ để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Khoa được phân 04 phòng làm việc, 02 phòng dành cho BCN Khoa, tại tòa nhà A1. Trong đó có một phòng 15 m², một phòng 51,84m², hai phòng là 25,92m² (bình quân 8,5m²/GV), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, máy in, máy tính, bàn ghế, trang thiết bị văn phòng có kết nối mạng internet, phòng làm việc chung có 02 máy in, 2 phòng làm việc của BCN Khoa. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần

thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn ghế hệ thống điều hòa trung tâm hiện đại, tiêu chuẩn PCCC đã được kiểm định [H9.09.01.04].

Trang thiết bị và các phòng làm việc đáp ứng tốt định mức theo quy định của Học viện và đảm bảo điều kiện về ánh sáng để đáp ứng CSVC tốt nhất cho GV, cán bộ có điều kiện tốt để phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình [H9.09.01.10.DC].

Bảng 9.3: Thống kê CSVC khoa QHQT

(Nguồn: Thống kê của Văn phòng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số phòng được giao sử dụng	Phòng	4	
2	Tổng diện tích sử dụng	M2	127	
3	Diện tích bình quân	M2	9.07	
4	Bàn làm việc, bàn vi tính	Cái	15	
5	Ghế các loại	Cái	51	
6	Tủ	Cái	8	
7	Máy tính để bàn	Bộ	5	
8	Máy tính xách tay	Cái	2	
9	Máy in	Cái	1	
10	Máy photo	Cái	0	
11	Điện thoại để bàn	Cái	4	
12	Các trang thiết bị khác quạt cây	Cái	3	

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều được phân bổ hợp lý và có sơ đồ rõ ràng [H9.09.01.08.DC]. Các bộ phận chức năng của Học viện đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, SV đối với mức độ đáp ứng yêu cầu về cơ sở chất của cán bộ, GV và SV. Năm 2018 có 77,78% trong số GV tham gia khảo sát đánh giá hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu đã đáp ứng tốt đối với nhu cầu đào tạo và NCKH. Con số trên trong năm 2019 là 85,71% [H9.09.01.10.DC]. Năm 2018 có 54,48% trong số SV tham gia khảo sát đánh giá trang thiết bị tin học, CNTT (phần mềm, wifi, v.v.) đáp ứng tốt nhu cầu học tập và NCKH. Con số trên trong năm 2019 là 73,97% [H9.09.01.09].

Hàng năm, Phòng QT&QLKTX sẽ tổng hợp lập kế hoạch đầu tư, xây dựng, cải tạo hệ

thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng trên cơ sở đề xuất của các đơn vị [H9.09.01.05.DC]. Các hoạt động đầu tư, cải tạo phải nằm trong kế hoạch đã được Giám đốc phê duyệt từ đầu năm. Dựa trên đề xuất của các đơn vị, Phòng QT&QLKTX kiểm tra thực tế, lên phương án và thực hiện việc đầu tư, sửa chữa. Việc nghiệm thu sẽ được phối hợp giữa Phòng QT&QLKTX và đơn vị có đề xuất đầu tư sửa chữa. [H9.09.01.02.DC] [H9.09.01.11.DC]. Hàng năm, Học viện dành từ 10 đến 15 tỷ đồng để đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo của Học viện [H9.09.01.05.DC]. Hệ thống phòng làm việc của Khoa QHQT trong giai đoạn vừa qua cũng được Học viện trang bị thêm những thiết bị cần thiết như: máy tính, máy in, bàn ghế, tủ. [H9.09.01.13].

Bảng 9.4. Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo của HVBC&TT

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Nguồn: Số liệu của phòng QT&QLKTX, Văn phòng)

Hạng mục	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí
Máy tính	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
Máy chiếu	11	273	17	428	4	98	14	236	15	367
Loa đài	51	257			30	222	39	200	15	521
Phần mềm	1	53	118	528	3	846				
Điều hoà	17	425			11	362	284	6844		
Máy in					1	48				
Máy photo										
Các loại trang thiết bị khác										
Tổng										

Bảng 9.5. Thống kê kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của HVBC&TT

(Nguồn: Số liệu của phòng Quản trị)

Năm	Danh mục	Kinh phí (VNĐ)
		2,212,059,000
2015	Cải tạo Phòng TH hỗn hợp nhà B1	198,000,000
	Cải tạo XD nhà B2 cũ - B8	71,910,000
	Cải tạo, sửa chữa nhà B5,B6	1,942,149,000
2016	Cải tạo 03 phòng khách tầng 3 nhà A3	584,959,000
2017	Không	0
2018	Cải tạo lớp học nhà B1	823,620,000
2019	Cải tạo, nâng cấp nhà B3	3,448,806,000

2. Điểm mạnh

Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng hội thảo, phòng chức năng hiện có với các trang thiết bị phù hợp và luôn được cải tạo sửa chữa đã đáp ứng tốt, có hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH,... của Học viện nói chung và ngành QHQT nói riêng.

Hệ thống điều hòa trong hệ thống giảng đường đáp ứng tốt cho SV khi học tập trong những ngày hè nóng bức.

Việc bố trí phòng học được thực hiện khoa học cùng với nỗ lực của TTTH-HTĐT đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như học nhóm, tự học,....

3. Điểm tồn tại

Số lượng các phòng tự học chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu của SV vào mùa thi.

Hệ thống bàn ghế trong nhiều phòng học còn mang tính cố định nên chưa đáp ứng đầy đủ cho các hoạt động học tập nhóm, hoạt động học tập lấy SV làm trung tâm.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021, đối với hệ thống giảng đường, Học viện phối hợp với Phòng QT&QLKTX lên kế hoạch xây dựng, bố trí thêm các phòng tự học cho SV trong mùa thi. Đồng thời, Phòng QT&QLKTX cần có kế hoạch nâng cấp hệ thống bàn ghế trong một số phòng học để phù hợp thêm cho các hoạt động học tập tích cực.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hiện tại Trung tâm Thông tin khoa học (thư viện) trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Thư viện sử dụng toà nhà 3 tầng có diện tích hơn 3.000 m² bao gồm 10 phòng học, 05 phòng phục vụ với 300 chỗ ngồi [H9.09.02.10]. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm: bàn, ghế, tủ, giá sách, máy số hóa, máy tính, máy photocopy, máy in, ti vi, điều hòa ... đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. [H9.09.02.11]

Thư viện thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, bổ sung đầy đủ, kịp thời giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của Học viện. Đặc biệt, thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc mở, phòng đọc báo - tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng phục vụ các lớp chất lượng cao, phòng đọc giảng viên... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá tạo thuận lợi cho việc quản lý bạn đọc và tài liệu, giúp bạn đọc thuận tiện trong việc tra cứu và sử dụng tài liệu đạt hiệu quả. Thư viện có nguồn tài liệu phong phú bao gồm: giáo trình; sách tham khảo; khóa luận tốt nghiệp; luận văn thạc sĩ; luận án tiến sĩ; đề tài khoa học; tạp chí; ấn phẩm; bản tin... Đây là nguồn thông tin khoa học quý giá phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Bảng 9.6. Thống kê danh mục tài liệu in tại Thư viện

STT	LOẠI TÀI LIỆU IN	SỐ ĐẦU TL	SỐ BẢN
1	Đề tài khoa học	1913	2.579
2	Giáo trình	671	12.987
3	Khóa luận tốt nghiệp	2.100	2.389
4	Luận án tiến sĩ	85	85
5	Luận văn thạc sĩ	3.975	4095
6	Sách tham khảo	14.516	95.530
7	Sách ngoại văn	1.289	2046
8	Báo, Tạp chí, bản tin	110	374
9	Thông tin chuyên đề	57	500

Thư viện của Học viện ứng dụng phần mềm quản lý tài liệu số, với hệ thống giáo trình, sách tham khảo phong phú đa dạng .

Bảng 9.7. Thống kê danh mục tài liệu số tại Thư viện

STT	LOẠI TÀI LIỆU SỐ	SỐ ĐẦU TL	SỐ BẢN
1	Đề tài khoa học	1193	1193
2	Giáo trình	473	473
3	Khóa luận tốt nghiệp	32	32
4	Luận án tiến sĩ	74	74
5	Luận văn thạc sĩ	3.414	3.414
6	Sách tham khảo	1.585	1.585
7	Sách ngoại văn	447	447
8	Tạp chí	39	39
9	Thông tin chuyên đề	47	47

Từ năm 2013, thư viện ứng dụng phần mềm thư viện số Dspace để quản lý các tài liệu số, phục vụ bạn đọc tra cứu và đọc toàn văn tài liệu qua mạng internet; tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc có thể tiếp cận tài liệu dễ dàng mà không phải trực tiếp đến thư viện. Năm 2019, phần mềm được nâng cấp lên phiên bản 5.9 giúp bạn đọc có thể truy cập tài liệu số trên điện thoại di động. Địa chỉ truy cập: **thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace**.

Từ năm 2018 đến nay, thư viện sử dụng phần mềm thư viện điện tử Kipos phiên bản 6.X với 04 module cơ bản: biên mục tài liệu, lưu thông tài liệu, quản lý ấn phẩm định kỳ và cổng thông tin điện tử, để quản lý toàn bộ các tài liệu in có trong thư viện qua mã vạch, các tài liệu in được cập nhật thường xuyên, kịp thời phục vụ bạn đọc tra tìm tài liệu, quản lý quá trình lưu thông mượn, trả tài liệu của bạn đọc. Địa chỉ truy cập: **thuvienajc.hcma.vn**.

Hệ thống máy tính của Trung tâm bao gồm 63 máy tính, 48 máy tra cứu của bạn đọc. Hệ thống này được kết nối Internet. Các phòng làm việc và phục vụ bạn đọc đều được trang bị quạt, điều hòa, đèn điện đạt tiêu chuẩn [H9.09.02.11].

Các tài liệu, tạp chí phục vụ công tác giảng dạy và học tập cho ngành QHQT luôn được đầu tư mua mới, bổ sung. Hàng năm trên cơ sở khảo sát nhu cầu bổ sung tài liệu của khoa Quan hệ quốc tế, thư viện đề nghị lãnh đạo Học viện Báo chí và

Tuyên truyền bổ sung tài liệu cho ngành Quan hệ quốc tế [H9.09.02.02]. Trong giai đoạn 2016 đến 2020, thư viện của Học viện đã bổ sung 2.118 đầu sách (tương đương 17.306 bản sách) trong số đó, 522 đầu sách (tương đương 4.552 bản) phục vụ cho đào tạo, học tập và NCKH của GV và SV ngành Quan hệ quốc tế. Điều này đảm bảo nguồn tài liệu, tạp chí,... của thư viện luôn được cập nhật. [H9.09.02.05] đáp ứng nhu cầu học tập nghiên cứu của GV và SV. Kinh phí Học viện dành cho việc bổ sung số lượng sách, tạp chí, cơ sở dữ liệu cho toàn Học viện trong đó có cả tài liệu cho QHQT cụ thể được mô tả trong **Bảng 9.3** [H9.09.02.06].

Bảng 9.8: Thống kê kinh phí bổ sung hàng năm Khoa QHQT

STT	Loại đầu mục	Kinh phí từ 2016 -2020	Kinh phí từ 2016 -2020 ngành QHQT
1	Sách	1.945.080.399	416.438.500
2	Báo, tạp chí	1.684.489.658	
3	Số hóa tài liệu	1.084.225.000	
4	Tài liệu số	91,756,600	
5	Tổng số	4.805.551.657	416.438.500

Hằng năm, thư viện đã tổ chức trao đổi, lấy ý kiến của CB, GV và SV về hoạt động của Thư viện để khảo sát mức độ hài lòng của bạn đọc. Kết quả thăm dò về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế cho thấy: sinh viên ngành QHQT về cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Năm 2018 có 69,40 % tỷ lệ SV hài lòng về thư viện, năm 2020 là 71,64% [H9.09.02.07].

Vào đầu năm học, cán bộ thư viện trực tiếp giới thiệu và hướng dẫn SV ngành Quan hệ quốc tế mới nhập học cách tra cứu, mượn trả sách, sử dụng thư viện điện tử, nội quy và thời gian phục vụ của Thư viện [H9.09.02.08]. Ngoài ra, cán bộ thư viện hướng dẫn trực tiếp bạn đọc cách sử dụng thư viện tại quầy phục vụ khi có yêu cầu. Thư viện có quy định loại tài liệu, số lượng đầu sách, thời gian được mượn cho từng đối tượng bạn đọc. Thời gian phục vụ bạn đọc được thông báo ở nội quy thư viện, trên website của thư viện và tại các phòng phục vụ [H9.09.02.09].

Theo quy định, tài liệu in bạn đọc được mượn giáo trình, sách tham khảo về nhà; với tài liệu số bạn đọc chỉ được đọc trực tuyến toàn văn, không được tải về. Đối với các cơ sở dữ liệu điện tử bạn đọc sẽ sử dụng qua các đường link trên thư viện số.

[H9.09.02.08].

Tủ sách tại khoa Quan hệ quốc tế cung cấp những nguồn học liệu chuyên biệt của ngành Quan hệ quốc tế như tài liệu về các tổ chức quốc tế, thông tin đối ngoại, chính trị quốc tế, báo chí quốc tế với hàng trăm đầu luận văn đề dành cho SV ngành QHQT tham khảo trong quá trình học tập như bảng 9.4 [H9.09.02.05]. Đặc biệt, khoa có tủ sách tiếng Anh do Trung tâm Hoa Kỳ tặng là nguồn tài liệu quý cho sinh viên ngành Quan hệ quốc tế tham khảo trong quá trình học tập.

Bảng 9.9: Thống kê số lượng tài liệu tại tủ sách Khoa QHQT giai đoạn 2016-2020

	Tài liệu tiếng Việt (đầu tài liệu)	Tài liệu ngoại văn (đầu tài liệu)	Các loại tài liệu khác (đầu tài liệu)
Số lượng	214	135	237

2. Điểm mạnh

Thư viện có nguồn tài liệu đa dạng, hàng năm nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của các ngành đào tạo trong đó có ngành Quan hệ quốc tế... Bên cạnh đó, tủ sách tại khoa Quan hệ quốc tế cũng cung cấp nguồn tài liệu học tập chuyên ngành quý giá và hữu ích cho sinh viên của ngành QHQT

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Thư viện hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu của bạn đọc với hệ phòng phục vụ rộng rãi, mát mẻ, đủ chỗ ngồi và phần mềm quản lý chuyên dụng cho Thư viện (hệ thống tra cứu, đường truyền tại thư viện ổn định cho phép người học và giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến qua thư viện điện tử và truy cập, sử dụng toàn văn tài liệu trên thư viện số). Thư viện có đủ giáo trình, sách tham khảo phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện.

Thư viện đã có các quy định hướng dẫn người đọc rõ ràng, đầy đủ, cán bộ thư viện chủ động hướng dẫn bạn đọc sử dụng thư viện hiệu quả.

3. Tồn tại

Thư viện còn thiếu các cơ sở dữ liệu điện tử; việc cập nhật và bổ sung tài liệu nước ngoài còn hạn chế dẫn đến việc học liệu chưa thực sự đa dạng và phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Thư viện Nâng cấp thêm một số module của phần mềm Thư viện điện tử Kipos: về công tác bổ sung, thống kê tài liệu... Bổ sung cơ sở dữ liệu điện tử, tài liệu tiếng

nước ngoài; tiếp tục phát triển kho tài nguyên số. Thư viện tiếp tục phối hợp cùng các đơn vị trong Học viện để bổ sung tài liệu, nâng cấp hạ tầng mạng, đường truyền tốc độ cao, wifi để đảm bảo truy cập trang Thư viện điện tử, Thư viện số phục vụ hoạt động đào tạo.

Khoa Quan hệ quốc tế đề xuất Học viện có kế hoạch từng bước tăng cường các đầu sách mới xuất bản trong nước và ngoài nước để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Quan hệ quốc tế: cụ thể mỗi năm mua từ 3-7 đầu sách.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

HVBC&TT luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu NCKH của GV và SV, kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện đại cho SV trước khi tốt nghiệp. Hiện nay, HVBC&TT có tổng số phòng thực hành là 19 và số lượng phòng học là 86 **[H9.09.03.01.DC]**.

Hệ thống phòng thực hành trong toàn HVBC&TT đáp ứng được nhu cầu thực hành của SV thuộc tất cả các ngành đào tạo trong đó có ngành QHQT. Học viện đã trang bị hệ thống phòng studio, phòng thực hành cùng các thiết bị hiện đại phù hợp để phục vụ các hoạt động học tập và nghiên cứu của SV ngành QHQT đối với các học phần thuộc khối kiến thức ngành, cơ sở ngành và chuyên ngành như: Cơ sở truyền thông quốc tế, Tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại, **[H9.09.03.02.DC]**. Đối với một ngành đào tạo năng động, hiện đại và mang nhiều tính ứng dụng như ngành QHQT thì việc có phòng thực hành là cần thiết và phù hợp. Thời gian vừa qua, hệ thống các phòng thực hành của Học viện đã được Khoa QHQT sử dụng hiệu quả trong công tác đào tạo, giúp SV ngành QHQT thực hành một số kỹ năng nghề nghiệp **[H9.09.01.10.DC]**.

Ngoài ra, HVBC&TT có 06 phòng máy tính phục vụ thực hành tin học, 04 phòng Lab có trang thiết bị học ngoại ngữ **[H9.09.03.01 DC]** để phục vụ SV ngành QHQT trong quá trình học các môn trong CTĐT như ngoại ngữ cơ bản, ngoại ngữ chuyên ngành, tin học văn phòng, CDR tin học, ngoại ngữ.

**Bảng 9.10: Danh sách phòng thực hành kèm trang thiết bị phục vụ CTĐT
ngành QHQT**

(Nguồn: Số liệu của Phòng QT&QLKTX)

	Tên phòng	Trang thiết bị	Số lượng
1	Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông: P.203 - B1	- Máy tính bàn.	25
		- Máy in khổ A3.	1
		- Máy chiếu.	1
		- Âm thanh.	1
2	Phòng thực hành quay phim 01: P.102-B3	⊔ Máy quay phim.	3
		- Bộ bàn trộn hình Full HD.	1
		- Bộ ghi hình Full HD.	1
		⊔ Mixer Audio Soundcraft.	1
		⊔ Mixer Video SONY.	1
		- Tivi	1
		- Cầu (Boom Camera).	1
		⊔ Ray (Doll Camera).	1
		⊔ Bàn ghế trường quay.	40
⊔ Đèn trường quay	28		
3	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo): P.105-B1	⊔ Máy quay HD HXC-FB75KC.	3
		⊔ Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70.	1
		⊔ Hệ thống nhắc lời QPRO17.	1
		⊔ Hệ thống bàn trộn hình HVS-110.	1
		⊔ Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G.	1
		⊔ Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E).	1
		⊔ Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực.	1
		⊔ Hệ thống phát file.	1
		⊔ Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ.	1
		⊔ Hệ thống thu ghi tín hiệu.	1
		⊔ Thiết bị thu/phát tín hiệu.	1
		⊔ Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ.	1
		⊔ Hệ thống thiết bị intercom và audio.	1
		⊔ Hệ thống ánh sáng trường quay.	1
⊔ Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	1		
4	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB): P.101-B3	⊔ Máy tính bàn.	33
		⊔ Máy chiếu.	1
		⊔ Tai nghe.	33

5	Phòng thực hành tin học: P.304-B1	↳ Máy tính bàn.	31
		↳ Máy chiếu.	1

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý trang thiết bị thực hành, HVBC&TT, đã thông qua quy định về quản lý và sử dụng tài sản công [H9.09.01.12.DC] [H9.09.03.02.DC] [H9.09.03.03.DC]. Các phòng thực hành có bảng phân phối và sơ đồ sử dụng hợp lý [H9.09.01.01.DC]. Trong mỗi phòng thực hành đều có nội quy, quy định việc sử dụng CSVC, trang thiết bị [H9.09.03.05]. Danh mục trang thiết bị tại các phòng thực hành phục vụ cho giảng dạy và học tập cũng luôn được thống kê, báo cáo hằng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng [H9.09.01.10.DC]. Trên cơ sở đó, Học viện có kế hoạch đề xuất cho việc đầu tư, sửa chữa kịp thời phục vụ công tác đào tạo và NCKH [H9.09.03.05].

Tại các phòng thực hành luôn có sổ theo dõi tần suất sử dụng [H9.09.03.06]. Hàng năm, HVBC&TT, khoa QHQT có khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, SV về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. Năm 2019, 80% tỷ lệ GV hài lòng về CSVC và CNTT [H9.09.01.10.DC].

Số lượng và thiết bị phòng thực hành hiện có đã đáp ứng thiết thực cho việc dạy và học của ngành QHQT. Cụ thể, theo thống kê mức độ hài lòng về CSVC phục vụ cho học tập, khi được hỏi về mức độ đáp ứng của phòng thực hành về trang bị các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thì câu trả lời là đáp ứng đến 72,60 % ở năm 2019 và con số này năm 2020 là 73,13% [H9.09.01.10.DC]. Hằng năm, HVBC&TT đều dành kinh phí cho việc đầu tư, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị cho các phòng thực hành. Tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị thường xuyên hàng năm trung bình khoảng từ 2 đến 4 tỷ đồng. Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa trung bình một năm từ năm 2015 đến 2017 là khoảng 5 tỷ đồng. Riêng năm học 2018-2019, do đầu tư xây dựng, cải tạo lại hệ thống phòng học các khu giảng đường A3, A4, B11, B3, đặc biệt là đầu tư để cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC tại nhà A1, nên số kinh phí dành cho cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định năm 2019 tổng mức là 23,2 tỷ đồng [H9.09.01.05.DC].

2. Điểm mạnh

Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho giảng dạy đào tạo NCKH ngành QHQT đã được trang bị phù hợp và có bổ sung, sửa chữa hàng năm. Hoạt động của bộ phận TH – HTĐT thuộc Văn phòng (trước 1 tháng 11 năm 2018 là Trung tâm TH – HTĐT) đã góp phần quan trọng vào việc kết hợp đào tạo lý thuyết với thực hành kỹ năng nghiệp vụ về TTĐN, truyền thông quốc tế cho SV.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, khoa QHQT đang thực hành các môn nghiệp vụ chuyên nghiệp tại phòng học lý thuyết mà chưa có phòng thực hành nghiệp vụ chuyên biệt như lễ tân ngoại giao, giao tiếp và đàm phán, nghệ thuật phát ngôn đối ngoại.

4. Kế hoạch hành động

Trên cơ sở kế hoạch nguồn kinh phí NCKH và đầu tư CSVC, năm 2021 Khoa sẽ đề xuất đầu tư thêm cho Khoa QHQT phòng thực chuyên môn nghiệp vụ phục vụ đào tạo chuyên ngành của Khoa.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hiện nay, Học viện có 610 bộ máy tính để bàn, 99 máy chiếu. Tất cả các phòng làm việc của khoa QHQT đều được trang bị máy tính, máy in và các thiết bị làm việc cần thiết khác. Cụ thể, Khoa QHQT hiện nay có 3 máy tính [H9.09.04.01] Tất cả các GV đều có trang bị máy tính cá nhân.

Học viện có 06 phòng máy tính phục vụ SV thực hành, học tập các môn học trong đó có các môn học của ngành QHQT như Tin học cơ bản, tin học nâng cao, 01 phòng máy tính cho GV và SV tìm kiếm tài liệu ở TTTTKH, trên Internet; 04 phòng máy chuyên dụng cho học ngoại ngữ [H9.09.04.05]. 100% các máy tính của Học viện đều sử dụng các phần mềm có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và công tác quản lý. [H9.09.04.02].

Hệ thống máy tính trong Học viện đều được kết nối mạng cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường [H9.09.04.02]. CB, GV và SV đều có địa chỉ Email do Học viện cung cấp. Học viện cũng có mạng không dây kết nối Internet cho GV và SV toàn HV [H9.09.04.04].

Toàn bộ các công nghệ thông tin, hệ thống Email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được phòng CNTT có chức năng chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của Học viện cũng như Khoa, Kinh phí đầu tư, nâng cấp, sửa chữa hệ thống tin học hàng năm của Trường từ 1 đến 5 tỷ đồng [H9.09.04.04], [H9.09.04.07].

**Bảng 9.11: Số lượng và kinh phí mua sắm sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị tin học
(CNTT, phần mềm)**

(Đơn vị tính: triệu đồng)

(Nguồn: Số liệu của Phòng QT&QLKTX)

STT	Hạng mục	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí
1	Thiết bị CNTT	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
	Máy tính	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
	Ổ cứng										
2	Phần mềm	1	53	118	529	3	846	0	0	1	180
	Phần mềm chấm thi, dạy học	1	53			1	95				
	Phần mềm thi trắc nghiệm					1	55				
	Phần mềm quản lý tài sản									1	180
	Phần mềm Quản lý Thư viện					1	696				
	Phần mềm học tiếng Anh			118	529						
	Phần mềm khác:...										

Năm 2018, 2019 Học viện tổ chức lấy ý kiến đánh giá của SV về mức độ hài lòng với trang thiết bị tin học. Thống kê kết quả cho thấy, năm 2018 có 55,56% số SV ngành QHQT được hỏi ý kiến hài lòng với các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của Học viện. Con số đó năm 2019 là 71,43% [H9.09.04.06].

2. Điểm mạnh

HVBC&TT, Khoa QHQT đầu tư tập trung và liên tục nhằm nâng cao chất lượng CSVC, hạ tầng CNTT; phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính cho các phòng thi,.. được đảm bảo, hoạt động liên tục; phòng ốc và diện tích mặt bằng phù hợp (bao gồm các phòng thi, các phòng máy tính, các phòng hỗ trợ kỹ thuật tại các tòa nhà).

Hệ thống hạ tầng cơ sở thiết bị internet đã đảm bảo nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của GV và SV trong Học viện. Trường hợp có sự cố về mạng, sự cố về các thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập, Văn phòng (phòng CNTT, TTTH – HTĐT) luôn hỗ trợ kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Một số máy tính đã sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao. GV phải tự đầu tư máy tính xách tay cá nhân để phục vụ chuyên môn nhưng chưa được sự hỗ trợ của Học viện.

Đôi lúc hệ thống wifi còn chập chờn do thiết bị phát sóng chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng hoặc do số lượng người truy cập quá nhiều trong cùng một thời điểm (vì được sử dụng miễn phí).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa đề xuất Học viện thường xuyên cải thiện, thay thế các máy tính hiện đại cho các nhiệm vụ chuyên môn và NCKH phù hợp với xu hướng đào tạo của khoa.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Học viện luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ môi trường, sức khỏe, an toàn tại khu làm việc cũng như tại KTX SV. Phòng Bảo vệ, Phòng thiết bị quản trị, Phòng y tế, Ban Quản lý KTX có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ, đặc biệt lưu ý đảm bảo an toàn cho người khuyết tật. [H9.09.05.01]

Về môi trường, Học viện có môi trường học tập an toàn, thuận lợi phù hợp mọi đối tượng trong đó có người khuyết tật. Học viện luôn chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát, cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Hệ thống thùng rác được bố trí trong khuôn viên Học viện (trên giảng đường, khu phòng làm việc...) tại những nơi thuận tiện. Bên cạnh đó, Học viện ký hợp đồng hàng năm với công ty vệ sinh môi trường để thu gom rác thải và đảm bảo các phòng học, phòng làm việc... luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học [H9.09.05.09]. Bên cạnh đó, để tạo điều kiện học tập, di chuyển và sinh

hoạt thuận lợi cho mọi đối tượng, Học viện có hệ thống lối đi thân thiện, có độ dốc ít dành cho người khuyết tật.

Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong nhà ăn, vệ sinh môi trường ở KTX cũng được Học viện hết sức quan tâm. Hàng năm, Văn phòng Học viện đề ra kế hoạch, tổ chức thực hiện và báo cáo công tác vệ sinh trường học, trong đó có nội dung kiểm tra công tác vệ sinh tại KTX SV và đảm bảo thực hiện đúng Luật vệ sinh an toàn thực phẩm tại nhà ăn.

Học viện có Phòng Y tế riêng để đáp ứng nhu cầu trợ giúp kịp thời của GV và SV khi gặp vấn đề về sức khỏe. Trong công tác y tế, Học viện có quy định về chế độ ưu tiên chăm sóc sức khỏe đối với người khuyết tật. Ngoài ra, Phòng y tế liên kết chặt chẽ với trạm y tế phường, các bệnh viện tuyến trên để xử lý những trường hợp khẩn cấp khi xảy ra tại khu vực Học viện và khu vực KTX. Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, GV. Đồng thời, Học viện duy trì tổ chức khám sức khỏe cho SV đầu khóa trong đó có người khuyết tật. **[H9.09.05.03].**

HVBC&TT đã ban hành các nội quy, quy định về công tác trật tự trị an, nội quy, quy định khi sử dụng phòng học, phòng thực hành, vệ sinh môi trường... đảm bảo điều kiện học tập thuận lợi nhất cho mọi đối tượng SV **[H9.09.05.07]; [H9.09.05.09]; [H9.09.03.02.DC].**

Không chỉ chủ động trong công việc của mình, Phòng Bảo vệ, Ban Quản lý KTX đã có liên kết, phối hợp tốt với Công an phường Dịch Vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Vì vậy, việc giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Học viện luôn đảm bảo tốt nhất. Bên cạnh đó, phòng Bảo vệ và Học viện còn phối hợp với công an phường trong công tác quản lý tạm trú SV ở trong KTX; thường xuyên báo cáo công tác an ninh, trật tự trong Học viện với phòng PA 83, Công an thành phố Hà Nội. Trong các dịp lễ Tết và trong các hoạt động lớn, Học viện đều có thông báo đến từng thành viên, tổ chức kế hoạch canh gác, bảo vệ, trực chỉ huy, trực lãnh đạo. **[H9.09.05.10]**

Học viện có đội ngũ bảo vệ chuyên trách đủ để đảm trách công tác an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Học viện. NV bảo vệ có trách nhiệm bảo đảm trực 24/24 trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Khu vực tuần tra, kiểm soát bao gồm: (1) cổng chính: Kiểm soát các phương tiện vào ra Trường 24/24 giờ; (2) khu vực nhà A1: Kiểm soát thực hiện nội quy vào ra của CB, GV và SV và khách đến làm việc trong giờ hành chính, cứu hộ thang máy khi gặp sự cố; (3) toàn bộ khuôn viên sân trường, các giảng đường, KTX SV: tuần tra, hướng dẫn, sắp xếp ô tô của CBVC và khách đỗ đúng nơi quy định

[H9.09.05.11]. Đề bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn tối đa cho khu giảng đường, phòng thực hành, KTX, sân vận động (nằm trong khu KTX).

Học viện hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV cũng như cán bộ **[H9.09.05.06]**. Học viện đã phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC và Cứu hộ cứu nạn, Sở Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội, xây dựng phương án PCCC. Hệ thống các thiết bị PCCC được đảm bảo tại tất cả các khu giảng đường, thư viện, KTX, các phòng thực hành theo đúng quy định **[H9.09.01.06.DC]** **[H9.09.01.07.DC]**. Các thiết bị PCCC đã được trang bị đầy đủ và được rà soát bổ sung, thay thế. Như vậy, công tác phòng chống cháy nổ tại Học viện được đảm bảo tốt nhất, không để xảy ra các sự cố.

HVBC&TT cũng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan công an phường, quận và thành phố đảm bảo tốt an ninh, trật tự và an toàn cho SV trong đó có người khuyết tật tại Học viện, khu vực KTX và khu vực SV ngoại trú xung quanh Học viện. Phòng Cảnh sát PCCC & CHCN, Sở Cảnh sát PCCC TP. Hà Nội, thường xuyên kiểm tra công tác PCCC của Học viện, cấp giấy chứng nhận huấn luyện PCCC cho CB, GV và SV và kiểm tra các thiết bị báo cháy tự động **[H9.09.01.07.DC]**.

HVBC&TT thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho toàn thể CB, GV và SV. Đối với SV mới nhập học, trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, Học viện đều phổ biến nội quy, quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn, đặc biệt là môi trường an toàn cho người khuyết tật **[H9.09.05.11]**.

Bên cạnh đó, HVBC&TT đã thực hiện khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi về chất lượng công bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường cho cán bộ, GV và SV. Theo số liệu khảo sát năm 2020 về mức độ hài lòng của SV về môi trường tâm lý xã hội mà Học viện đã thực hiện, có 87,18% tỷ lệ NV được khảo sát hài lòng của NV về môi trường tâm lý xã hội **[H9.09.05.13]**; có 76,12 % SV hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập; 85,07% SV hài lòng về môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập **[H9.09.05.06]**. Đối với GV ngành QHQT, mức độ hài lòng về môi trường tâm lý xã hội trong năm 2019 là tuyệt đối- 100% **[H9.09.05.07]**.

2. Điểm mạnh

Toàn thể đội ngũ bảo vệ, ban quản lý KTX đều được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ do Công an thành phố tổ chức. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa bộ phận bảo vệ cùng với đội tự vệ, đội phòng cháy, chữa cháy của Học viện trong công tác an ninh, trật tự. Hàng năm, trong

tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, Học viện luôn bố trí thời gian để truyền đạt đến SV trong đó có SV khuyết tật về các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Học viện.

Học viện có khuôn viên xanh, sạch, đẹp, diện tích cây xanh bao phủ khuôn viên toàn Học viện và được chăm sóc tốt, tạo môi trường, cảnh quan, không gian học tập và công tác tốt cho cán bộ, GV và SV (trong đó có chú ý người khuyết tật)

Đội ngũ Ban quản lý giảng đường, Trạm y tế luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe xanh-sạch- đẹp. Trong công tác y tế, Học viện có quy định về chế độ ưu tiên chăm sóc sức khỏe đối với người khuyết tật.

3. Điểm tồn tại

Công tác tuần tra vào ban đêm còn mỏng nên hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Một số SV vẫn còn không mua bảo hiểm y tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Ban Quản lý KTX đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy KTX của SV.

Từ năm 2021, Phòng Công tác chính trị - SV kết hợp với Trạm y tế tiếp tục đôn đốc đảm bảo 100% SV mua bảo hiểm y tế.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 6/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 9

CSVC và trang thiết bị của HVBC&TT đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành QHQT hiện nay. Phòng học, phòng thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH, phát huy thế mạnh của đơn vị có các chuyên gia đầu ngành về Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế, Thông tin đối ngoại. Trung tâm Thông tin – Khoa học trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư thường xuyên. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ ở để phục vụ cho SV thuộc diện chính sách. Học viện có sân bãi, hội trường, phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của cán bộ, viên chức, GV và SV. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của toàn thể cán bộ, GV và SV. Trong công tác y tế, Học viện có quy định về chế độ ưu tiên chăm sóc sức khỏe đối với người khuyết tật

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm tồn tại như: Số lượng các phòng tự học chưa nhiều để đáp ứng đủ cho nhu cầu của SV vào mùa thi; Hệ thống Trung tâm Thông tin – Khoa học ng bàn ghế cố định nên chưa đáp ứng được nhu cầu muốn thay đổi vị trí trong một số môn học; TTTTKH còn thiếu các cơ sở dữ liệu và tài liệu tiếng nước ngoài mới nhất; Hệ thống máy tính dành cho khoa đã qua sử dụng nhiều năm; Hệ thống wifi chưa được phủ sóng toàn trường; Công tác tuần tra ban đêm tại KTX còn mỏng.

Từ những điểm còn tồn tại nói trên, Khoa QHQT đặt ra những kế hoạch hành động như: phối hợp với Phòng QT&QLKTX xây dựng, bố trí thêm phòng tự học, nâng cấp hệ thống bàn ghế; đề xuất với Trung tâm Thông tin – Khoa học cập nhật các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài; đề xuất với Học viện nâng cấp các phần mềm dành cho thư viện, hệ thống wifi, bổ sung hệ thống máy tính đời mới hơn cho khoa và hệ thống phòng thực hành chuyên biệt với hệ thống máy móc tương ứng, đề xuất với ban Quản lý KTX tăng cường tuần tra vào ban đêm.

Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, cả 5 đều đạt, điểm trung bình 5,6/7điểm

TIÊU CHUẨN 10

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

HVBC&TT nói chung và khoa QHQT nói riêng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thường xuyên điều chỉnh nâng cao chất lượng của các ngành đào tạo trong đó có ngành QHQT. Việc điều chỉnh được diễn ra định kỳ trên cơ sở lắng nghe và thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan cũng như tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới nhằm học hỏi và cập nhật. Bên cạnh đó, CTĐT ngành QHQT tại HVBC&TT cũng bám sát vào triết lý và mục tiêu giáo dục của Học viện cũng như của Khoa.

Học viện cùng với Khoa đã liên tục có các hoạt động đảm bảo cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo với các nội dung triển khai cụ thể như sau:

- Duy trì cơ chế phản hồi có tính hệ thống từ các bên liên quan (GV, SV đang học, cựu SV, các đơn vị tổ chức sử dụng lao động cũng như các bên liên quan khác) làm căn cứ để giúp thiết kế tốt và phát triển CTDH đảm bảo tính cập nhật và phù hợp;
- CTDH được định kỳ đánh giá và cải tiến chất lượng đáp ứng CDR và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động;
- Quá trình dạy và học, quy định đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát, đánh giá thường xuyên đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR;
- CSVC, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ thường xuyên được đánh giá và cải tiến chất lượng;

Các kết quả NCKH được áp dụng trong CTDH, đồng thời cải tiến việc dạy và học ngành QHQT tại HVBC&TT.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả

HVBC&TT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh cải tiến CTDH. Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo (tháng 1/5//2012) theo quyết định số 876/QĐ-HVCT-HVQG làm đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo [H10.10.01.01.DC].

Học viện cũng đã ban hành Quy định v/v lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó quy định cụ thể về nội dung, đối tượng, quy trình, công cụ, phương pháp khảo sát và trách nhiệm sử dụng kết quả khảo sát phản hồi để cải tiến chất lượng [H10.10.01.02],

Công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng giáo dục nói chung và các hoạt động đào tạo trong đó có thiết kế và phát triển CTDH nói riêng được HVBC&TT quan tâm và đã triển khai trong nhiều năm. [H10.10.01.02]

Trong các văn bản hướng dẫn đã xác định trách nhiệm phối hợp thực hiện của TTKT – KĐCLĐT, Ban QLĐT, Phòng Công tác SV cũng như quy trình thực hiện, thu thập thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, người sử dụng lao động và CBVC. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được dùng sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTDH chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN trình độ đại học.

Hàng năm, Học viện triển khai các loại hình khảo sát lấy ý kiến của SV, cựu SV, NTD, GV, bao gồm:

1. Khảo sát SV theo học kỳ về chất lượng học phần [H10.10.01.06.DC]:

Nội dung: Mục tiêu, CĐR của học phần, nội dung học phần, PPDH và kiểm tra đánh giá trong học phần, CSVC phục vụ học phần.

Đối tượng: Toàn bộ SV đang theo học tại HVBC&TT

Phương pháp: Được thực hiện qua phần mềm QLĐT.

Thời điểm: hàng kỳ.

2. Khảo sát SV cuối khóa về chất lượng đào tạo [H10.10.01.10.DC]:

Nội dung: CĐR, nội dung, cấu trúc CTDH, PPDH, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, CSVC (thư viện, phòng học, phòng thực hành, KTX, CNTT, trang thiết bị dạy học, v.v), môi trường dạy học, đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo.

Đối tượng: Toàn bộ SV trước khi tốt nghiệp

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Kết thúc năm học

3. Khảo sát GV, NV về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách [H10.10.01.07.DC] [H10.10.01.08.DC].

Nội dung: CTDH, CSVC, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng, v.v.

Đối tượng: Toàn bộ cán bộ, GV, NV trong Học viện

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Hàng năm

4. Khảo sát cựu SV [H10.10.01.12.DC]

Nội dung: Mức độ đáp ứng CĐR, tình trạng việc làm, CTĐT

Đối tượng: Toàn bộ SV sau 1 năm tốt nghiệp

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

5. Khảo sát NTD [H10.10.01.10.DC]

Nội dung: Chất lượng SV nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về CTĐT.

Đối tượng: Các NTD SV tốt nghiệp đúng ngành hoặc gần ngành

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

Trong các văn bản hướng dẫn đã xác định trách nhiệm phối hợp thực hiện của TTKT&KĐCLĐT với khoa đào tạo trong việc thu thập thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, người sử dụng lao động và CBVC. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được dùng sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTDH ngành QHQT trình độ đại học.

TTKT&KĐCLĐT là đơn vị đầu mối xây dựng mẫu phiếu khảo sát, hàng năm tổ chức thực hiện và phân tích kết quả khảo sát. Riêng đối với khảo sát SV tốt nghiệp và NTD thì do Khoa tiến hành khảo sát và gửi phiếu lên TTKT&KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Các phương pháp khảo sát đa dạng, bao gồm trực tuyến qua cổng thông tin điện tử, gọi điện thoại, gửi email và gửi phiếu trực tiếp. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Báo cáo kết quả khảo sát được gửi về các Khoa, phòng, ban làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH, chất lượng dạy học.

Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế phản hồi đã có những điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Thứ nhất, trước năm 2016, Học viện mới thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với SV hàng kỳ; khảo sát SV cuối khoá và SV tốt nghiệp với quy mô nhỏ. Từ năm 2017, Học viện đã thực hiện khảo sát đa dạng các đối tượng, bao gồm NTD. Đến năm 2018, Học viện bắt đầu triển khai khảo sát GV, cán bộ NV về CTĐT và chất lượng các mặt hoạt động. Thứ hai, phương pháp, hình thức khảo sát ngày càng đa dạng dẫn đến số lượng SV cuối khoá, SV tốt nghiệp và NTD phản hồi khảo sát ngày càng tăng. Trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email nên số lượng phản hồi thấp; từ năm 2019 trở đi, Học viện

đã đa dạng hóa các hình thức khảo sát, bao gồm gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp và gửi email nên số lượng phản hồi khảo sát cao [H10.10.01.02].

Ngoài ra, Khoa QHQT cũng đã chủ động thu thập các thông tin phản hồi về chương trình học, các môn giảng dạy trực tiếp thông qua các cuộc họp phản ánh SV hàng tháng, những báo cáo về chương trình, tiến độ, kiến tập, thực tập, họp CVHT với lớp [H10.10.01.14], hội thảo KH SV, tọa đàm về chương trình học nhằm có những cơ sở thực tiễn điều chỉnh CTĐT cho phù hợp và hiệu quả, lấy SV làm trung tâm, kết quả khảo sát của riêng khoa sẽ là căn cứ đối sánh có thêm các thông tin phản hồi từ cựu SV ra trường nhằm có thêm căn cứ điều chỉnh chương trình [H10.10.01.11.DC].

Kết quả phân tích thông tin phản hồi từ các bên liên quan cho thấy những tín hiệu tích cực đối với CTĐT và sản phẩm đầu ra. Ví dụ như kết quả khảo sát người sử dụng lao động năm 2020 do khoa QHQT tiến hành cho thấy tỷ lệ hài lòng với cựu SV tốt nghiệp khoa QHQT, thuộc HVBC&TT về từng mặt cụ thể như: mức độ hài lòng về kiến thức, kỹ năng, kỹ năng mềm, năng lực chuyên môn.

Đối với khảo sát phản hồi của SV đang học sau mỗi học kỳ đối với mỗi môn học và GV giảng dạy cũng như chịu trách nhiệm môn học: kết quả cập nhật trực tuyến và giáo viên hoàn toàn có thể truy cập trang thông tin tài khoản cá nhân để xem phản hồi của SV sau mỗi môn học về tất cả các khía cạnh: môn học đáp ứng mục tiêu đặt ra, tài liệu đầy đủ, phù hợp; hình thức kiểm tra đánh giá chính xác và toàn diện; GV có kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại có hiệu quả; mức độ kiến thức, kỹ năng được cung cấp có khả năng vận dụng trong thực hành nghề nghiệp tương lai ... Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, GV nắm bắt được điểm mạnh, hạn chế trong từng môn học, lên kế hoạch thay đổi nâng cao chất lượng trong kỳ giảng dạy tiếp theo hoặc có những thay đổi mang tính toàn diện hơn trong những đợt điều chỉnh, sửa đổi chương trình mang tính định kỳ.

Đối với SV cuối khoá, sau khi kết thúc toàn bộ chương trình học tập chuyên ngành, TTKT&KĐCLĐT tiến hành khảo sát lấy ý kiến của SV nhằm thu nhận và nắm bắt ý kiến phản hồi về CTĐT, kết quả đầu ra, các hình thức kiểm tra đánh giá, CSVC, GV, đội ngũ GV, đội ngũ NV, KTV. Trong năm 2017 - năm đầu tiên tiến hành đánh giá thu thập thông tin, ý kiến phản hồi SV còn ít. Tuy nhiên, đến năm 2018, số lượng SV tham gia phản hồi đã cao hơn rất nhiều (Khoá 34). Kết quả khảo sát cho thấy có 59,39% SV hài lòng và rất hài lòng với kết quả khảo sát, còn lại một vài băn khoăn, tỉ lệ không hài lòng gần như không đáng kể. SV có nhận xét rất tích cực về đội ngũ GV về cả phương pháp giảng dạy và năng lực chuyên môn. Chương

trình học giúp SV định hướng được nghề nghiệp tương lai. Các đề xuất của SV trong các cuộc khảo sát từ 2018 trở lại đây chủ yếu tập trung vào mong muốn tăng thời gian thực hành, trải nghiệm thực tế, giảm thời gian học lý thuyết. Do vậy, khi có điều chỉnh chương trình, lãnh đạo và GV khoa đã bàn bạc và trao đổi nhằm có điều chỉnh tăng hợp lý thời lượng thực hành, trải nghiệm thực tế cho SV nhằm đáp ứng nhu cầu chính đáng của SV. **[H10.10.01.09.DC]**
[H10.10.01.15.DC].

Đối với khảo sát SV sau khi kết thúc CTĐT phản hồi về tổng thể: kết quả đầu ra, CTĐT, PPDH, kiểm tra đánh giá ..., TTKT&KĐCLĐT đã tiến hành khảo sát phản hồi của 4 khoá SV ra trường gần đây nhất các năm 2017, 2018, 2019, 2020 (tương ứng K33, K34, K35 và K36). Tổng hợp kết quả cho thấy với sự cải tiến CTĐT, tỷ lệ phản hồi của SV các khoá sau luôn cao hơn so với các khoá trước. Điểm số trung bình về mức độ hài lòng chung với CTĐT các khoá lần lượt là: 3,38/5 điểm (K34); 3,66/5 điểm (K35); 4,01 điểm/5 điểm (K36). Đây là một phần kết quả có được từ việc chỉnh sửa và cải tiến CTĐT lấy SV làm trung tâm **[H10.10.01.11.DC]**.

Như vậy, TTKT&KĐCLĐT đã phối hợp với khoa chủ quản dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo Học viện triển khai hiệu quả hệ thống các cơ sở dữ liệu, thông tin phản hồi từ các bên liên quan về CTĐT. Đây là căn cứ để điều chỉnh, phát triển CTĐT phù hợp với triết lý giáo dục của Học viện, của khoa chủ quản, đồng thời đáp ứng được nhu cầu của SV, người sử dụng lao động và sự phát triển của xã hội nói chung.

Ngoài ra, Khoa QHQT tế cũng đã chủ động thu thập các thông tin phản hồi về CTĐT từ SV, cựu SV, các GV, các nhà KH, các NTD và sử dụng SV tốt nghiệp từ các ngành đào tạo của Khoa. Trong các năm học, thực hiện kế hoạch của hàng năm HVBC&TT đã triển khai 1 lần/năm học Hội nghị đối thoại trực tiếp với SV có sự tham dự của Ban Giám đốc Học viện, đại diện Ban QLĐT, Phòng Công tác sinh viên, liên chi đoàn và Hội SV để lấy ý kiến phản hồi của SV và trực tiếp các bộ phận chức năng ghi nhận, giải đáp và có điều chỉnh kịp thời. **[H10.10.1.02]**.

Đối với SV mới tốt nghiệp, kết quả thực hiện thu thập thông tin từ các bên liên quan khảo sát trong giai đoạn từ tháng 6/2016 đến 6/2019 của Học viện cho thấy: kết quả phản hồi chung từ SV mới tốt nghiệp cho thấy hầu hết cho rằng các CTDH của Học viện áp dụng đáp ứng đủ yêu cầu về CĐR. Năm 2018, khoảng 60% SV khoá 34 hài lòng với CTĐT, tuy nhiên mức độ hài lòng dao động lớn giữa các CTĐT, từ 40-80%. Năm 2019, trung bình 81,3% SV cuối khoá 35 cơ bản hoặc hoàn toàn hài lòng với kiến thức đầu ra của chương trình.

Để làm rõ hơn các ý kiến phản hồi đối với chuyên ngành QHCT&TTQT, Thông tin đối ngoại của Khoa, năm 2018 Khoa QHQT đã thực hiện khảo sát với cựu SV của chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN, kết quả khảo sát cho thấy đa số cựu SV được hỏi cho rằng mục tiêu của CTĐT chuyên ngành QHCT&TTQT, Thông tin đối ngoại rõ ràng, cụ thể, CĐR của CTĐT nêu rõ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất SV cần đạt được và vị trí làm việc của SV sau khi tốt nghiệp. Đối với đối tượng GV, toàn bộ GV trong khoa được lấy ý kiến phản hồi về CTDH và CĐR, kết quả cho thấy các GV đánh giá cao CTĐT 2018 của ngành. Ngoài ra, trong các cuộc họp công tác tháng toàn Khoa với sự tham gia của toàn bộ CB quản lý, GV, giáo vụ Khoa, các thông tin phản hồi về CTĐT nói chung, CTDH chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN nói riêng, cách tổ chức giảng dạy các HP, ...sẽ được thông báo công khai, trực tiếp tới các thành viên tham dự.

Khoa cũng đã chủ động gửi CTĐT chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN đến một số nhà KH, các chuyên gia cùng lĩnh vực cả trong và ngoài trường như Trường ĐH KHXH & NV, Học viện Ngoại giao... Các nhà KH đã cho ý kiến phản hồi về CTĐT chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN, tổng hợp các ý kiến phản hồi về điều chỉnh thời lượng môn học, sắp xếp, bổ sung các học phần tăng cường tính thực hành để phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho SV,... đã được Hội đồng khoa học đào tạo khoa QHQT ghi nhận, thảo luận, điều chỉnh trước khi đề xuất các nội dung điều chỉnh lên Hội đồng khoa học đào tạo cấp trên.

Bên cạnh đó, người sử dụng lao động là đối tượng quan tâm lấy ý kiến của Khoa, Học viện. Người sử dụng lao động (trong số này có nhiều người là cựu SV của HVBC&TT) nhận xét, CTĐT của chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN có nhiều ưu điểm do SV được học một số môn có tính đặc thù của ngành và trong quá trình học còn được làm nhiều bài tập tiểu luận môn học chuyên ngành, tham gia nghiên cứu các ĐTKH SV và thực tập nghiệp vụ. Do vậy, khi ra trường, SV tiếp cận khá tốt với công việc đặc biệt là công việc thuộc các doanh nghiệp thuộc chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN.

Ý kiến phản hồi và nhu cầu từ các bên liên quan được TTKT & KĐCLĐT tổng hợp lại. Học viện, Khoa sử dụng để làm căn cứ điều chỉnh, thiết kế và phát triển CTDH theo đúng quy trình xây dựng, cập nhật CTĐT [H10.10.01.04] Cụ thể trong giai đoạn từ năm 2014 đến nay, mục tiêu CTĐT ngành QHQT đã qua 3 lần rà soát thay đổi cho phù hợp. Nếu như mục tiêu của

CTĐT năm 2014 mới chỉ nêu một cách vắn tắt thì đến năm 2018 dựa trên các văn bản hướng dẫn về xây dựng mục tiêu CTĐT như Luật giáo dục đại học, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Các mục tiêu được phân chia cụ thể ra các mục tiêu chung và các mục tiêu riêng gắn liền cụ thể với các mục tiêu về kiến thức, về kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, về trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm. Đến năm 2020, mục tiêu của CTĐT ngành QHQT lại được cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với quy định cho trình độ bậc 6 – bậc đại học theo chuẩn Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016.

Trong quá trình điều chỉnh thiết kế và phát triển CTDH chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN có thể nhận thấy: **[H10.10.01.04.DC] [H10.10.01.09.DC]**.

+ So với CTĐT năm 2014, CTĐT năm 2016 giảm số TC học phần Ngoại ngữ giảm từ 15 TC xuống 12 TC và cuối khóa SV phải đạt được CĐR B1 khung châu Âu.

+ So với CTĐT năm 2016, CTĐT năm 2018 có những thay đổi cụ thể như sau: Năm 2018, kết cấu các khối kiến thức thay đổi do sắp xếp lại theo hướng đảm bảo tính hệ thống về CTĐT của toàn Học viện. Số môn học trong khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành giảm xuống, số TC trong các học phần đều tăng so năm 2016. *Khối kiến thức giáo dục đại cương* giảm từ 51 TC xuống 41 TC, *Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp* tăng từ 74 TC lên 75 TC, *Kiến thức chuyên ngành* giảm từ 36 TC xuống 24 TC, học phần khóa luận tốt nghiệp giảm 1TC (từ 7 TC xuống 6 TC) . Ngoài ra CTĐT năm 2018 thay đổi về cách thức kiểm tra đánh giá và đã có ma trận đáp ứng giữa các học phần và CĐR của CTĐT

Khi xây dựng CTDH chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN, Khoa QHQT đã tham khảo CTDH của khá nhiều trường có uy tín trong và ngoài nước như: Trường ĐH KHXH & NV, Học viện Ngoại giao.

Về cơ bản, khối kiến thức giáo dục đại cương trong CTDH ngành QHQT khá tương đồng với các khối kiến thức này của các CTDH của các trường khác. Điều này được minh chứng bởi 90% số học phần (100% số TC) trong khối kiến thức giáo dục đại cương của CTDH ngành QHQT trùng với CTDH của các trường khác.

Đối với khối kiến thức giáo dục chuyên ngành, mức độ tham khảo của CTDH ngành QHQT, HVBC&TT với các trường khác dao động từ xấp xỉ 45% đến 62% (tính theo số học phần) hoặc 57% đến 69% (tính theo số TC). Cụ thể, trong tổng số 30 học phần bắt buộc có nhiều nhất 18 học phần trùng với CTDH của Trường Đại học KHXH&NV (tương đương 62,07%).

Danh mục các học phần trong CTDH chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN được rà soát và điều chỉnh đảm bảo theo tiêu thức sự khác biệt giữa các CTDH không vượt quá 15%, đảm bảo tính liên thông theo chiều dọc và chiều ngang để tạo điều kiện thuận lợi cho SV có thể học tập suốt đời, đồng thời, phát huy được thế mạnh của ngành trong các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực QHQT.

CTDH là sự gắn kết hợp lý giữa các môn học trong học chương trình từ việc lập kế hoạch chi tiết theo từng kì với tiến trình giảng dạy cụ thể và CĐR mà SV cần đạt được sau mỗi học phần [H10.10.01.16.DC]. Điều này không chỉ đảm bảo tính logic của chương trình, tính liên quan của các môn học mà còn phù hợp với khả năng tiếp cận của SV theo thời gian. Đây là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo CĐR của SV.

Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp SV có kế hoạch học tập cụ thể và thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, tiếp thu các kiến thức của học phần là mắt xích quan trọng trong việc đảm bảo CĐR về kiến thức của SV.

2. Điểm mạnh

Học viện đã sử dụng đa dạng các kênh phản hồi: bảng hỏi, hội nghị, đối thoại nhằm thu được nhiều nhất các thông tin phản hồi phục vụ quá trình thiết kế, phát triển CTDH.

Các bên liên quan được xác định đầy đủ và thu thập được đa chiều cạnh ý kiến của tất cả các bên liên quan nhằm có được thông tin khách quan nhất: ý kiến của SV trong từng học kỳ đối với từng môn học và ý kiến của SV đánh giá tổng thể chương trình sau khi kết thúc toàn bộ chương trình học và ý kiến SV sau một năm ra trường; ý kiến GV; ý kiến của đơn vị sử dụng lao động.

Ý kiến phản hồi đã được Học viện, khoa chủ quan và GV quan tâm, sử dụng trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến phản hồi của cựu SV, NTD, người sử dụng lao động ngành QHQT còn hạn chế.

Các ý kiến phản hồi của SV chưa tổng hợp khái quát theo nhóm các môn học tiện cho việc theo dõi, đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT có kế hoạch và quy định bài bản hơn về lưu trữ thông tin về SV, cựu SV, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo

sát phong phú hơn, đồng thời quy định trách nhiệm giữa CVHT, NV văn phòng và lãnh đạo khoa trong lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Khoa QHQT phối hợp với TTKT&KĐCLĐT xây dựng mạng lưới cơ quan/viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nhằm thu thập thông tin phản hồi từ người sử dụng lao động một cách hệ thống, toàn diện và đa dạng hơn.

Khoa QHQT sẽ đề xuất với TTKT&KĐCLĐT có quy định về việc báo cáo kết quả khảo sát tổng hợp theo nhóm các môn học

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

HVBC&TT có ban hành quyết định số 6520/QĐ-HVBC&TT về việc ban hành quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT tại HVBC&TT. Quy trình xây dựng CTĐT gồm 9 bước như sau:

1. Khảo sát nhu cầu và lập kế hoạch xây dựng CTĐT
2. Xây dựng mục tiêu và CDR của CTĐT
3. Thiết kế chương trình khung
4. Đối sánh với các CTĐT khác trong và ngoài nước để hoàn thiện CTĐT
5. Xây dựng đề cương chi tiết học phần
6. Tổ chức hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện CTĐT
7. Thẩm định CTĐT
8. Phê duyệt và ban hành
9. Triển khai sử dụng và lưu hồ sơ

Quy trình đánh giá cập nhật CTĐT được quy định: CTĐT phải được đánh giá, cập nhật định kỳ ít nhất 2 năm/lần

Quy trình đánh giá cập nhật CTĐT được thực hiện như sau:

- Lập kế hoạch đánh giá cập nhật CTĐT
- Đánh giá CTĐT hiện hành
- Dự thảo nội dung cập nhật
- Phê duyệt và ban hành

[H10.10.01.04.DC]

Trong quá trình xây dựng, thiết kế và phát triển CTDH, ngành QHQT đã thực hiện đầy đủ quy trình, trong đó nhấn mạnh vai trò của Hội đồng khoa học đào tạo, của Học viện, của Khoa và các tổ bộ môn. Chủ tịch Hội đồng khoa học đào tạo là Giám đốc Học viện và thành viên là các Trưởng khoa, phòng, ban trong Học viện. Những thay đổi, điều chỉnh lớn trong CTĐT đều được Hội đồng khoa học đào tạo thảo luận và bàn bạc kỹ lưỡng trước khi thông qua **[H10.10.02.05]**. Trước năm 2018, Ban QLĐT được giao là đơn vị chủ trì, đầu mối tổ chức xây dựng, cập nhật CTĐT. Ban QLĐT có trách nhiệm lập kế hoạch đánh giá và ban hành các hướng dẫn liên quan đến xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT. Theo yêu cầu của việc kiểm định chất lượng đào tạo, trong giai đoạn 2018-2020, việc xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT được giao cho Trung tâm KT - ĐBCLĐT làm đơn vị chủ trì, làm đầu mối nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về kiểm định chất lượng đào tạo **[H10.10.01.01.DC]**

Khoa và các bộ môn có nhiệm vụ đề xuất các nội dung xây dựng, cải tiến, điều chỉnh chương trình dựa trên ý kiến phản hồi các bên liên quan **[H10.10.01.03.DC]** Khoa tổ chức thực hiện thiết kế, rà soát cập nhật CTĐT thông qua việc thành lập tổ soạn thảo chương trình, giao nhiệm vụ thiết kế đề cương chi tiết học phần cho các GV và họp thảo luận các nội dung rà soát, cập nhật **[H10.10.02.06]** **[H10.10.01.15.DC]**. Khoa cũng tổ chức tọa đàm, hội thảo mở rộng mời các chuyên gia, cán bộ quản lý chương trình, NTD, cựu SV tham gia đóng góp xây dựng CTĐT. Các ý kiến đóng góp của GV, SV, NTD, cựu SV, chuyên gia v.v. được tổng hợp và tích hợp vào quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT. Học viện tổ chức nghiệm thu CTĐT theo đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo trong thông tư 07/2015/TT-BGDĐT **[H10.10.02.15.DC]**. Hội đồng nghiệm thu tối thiểu gồm 5 thành viên là các tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư đúng ngành/chuyên ngành; đại diện đơn vị sử dụng lao động. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký và một số ủy viên. Trong đó, 2 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau. Các CTĐT sau khi được nghiệm thu, chỉnh sửa sẽ được Giám đốc Học viện ra quyết định ban hành và đưa vào sử dụng **[H10.10.02.15.DC]**.

Ngoài ra, việc điều chỉnh CTĐT cũng căn cứ trên ý kiến phản hồi của SV về các môn học sau mỗi cuối học kỳ, đặc biệt là phản hồi của SV cuối khoá sau khi học xong toàn bộ chương trình về tính hợp lý, hiệu quả của CTĐT. Đây sẽ là căn cứ để tăng/giảm thời lượng môn học, thời gian dành cho thực hành, lý thuyết, thời điểm đưa môn học vào chương trình giảng dạy **[H10.10.01.11.DC]**. Ví dụ như ý kiến phản hồi của SV cuối khoá đều tập trung vào việc tăng thời lượng thực hành, thực tế, và nhu cầu này sau khi khoa giảng dạy chuyên ngành thảo luận thấy rằng đây là nhu cầu chính đáng, đã có điều chỉnh tăng thời lượng thực hành, thực tế trong

chương trình trình đào tạo mới nhất áp dụng cho các khoá mới (từ QHCT & TTQT K38, TTĐN K38; QHCT & TTQT K39, TTĐN K39, và đặc biệt là QHCT & TTQT K40, TTĐN K40)

Trong quá trình xây dựng, thiết kế và phát triển CTDH chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN, HVBC&TT đã lấy ý kiến phản hồi của GV với kết quả khảo sát đa số GV đồng ý và rất đồng ý với quy trình thiết kế và phát triển CTĐT của Học viện.

Trong quá trình thực hiện, Học viện đã liên tục thực hiện rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH. Cụ thể năm 2014, Học viện đã phối hợp cùng các Khoa QHQT thực hiện rà soát CTĐT theo hướng dẫn số 3002/HD-HVBC&TT-ĐT về “Hướng dẫn xây dựng CTĐT đại học theo hệ thống TC” ban hành ngày 27/8/2014 do Giám đốc HVBC&TT kí quyết định ban hành. Sau đó, chương trình tiếp tục được chỉnh sửa theo yêu cầu của hướng dẫn số 3094/HD-HVBC&TT-ĐT về “Đổi mới và hoàn thiện chương trình đại học” ban hành ngày 18/6/2018 do Giám đốc HVBC&TT kí quyết định ban hành. Theo đó, từ năm 2018, Học viện đã quy định cách tiếp cận xây dựng và phát triển CTĐT dựa trên CĐR thay vì cách tiếp cận nội dung như truyền thống.

Theo đó, từ năm 2018, Học viện đã quy định cách tiếp cận xây dựng và phát triển CTĐT dựa trên CĐR thay vì cách tiếp cận nội dung như truyền thống.

Các nội dung về xây dựng quy trình đào tạo, CĐR, lấy ý kiến của các bên liên quan đến phát triển CTĐT... Trong quá trình thực hiện luôn được thảo luận, bổ sung, cập nhật trong tổ chức đánh giá CTĐT. **[H10.10.01.03.DC] [H10.10.01.04.DC].**

Năm 2018, sau khi thực hiện rà soát đánh giá việc xây dựng quy trình của các đơn vị, Học viện giao nhiệm vụ các Khoa phối hợp với Ban QLĐT hoàn thiện quy trình thiết kế và phát triển CTĐT như đã nêu trước khi công bố CTĐT ngành phiên bản 2018. **[H10.10.01.15.DC]**

Có thể nhận thấy, giai đoạn trước năm 2016, CTDH của chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN được thiết kế theo hướng tiếp cận theo nội dung là GV chỉ cần tìm phương pháp phù hợp để truyền đạt kiến thức đó một cách tốt nhất. Cụ thể, đề cương chi tiết các học phần ban hành năm 2014 trở về trước kèm theo là nội dung tóm tắt của học phần và chưa quy định rõ SV phải làm gì khi học một học phần nào đó.

Tuy nhiên, từ 2016 đến nay trải qua 2 đợt rà soát, điều chỉnh HVBC&TT, Khoa QHQT đã xác lập thiết kế CTDH tiếp cận theo mục tiêu qua đó GV, SV đều biết rõ mình phải dạy, phải học những loại kiến thức, kỹ năng gì, năng lực gì, mức độ yêu cầu ra sao, từ đó tìm ra phương pháp phù hợp để đạt mục tiêu một cách tốt nhất. Đề cương chi tiết các học phần trong CTDH sau điều chỉnh đã thể hiện rõ theo hướng tiếp cận mục tiêu, xác định cụ thể mục tiêu (hoặc

CĐR) cần đạt được của SV sau khi kết thúc học phần (về kiến thức, kỹ năng, thái độ...) [H10.10.01.15.DC] [H10.10.02.05].

Năm 2020, sau khi thực hiện rà soát đánh giá việc xây dựng quy trình của các đơn vị, Học viện giao nhiệm vụ các Khoa phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm KT - ĐBCLĐT hoàn thiện quy trình thiết kế và phát triển CTĐT như đã nêu trước khi công bố CTĐT ngành phiên bản 2020

2. Điểm mạnh

Khoa QHQT đã phối với các bộ phận chức năng trong Học viện đã liên tục chỉ đạo rà soát, đánh giá, cải tiến CTĐT nói chung và CTDH nói riêng, đồng thời không ngừng hoàn thiện các quy định, quy trình liên quan đến quá trình đánh giá cải tiến CTDH đang áp dụng tại Học viện.

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng, tạo ra CTDH có tính KH, tiên tiến. Quá trình dạy - học hợp lý và thường xuyên được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan, do vậy CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi đầy đủ đối với đối tượng là GV kiêm nhiệm, GV hợp đồng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, TTKT&KĐCLĐT sẽ nghiên cứu phối hợp với khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi với các đối tượng bổ sung là GV kiêm nhiệm, GV hợp đồng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 4/7 điểm.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Hoạt động dạy học của GV nói chung và khoa nói riêng được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy do Ban QLĐT lập theo từng kì. Thông tin về kế hoạch giảng dạy được Ban QLĐT gửi đến các khoa đào tạo và được cập nhật lên website và thông tin đến tài khoản theo từng mã GV, mã SV, mã học phần [H10.10.02.02.DC] [H10.10.02.03.DC].

Để quản lý một cách hệ thống việc dạy và học của GV và SV các lớp, Học viện đã cung cấp mã số và hòm thư của Học viện cho SV và GV. Do vậy, SV tham gia đăng ký học, theo dõi lịch học và tiến độ, kết quả học tập của SV được cập nhật thường xuyên trên phần mềm đào tạo thông qua tài khoản đã cấp cho từng cá nhân **[H10.10.02.03.DC]**. Đề cương chi tiết môn học được xây dựng hướng đến đáp ứng tối đa CDR cho từng môn, thông tin chi tiết sẽ được GV giới thiệu vào buổi đầu tiên dạy môn học tại lớp để SV nắm được **[H10.10.03.04]**. Trên cơ sở đó, SV cùng tham gia vào quá trình học và đồng thời giám sát, đánh giá môn học đáp ứng các CDR vào cuối mỗi kỳ học **[H10.10.03.17]**.

HVBC&TT đã ban hành Quy định về rà soát đánh giá quá trình dạy học và kết quả học tập của SV **[H10.10.01.04.DC]** **[H10.10.01.15.DC]**. Định kỳ 2 năm/lần trong các lần điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Khoa rà soát lại CTĐT, bao gồm PPDH và kiểm tra đánh giá để đảm bảo cập nhật, phù hợp và tương thích với CDR. Căn cứ trên kết quả khảo sát các bên liên quan, Khoa và tổ bộ môn họp để đánh giá lại PPDH, kiểm tra đánh giá và đề xuất những thay đổi, bổ sung cho phù hợp **[H10.10.01.15.DC]**. Trên cơ sở đó, các GV thực hiện điều chỉnh, cập nhật các PPDH và kiểm tra đánh giá, thể hiện qua đề cương chi tiết học phần. Trong đề cương học phần ghi rõ PPDH tương ứng với từng nội dung và đáp ứng CDR học phần; phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng với CDR. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần trong CTĐT ngành QHQT được đa dạng hóa theo yêu cầu chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần đề ra, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, bài tập lớn, tự luận, trắc nghiệm, thuyết trình, vấn đáp,... Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được trình bày chi tiết trong mỗi đề cương chi tiết học phần, trong Quy chế đào tạo của Học viện, Quy định về kiểm tra đánh giá, Quy định về tổ chức quản lý thi kết thúc học phần **[H10.10.03.04]**; **[H10.10.03.06]**; **[H10.10.03.07]**.

Học viện cũng chỉ đạo Khoa và các bộ phận chức năng (Ban QLĐT, Ban Thanh tra, TTKT&ĐBCLĐT) thực hiện công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy và học bằng nhiều hình thức.

Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị tổng kết công tác đào tạo bồi dưỡng vào cuối năm học để tổng kết rà soát, đánh giá hoạt động đào tạo của các ngành đào tạo toàn Học viện. Tại hội nghị, đại diện các đơn vị đào tạo có thể nêu lên những bất cập trong quá trình giảng dạy từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp mục tiêu, nội dung và đáp ứng với CDR **[H10.10.03.08]**.

Việc đánh giá quá trình dạy học còn thông qua kênh dự giờ lên lớp của các GV được các Khoa/Bộ môn tổ chức định kì, thông qua hoạt động dự giờ (đặc biệt đối với những GV trẻ). Các GV trong khoa đóng góp ý kiến, học hỏi rút kinh nghiệm cho các GV về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của SV [H10.10.03.09]. Ngoài ra, Học viện thường xuyên tổ chức phong trào giờ giảng chất lượng cao, định kỳ tổ chức cuộc thi GV dạy giỏi [H10.10.03.18].

Bên cạnh đó Phòng Thanh tra, Ban QLĐT của Học viện cũng thường xuyên thành lập các đoàn thanh tra kiểm tra hoạt động giảng dạy theo thời khóa biểu trên các giảng đường [H10.10.03.10]; [H10.10.03.11]

Nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá cũng như rà soát, đánh giá, điều chỉnh PPDH và kiểm tra đánh giá, Học viện đã ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn: Quy định về công tác xây dựng ngân hàng đề thi ban hành ngày 30/11/2015 [H10.10.03.13]; Quyết định số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT, ban hành ngày 01/09/2017 quy định về công tác khảo thí [H10.10.03.12]; Hướng dẫn số 2647/ HD-HVBC&TT về Thiết kế PPDH và kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR năm 2019 [H10.10.03.14]. Các văn bản này đảm bảo chất lượng của dạy học và kiểm tra, đánh giá được thực hiện đúng theo quy định từ đánh giá quá trình đến đánh giá kết thúc HP. Các hình thức đánh giá, các bước của quá trình đánh giá từ khâu xây dựng ngân hàng đề thi, xây dựng đề thi, coi thi, chấm thi... được thực hiện đúng theo quy định về tổ chức và quản lý thi kết thúc học phần và khi cần có thể điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế đặt ra. [H10.10.03.12], [H10.10.03.13], [H10.10.03.14].

Ngoài ra, trong công tác CVHT, Học viện quy định rõ trách nhiệm theo dõi tình hình, kết quả học tập của SV theo từng học kỳ để tư vấn cho SV đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp [H10.10.03.15]. Thông qua các buổi sinh hoạt lớp, CVHT từng lớp nắm được tình hình học tập của SV, động viên SV có ý thức, kết quả học tập tốt, nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt hoặc ở trạng thái chờ xử lý. Đồng thời, CVHT thu nhận cả các ý kiến phản hồi từ SV về quá trình dạy - học, quá trình đánh giá kết quả học tập đang diễn ra, báo cáo BCN khoa giải quyết trong trường hợp cần thiết [H10.10.03.03]

Mỗi một học kỳ, hoạt động giảng dạy của GV được đánh giá từ SV qua khảo sát đánh giá online của Học viện. Kết quả này không chỉ cung cấp cho GV thông qua phần mềm đào tạo mà TTKT&KĐCLĐT và BCN khoa để nắm được, là cơ sở để có những rà soát, cập nhật cải tiến đổi mới CTĐT [H10.10.01.15.DC].

Theo kết quả khảo sát năm 2018, tỉ lệ SV hài lòng với kiểm tra, đánh giá dao động ở mức

50-60%. Năm 2019, với kết quả khảo sát của 1214 phiếu phản hồi, con số đó đã tăng lên 77%. Đáng chú ý là 83,1% SV hài lòng về cách thức và thời gian phản hồi kết quả học tập.

[H10.10.03.17]

Bên cạnh việc đánh giá kết quả học tập, việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV được thực hiện thường xuyên trong năm học (định kỳ 2 lần/năm học). Trong nội dung của Phiếu đánh giá có bao gồm nội dung đánh giá về ý thức tham gia học tập của SV **[H10.10.03.18]**. Kết quả phân loại rèn luyện của SV theo học kỳ và năm học là một trong những tiêu chuẩn để Khoa, Học viện xét học tiếp, dừng học, xét thi đua khen thưởng và học bổng cho SV.

Nhìn chung, tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (SV, cựu SV, GV) về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập đã được tiếp thu và đã giúp cho Khoa QHQT và Học viện xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng đảm bảo các CDR của chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN đã công bố.

Quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập được Học viện, TTKT&KĐCLĐT, Khoa phối hợp với CVHT, các phòng ban liên quan kiểm tra giám sát và đánh giá thường xuyên với mục tiêu lấy SV là trung tâm của quá trình đào tạo. Đồng thời, kết hợp với PPDH, phương pháp kiểm tra, đánh giá... để đảm bảo sau quá trình đào tạo ngành QHQT, SV khi ra trường được trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng CDR đã công bố của ngành đào tạo.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được Học viện, Khoa kiểm tra, giám sát và đánh giá thường xuyên với mục tiêu lấy SV là trung tâm của quá trình đào tạo và đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Cụ thể, Khoa QHQT và Học viện đã có kế hoạch dạy và học hiệu quả, việc đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sau quá trình đào tạo, SV chuyên ngành QHQT được trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và thái độ, đáp ứng CDR đã công bố của ngành QHQT.

3. Điểm tồn tại

Các ý kiến phản hồi chủ yếu thu thập từ SV và SV mới tốt nghiệp chưa thu thập rộng rãi và nhiều từ SV đã tốt nghiệp lâu năm và một số đối tượng liên quan khác như các nhà KH, chuyên gia giáo dục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 trở đi, Ban QLĐT, Khoa QHQT và phát triển sẽ tiếp tục tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định, các nội dung đào tạo, đặc biệt cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV.

Từ năm 2021 trở đi Ban QLĐT, TTKT&KĐCLĐT và Khoa QHQT tiếp tục triển khai thường xuyên thu thập thông tin phản hồi một cách rộng rãi từ cựu sinh viên đã tốt nghiệp trên một năm, các chuyên gia giáo dục, các nhà KH về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Đối với một cơ sở giáo dục đại học, hoạt động KH và công nghệ có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Đối với GV, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính, NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà là trách nhiệm. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy. Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng KH đào tạo của Khoa, của Học viện.

Học viện có Quy chế quản lý hoạt động NCKH ban hành quyết định số 881/QĐ ngày 25 tháng 9 năm 2011, trong đó phạm vi điều chỉnh của quy chế bao gồm: Hoạt động quản lý KH; hoạt động nghiên cứu KH; hoạt động khai thác, trao đổi, phổ biến thông tin KH; hoạt động phục vụ KH (tài chính, hậu cần); hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ nhân lực KH [H10.10.04.01],[H10.10.04.04]. Để hoạt động NCKH của HVBC&TT được chặt chẽ hơn, năm 2017, Học viện đã ban hành quy định 5061 quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động KH và công nghệ của HVBC&TT[H10.10.04.02].

Hàng năm, Học viện xây dựng Kế hoạch hoạt động KH năm phù hợp với chiến lược chung từng giai đoạn và nhiệm vụ từng năm học, các kế hoạch này được xem xét góp ý từ các nhà KH, các GV và hội đồng KH khoa tham gia góp ý. Sau khi nhận được thông báo về kế hoạch NCKH vào đầu năm tới các khoa/ đơn vị, khoa sẽ triển khai thông báo định hướng đến các thành viên trong khoa. Thư ký KH sau khi họp với ban lãnh đạo khoa sẽ có trách nhiệm tổng hợp, thông báo kế hoạch, yêu cầu về viết đề xuất, đề cương nghiên cứu đến các thành viên. Các thành viên là GV khoa đăng ký đề tài theo nhiệm vụ NCKH của Khoa và năm học (chủ yếu là giáo trình phục vụ công tác giảng dạy hay các nghiên cứu phù hợp với hướng trọng tâm nghiên cứu của khoa. Hội đồng KH đào tạo Khoa họp và thông qua các đề

tài đăng ký, sau đó chuyển lên Ban Quản lý KH. Căn cứ đề xuất của Khoa, hội đồng KH xét duyệt và thông qua. Từ đó, đề ra quyết định giao đề tài cho khoa và các cá nhân làm chủ nhiệm [H10.10.04.03].

Thêm vào đó, Học viện rất quan tâm đến việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cụ thể là đã đưa các vấn đề ưu các ĐTKH cấp cơ sở định hướng giáo trình [H10.10.04.05].

Các đề tài NCKH của khoa QHQT chủ yếu là đề tài phục vụ giảng dạy như: ĐTKH cấp cơ sở định hướng giáo trình, giáo trình in sách, nghiên cứu xây dựng tài liệu tham khảo. Đề tài sau khi được nghiệm thu sẽ được nộp bản cứng và bản mềm lên thư viện phục vụ cho nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu của GV và SV [H10.10.04.06].

Trong giai đoạn 2015 – 2020, các GV trong Khoa đã hoàn thành 03 đề tài cấp nhà nước, 03 đề tài cấp Bộ, 36 đề tài cấp cơ sở [H10.10.04.06]. Kết quả một số các đề tài NCKH đã được các GV trong Khoa chuyển thành sách tham khảo phục vụ cho quá trình đào tạo. Cụ thể, giai đoạn 2015 – 2020 có 8 giáo trình, 22 sách chuyên khảo được xuất bản trong và ngoài nước.

Bảng 10.1: Số lượng đề tài NCKH được sử dụng trong dạy và học của GV ngành QHQT giai đoạn 2015 – 2020

(Nguồn: Thống kê của khoa QHQT)

STT	NĂM	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	2015	6	
2	2016	7	
3	2017	6	
4	2018	7	
5	2019	8	
6	2020	10	
Tổng cộng		44	

Trong các hoạt động NCKH của khoa, NCKH SV là một trong những hoạt động được quan tâm đặc biệt trong khoa nói chung và SV ngành QHQT nói riêng. Hàng năm, SV ngành QHQT luôn tham gia từ 1-2 ĐTKH. Dưới sự hỗ trợ của các GV trong khoa, việc tham gia NCKH của SV nhằm tăng cường vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực hành, thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực ngành QHQT, phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của SV, hình thành và phát triển năng lực tự học cho SV, ứng dụng kiến thức đã được trang bị vào xử lý các vấn đề thực tiễn [H10.10.04.07].

Ngoài ĐTKH là giáo trình, sách, tài liệu tham khảo phục vụ môn học [H10.10.04.13], GV giảng dạy chuyên ngành QHQT còn tích cực tham gia nhiều hình thức đề tài khác ở các cấp và đặc biệt tích cực tham gia công bố kết quả nghiên cứu KH trên tạp chí KH uy tín trong nước và quốc tế, chia sẻ kết quả nghiên cứu với cộng đồng KH trong và ngoài nước. Dưới đây là một số tổng hợp các kết quả cơ bản về NCKH trong giai đoạn từ 2016 - 2020.

Bảng 10.2: Thống kê về NCKH của CBGV Khoa QHQT giai đoạn 2015 – 2020

(Nguồn: Thống kê của khoa QHQT)

TT	Phân loại	Số lượng					Tổng cộng
		2016	2017	2018	2019	2020	
I	Đề tài NCKH						
1	Đề tài cấp NN	1	-	-	-	2	3
2	Đề tài cấp Bộ	2	1	-	-	-	3
3	Đề tài cấp cơ sở	5	13	7	7	11	36
II	Tạp chí KH						
1	Tạp chí KH quốc tế	0	1	1	2	1	5
2	Tạp chí KH cấp ngành trong nước	9	13	8	4	11	45

Bảng 10.3: Thống kê số lượng báo cáo KH tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế của giảng viên khoa Khoa QHQT giai đoạn 2015 – 2020

(Nguồn: Thống kê của khoa QHQT)

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					Tổng
		2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	5	5	2	7	2	21
2	Hội thảo trong nước	11	7	10	10	10	48

Với những lợi ích rõ ràng của việc gắn kết đào tạo và NCKH, Học viện, Khoa QHQT đã tổ chức nhiều hình thức để phổ biến, cập nhật và hướng dẫn cách thức áp dụng kết quả NCKH [H10.10.04.15]. Các kết quả nghiên cứu KH được chuyển thành giáo trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, các bài báo KH lưu trữ tại thư viện của trường, đồng thời được đưa vào danh mục

tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo trong giảng dạy các môn chuyên ngành của khoa [H10.10.04.16].

Ngoài ra, hàng năm, HVBC&TT tổ chức Hội nghị NCKH sinh viên, Hội nghị KH của các GV và các nhà KH trong và ngoài nước.

Mỗi Bộ môn tổ chức tối thiểu 01 buổi sinh hoạt học thuật/năm học với nhiều nội dung trong đó trọng tâm là hoạt động trao đổi học thuật gắn kết đào tạo với NCKH, áp dụng kết quả NCKH vào giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.04.05].

Hàng năm, trong các đợt tổng kết thành tích nghiên cứu KH, khoa QHQT luôn có GV trong danh sách khen thưởng toàn trường về thành tích nghiên cứu KH và ứng dụng nghiên cứu KH vào giảng dạy [H10.10.04.17].

2. Điểm mạnh

Được sự hỗ trợ và hướng dẫn hiệu quả từ phía HVBC&TT và Khoa QHQT, GV, SV ngành QHQT đã tham gia tích cực trong hoạt động NCKH. Kết quả NCKH đã được vận dụng có hiệu quả để cải tiến việc dạy và học. Các hình thức áp dụng kết quả NCKH của GV vào giảng dạy chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN tương đối phong phú đã góp phần không nhỏ trong việc cải tiến chất lượng dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Trong 5 năm gần đây, các đề tài NCKH của GV, SV ngành QHQT chủ yếu là đề tài NCKH cấp cơ sở. Các đề tài, dự án NCKH ở các cấp cao hơn còn hạn chế, các GV trong khoa còn chưa tham gia nhiều vào vị trí chủ nhiệm đề tài cấp bộ hay đề tài nhà nước.

Việc tham gia NCKH còn chưa đồng đều, một số GV trẻ cần tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT đề xuất Học viện có các chính sách động viên khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy GV mạnh mẽ hơn nữa trong hoạt động NCKH để tiếp tục có các kết quả NCKH hữu ích phục vụ hoạt động dạy và học.

Khoa QHQT lên kế hoạch xây dựng phương án phối hợp với các cơ quan bên ngoài tăng cường nguồn lực và hợp tác trong NCKH, nâng cao năng lực NCKH của GV trong khoa, đồng thời bổ sung tài liệu, sản phẩm KH phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí

nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) là một hợp phần quan trọng tác động rất lớn đến chất lượng giảng dạy, học tập, NCKH của GV và SV tại HVBC&TT nói chung và khoa QHQT nói riêng vì đây là những tiện ích sinh viên, GV tiếp cận và sử dụng hàng ngày cho việc dạy học, tự học, tự nghiên cứu.

Có thể chia làm 3 nhóm:

- CSVC và tiện ích phục vụ quá trình dạy và học ở: hệ thống phòng làm việc, phòng học, KTX, không gian chung.

Dịch vụ hỗ trợ: dịch vụ trả mượn sách tại thư viện, hỗ trợ giúp đỡ SV trong cuộc sống và học tập.

Về CSVC và tiện ích phục vụ học tập và giảng dạy, GV và SV khoa QHQT được trang bị tương đối đầy đủ và đáp ứng tốt những nhu cầu giảng dạy, học tập và thực hành của sinh viên. Cụ thể về CSVC chung và dành riêng cho khoa đã được thống kê trong các minh chứng **[H10.10.05.01]**.

Tóm tắt một số số liệu chính

Bảng 10.4: Diện tích các phòng học, thực hành, thư viện, KTX của HVBC&TT

(Nguồn: Thống kê của Văn phòng)

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	146	19.339,00
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	2.180,00

2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
	Tổng	170	27.179,08

Riêng khoa QHQT, đội ngũ GV, SV ngoài việc sử dụng tiện ích chung của toàn trường thì có được giao sử dụng các CSVC như sau:

Bảng 10.5: CSVC và tiện ích dành cho GV, SV ngành QHQT

(Đơn vị tính: nghìn đồng)

(Nguồn: Thống kê của Văn phòng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số phòng được giao sử dụng	Phòng	04	
2	Tổng diện tích sử dụng	m ²	119	
3	Diện tích bình quân	m ² /người	8,5	
4	Bàn làm việc, bàn vi tính	Cái	15	
	Ghế các loại	Chiếc	82	
5	Máy tính để bàn	Cái	04	
6	Máy tính xách tay	Cái	02	
7	Máy in	Cái	04	
8	Máy ảnh (KTS)	Cái	01	
9	Điện thoại để bàn	Cái	04	
10	Các loại trang thiết bị khác	Cái (bộ)	15	

Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn ghế hệ thống điều hòa trung tâm hiện đại [H10.10.05.02].

100% các máy tính của trường đều sử dụng các phần mềm có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và quản lý. Cụ thể, Học viện đã mua các phần mềm chuyên dụng có bản quyền phục vụ công tác quản lý, đào tạo, NCKH như: QLĐT Marxman, phần mềm quản lý KH, phần mềm kế toán, v.v... [H10.10.05.04].

Học viện tạo điều kiện nối mạng miễn phí, cung cấp dịch vụ internet (trong đó có mạng không dây) cho tất cả các phòng máy, nhà làm việc, hội trường. Thư viện và các khu KTX có hệ thống mạng máy tính nội bộ. Tất cả CBGV và SV đều có địa chỉ email trong hệ thống mạng thông tin nội bộ của Học viện. Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công tác nội bộ, các

phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của Học viện cũng như Khoa, Bộ môn [H10.10.05.05]

Dịch vụ hỗ trợ và các dịch vụ tiện ích phục vụ dạy và học: những dịch vụ này bao gồm trả mượn sách tại thư viện, đăng ký, sử dụng phòng máy. Để đánh giá chất lượng dịch vụ này, Học viện đã ban hành quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ đào tạo (TT Thông tin - Thư viện, hệ thống CNTT). Định kỳ hàng năm, Học viện, các phòng ban chức năng có liên quan đều triển khai xin ý kiến đánh giá từ phía SV nhằm tìm ra những điểm cần khắc phục, những điểm hài lòng để tiếp tục phát huy [H10.10.05.06] [H10.10.01.1.DC].

Ví dụ: trong khảo sát SV cuối khoá về toàn bộ các nội dung mức độ hài lòng về CSVC phòng học, hệ thống trang thiết bị, phòng thực hành về trang thiết bị tin học, các dịch vụ hỗ trợ khác... được thực hiện trên thang đánh giá được xây dựng từ: 1- không hài lòng đến 5- rất hài lòng và điểm số chạy từ 1 đến 5 tương ứng với mức hài lòng tăng dần. Kết quả khảo sát cho thấy ý kiến của SV về từng khía cạnh cụ thể như sau tính theo điểm giá trị trung bình điểm số đánh giá từng tiêu chí và tổng điểm trung bình đánh giá của SV chung về CSVC. Kết quả tổng hợp lại ở bảng dưới đây:

Bảng 10.6: Đánh giá, phản hồi của SV ngành QHQT (cuối khoá) về CSVC

(Nguồn: Khảo sát của TTKT&KĐCLĐT)

CSVC	Điểm trung bình đánh giá các tiêu chí qua các năm		
	2018	2019	2020
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.03	3.97	3.81
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv...	3.87	3.96	3.70
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu...)	3.98	3.96	3.76
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	3.57	3.90	3.67

5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	3.68	3.88	3.82
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	3.65	3.88	3.57
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	3,71	3.97	3.64
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	3,95	4.00	3.81
9. CSVC phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ		4,04	6,69
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập			3.91
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập			4.12
Tổng điểm trung bình	3.82	3.95	3.80

So sánh kết quả đánh giá từ năm 2018 đến năm 2020, xu hướng chung cho thấy điểm số trung bình đánh giá đối với từng tiêu chí cụ thể đều ở mức cao và điểm trung bình chung đánh giá tổng thể về CSVC cũng như dịch vụ tiện ích có mức điểm trung bình cao (luôn ở mức trên 3,8 điểm).

Bên cạnh đánh giá về dịch vụ hỗ trợ, khảo sát SV cuối khoá hàng năm cũng thu thập thông tin về đội ngũ cán bộ hỗ trợ ở các khâu: cán bộ văn phòng, NVhành chính, cán bộ kỹ thuật, cán bộ thư viện ... Kết quả đánh giá phản hồi của SV về đội ngũ phục vụ khá tốt, ví dụ năm 2020, điểm số trung bình đối với từng nhóm cán bộ hỗ trợ về kiến thức/ trình độ và thái độ đều đạt 4/5 điểm (tương ứng với mức độ hài lòng). **[H10.10.015.11.DC]**.

Ngoài ra, Học viện cũng đã thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ SV thông qua các cuộc kiểm tra Trung tâm Thông tin -Thư viện, KTX... Sau mỗi đợt thanh tra, kết luận thanh tra đã chỉ rõ những điểm đơn vị đã thực hiện tốt cũng như chỉ các tồn

tại của đơn vị, từ đó yêu cầu các đơn vị có những giải trình và có kế hoạch khắc phục trong các cuộc họp công tác tháng. **[H10.10.05.08] [H10.10.05.09]**

Học viện cũng đã triển khai nhiều kênh thông tin nắm bắt ý kiến của SV về chất lượng các dịch vụ cũng như nắm bắt nhu cầu của SV từ đó có biện pháp cải thiện kịp thời chất lượng các dịch vụ phục vụ SV như: các cuộc họp phản ánh SV hàng tháng, qua Hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo Học viện và các phòng chức năng hàng năm. . . **[H10.10.05.16]**. Ngoài ra, tại các phòng GV trên các giảng đường, Học viện luôn công khai sổ trực và số điện thoại của cán bộ phụ trách trang thiết bị, CSVC. Bất kể gặp sự cố hỏng hay trục trặc CSVC (loa, máy chiếu, phòng học có vấn đề ...), GV giảng dạy đều có thể gọi báo trực tiếp cán bộ phụ trách để khắc phục khẩn cấp ngay hoặc có kế hoạch thay sớm nhất **[H10.10.05.10]**. Ngoài ra, SV sau mỗi giờ học trả thiết bị về phòng quản lý thiết bị dạy học cũng có thể báo trực tiếp hoặc ghi sổ sự cố các thiết bị cần thay hay cần kỹ thuật kiểm tra. Thông thường các vấn đề đơn giản sẽ được đội ngũ kỹ thuật trực khắc phục ngay để đảm bảo quá trình dạy và học không bị gián đoạn hay ảnh hưởng. Đối với những vấn đề phức tạp hay cần thay thế, việc khắc phục cũng diễn ra ngay trong tuần **[H10.10.05.10]**.

Kết quả phản hồi của GV, cán bộ nghiên cứu về CSVC trong năm gần nhất 2019, về cơ bản GV và đội ngũ NV có phản hồi tốt về CSVC, với điểm số hài lòng với từng hạng mục luôn đạt từ 3,5 điểm/ 5 đến đến 4 điểm/ 5 điểm về mức độ hài lòng, trong đó mức độ hài lòng của NV thường cao hơn GV. Ngoài ra, đội ngũ GV cũng có những ý kiến đề xuất về nâng cấp CSVC hiện có, ví dụ như: nâng cấp mạng internet không dây với tốc độ tốt hơn phục vụ học tập, nghiên cứu; nâng cấp phòng làm việc thông thoáng hơn; nâng cấp trang thiết bị dạy học (chuyển sang sử dụng mic không dây và hệ thống âm thanh tại phòng học tốt hơn...). Đây là một số ý kiến đóng góp để bộ phận chức năng Học viện xem xét, có kế hoạch nâng cấp trong thời gian tới **[H10.10.05.11]**.

Ngoài ra, từ năm 2016 đến nay, Học viện liên tục thực hiện nâng cấp trang thiết bị CNTT, nâng cấp trang thiết bị dành cho phòng thực hành, trang thiết bị dành cho phòng học, thể hiện thông qua các hợp đồng mua sắm và các gói thầu mua sắm, nâng cấp cụ thể trong minh chứng **[H10.10.05.142]**

Một số những cải tiến nổi bật của học viện về CSVC trong thời gian qua nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học:

- Học viện nâng cấp mạng internet và trang bị đồng bộ cho mỗi GV và SV của trường một tài khoản thư điện tử, mật khẩu để truy cập hệ thống học trực tuyến, tải và chia sẻ tài liệu học tập khi cần.

- Hệ thống thư viện đã cập nhật các giáo trình, tài liệu tham khảo lên hệ thống truy cập trực tuyến để SV có thể truy cập đọc tài liệu từ xa, sử dụng nguồn học liệu thuận tiện, đặc biệt cho việc học từ xa.

- Từ năm 2018, học viện đã trang bị hệ thống điều hoà tại 100% các phòng học SV phục vụ việc học và dạy trong mùa hè [H10.10.05.17].

Bên cạnh đó, hàng năm học viện đều có kế hoạch mua mới các trang thiết bị phục vụ việc học và dạy, trong đó có nhiều trang thiết bị mới được trang bị cho khoa QHQT như đề cập trong bảng thống kê của riêng khoa [H10.10.05.13]. Ngoài ra, số lượng đầu sách, giáo trình dành cho SV ngành QHQT cũng được bổ sung liên tục hàng năm [H10.10.05.14]. Từ năm 2015 - 2019, học viện đã triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn diện thư viện, giúp người dạy, SV và cán bộ nghiên cứu có môi trường nghiên cứu, tra cứu hiện đại và thuận tiện hơn [H10.10.05.15].

2. Điểm mạnh

Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được quan tâm tiến hành định kỳ và có cơ chế báo bất thường hay kế hoạch nâng cấp, sửa chữa, đổi mới hàng năm.

Những nhu cầu của SV về dịch vụ hỗ trợ được cải thiện kịp thời theo từng năm học sau khi nhận được sự phản hồi của SV. Học viện đã tiến hành các cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho hoạt động dạy và học của ngành QHQT.

Trên cơ sở ý kiến phản hồi các bên liên quan về CSVC và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, học viện đã thường xuyên đầu tư, nâng cấp, cải thiện các thiết bị hỗ trợ và nâng cấp dịch vụ, tiện ích phục vụ quá trình dạy và học đạt hiệu quả, trong đó có chú trọng đến: hệ thống thư viện, phòng học, mạng internet và tài khoản mạng cho sinh viên, không gian.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa cao, đặc biệt ở đội ngũ GV trực tiếp làm công tác giảng dạy và nghiên cứu. Trong các phản hồi từ phía GV trong các cuộc đánh giá còn các tồn tại lặp lại qua các năm như: CSVC tại giảng đường (loa, mic ...) còn chưa được nâng cấp hiện đại hơn, tốc độ truy cập mạng còn chậm mặc dù Học viện đã cố gắng phủ sóng wifi toàn bộ, những hạn chế này có ảnh hưởng một phần đến chất lượng dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Phòng QT&QLKTX phối hợp với văn phòng, Trung tâm thông tin – Khoa học, Kí túc xá xây dựng qui trình và kế hoạch triển khai đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy - học tập của Học viện trong kế hoạch công tác hàng năm hệ thống và bài bản hơn, trong đó đưa vào bộ câu hỏi đánh giá các nội dung đánh giá cụ thể và chi tiết hơn về từng dịch vụ hỗ trợ, tiện ích và người vận hành dịch vụ để có giải pháp đúng và kịp thời.

Năm 2021, Văn phòng kết hợp với TTTTKH xây dựng kế hoạch nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, lắp đặt bổ sung các điểm phát wifi miễn phí đảm bảo nâng cao chất lượng truy cập và tối ưu hệ thống mạng hiện nay.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Năm 2012 Học viện thành lập TTKT&KĐCLĐT, đến năm 2018 đổi tên thành TTKT&KĐCLĐT làm đơn vị đầu mối quản lý các hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện [H10.10.06.01], [H.10.01.01.DC]. Học viện đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo, quy định rõ các nội dung, mục đích, đối tượng, quy trình lấy ý kiến phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan [H10.10.06.02]. Năm 2016, Học viện đã hướng dẫn thực hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

Trong đó:

+ Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đầu mối tổng hợp thông tin phản hồi, xây dựng Kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục năm học;

+ Các Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn tham gia và phối hợp thực hiện các hoạt động khảo sát thu thập thông tin phản hồi bao gồm các nội dung công việc: Phát hành thông báo tiến hành khảo sát tới các đối tượng khảo sát, thu thập thông tin phản hồi từ các đối tượng, lập báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi báo cáo lãnh đạo Học viện, tham mưu chương trình hành động để khắc phục các nội dung còn tồn tại nhằm cải tiến chất lượng.

Cụ thể: Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV, về CTĐT qua Phiếu khảo sát về chất lượng của

ngành/chuyên ngành đào tạo, về ý kiến phản hồi của SV, của GV về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, hệ thống trang thiết bị phục vụ dạy học qua hoạt động phục vụ đào tạo [H10.10.06.10], [H10.10.06.11], [H10.10.06.12], [H10.10.06.13].

Nội dung lấy ý kiến phản hồi được xây dựng căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được tham khảo các bộ công cụ của nhiều trường như Đại học KHXH & NV, Học viện Ngoại giao.

Sau mỗi đợt lấy ý kiến, các phiếu khảo sát được rà soát và loại bỏ các phiếu không đảm bảo tính tin cậy. Bên cạnh các cuộc khảo sát, ý kiến phản hồi còn được thu nhận qua hòm thư góp ý của Học viện, hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo Khoa, Học viện và SV hàng năm, các cuộc sinh hoạt lớp, trao đổi giữa GVCN, CVHT và các SV; Hội nghị công tác đào tạo đầu và cuối năm học... [H10.10.01.01.DC].

Ngoài ra, các thông tin phản hồi về kết quả học tập, rèn luyện, các hoạt động Đảng - Đoàn với SV cũng được thực hiện qua nhiều kênh như: trang thông tin điện tử của Học viện, Khoa QHQT, Tài liệu tuyển sinh hàng năm

Học viện triển khai các loại hình khảo sát bao gồm:

1. Khảo sát SV theo học kỳ về chất lượng học phần [H10.10.01.06.DC].

Nội dung: Mục tiêu, CDR của học phần, nội dung học phần, PPDH và kiểm tra đánh giá trong học phần, CSVC phục vụ học phần.

Đối tượng: Toàn bộ SV đang theo học tại HVBCCTT

Phương pháp: Được thực hiện qua phần mềm QLĐT.

Thời điểm: hàng kỳ.

2. Khảo sát SV cuối khóa về chất lượng đào tạo [H10.10.06.03].

Nội dung: CDR, nội dung, cấu trúc CTDH, PPDH, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, CSVC (thư viện, phòng học, phòng thực hành, KTX, CNTT, trang thiết bị dạy học, v.v), môi trường dạy học, đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo.

Đối tượng: Toàn bộ SV trước khi tốt nghiệp

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Kết thúc năm học

3. Khảo sát GV, NV về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách [H10.10.06.04].

Nội dung: CTDH, CSVC, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng, v.v.

Đối tượng: Toàn bộ cán bộ, GV, NV trong Học viện

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Hàng năm

4. Khảo sát cựu SV [H10.10.06.15]

Nội dung: Mức độ đáp ứng CDR, tình trạng việc làm, CTĐT

Đối tượng: Toàn bộ SV sau 1 năm tốt nghiệp

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

5. Khảo sát NTD [H10.10.06.16]

Nội dung: Chất lượng SV tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về CTĐT.

Đối tượng: Các NTD SV tốt nghiệp đúng ngành hoặc gần ngành

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi được thực hiện như sau: [H10.10.06.02]

Trung tâm Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo là đầu mối xây dựng Kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục năm học, kế hoạch khảo sát phản hồi các bên liên quan; xây dựng mẫu phiếu khảo sát; ban hành thông báo khảo sát; tổ chức khảo sát các bên liên quan với các phương thức gọi điện, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tuyến qua phần mềm QLĐT.

+ Các Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn tham gia và phối hợp thực hiện các hoạt động khảo sát thu thập thông tin phản hồi bao gồm các nội dung công việc: Phát hành thông báo tiến hành khảo sát tới các đối tượng khảo sát. Riêng đối với khảo sát SV tốt nghiệp và NTD thì Khoa chịu trách nhiệm lập danh sách SV tốt nghiệp và NTD, phát và thu phiếu khảo sát gửi TTKT&KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc lấy dữ liệu khảo sát của SV tốt nghiệp chuyển từ Khoa sang TTKT&KĐCLĐT.

+ Các phiếu khảo sát được TTKT&KĐCLĐT rà soát và loại bỏ các phiếu không đảm bảo tính tin cậy. Số liệu sau khi được nhập được làm sạch và chủ yếu được xử lý đơn giản trên MS Excel lấy ra các kết quả thống kê phản hồi. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Các số liệu thống kê mô tả (Tỉ lệ % hài lòng và mức trung bình) là cơ sở để đối sánh kết quả khảo sát giữa các đối tượng và qua các năm [H.10.06.05]. Trên cơ sở đó, TTKT&KĐCLĐT viết báo cáo tổng hợp kết quả, báo cáo lãnh đạo Học viện và phản hồi tới các Khoa, phòng, ban.

+ Các khoa, phòng ban chức năng có nhiệm vụ sử dụng kết quả khảo sát phản hồi làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

Trên cơ sở những ý kiến của các nhà KH trong Hội đồng thẩm định CTĐT ngành QHQT năm 2018 còn thiếu một số học phần nền tảng của ngành QHQT như: Lý luận QHQT, Phương pháp nghiên cứu QHQT và một số học phần có tính chất nền tảng phải là học phần bắt buộc của ngành: Lịch sử QHQT, Lịch sử ngoại giao và chính sách đối ngoại Việt Nam, phiên bản CTĐT mới nhất của ngành QHQT (năm 2020) đã được điều chỉnh phù hợp. Năm 2020 CTĐT thay đổi so với CTĐT năm 2018: đưa thêm 2 học phần là Lý luận QHQT và Phương pháp nghiên cứu QHQT vào CTĐT; chuyển đổi 2 học phần Lịch sử QHQT, Lịch sử ngoại giao và chính sách đối ngoại Việt Nam thành 2 học phần bắt buộc. **[H10.10.06.02][H10.10.06.14][H10.10.01.16.DC][H10.10.01.15.DC]**.

Bên cạnh các cuộc khảo sát, ý kiến phản hồi còn được thu nhận thường xuyên thông qua họp phản ánh SV hàng tháng, với sự có mặt của đại diện lãnh đạo khoa, CVHT các lớp và đại diện các lớp. Các vấn đề nảy sinh, tồn đọng đều được từng lớp báo cáo chi tiết, CVHT tổng hợp, bổ sung và lãnh đạo khoa đưa ra hướng chỉ đạo, giải quyết **[H10.10.01.14.DC]**.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được Học viện, các bộ phận chức năng quan tâm hoàn thiện và cải tiến nâng cao cả về nội dung và cách thức triển khai thực hiện. Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế phản hồi đã có những điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Thứ nhất, trước năm 2016, Học viện mới thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với SV hàng kỳ; khảo sát SV cuối khoá và SV tốt nghiệp với quy mô nhỏ. Từ năm 2017, Học viện đã thực hiện khảo sát đa dạng các đối tượng, bao gồm NTD. Đến năm 2018, Học viện bắt đầu triển khai khảo sát GV, cán bộ NV về CTĐT và chất lượng các mặt hoạt động. Thứ hai, phương pháp, hình thức khảo sát ngày càng đa dạng dẫn đến số lượng SV cuối khoá, SV tốt nghiệp và NTD phản hồi khảo sát ngày càng tăng. Trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email nên số lượng phản hồi thấp; từ năm 2019 trở đi, Học viện đã đa dạng hóa các hình thức khảo sát, bao gồm gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp và gửi email nên số lượng phản hồi khảo sát cao **[H10.10.06.05]**.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống, hiệu quả. Học viện và khoa QHQT đã tiếp nhận được các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan cho các nội dung về việc thực hiện CTĐT các ngành học trong đó có ngành QHQT đặc biệt là về nội dung, kết cấu và việc triển khai CTĐT trong đó có hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng các dịch vụ, tiện

ích phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của Học viện nói chung và ngành QHQT nói riêng. Hàng năm Học viện đều có những cải tiến về nội dung và đa dạng hóa các hình thức khảo sát được đánh giá tốt.

3. Điểm tồn tại

Phiếu khảo sát sử dụng chung cho toàn trường nên một số nội dung như CDR chưa mang đặc thù, cụ thể của ngành.

Kết quả khảo sát gửi về các đơn vị còn chậm, việc thảo luận kết quả khảo sát phản hồi chưa được đưa vào thành trọng tâm các cuộc họp có quy mô trường hay đơn vị, từ đó có những giải pháp mang tính hệ thống cải tiến CTĐT cũng như cải tiến hệ thống phục vụ việc dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, hàng năm, Khoa QHQT cùng với Trung tâm TTKT&KĐCLĐT các bộ phận chức năng, Khoa QHQT học phối hợp cập nhật điều chỉnh một số nội dung trong Phiếu khảo sát, lấy ý kiến mang tính đặc thù ngành để đem lại hiệu quả thông tin phản hồi cao hơn.

Từ năm 2021, TTKT&KĐCLĐT đề xuất Học viện đưa việc thảo luận kết quả khảo sát vào các cuộc họp như một nội dung quan trọng để tăng cường hiệu quả sử dụng kết quả khảo sát đồng thời cải tiến cơ chế phản hồi theo những biến động của thời đại.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 4/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 10

Học viện, Khoa đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành QHCT&TTQT, TTĐN để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ SV, NTD, người sử dụng lao động, GV được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến CTĐT.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Hoạt động NCKH của các GV và SV ngành QHQT luôn được quan tâm, khuyến khích, kết quả NCKH đã được thường xuyên sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm CNTT...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm tồn tại như: Nội dung phiếu khảo sát chưa mang tính đặc thù của từng ngành học; Số lượng ý kiến phản hồi còn thấp đặc biệt từ các NTD và chưa có

những ý kiến có tính tham mưu và kịp thời; Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV mời/các nhà KH/các chuyên gia giáo dục, chưa phân tích các ý kiến phản hồi của tất cả các bên một cách có hệ thống; Số lượng đề tài NCKH cấp cao còn hạn chế; tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với CSVC còn chưa cao và quy trình đánh giá chưa được chủ động, đồng đều tại từng bộ phận

Từ những điểm còn tồn tại nói trên, Khoa QHQT đặt ra những kế hoạch hành động như: Chủ động lưu trữ thông tin về SV, cựu SV, NTD, các nhà sử dụng lao động... để dễ dàng tham khảo ý kiến; có cơ chế tổng hợp, phản hồi, xử lý kịp thời nhằm cải tiến CTĐT; Phối hợp cùng TTKT&KĐCLĐT cập nhật nội dung phiếu khảo sát, tiếp tục duy trì lấy ý kiến phản hồi của các bên, đặc biệt bổ sung thêm việc lấy ý kiến của các GV kiêm nhiệm, GV hợp đồng, các nhà KH/các chuyên gia giáo dục về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, đồng thời có phương án phân tích các ý kiến phản hồi của tất cả các bên một cách có hệ thống; phối hợp cùng các cơ quan bên ngoài HV tăng cường nguồn lực và hợp tác nâng cao năng lực NCKH; đề xuất Phòng QT&QLKTX phối hợp cùng Văn phòng, TTTTKH, KTX xây dựng quy trình và kế hoạch triển khai đánh giá chất lượng dịch vụ và hỗ trợ tiện ích nhằm cải thiện chất lượng. Sang năm 2021, Văn phòng và TTTTKH có kế hoạch nâng cấp phần mềm quản lý cũng như lắp đặt bổ sung các điểm phát wifi miễn phí.

Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí, cả 6 đều đạt, điểm trung bình là 4,5/7

TIÊU CHUẨN 11

KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Đánh giá kết quả đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của một cơ sở đào tạo đại học. Hàng năm, Ban QLĐT kết hợp với khoa chủ quản thống kê và thực hiện giám sát việc đạt CDR, thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình học. Tỷ lệ SV thôi học, lượng SV tốt nghiệp xin được việc làm... được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu SV và các đơn vị sử dụng lao động.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu CDR của CTĐT ngành, phù hợp với các hướng nghiên cứu ưu tiên của Học viện và được lên kế hoạch hàng năm, cũng như được tạo mọi điều kiện khuyến khích, hỗ trợ thực hiện đề tài.

Học viện, TTKT&KĐCLĐT phối hợp cùng khoa QHQT đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan, là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến đảm bảo chất lượng đào tạo ngành QHQT.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Ban QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát quá trình dạy học và kết quả học tập của sinh viên, bao gồm tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học [H11.11.01.01]. Hàng năm, thông tin tỷ lệ SV tốt nghiệp được Học viện công bố trong Báo cáo công tác đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm [H11.11.01.03].

Chất lượng SV tốt nghiệp, đặc biệt tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, trước hạn hay sau hạn của SV toàn trường và SV các ngành đào tạo luôn được tổng hợp, báo cáo, giám sát bởi Ban QLĐT phối hợp với khoa chủ quản. Vấn đề này được quy định trong chức năng của ban đào tạo, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ của khoa chủ quản, CVHT trong việc nắm bắt thông tin, trợ giúp hay kết nối thông tin, nguồn lực trợ giúp giải quyết các khó khăn nhằm tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.01], [H11.11.01.04], [H11.11.01.05.DC][H11.11.01.06]

Tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của các ngành đào tạo cũng là các chỉ tiêu được tập trung bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp Hội nghị tổng kết công tác đào tạo của Học viện [H11.11.01.02].

Về tỉ lệ SV tốt nghiệp, Ban QLĐT là đầu mối cập nhật thông tin về từng đợt SV đủ điều kiện tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và trao bằng và gửi thông tin danh sách SV đủ điều kiện xuống khoa, CVHT phối hợp với BCN khoa kiểm tra thông tin, xác nhận với Ban QLĐT. Trên cơ sở thông tin xác nhận, Ban QLĐT sẽ làm các thủ tục ra quyết định và cấp bằng tốt nghiệp. Khi SV đủ điều kiện tốt nghiệp, Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo Quyết định được công bố công khai, đồng thời gửi về Khoa [H11.11.01.06] [H11.11.01.07].

Trên cơ sở dữ liệu của Ban QLĐT và thống kê về tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, đối sánh với các ngành trong cùng Học viện và cùng ngành đào tạo nhưng khác cơ sở đào tạo đã được tổng kết theo các năm giai đoạn 2016 - 2020 như dưới đây:

Bảng 11.1: Thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QHQT trong giai đoạn 2016-2020

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Khóa	Tổng số SV nhập học	Tổng SV duy trì đến cuối khoá	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) SV tốt nghiệp			Tỉ lệ SV tốt nghiệp/ tổng đầu vào	Tỉ lệ SV tốt nghiệp/ số SV duy trì cuối khoá
				3 năm (trước hạn)	4 năm (đúng hạn)	> 4 năm (quá hạn)		
2016 - 2020 (K36)	84	64	56	0	56	9	66,7%	87,5%
2015-2019 (K35)	142	116	92	0	87	5	64,8%	79,3%
2014-2018 (K34)	164	154	136	0	94	42	82,9%	88,3%
2013-2017 (K33)	145	145	144	0	140	4	99,3%	99,3%
2012-2016 (K32)	90	89	89	0	89	0	98,9%	100%

Khoa chủ quản cũng đã nắm được số liệu SV tốt nghiệp của QHQT các năm gần đây thông qua các thống kê đào tạo gửi về khoa (danh sách SV tốt nghiệp theo các đợt). BCN khoa

cũng đã nhận thấy bắt đầu từ khoá K34, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn bắt đầu sụt giảm. Nguyên nhân cơ bản là do SV chưa hoàn thành CDR về tin học, đặc biệt CDR ngoại ngữ với yêu cầu đạt chuẩn B2, du học, chuyển trường ... [H11.11.01.07]. Với những nỗ lực trong công tác giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, tỷ lệ SV tốt nghiệp ở khoá 35 và khoá 36 đã có sự cải tiến rõ rệt (Bảng 11.1).

Ngoài ra, BCN Khoa cũng tiến hành đối chiếu tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QHQT với ngành khác trong trường nhằm có được số liệu so sánh mặt bằng chung về tình trạng SV tốt nghiệp đúng thời hạn, trên cơ sở đó có biện pháp phù hợp.

Bảng 11.2: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp CTĐT ngành QHQT với các CTĐT trong trường, ngoài trường giai đoạn 2016-2020

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT, Báo cáo Ba công khai của Đại học KHXH & NV)

Khóa tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) SV tốt nghiệp/ tổng số SV duy trì đến cuối khoá		
	CTĐT được đánh giá QHQT	CTĐT của Học viện - ngành QHCC	CTĐT của Trường trong nước – Đại học KHXH & NV
2016 - 2020	87,5%	87,5%	67,41%
2015-2019	79,3%	80,5%	82,35%
2014-2018	87,7%	94,1%	64,55%
2013-2017	91%	100%	81,80
2012-2016	91,1%	97,8%	77,60%

Đối sánh tỷ lệ (%) SV tốt nghiệp/ tổng số SV duy trì đến cuối khoá ngành QHQT tại HVBC&TT và ngành QHQT của trường ĐH KHXH & NV, có thể thấy: tỷ lệ (%) SV tốt nghiệp/ tổng số SV duy trì đến cuối khoá tại HVBC&TT luôn cao hơn so với chuyên ngành QHQT của trường ĐH KHXH & NV.

Bảng 11.3: Thống kê tỷ lệ thôi học của SV ngành QHQT trong giai đoạn 2016 - 2020

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Khóa	Tổng số SV nhập học	Số SV và Tỷ lệ SV thôi học/đình chỉ học/bảo lưu kết quả	Tỷ lệ (%) SV thôi học sau			
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
2016-2020	84	20	5 sv	11 sv	3 sv	1 sv

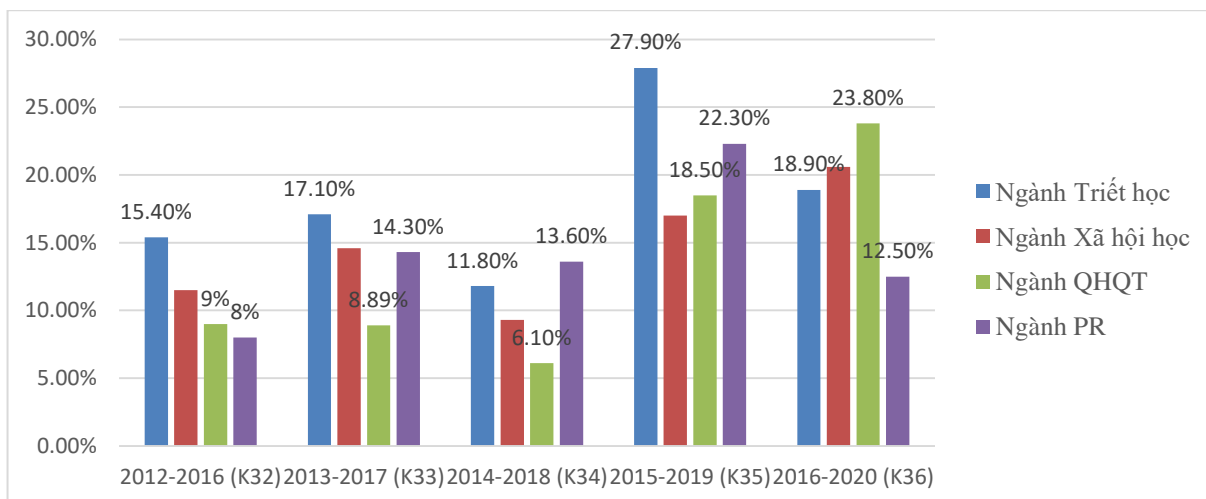
K36		23,8%	5,9%	13%	3,6%	1,2%
2015-2019		26 sv	5	13sv	6 sv	2 sv
K35	142	18,5%	3,6%	9,3%	4,2%	1,4%
2014-2018		10 sv	1 SV	2 sv	7 sv	0
K34	164	6,1%	0,6%	13%	4,2%	0
2013-2017		13 sv	4sv	2sv	7sv	0
K33	145	9%	2,76%	1,3%	4,8%	0
2012-2016		8 sv	0 sv	6sv	1sv	1sv
K32	90	8, 89,%	0%	6,7%	1,1%	1,1%

Bảng thống kê trên cho thấy về cơ bản, số lượng SV thuộc diện thôi học (tự thôi học, bị buộc thôi học do kỷ luật hoặc bị đình chỉ học 1 năm hay bảo lưu kết quả) không nhiều, mỗi năm học trung bình có từ 1-2 SV mỗi lớp rơi vào trường hợp trên. SV rơi vào trường hợp thôi học hoặc bảo lưu kết quả nói trên không tập trung vào giai đoạn cố định nào mà rải rác qua nhiều năm với nhiều lý do đa dạng: SV chuyển trường; SV đi du học, SV tìm cơ hội việc làm có thu nhập thay vì đi học, SV gặp vấn đề sức khỏe cần điều trị dài ngày, SV lập gia đình Tuy nhiên, bảng thống kê trên cũng cho thấy tỉ lệ thôi học, bảo lưu của SV ngành QHQT có xu hướng cao hơn trong những năm gần đây (khoá 35 và khoá 36) và đây là vấn đề đã được trao đổi, bàn bạc và giao trách nhiệm cho CVHT tư vấn thường xuyên cho SV để hạn chế trường hợp SV rơi vào hoàn cảnh nói trên.

Bảng 11.4: Bảng đối sánh tỷ lệ thôi học/bảo lưu của CTĐT ngành QHQT với các CTĐT trong Khoa, Học viện

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Khóa tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) SV thôi học			
	Ngành Xã hội học	Ngành Triết	Ngành QHQT	Ngành PR
2012-2016	11,5%	14,4%	9%	8%
2013-2017	14,6%	17,1%	8,89%	14,3%
2014-2018	9,3%	11,8%	6,1%	13,6%
2015-2019	17%	27,9%	18,5%	22,3%
2016-2020	20,6%	18,9%	23,8%	12,5%



Hình 11.1: Biểu đồ đối sánh tỷ lệ SV thôi học của các ngành đào tạo khảo sát giai đoạn 2016 - 2020

Về SV bảo lưu, thôi học, CVHT là đầu mối nắm tình hình, tư vấn với SV và gia đình SV trong trường hợp cần thiết. SV thôi học hiện nay với rất đa dạng lý do, CVHT là đầu mối nắm thông tin thông qua tìm hiểu trực tiếp với SV có ý định thôi học, gián tiếp qua lớp, bạn bè và trao đổi với gia đình. Với những lý do phù hợp: chuyển trường, ngành học không phù hợp, đi du học ..., CVHT sẽ tư vấn các thủ tục cần thiết. Đối với những lý do liên quan đến tâm lý, các vấn đề cá nhân, gia đình, cố vấn sẽ tìm hiểu và tìm phương án hỗ trợ, báo BCN khoa cũng như tư vấn thêm cùng gia đình để tìm cách cùng giải quyết, hỗ trợ SV ở mức tối ưu nhất [H11.11.01.09]. Các trường hợp SV này cũng sẽ được cố vấn thông báo với khoa chủ quản nắm tình hình và tư vấn thêm các hướng giải quyết hay trợ giúp phù hợp. Khoa sẽ và cố vấn sẽ hỗ trợ tư vấn SV nộp đơn và hoàn thiện các thủ tục cần thiết gửi lên Ban QLĐT để xin thôi học hay bảo lưu kết quả học tập.

Các quyết định thôi học, các quyết định về bảo lưu kết quả học tập. Những quyết định này sẽ được Học viện thông báo về khoa chủ quản [H11.11.01.10].

Về SV có các nguy cơ bỏ học hoặc bị đuổi học do rơi vào các trường hợp: nghỉ học không phép nhiều và có nguy cơ nghỉ quá thời gian quy định; số lượng TC tích lũy thấp hơn quy định; nợ nhiều học phần; nguy cơ không tốt nghiệp đúng hạn do chưa hoàn thành các CDR tin học, ngoại ngữ, CVHT là đầu mối nắm bắt thông tin thông qua các kênh từ lớp, Ban QLĐT và tự giám sát định kỳ kết quả tổng kết học tập của SV lớp trên phần mềm. Trên cơ sở thông tin nắm bắt, CVHT định kỳ báo cáo trong các buổi họp phản ánh SV theo tháng hay tổng kết hàng năm để BCN khoa cùng đội ngũ cố vấn, cán bộ lớp sẽ đưa ra định hướng giải pháp và hỗ trợ cụ thể [H11.11.01.10], [H11.11.01.11]. Ngoài ra, trên cơ sở phân tích thực trạng, khó khăn, vướng mắc của SV ảnh hưởng đến việc tốt nghiệp hoặc thôi học trong đó bao gồm nguyên nhân khách

quan và chủ quan, BCN khoa và CVHT cũng đưa ra những giải pháp, định hướng cho sinh viên, trong đó đặc biệt lưu ý cảnh báo để SV các khoá sau cố gắng khắc phục sớm để không rơi vào những nguy cơ dẫn đến buộc thôi học hay ra trường muộn [H11.11.01.09]. Trong những năm gần đây, vấn đề tồn đọng lớn nhất SV gặp phải là nợ học phần và nợ CĐR tin học, ngoại ngữ khiến cho SV không ra trường đúng hạn [H11.11.01.09]. Để khắc phục tình trạng này, Ban QLĐT các học kỳ gần đây (trong năm 2018 - 2020) đã tích cực hỗ trợ, thống kê số SV có nhu cầu học bổ sung các môn còn nợ hoặc học cải thiện điểm, trên cơ sở nhu cầu học bổ sung của SV để ra trường đúng hạn, Học viện sẽ mở các lớp học với các học phần đủ số lượng SV đăng ký và thông báo cụ thể trên website của Học viện [H11.11.01.12]. Bên cạnh đó, để khắc phục tình trạng SV ngành QHQT nợ CĐR tin học, ngoại ngữ khiến tỉ lệ ra trường không đúng hạn còn cao, ngay đầu năm học 2020, Học viện đã ban hành văn bản chi tiết hướng dẫn về CĐR tin học, ngoại ngữ, các đợt thi CĐR Học viện sẽ tổ chức trong năm để SV các khoá chuẩn bị ra trường có kế hoạch bố trí học và thi sớm [H11.11.01.13.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện có phần mềm QLĐT, do vậy việc quản lý SV, tỷ lệ SV tốt nghiệp, SV thôi học được cập nhật và đưa ra các biện pháp quản lý, hỗ trợ kịp thời.

Trách nhiệm của CVHT, BCN khoa và Ban QLĐT trong việc thống kê, giám sát, hỗ trợ SV trong diện cảnh báo được quy định, đồng thời các bên liên qua đều phối hợp nhịp nhàng với nhau nhằm nắm bắt thông tin kịp thời và đưa ra các giải pháp cụ thể trên cơ sở phân tích nguyên nhân của tình trạng SV tồn đọng nhằm khắc phục và cải thiện tình trạng tồn đọng đạt hiệu quả.

Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, SV tồn đọng được xác lập, theo dõi sát sao, phản ánh đến nhiều đối tượng liên quan, làm cơ sở cho việc giám sát quá trình đào tạo và cải tiến chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, khoa QHQT vẫn đang gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin những SV thôi học, tạm ngừng học đang làm gì, kế hoạch tiếp tục hoàn thành chương trình học của SV như thế nào vì vậy rất khó để hỗ trợ những đối tượng này.

Thông tin công khai về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV cùng ngành QHQT của các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế hạn chế công bố công khai, do vậy tính đối sánh còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT tiếp tục đề xuất với Học viện về chính sách cho CVHT về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của CVHT đối với SV sau khi kết thúc 4 năm học chính thức để họ tích cực tập hợp, tư vấn SV tòn đọng có kế hoạch ra trường trong thời gian được phép kéo dài, tránh tình trạng quá hạn không ra được trường.

Từ năm 2021 Ban QLĐT lên kế hoạch rà soát định kỳ danh sách SV thuộc diện cảnh báo hoặc danh sách SV tòn đọng, các vấn đề tòn đọng theo hệ thống và gửi định kỳ về khoa theo tháng (hoặc 2 tháng/lần) thay vì theo học kỳ và theo năm học để CVHT và khoa chủ quản nắm bắt, tư vấn và hỗ trợ SV hiệu quả hơn.

Từ năm học 2021, Ban QLĐT, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định CLĐT và khoa chủ quản tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, quá trình học tập tích lũy học phần, TC và điều kiện tốt nghiệp của ngành QHQT được quy định rõ ràng, công bố công khai tới SV trong các văn bản quy định của Học viện, trong đó các quy định cụ thể được đề cập đến trong quy chế đào tạo đại học về TC. Ngoài ra, SV ngay từ tuần học tập đầu tiên sau khi nhập học đã được cung cấp sổ tay sinh viên, trong đó có quy định cụ thể về: điều kiện học vượt; điều kiện học kéo dài; số TC tối thiểu trong học kỳ được đăng ký, thời gian học tối đa kéo dài đối với SV ngành QHQT [H11.11.02.01], [H11.11.02.02].

Học viện sử dụng phần mềm QLĐT để theo dõi, thống kê, quản lý học tập của SV trong đó Ban QLĐT là đơn vị đầu mối quản lý học tập, quản lý tốt nghiệp của SV. Công tác quản lý học tập, quản lý thời gian tốt nghiệp được thực hiện chính xác, logic và thông báo công khai cho SV (SV có thể dùng mã SV và mật khẩu để truy cập, xem điểm tích lũy, xem các thông tin khác liên quan đến học tập, tốt nghiệp của bản thân mình [H11.11.02.03].

Từ năm học 2017-2018, Học viện, Khoa QHQT đã tăng cường triển khai và giám sát công tác CVHT thông qua các cuộc họp phản ánh SV hàng tháng [H11.11.01.09.DC]. Trợ giúp thông tin, tư vấn SV về các quy định liên quan đến điều kiện hoàn thành các CĐR và số lượng học phần (bắt buộc, tự chọn) để được công nhận tốt nghiệp cũng là một nội dung được quy định

trong chức năng, nhiệm vụ của CVHT trong việc hỗ trợ tích cực tới từng SV có nhu cầu giúp SV lập kế hoạch học tập phù hợp với từng bạn [H11.11.02.11], [H11.11.02.10], [H11.11.01.09.DC].

Ngoài ra, việc tổng kết so sánh, đánh giá về thời gian tốt nghiệp trung bình/năm của các ngành trong trường và so sánh, đối sánh với cùng ngành đào tạo ở đơn vị khác cũng được khoa chủ quản, Ban QLĐT và Học viện chú ý phân tích nhằm có được thông tin về thực trạng, từ đó có chiến lược và giải pháp phù hợp nếu có những khác biệt, bất thường trong thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QHQT. Dưới đây là một số số liệu tổng kết về thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QHQT so với các ngành khác trong trường và so với cùng ngành ở cơ sở đào tạo khác.

Bảng 11.5: Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QHQT với ngành khác trong trường (tính trong tổng SV tốt nghiệp)

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Khóa học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm) tại HVBC TT			
	CTĐT ngành QHQT	CTĐT ngành QHCC & QC	CTĐT Triết học	CTĐT Xã hội học
2016 - 2020 (K36)	4 năm	4 năm	Chưa có đủ số liệu do SV vẫn đang trong quá trình hoàn thiện CĐR tốt nghiệp	Chưa có đủ số liệu do SV vẫn đang trong quá trình hoàn thiện CĐR tốt nghiệp
2015-2019 (K35)	4,04 năm	4,06 năm	4,24 năm	4,1 năm
2014-2018 (K34)	4,41 năm	4,3 năm	4,16 năm	4,38 năm
2013-2017 (K33)	4,01 năm	4 năm	4,02 năm	4,01 năm
2012-2016 (K32)	4 năm	4 năm	4,01 năm	4 năm

Trên cơ sở đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, Học viện hàng năm đưa các giải pháp để cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình của Học viện nói chung và ngành QHQT nói riêng

nhu: tích cực mở lớp học tốt nghiệp, tạo điều kiện cho các em học vượt đề nghị CVHT và khoa chủ quản sát sao hơn nữa việc rà soát điểm của các SV trong quá trình học tập **[H11.11.02.02]**, **[H11.11.02.06]** **[H11.11.02.08]**, **[H11.11.02.09]**.

Trong Hội nghị tổng kết đào tạo và Báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Khoa đều thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của SV ngành QHQT cũng như các ngành khác trong Học viện là vấn đề ưu tiên thảo luận trong các hội nghị. Trên cơ sở đó, BCN khoa có những chỉ đạo, CVHT đưa ra những giải pháp và trực tiếp có những tư vấn sớm đối với những khoá SV hiện đang học ngành QHQT để xây dựng lộ trình phù hợp, tăng cường khả năng ra trường đúng thời hạn **[H11.11.01.09 DC]**. Khoa và CVHT tích cực thông báo cho SV còn nợ học phần tích cực trả nợ môn, đăng ký tham gia các lớp học tự nguyện, tham gia ôn tập và lên kế hoạch đăng ký sớm thi CĐR tin học và ngoại ngữ nhằm đạt điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn **[H11.11.02.12]**, **[H11.11.02.13.DC]**, **[H11.11.02.06]**, **[H11.11.02.07]**; **[H11.11.01.09.DC]**.

Những nguyên nhân cơ bản của SV ngành QHQT tốt nghiệp chậm, muộn được tổng kết chủ yếu nằm ở một số học sinh không kịp bố trí học bổ sung các học phần còn nợ lại do thời gian các lớp học chưa phù hợp với bản thân, còn lại phần lớn SV nợ CĐR ngoại ngữ và tin học do đăng ký thi muộn hoặc thi những lần đầu không qua. Đặc biệt CĐR tiếng Anh ngành QHQT (trước khoá K40) yêu cầu là B2, theo phản ánh của SV là quá nặng so với năng lực đầu vào của sinh viên, khiến SV thi nhiều lần và phải đầu tư rất nhiều thời gian học nâng cao mới có thể qua **[H11.11.02.04]**.

2. Điểm mạnh

Học viện có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ kết quả học tập của sinh viên, có kế hoạch sớm thông báo cụ thể, rõ ràng đến SV về yêu cầu CĐR nhằm giúp SV lên kế hoạch sớm đạt CĐR, tốt nghiệp đúng thời hạn hoặc vượt trước thời hạn nếu mong muốn.

GV, CVHT của khoa QHQT có kinh nghiệm, nhiệt tình và luôn hỗ trợ kịp thời cho SV, tạo điều kiện cho SV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay vẫn còn tỷ lệ SV ngành QHQT tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế trung bình của khóa học (4 năm). Chủ yếu tập trung vào một số nguyên nhân: SV còn gập nợ một số môn học từ năm thứ nhất, thứ hai nhưng chưa bố trí học lại được do vướng lịch cá nhân, lịch học đã đăng ký cho các kỳ tiếp sau đó, lịch kiến tập, thực tập. Bản thân SV chưa chủ động đăng

kí học lại, học cải thiện, bổ sung kiến thức để đạt CDR với các khóa sau dẫn đến nhiều SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, kéo dài thời gian học tập.

Thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình ngành QHQT của các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế hạn chế do vậy tính đối sánh còn yếu do thông tin không được cung cấp công khai.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHQT và phát triển sẽ phối hợp với các bên liên quan mở thêm các buổi tư vấn SV về phương pháp học đại học nhằm giúp SV không bị thi trượt và nợ nhiều môn từ năm học đầu tiên.

Từ năm 2021, TTKT&KĐCLĐT kết hợp với khoa chủ quản tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm các kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng của ngành QHQT.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2015 - 2019, Học viện đã giao nhiệm vụ xác lập thông tin của SV sau tốt nghiệp cho TTKT&KĐCLĐT. [H11.11.03.01].

Nhiệm vụ cụ thể của TTKT&KĐCLĐT trong việc xác lập thông tin của cựu SV là:

(1) Xây dựng cơ sở dữ liệu về SV đã tốt nghiệp theo từng năm học để công khai trước xã hội và báo cáo cho Bộ Giáo dục và đào tạo; cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động;

(2) Khảo sát, thống kê về việc làm của SV sau khi tốt nghiệp.

Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của SV sau tốt nghiệp được Trung tâm thực hiện như sau: [H11.11.05.03]

Bảng 11.5b: Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của SV sau tốt nghiệp

(Nguồn: TTKT&KĐCLĐT)

TT	NỘI DUNG
1	Xây dựng và hoàn thiện mẫu phiếu khảo sát.
2	Xây dựng dữ liệu SV chuẩn bị tốt nghiệp (danh sách SV, điện thoại, địa chỉ liên hệ...)

3	Tiến hành khảo sát SV tốt nghiệp sau 1 năm
4	Tổng hợp phân tích kết quả.
5	Báo cáo Ban Giám đốc, Bộ GD&ĐT và thông tin đến các bộ phận chức năng
6	Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo dựa vào kết quả khảo sát.

Khảo sát SV tốt nghiệp được thực hiện từ năm 2016 với các phương pháp thu thập dữ liệu bao gồm các hình thức: gửi email, gọi điện, gửi phiếu trực tiếp. Trước năm 2020, Khoa chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu, hoàn thành phiếu khảo sát và gửi TTKT&KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc thu thập dữ liệu được chuyển cho TTKT&KĐCLĐT. Tỷ lệ SV tốt nghiệp hàng năm được công khai trong đề án tuyển sinh của Học viện [H11.11.01.03 DC].

Bảng 11.6: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát SV đã tốt nghiệp Ngành QHQT học so với ngành QHCC đào tạo tại HVBC&TT

(Nguồn: Số liệu của TTKT&KĐCLĐT)

Khóa tốt nghiệp Các tiêu chí	Tốt nghiệp 2017		Tốt nghiệp 2018		Tốt nghiệp 2019	
	Ngành QHQT	Ngành QHCC	Ngành QHQT	Ngành QHCC	Ngành QHQT	Ngành QHCC
1. Số lượng SV tốt nghiệp (người).	143	-	164	48	149	42
2. Tỷ lệ tốt nghiệp (%) (trên tổng số SV duy trì đến cuối khoá)	98,6%	100%	87,7%	94,1%	79,3%	80,5%
3. Số lượng người khảo sát phản hồi (người)	70	-	123	55	133	37
4. Tỷ lệ SV có việc làm (%) (trong số phản hồi)	78,5%	-	98,5%	100	95%	100
4.1. Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	63%	-	61,5%	74,5	64%	78

Bảng 11.7: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát SV K35 đã tốt nghiệp Ngành QHQT HVBC&TT và ngành QHQT Đại học KHXH&NV

(Nguồn: Báo cáo Ba công khai của Đại học KHXH & NV)

Các chỉ số	Ngành QHQT tại HVBC&TT (Năm 2015 - 2019)	Ngành QHQT tại ĐH KHXH NV (Năm 2015 - 2019)
------------	---	--

1. Số SV nhập học	142 sinh viên	89
1. Số lượng SV tốt nghiệp (người).	92 sinh viên	60
2. Tỷ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	64,7%	42%
3. Tỷ lệ tốt nghiệp so với số duy trì cuối khoá (%).	79,3%	-
4. Tỷ lệ SV TN có việc làm sau 1 năm ra trường	83%	99%

Kết quả khảo sát có thể cho thấy SV sau tốt nghiệp của ngành đào tạo trong Khoa có việc làm đạt tỷ lệ cao, luôn đạt ở mức từ khoảng 83% trở lên. SV tốt nghiệp các khoá gần đây đều phản hồi tốt về khả năng kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu công việc, đặc biệt SV khoá tốt nghiệp năm 2019 (điều tra năm 2020 sau 1 năm tốt nghiệp), trong đó hơn 80% ý kiến cho rằng kỹ năng, kiến thức đáp ứng phần lớn công việc.

Tỷ lệ việc làm của SVTN từ ngành QHQT vẫn duy trì ở mức tương đối cao; tỷ lệ việc làm đúng hoặc gần ngành nghề tăng hơn so với SVTN các khóa trước. Mặc dù tỷ lệ SV ra trường có việc làm cao, tuy nhiên vẫn còn có những SV làm trái ngành nghề đào tạo. Kết quả khảo sát gần nhất vào năm 2020 (đối với SV tốt nghiệp năm 2019) cho thấy một trong những lý do quan trọng SV làm trái nghề hoặc chưa đi làm là do: Cơ hội việc làm ở vị trí cán bộ đối ngoại ở các Bộ ngành trung ương, địa phương, cán bộ nghiên cứu về QHQT các cơ sở nghiên cứu và đào tạo có xu hướng giảm và do có ít cơ hội việc làm theo ngành nghề được đào tạo.

Để tăng tỷ lệ SV có việc làm và làm đúng ngành đào tạo, Học viện, Khoa chủ quản và các bộ phận chức năng đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội nghị để thảo luận phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khắc phục. Các giải pháp được đề xuất sẽ đưa vào thực hiện để giúp tăng tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp như sau:

- Tổ chức các tọa đàm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho SV [H11.11.03.07]
- Dẫn các đường link tuyển dụng SV ngành QHQT về trang thông tin của khoa và SV khoa [link],

- Giới thiệu SV đến các đơn vị, cơ sở tuyển dụng chuyên ngành QHQT trên tờ thông tin truyền thông của khoa để SV tìm hiểu (cơ sở tuyển dụng, thông tin trên fanpage – MC sđt, địa chỉ sv)

- Tăng cường giới thiệu và dẫn SV đến các cơ sở tuyển dụng ngành QHQT trong các đợt thực tập chính trị xã hội, kiến tập, thực hành, thực tập tốt nghiệp để SV làm quen và bồi dưỡng các kỹ năng thực tế cần thiết. **[H11.11.03.10]**.

- Ký các biên bản ghi nhớ/ ký kết hợp tác giữa Khoa và NTD nhằm tăng cường cơ hội thực tập nghề nghiệp và giới thiệu việc làm **[H11.11.03.03]**, **[H11.11.01.03 DC]**, **[H11.11.03.09]**, **[H.11.03.07]**.

- Tăng cường cơ hội cho SV toàn trường tham gia các khoá bồi dưỡng kỹ năng mềm Khóa bồi dưỡng kỹ năng mềm nhằm tăng cơ hội có việc làm cho SV sau khi ra trường **[H11.11.03.09]**.

- Đưa các thông tin tuyển dụng có liên quan đến ngành đào tạo của Học viện Báo chí & TT lên các mục thông tin phù hợp (ví dụ như tuyển dụng) tại trang web của HVBCCTT để SV chuẩn bị ra trường và cựu SV tiếp cận và tham gia tuyển dụng **[H11.11.03.06]**.

Khoa và các Bộ môn quan tâm liên tục đưa tin thông báo tuyển dụng qua các kênh GVCN, group ngành... thông báo tới SV về nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị **[H11.11.03.09]** **[H11.11.03.10]**.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ việc làm của SVTN từ ngành QHQT vẫn duy trì ở mức tương đối cao; tỷ lệ việc làm đúng hoặc gần ngành nghề tăng hơn so với SVTN các khóa trước luôn đạt ở mức từ khoảng 83% trở lên. SV tốt nghiệp các khoá gần đây đều phản hồi tốt về khả năng kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu công việc. Tỷ lệ SV ngành QHQT ra trường hài lòng với kiến thức, kỹ năng được đào tạo tương đối cao, tỉ lệ có việc làm sau 1 năm là cao, luôn ở mức trên 90% (trong tổng số SV đã tốt nghiệp tốt nghiệp).

Khoa QHQT đã tích cực thu thập thông tin về tỉ lệ SVTN ngành QHQT có việc làm để giám sát đồng thời đối sách với SVTN các khóa trong khoa, cùng khóa của các khoa khác trong trường và SVTN cùng ngành cùng đợt ở ngoài trường – trường ĐHKHXHNV để cải tiến chất lượng đào tạo nhằm tăng cường tỉ lệ SVTN ra trường có việc làm đúng ngành hoặc gần ngành ngày càng tăng.

3. Điểm tồn tại

Do việc liên lạc với SV đã ra trường còn gặp nhiều khó khăn (SV thay đổi điện thoại, hòm thư liên lạc), do vậy thông tin thu nhận được còn chưa đầy đủ, chưa xác lập được hệ thống thông tin đầy đủ về vị trí làm việc, mức thu nhập trung bình... của SV sau tốt nghiệp. Ngoài ra, tỉ lệ SV ra trường làm trái ngành trong những năm gần đây có xu hướng tăng cao.

Khoa chưa tiến hành đối sánh tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp của ngành với các CTĐT ngoài trường trong nước (trừ trường ĐH KHXHNV) và quốc tế do không thu thập được thông tin.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, TTKT&KĐCLĐT sẽ phối hợp chặt chẽ với Khoa QHQT phát triển cùng với mạng lưới cựu sinh viên, Phòng CTCT&HTSV nhằm có được thông tin và số liệu đầy đủ hơn về SV ngành QHQT sau khi tốt nghiệp, trong đó đặc biệt thông tin về việc làm, khả năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn, kỹ năng của SV ra trường. Trên cơ sở thông tin đầy đủ, phản ánh chính xác hơn kết quả đầu ra của ngành QHQT, các bên liên quan sẽ phân tích cơ sở dữ liệu qua các năm, từ đó có được những giải pháp hiệu quả trong cải tiến chương trình dạy và học.

Từ năm 2021, TTKT&KĐCLĐT kết hợp với khoa QHQT tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm các kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng của ngành QHQT

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nghiên cứu KH của SV nhằm giúp SV làm quen với phương pháp và tư duy KH, vận dụng tổng hợp những kiến thức đã học để bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề KH do thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra. Nghiên cứu KH SV cũng là cơ hội để SV tập dượt và trải nghiệm vai trò, trách nhiệm đóng góp và vận dụng kiến thức mang tính lý luận, lý thuyết vào giải quyết các bài toán thực tiễn đặt ra.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của nghiên cứu KH trong sinh viên, Học viện nói chung và khoa QHQT và phát triển nói riêng đã rất quan tâm đầu tư, phát triển nghiên cứu KH

trong SV đa dạng về loại hình, chú trọng chất lượng nghiên cứu. Cụ thể, hoạt động NCKH của CB, GV cũng như của SV HVBC&TT được xem là một nội dung quan trọng của chiến lược phát triển HVBC&TT và Khoa [H11.11.04.01], [H11.11.04.13].

Ngoài ra hoạt động NCKH của GV, CB và SV HVBC&TT, bao gồm cả năng lực nghiên cứu và khen thưởng, kỷ luật ... được quy định cụ thể trong Quy chế quản lý hoạt động KH ban hành vào năm 2011 và "Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động KH và công nghệ của HVBC&TT ban hành năm 2017 [H11.11.04.02], [H11.11.04.03].

Hàng năm, Ban QLKH xây dựng kế hoạch nghiên cứu KH SV và ra thông báo về các khoa chủ quản hội đồng KH từ đó thông báo đến CVHT phổ biến đến cho SV các lớp để nghiên cứu, tư vấn với thầy cô trong khoa, CVHT và chuẩn bị nội dung để đăng ký tham gia. SV sẽ chủ động tìm kiếm chủ đề nghiên cứu, tư vấn với CVHT và các thầy cô giáo trong khoa về thầy/cô hướng dẫn phù hợp. Các đề tài được SV đăng ký có sự bàn bạc thống nhất với GV hướng dẫn, sau đó đề xuất lên khoa. Trên cơ sở đề xuất của SV, Hội đồng khoa học đào tạo Khoa QHQT và phát triển, xét duyệt và chuyển lên Hội đồng khoa học đào tạo cấp trên xem xét thông qua và ra quyết định danh mục đề tài NCKH cho phép thực hiện hàng năm [H11.11.04.04], [H11.11.04.05].

Trong giai đoạn 2015 – 2020, đã có 13 đề tài NCKH SV khoa QHQT làm chủ nhiệm tham gia NCKHSV với 57 SV tham gia. Ban QLKH kết hợp với khoa chủ quản thông qua thư ký KH và chủ tịch hội đồng KH khoa cùng hỗ trợ, thông tin, đôn đốc theo dõi, giám sát và tư vấn NCKH cho SV kịp thời, hiệu quả trước, trong và sau khi thực hiện đề tài, xã hội hoá kết quả nghiên cứu [H11.11.04.06], [H11.11.04.07], [H11.11.04.08], [H11.11.04.09].

Bảng 11.8: Bảng thống kê số lượng đề tài NCKH sinh viên ngành QHQT từ 2015 – 2020

(Nguồn: Thống kê của khoa QHQT)

STT	Năm	Số lượng đề tài SV chủ nhiệm	Số lượng SV tham gia	Số lượng bài hội thảo SV thực hiện
1	2015	3	13	
2	2016	2	10	
3	2017	2	14	
4	2018	2	10	
5	2019	2	10	

6	2020	1	5	4
Tổng cộng		18	62	4

Từ bảng trên một số các thống kê chỉ số nghiên cứu KH được rút ra đối sánh với ngành QHQT (HVBCTT) như sau:

Bảng 11.9: Đối sánh SV tham gia nghiên cứu KH giai đoạn 2016 - 2020 đối sánh giữa ngành QHQT và QHCC

(Nguồn: Thống kê của khoa QHQT, KHOA QHCC)

	Các chỉ số	QHQT	Quan hệ công chúng
1	Số lượng SV tham gia	57 sinh viên	33 sinh viên
2	Số đề tài nghiên cứu	11 đề tài	7 đề tài

Các nhóm SV NCKH của ngành QHQT thuộc khoa QHQT luôn hoàn thành đúng tiến độ, bảo vệ đúng thời hạn, đặc biệt được hội đồng nghiệm thu đánh giá cao về phương pháp nghiên cứu tin cậy và khả năng áp dụng các giải pháp vào thực tiễn. Đề tài nghiên cứu KH của SV năm học 2016 - 2017 tham dự giải thưởng SV NCKH và đoạt giải 3 toàn quốc [H11.11.04.10]. Đề khuyến khích và cổ vũ tinh thần NCKH của sinh viên, Học viện cũng đã kịp thời có quyết định khen thưởng thành tích của nhóm SV đoạt giải nhằm khích lệ tinh thần và lan toả tình yêu KH trong SV [H11.11.04.10].

Để nâng cao chất lượng NCKH trong SV phù hợp với yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển và phù hợp với năng lực, nhu cầu SV, hàng năm Học viện có tổ chức hội nghị KH SV với sự tham gia của các bên liên quan, phòng chức năng, lãnh đạo Học viện và đặc biệt là đại diện các nhóm SV đã và sẽ tham gia nghiên cứu KH. Hội nghị tổng kết công tác NCKH sinh viên, đồng thời trao đổi và lắng nghe những chia sẻ, đóng góp từ SV và giáo viên hướng dẫn, đại diện lãnh đạo ban QLKH và từ đó cùng trao đổi giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng và thu hút đông đảo SV tham gia NCKH [H11.11.04.11]. Bên cạnh việc tăng cường đối thoại với SV nhằm tìm kiếm giải pháp kịp thời nâng cao chất lượng NCKH sinh viên, từ năm 2019, kinh phí Học viện đầu tư cho NCKH SV đã tăng đáng kể và tăng gấp 4 - 5 lần so với các năm trước đó (2015 đến 2018) [H11.11.04.09].

Kết quả khảo sát SV ngành QHQT về hoạt động NCKH từ 2018 đến nay cho thấy tỉ lệ SV cuối khoá hài lòng với cơ hội tham gia nghiên cứu KH có xu hướng tăng lên: từ 61,94% vào năm 2018 lên đến 74% vào năm 2019 và 69% vào năm 2020 [H11.11.04.12.DC].

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở các quy định đầy đủ, rõ ràng liên quan đến hoạt động NCKH SV cùng sự tích cực giúp đỡ, kiểm tra, giám sát của Ban QLKH, SV ngành QHQT học yêu thích và hứng thú với tham gia NCKH, năm nào cũng có ít nhất 1 nhóm SV đăng ký tham gia NCKH với các chủ đề nghiên cứu đa dạng, kết quả nghiên cứu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao, được hội đồng nghiệm thu đánh giá tích cực.

Khoa QHQT cũng đã chủ động đối sánh các công trình nghiên cứu KH của SV giữa ngành QHQT với ngành đào tạo khác trong trường để có căn cứ cải tiến chất lượng nghiên cứu KH.

Học viện luôn đối thoại và lắng nghe ý kiến của sinh viên, GV và các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng NCKH trong SV, loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí dành cho đề tài NCKH SV mặc dù đã được cải thiện và liên tục tăng trong những năm gần đây, tuy nhiên thực chất vẫn còn hạn chế chưa khuyến khích SV đăng ký và thực hiện những đề tài NCKH có quy mô và có tầm ảnh hưởng.

SV ngành QHQT vẫn chủ yếu tham gia vào NCKH ở phạm vi trong trường, với nguồn kinh phí còn hạn chế của trường mà chưa chủ động tìm kiếm các nguồn kinh phí cũng như các nghiên cứu bên ngoài trường.

Khoa chưa tiến hành đối sánh kết quả NCKH của SV với các SV cùng ngành đào tạo ngoài trường do thiếu thông tin chính thức.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, khoa sẽ lên kế hoạch kết hợp với đoàn thành niên lấy ý kiến SV về thành lập CLB nghiên cứu KH SV nhằm tăng cường trao đổi, chia sẻ và học hỏi giữa sinh viên, cựu SV và GV về NCKH. Bên cạnh đó Câu lạc bộ NCKH SV cũng sẽ định hướng và hỗ trợ tìm kiếm nguồn lực NCKH SV bên ngoài trường nhằm tăng cơ hội nhiều SV cùng được tham gia NCKH

Khoa chủ quản kết hợp với TTKT&KĐCLĐT chủ động liên kết và chia sẻ thông tin với các trường khác cùng đào tạo QHQT để có thêm các thông tin đối sánh về NCKH sinh viên, từ đó có những biện pháp thúc đẩy NCKH trong SV đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và

đổi sánh để cải tiến chất lượng

TTKT&KĐCLĐT là đơn vị đầu mối quản lý các hoạt động đảm bảo chất lượng của HVBC&TT có chức năng khảo sát và lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo [H11.11.05.01] [H11.11.05.02] Từ năm 2018, công tác đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện đã được triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống thông qua việc ban hành các quy định về đảm bảo chất lượng đào tạo (Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo [H11.11.05.03]; Quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục, [H11.11.05.04]) và triển khai các loại hình khảo sát nhằm đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan [H11.11.05.05] (Khảo sát SV theo học kỳ về chất lượng học phần [H11.11.05.06]; Khảo sát SV cuối khóa về chất lượng đào tạo [H.11.11.05.07]; Khảo sát GV, NV về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách [H11.11.05.07]; Khảo sát cựu SV [H11.11.03.02 DC]; Khảo sát NTD [H11.11.05.08]). Trên cơ sở kết quả khảo sát của các bên liên quan, TTKT&KĐCLĐT viết báo cáo tổng hợp kết quả, báo cáo lãnh đạo Học viện và phản hồi tới các Khoa, phòng, ban [H11.11.04.12 DC]; [H11.11.05.07]; [H11.11.03.02 DC]; [H11.11.05.08]; [H11.11.05.03].

Hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát nhằm đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan, bao gồm; [H11.11.05.05].

1. Khảo sát sinh viên theo học kỳ về chất lượng học phần [H11.11.05.06]
2. Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo [H.11.05.07]:
3. Khảo sát GV, NV về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách [H11.11.05.07]
4. Khảo sát cựu sinh viên [H11.11.03.02 DC]

Với quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi được trình bày kỹ trong tiêu chí 10.6

Dưới đây là một số số liệu trích dẫn từ các cuộc khảo sát

Về mức độ hài lòng của SV về CTĐT kết quả khảo sát đối với SV cuối khoá tổng hợp từ năm 2017 đến năm 2020 ở bảng dưới đây.

Điểm số đánh giá về mức độ hài lòng chạy từ 1 đến 5 (tương ứng 1 là rất không hài lòng; 2. Không hài lòng; 3. Trung bình; 4. Hài lòng; 5 rất hài lòng). Kết quả dưới đây được tổng hợp tỉ lệ SV trả lời hài lòng và rất hài lòng (mức 4 và 5) cũng như điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng của SV đối với từng tiêu chí.

Bảng 11.10: Thống kê mức hài lòng của SV cuối khoá về CTĐT ngành QHQT*(Nguồn: Khảo sát của TTKT&KDCLĐT)*

NỘI DUNG	2017		2018		2019		2020	
	Tỉ lệ	Mức TB	Tỉ lệ	Mức TB	Tỉ lệ	Mức TB	Tỉ lệ	Mức TB
1. Kết quả đầu ra	47.44	3.48	59.23	3.66	75.10	3.93	76.30	3.90
2. CTĐT	47.24	3.38	56.11	3.63	75.20	3.89	73.30	3.90
3. PPDH	57.28	3.6	62.55	3.75	76.70	3.92	76.40	3.90
4. Kiểm tra đánh giá	43.38	3.34	51.13	3.55	75.10	3.85	76.20	3.90
5. CSVC	55.55	3.58	63.00	3.82	76.00	3.95	77.30	4.00
6. Hoạt động hỗ trợ đào tạo	51.0	3.44	59.9	3.7	75.70	3.93	75.00	4.00
7. Đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo	53.87	3.47	61.73	3.69	75.00	3.89	77.20	4.00
Đánh giá chung về CTĐT	39.68	3.29	56.39	3.66	78.10	4.00	86.00	4.00

Kết quả đánh giá tổng hợp ở bảng trên cho thấy trong giai đoạn từ 2018 đến 2020 của SV cuối khoá về chất lượng đào tạo các mặt được cải thiện qua các năm, trong đó cải thiện rõ rệt và đồng đều qua các mặt. Mức độ hài lòng của SV với CTĐT, hình thức kiểm tra đánh giá và hoạt động hỗ trợ đào tạo cũng như đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo là những tiêu chí có mức độ cải thiện rõ nét nhất.

Bảng 11.11: Thống kê mức hài lòng của NTD về chất lượng SV ngành QHQT tốt nghiệp năm 2020 (số lượng NTD: 19)*(Nguồn: Khảo sát của TTKT&KDCLĐT)*

Nội dung	Tỷ lệ hài lòng	Trung bình
A Kiến thức chuyên ngành	100%	4.21
B. Kỹ năng chuyên ngành	100%	4.38
C. Kiến thức nền tảng	100%	4.31
D. Kỹ năng chung	95%	4.24
E. Phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ	95%	4.23

Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của NTD cho thấy NTD có mức độ hài lòng rất cao đối với kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của lao động được tuyển dụng là cựu SV ngành QHQT thuộc HV&BCTT, với tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng đều đạt từ 95% đến 100%

Thông kê về đánh giá mức độ hài lòng của cựu SV về CTĐT (đánh giá sau 12 tháng ra trường).

Bảng 11.12: Thống kê mức độ hài lòng của cựu sinh viên ngành QHQT về CTĐT

(Nguồn: Khảo sát của TTKT & KĐCLĐT)

NỘI DUNG	2019	
	Tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng	Mức điểm TB/ tổng 5 điểm
1. Chương trình có mục tiêu, CDR rõ ràng, cụ thể	74.0	3.86
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, CDR của CTĐT	75.3	3.92
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, CDR của CTĐT	76.7	3.92
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	75.3	3.88
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	74.0	3.89
6. Nội dung các môn học phù hợp với xu hướng phát triển ngành nghề chuyên môn	76.7	3.88
7. SV có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu KH	74.0	3.86
8. SV có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	75.3	3.89
1. Chương trình có mục tiêu, CDR rõ ràng, cụ thể	75.2	3.89
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, CDR của CTĐT	74.0	3.86

Đánh giá chung về CTĐT	75.3	3.92
-------------------------------	-------------	-------------

Kết quả khảo sát SV về chất lượng dạy học các học phần được lưu trữ và công bố trên phần mềm QLĐT, GV được cấp tài khoản và mật khẩu truy cập để tiếp cận kết quả và sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh cải tiến chất lượng dạy học. [H11.11.05.06]

Ngoài kênh thông tin từ các cuộc khảo sát, Học viện cũng sử dụng các hình thức khác để thu thập thông tin về sự hài lòng của các bên liên quan như:

1. Hàng năm, Học viện tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV toàn trường [H11.11.05.09].

2. Hàng tháng họp phản ánh SV với đại diện các lớp, CVHT các lớp và lãnh đạo khoa lắng nghe sự phản hồi của SV liên quan đến chất lượng CTĐT [H11.11.01.09 DC].

3. Đó là các kênh để Học viện thường xuyên cập nhật phản hồi về chất lượng đào tạo, CSVC từ sinh viên. CB, GV, NV cũng được bày tỏ ý kiến về CSVC, chế độ chính sách thông qua các cuộc họp hàng tháng ở khoa và hội nghị công NV chức cuối năm [H11.11.05.10] [H11.11.05.11].

Các kết quả khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khoá, khảo sát GV, NV, cựu SV, và NTD được chuyển về khoa, phòng ban làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến chất lượng. Khoa sử dụng kết quả khảo sát phục vụ rà soát, cập nhật CTĐT [H11.11.05.12]

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đã thực hiện cải tiến, nâng cấp CSVC nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và mức độ hài lòng của các bên liên quan [H11.11.05.13]

Có thể nói các ý kiến phản hồi phản ánh sự hài lòng của các bên liên quan có ý nghĩa thiết thực trong việc cải tiến chất lượng CTĐT ngành QHQT. Đối với những nội dung chưa giải quyết được ngay, Học viện, Khoa cũng có những ghi nhận và phản hồi kịp thời với các định hướng, giải pháp phù hợp trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh

Đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan một cách chính thức và hoạt động tương đối hiệu quả theo định kỳ.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đa dạng đã được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành QHQT

Khoa QHQT đã tiến hành đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan theo hàng năm để thấy được thực tiễn chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở đó đề xuất cải tiến chất lượng

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát các bên liên quan chỉ được thực hiện định kỳ và do vậy tính cập nhật với các vấn đề thực tế còn yếu, phần lớn có “độ trễ” nhất định so yêu cầu thực tế. Ngoài ra, khi có kết quả, đơn vị thực hiện khảo sát cần sớm gửi xuống khoa và có biện pháp giám sát khoa trong việc sử dụng kết quả khảo sát cải tiến CTĐT một cách hiệu quả hơn.

Học viện, Khoa chưa tiến hành đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT cùng ngành của các cơ sở khác do chưa có nguồn số liệu đối sánh chính thống.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, căn cứ vào kết quả khảo sát từ các bên liên quan, TTKT&KĐCLĐT cần sớm có báo cáo tổng hợp những kết quả nổi bật gửi cho lãnh đạo và các khoa, phòng liên quan. Trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát, khoa, phòng ban cần có những phản hồi về kết quả, có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế được phản ánh trong các phản hồi một cách cụ thể hơn.

Lên kế hoạch thực hiện đối sánh các kết quả khảo sát giữa các ngành trong trường và giữa cùng ngành đào tạo nhưng khác cơ sở đào tạo, từ đó có cái nhìn khách quan hơn về những ưu điểm và hạn chế của ngành đào tạo, từ đó có biện pháp khắc phục hiệu quả, triệt để.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức: 5/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 11

Nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên từ nhiều bộ phận cho SV số lượng SV thôi học/bảo lưu của ngành thấp; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian và tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao so với các ngành khác trong trường.

SV tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu KH sinh viên, tham gia các đề tài nghiên cứu KH, SV sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu thực tế, nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tiễn và nhận được phản hồi tích cực từ các NTD.

Học viện đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những kế hoạch điều chỉnh để cải tiến chất lượng

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm tồn tại như: Khó khăn trong nắm bắt nguyên nhân SV thôi học, tạm ngừng học cũng như số liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các cơ sở đào tạo cùng ngành, hay thông tin về tình trạng việc làm của SV đã tốt nghiệp, tỉ lệ việc làm sau tốt nghiệp trong tương quan so sánh với các CTĐT cùng ngành; Vẫn còn một số SV tốt nghiệp muộn do nợ môn và do thiếu tính chủ động; Nguồn kinh phí dành cho NCKH SV còn hạn chế; chưa có sự đối sánh về kết quả NCKH hay mức độ hài lòng của các bên liên quan với các cơ sở khác cùng ngành; Báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát các bên liên quan chưa được cập nhật nhanh chóng.

Từ những điểm còn tồn tại nói trên, Khoa QHQT đặt ra những kế hoạch hành động như: đề xuất với học viện có cơ chế chính sách dành cho CVHT trong vấn đề liên hệ, tư vấn cho những SV tồn đọng; đề xuất Ban QLĐT rà soát định kỳ và thông báo cho khoa các trường hợp SV thuộc diện cảnh báo, còn tồn đọng...; phối hợp cùng Đoàn Thanh niên mở các buổi tư vấn về cách thức học tập tại đại học cũng như các CLB ngoại khoá về ngoại ngữ; tăng cường trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo cùng ngành; phối hợp cùng TTKT&KĐCLĐT phát triển mạng lưới cựu sinh viên; đề xuất TTKT &KĐCLĐT nhanh chóng tổng hợp ý kiến của các bên liên quan để khoa có thể kịp thời phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế; phối hợp với các cơ sở đào tạo cùng ngành trong vấn đề trao đổi các thông tin xung quanh CTĐT.

Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí, cả 5 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình 5,0/7,0

Phần iii. KẾT LUẬN

Tự đánh giá CTĐT là một nhiệm vụ quan trọng nhằm đưa ra cũng như đánh giá bức tranh toàn cảnh, chân thực, khách quan và mang tính hệ thống về ngành đào tạo, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến, cải thiện chất lượng chương trình đào tạo đạt yêu cầu đối với mục tiêu giáo dục phù hợp với chiến lược của một trường đại học trọng điểm như HV BC&TT. Nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động Tự đánh giá CTĐT Học viện đã tiến hành triển khai đồng bộ, thống nhất với sự tham gia của tất cả các CB, GV, NV của phòng, ban, khoa trong Học viện nói chung và khoa QHQT nói riêng. Học viện và Khoa đã triển khai tự đánh giá CTĐT ngành QHQT giai đoạn 2015-2020 một cách nghiêm túc, với sự hỗ trợ, giúp đỡ và đồng thuận của cấp trên, các đồng nghiệp và sinh viên cũng như các bên liên quan theo đúng quy định, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT. Cụ thể kết quả tự đánh giá CTĐT như sau:

- **ĐIỂM MẠNH**

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT

Mục tiêu của CTĐT ngành Quan hệ quốc tế được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của HV BC&TT được thể hiện trong các văn bản của khoa, của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và kết quả khảo sát các bên liên quan.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng một cách bài bản, nghiêm túc bao quát cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được với các học phần về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm. CĐR phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và được định kỳ rà soát, sửa đổi, điều chỉnh có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan theo định kỳ và được công bố công khai, rộng rãi qua các hình thức và phương tiện khác nhau.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT được khoa xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật 2 năm một lần với đầy đủ thông tin về CTĐT như: mục tiêu đào tạo và kết quả học tập dự kiến; cấu trúc CTDH; ma trận tích hợp CĐR của CTĐT và các khối kiến thức và các học phần của chương trình; mô tả mục tiêu và nội dung các học phần trong CTĐT...Đề cương các học phần (đề cương môn học) trong CTĐT cũng được định kỳ bổ sung,

điều chỉnh, cập nhật đặc biệt về nội dung, CĐR, danh mục tài liệu tham khảo hàng năm hướng tới CĐR trong CTĐT và thể hiện tính đặc thù của ngành học tại HV BC&TT với những thông tin đầy đủ, dễ hiểu và dễ tiếp cận. Bản mô tả CTĐT, đề cương môn học được công bố công khai bằng nhiều hình thức và phương pháp đa dạng và các bên liên quan đều dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH ngành QHQT được thiết kế phù hợp với mục tiêu và CĐR của ngành về kiến thức, kỹ năng, thái độ (mức tự chủ và trách nhiệm). Chương trình đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, sự cân đối giữa giờ tự học và giờ trên lớp, sự gắn kết giữa các học phần trong chương trình... Đó là cơ sở tốt để đáp ứng yêu cầu của CĐR. CTDH thiết kế rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy, các hình thức dạy học trong từng học phần có vai trò rất quan trọng trong việc đạt CĐR của người học. Nhóm các hình thức kiểm tra, đánh giá được ghi nhận trong CTDH là khá đa dạng, chuẩn xác để giúp đánh giá SV đạt được CĐR của CTĐT.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học trong từng học phần được quy định cụ thể. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được Khoa QHQT và GV trực tiếp phụ trách học phần thực hiện theo hướng dẫn và theo phương pháp giảng dạy trong từng học phần.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận dạy và học

Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng thể hiện hiện trong chiến lược phát triển của khoa dựa trên chiến lược phát triển Học viện và được thể hiện rõ trong phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, các hoạt động NCKH của SV và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, đáp ứng tình hình thực tiễn. Khoa QHQT rất tích cực động viên người học tham gia hoạt động ngoại khóa, thực hành - thực tập tại các cơ sở sản xuất để nâng cao chuyên môn và rèn luyện phẩm chất.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện trên cơ sở có lấy ý kiến góp ý của các GV và công khai tới người học thông qua website, hệ thống email.... Công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá được tiến hành ở cả cấp Trường, Khoa và bộ môn và đều được TT KT&KĐCLĐT kết hợp với khoa thực hiện tốt, có hiệu quả. Kế hoạch và những quy

định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu học phần. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng: viết, tiểu luận, vấn đáp, bài tập nhóm, cá nhân, thuyết trình... Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Khoa duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi. Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được công bố đúng quy định.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Học viện đã xây dựng được đề án vị trí việc làm đối với tất cả các đơn vị trong Học viện, trong đó có Khoa QHQT để vận hành công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sắp xếp công việc hợp lý. Việc quy hoạch GV của ngành QHQT (bao gồm thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu), công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện đúng quy định, quy trình, công khai, minh bạch, dân chủ, sát thực với điều kiện, nhu cầu thực tế đảm bảo tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, giúp ngành chủ động về công tác cán bộ. Đội ngũ GV ngành QHQT đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức, thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng và thường xuyên được đánh giá thông qua nhiều hình thức đa dạng từ phía Học viện, Khoa và SV. Học viện, Khoa QHQT luôn khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ GV tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn, dài hạn, trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Những quy định của Học viện về đánh giá, xếp loại, thi đua - khen thưởng; những chính sách khuyến khích, hỗ trợ là động lực giúp cán bộ GV phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Việc quy hoạch đội ngũ NV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các quy định liên quan tới tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được Học viện xác định và công khai đúng quy trình. Những NV hỗ trợ có đủ năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức, đáp ứng các điều kiện. Khoa QHQT luôn quan tâm thực hiện chuyên nghiệp, nghiêm túc, thường xuyên việc hỗ trợ phát triển chuyên môn, bồi dưỡng cho đội ngũ NV đáp ứng tốt nhu cầu bồi dưỡng đào tạo của bản thân đội ngũ NV. Bên cạnh đó

Khoa QHQT có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ NV cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc và có những hình thức khen và công nhận trong các cuộc đánh giá, bình bầu thi đua song song với công tác thi đua khen thưởng của Học viện tạo động lực và hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tiêu chuẩn 8: Người học và sự hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh (trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học) được xác định rõ ràng, được công bố rộng rãi, công khai, theo quy định của Bộ GD&ĐT, kết quả tuyển chọn khách quan và chính xác. Học viện ban hành hệ thống các văn bản quy định một cách công khai, đầy đủ, làm cơ sở cho việc giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và kết quả, khối lượng học tập của SV ngành QHQT. Hệ thống quản lý theo học chế TC và các chủ thể tham gia hỗ trợ tích cực, hiệu quả việc giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học.

Học viện, Khoa QHQT đã có nhiều hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và rất quan tâm tới việc tổ chức các hoạt động nhằm giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. SV được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

CSVC và trang thiết bị của HVBC&TT phù hợp hỗ trợ cho nhu cầu đào tạo ngành QHQT hiện nay. Cơ sở hạ tầng (trong đó có thư viện với nguồn học liệu cập nhật đa dạng, phòng thực hành hiện đại) và hệ thống CNTT hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật dù khoa QHQT trong thời gian qua không có SV khuyết tật.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Học viện, Khoa đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo ngành QHQT để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội vì thế Học viện và khoa đã thực hiện một cách hệ thống và thường xuyên việc thu thập các thông tin phản hồi từ SV, các bên liên quan như cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTDH. Quá trình thiết kế và phát triển CTDH luôn được xác lập, được đánh giá và cải tiến theo đúng quy trình và nghiêm túc. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương

thích và phù hợp với CĐR. Hoạt động NCKH của các GV và SV ngành QHQT luôn được quan tâm, khuyến khích, kết quả NCKH đã được thường xuyên sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm CNTT,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Nhờ sự giám sát (với các nghiệp vụ quản lý chuyên môn như quy định, phần mềm thống kê, đối sánh...), sự hỗ trợ thường xuyên với các giải pháp kịp thời của các bộ phận trong Học viện, số lượng SV thôi học /bảo lưu của ngành thấp; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian và tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao so với các ngành khác trong trường. Thêm vào đó trong quá trình học tập, SV ngành QHQT tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu KH với loại hình và số lượng đa dạng theo quy định dưới sự giám sát của Học viện và khoa đã liên tục cải tiến chất lượng trên cơ sở đó sau khi tốt nghiệp SV có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu thực tế, nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tiễn và nhận được phản hồi tích cực từ các bên liên quan. Học viện và Khoa đã có quy định và thực hiện tốt việc tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những kế hoạch điều chỉnh để cải tiến chất lượng.

• NHỮNG ĐIỂM CÒN TỒN TẠI

Về tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Khoa chưa có điểm nhấn trong việc tuyên bố, phổ biến CĐR của CTĐT tới các bên liên quan. Ngoài ra do có yêu cầu về đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học nên vẫn còn có một số sinh viên ra trường không đúng hạn.

Về tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT còn dài dòng, chi tiết, nhiều thông tin trùng lặp với CTĐT. Kế hoạch giảng dạy trong Bản mô tả CTĐT chưa nêu cụ thể định hướng dành cho SV muốn học vượt, học sớm. Hệ thống giáo trình, học liệu bổ sung kiến thức trong đề cương chi tiết học phần mang tính quốc tế phục vụ việc học và dạy các học phần thuộc ngành Quan hệ quốc tế chưa đa dạng và cập nhật. Số lượng các bên liên quan tham gia lấy ý kiến phản hồi về bản mô tả CTĐT và ĐCHP chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH

Các tổ hợp phương pháp giảng dạy được thiết kế trong CTDH để SV đạt CĐR

của CTĐT được thực hiện trên thực tế còn có một số thách thức do cơ sở hạ tầng một số phòng học chưa thuận lợi. Một số ít GV chưa chịu khó cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của SV. Một số học phần trong CTDH gắn việc học tập với thực hành ở các cơ quan, đơn vị chưa rõ ràng, chưa được thể hiện trên thực tế. Hoạt động tự học của sinh viên ở một số học phần trong CTDH chưa phát huy được hết năng lực của sinh viên.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận dạy và học

Việc phổ biến mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan chưa có điểm nhấn. Một số trở ngại với hoạt động thực tế học phần, thực tế chính trị - xã hội, kiến tập, thực tập của sinh viên vẫn còn tồn tại liên quan đến kinh phí hay sự sẵn sàng hợp tác của các đơn vị, cơ quan tiếp nhận sinh viên. Còn một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào hoạt động dạy và học thực tế của Khoa và Học viện do yếu tố khách quan như việc sinh viên vừa học vừa làm (làm thêm không đúng chuyên ngành, chuyên môn).

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít; trọng số điểm chuyên cần chưa hợp lý. Một bộ phận sinh viên còn chưa quan tâm đến các quy định về đánh giá kết quả học tập theo dạng tín chỉ, vẫn chỉ chú ý đến việc đánh giá kết quả học tập dựa trên điểm kiểm tra cuối kỳ nên một số sinh viên chưa nắm rõ các quy định về đánh giá kết quả học tập nhất là khi có sự thay đổi, các quy trình, các quy định về khiếu nại, phúc khảo KQHT dẫn đến quá thời gian phúc tra, phúc khảo. Phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT. Trong một số thời điểm do số lượng truy cập lớn nên việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp trên phần mềm quản lý đào tạo của SV khoa QHQT bị tắc nghẽn.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tỉ lệ nam - nữ trong đội ngũ GV chưa cân đối trong công tác tuyển dụng. Tỉ lệ GV trong đội ngũ GV ngành QHQT có học hàm PGS còn chưa đồng đều ở các tổ bộ môn. Các lớp bồi dưỡng, tập huấn, còn có những điểm chưa phù hợp: thời gian, nhu cầu, kinh phí.... Số lượng các đề tài NCKH cấp Bộ, Nhà nước cũng như các công trình công bố quốc tế của GV ngành QHQT chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Chuyên viên VP Khoa QHQT chưa được tham gia một số lớp bồi dưỡng, tập huấn cho nhiệm vụ kiêm nhiệm như nghiệp vụ thư viện. Việc điều chuyển NV đôi khi còn chưa cân nhắc đến tính phù hợp và ổn định, gây một số khó khăn bước đầu trong việc hỗ trợ SV của ngành QHQT. Giờ làm việc của GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy mỗi kỳ. Sau khi kết thúc các lớp đào tạo, bồi dưỡng, Học viện chưa thường xuyên thực hiện lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ NV hỗ trợ mà chủ yếu do các chuyên gia/GV giảng dạy tự lấy ý kiến phản hồi.

Tiêu chuẩn 8: Người học và sự hỗ trợ người học

Khi thực hiện truyền thông về tuyển sinh, các hoạt động đang chưa quá coi trọng phụ huynh của thí sinh. Tổ hợp môn thi dùng trong xét tuyển theo điểm thi PTTT Quốc gia cho ngành QHQT còn chưa phong phú. Một số hoạt động ngoại khóa vẫn chưa có sự tham gia đầy đủ, tích cực của tất cả SV ngành QHQT. Chỗ để xe máy còn chưa được quy hoạch ở một khu độc lập do hạn chế về diện tích và kinh phí xây dựng phụ thuộc vào HVCTQG HCM.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Số lượng các phòng tự học chưa nhiều để đáp ứng đủ cho nhu cầu của SV vào mùa thi; hệ thống bàn ghế cố định nên chưa đáp ứng được nhu cầu muốn thay đổi vị trí trong một số môn học; còn thiếu các cơ sở dữ liệu và tài liệu tiếng nước ngoài mới nhất; máy tính của khoa đã qua sử dụng nhiều năm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Nội dung phiếu khảo sát chưa mang tính đặc thù của từng ngành học; Số lượng ý kiến phản hồi còn thấp chưa đủ kịp thời, đa dạng từ các NTD; thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV mời/các nhà KH/các chuyên gia giáo dục chưa rộng, chưa phân tích các ý kiến phản hồi của tất cả các bên một cách có hệ thống; tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với CSVC còn chưa cao và quy trình đánh giá chưa được chủ động, đồng đều tại từng bộ phận.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Khoa còn khó khăn trong nắm bắt thông tin về: nguyên nhân SV thôi học, tạm ngừng học trong khoa; về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các cơ sở đào tạo cùng ngành, hay về tình trạng việc làm của SV đã tốt nghiệp, tỉ lệ việc làm sau tốt nghiệp trong tương quan so sánh với các CTĐT cùng ngành; nguồn kinh phí dành cho NCKH SV còn hạn chế; chưa có sự đối sánh về kết quả NCKH hay mức độ hài lòng của các bên liên quan với các

cơ sở khác cùng ngành; báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát các bên liên quan chưa được cập nhật nhanh chóng.

- **KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

Về tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT

Từ năm 2021, Khoa QHQT phối hợp với Trung tâm KT&KĐCLĐT tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ biến Mục tiêu của CTĐT theo hướng có điểm nhấn hơn, quy mô rộng hơn, phối hợp với Ban QLĐT, Khoa Kiến thức Giáo dục đại cương của Học viện, Khoa Ngoại ngữ của Học viện và CVHT của các lớp để đưa ra giải pháp nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học của sinh viên, đảm bảo cho sinh viên đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học tốt nghiệp đúng thời hạn

Về tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Từ năm học 2021, Khoa phối hợp với Ban QLĐT, TTKT&KĐCLĐT tổ chức toạ đàm, hội thảo để thiết kế bản mô tả CTĐT của ngành đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT, theo hướng ngắn gọn, súc tích, Trung tâm KT&KĐCLĐT lên kế hoạch cụ thể và tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan với số lượng nhiều hơn. Khoa cùng với đội ngũ CVHT sẽ tư vấn cụ thể với SV về lộ trình học tập hiệu quả, đảm bảo tiến độ mong muốn Đồng thời khoa QHQT cũng phối hợp với TTTTKH (thư viện) của Học viện để mua thêm các đầu sách bằng tiếng nước ngoài có liên quan đến chuyên ngành QHQT theo hướng cập nhật.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH

Khoa QHQT đề xuất Học viện bố trí một số phòng học đặc thù cho việc áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại; tăng cường ký kết những thỏa thuận hợp tác với các cơ sở thực tập, đặc biệt là thỏa thuận về phương thức thực tập, kiến tập và thực tế học phần. Từ năm 2021, Khoa QHQT tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm chia sẻ cách thức kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của SV một cách cụ thể, thường xuyên nhằm phát huy tối đa hiệu quả đạt được CĐR của việc sinh viên tự nghiên cứu trong mỗi học phần, đồng thời xây dựng mạng lưới các cơ sở cho SV đi thực địa, đi thực tế học phần.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận dạy và học

Từ năm 2021, Khoa QHQT phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Ban QLĐT xây dựng kế hoạch truyền thông trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục của CTĐT. Trước khi bắt đầu các học phần có đi thực tế, học phần thực tế chính trị - xã hội, học phần kiến

tập, học phần thực tập các GV học phần phối hợp với CVHT chủ động thông báo về kế hoạch và kinh phí để SV chủ động. Bên cạnh đó, Khoa lên kế hoạch đa dạng hóa các hoạt động dạy học thông qua thực tế nhằm thu hút hơn nữa sự tham gia của SV.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Từ năm 2021 trở đi, Khoa QHQT đề xuất Học viện cụ thể là Trung tâm KT&KĐCLĐT, Ban QLĐT phối hợp xây dựng và thiết kế: hình thức kiểm tra trắc nghiệm ở các khoa thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành; trọng số hình thức kiểm tra đánh giá với tỷ lệ phù hợp đáp ứng tốt CĐR; tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá KQHT của người học, tăng cường thông báo công khai cho sinh viên. Đồng thời Khoa QHQT chỉ đạo CVHT thường xuyên phổ biến cũng như nhắc lại các quy định về đánh giá kết quả học tập, quy định về khiếu nại KQHT vào đầu năm và những thay đổi nếu có. Học viện, Trung tâm KT&KĐCLĐT, Ban QLĐT phối hợp với Khoa QHQT bổ sung hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến một cách chính thức. Năm 2021, Khoa QHQT đề xuất Học viện đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm phục vụ lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Khoa đề xuất Học viện thực hiện chính sách tuyển dụng quan tâm đúng mức về giới nhằm đảm bảo cân bằng tỉ lệ nam – nữ; hỗ trợ GV có học vị tiến sĩ làm hồ sơ xét chức danh PGS; xem xét, điều chỉnh thời gian học của các lớp tập huấn, bồi dưỡng để GV có thể tham gia đầy đủ, hiệu quả hơn; tạo cơ chế khuyến khích nâng cao hơn nữa năng lực NCKH của đội ngũ GV, đặc biệt trong những hạng mục còn hạn chế như: đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và các công trình công bố quốc tế.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Năm 2021, Khoa kiến nghị với Học viện tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện cho chuyên viên VPK kiêm nhiệm công việc thủ thư. Đề xuất và phối hợp với Ban TC-CB thực hiện điều chuyển NV kiêm nhiệm công việc giữa các phòng, ban, trung tâm phù hợp; phối hợp với các phòng ban chức năng và GV để sắp xếp thời gian cụ thể, hợp lý cho CVHT trong việc hỗ trợ SV. Từ năm 2021, đề xuất Học viện cụ thể là bộ phận theo dõi lớp học như Ban TC-CB, Ban QLĐT, Trung Tâm KT&KĐCLĐT... lên kế hoạch tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NV về hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng sau khi kết thúc khóa học.

Tiêu chuẩn 8: Người học và sự hỗ trợ người học

Từ năm 2021, Khoa QHQT và Học viện phối hợp chặt chẽ với Ban QLĐT của Học viện để có chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp nhấn mạnh tới đối tượng là phụ huynh của thí sinh. Khoa đề xuất với Hội đồng Tuyển sinh Học viện: bổ sung thêm tổ hợp môn thi khác như tổ hợp D07 để xét tuyển theo điểm thi PTTH Quốc gia trong kỳ tuyển sinh năm học 2021-2022. Khoa có kế hoạch khuyến khích SV ngành QHQT tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp của Khoa, Học viện. Từ năm 2021, Khoa QHQT cùng các khoa khác trong trường đề xuất Học viện cụ thể là Phòng QT&QLKTX, Văn phòng cần tham mưu xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo khu vực đỗ xe máy chuyên nghiệp hơn.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khoa QHQT đặt ra những kế hoạch hành động như: phối hợp với Phòng QT&QLKTX xây dựng, bố trí thêm phòng tự học, nâng cấp hệ thống bàn ghế; đề xuất với TTTTKH cập nhật các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài, bổ sung máy tính đời mới hơn cho khoa.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Khoa phối hợp với Trung tâm KT&KĐCLĐT cập nhật nội dung phiếu khảo sát, chủ động lưu trữ thông tin về SV, cựu SV, NTD, các nhà sử dụng lao động... để dễ dàng tham khảo ý kiến; có cơ chế tổng hợp, phản hồi, xử lý kịp thời nhằm cải tiến CTĐT; có phương án phân tích các ý kiến phản hồi của tất cả các bên một cách có hệ thống; phối hợp cùng các cơ quan bên ngoài HV tăng cường nguồn lực và hợp tác nâng cao năng lực NCKH; đề xuất Phòng QT&QLKTX phối hợp cùng Văn phòng, TTTTKH, KTX xây dựng quy trình và kế hoạch triển khai đánh giá chất lượng dịch vụ và hỗ trợ tiện ích nhằm cải thiện chất lượng.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Đề xuất với Học viện có cơ chế chính sách giao cho CVHT trong việc liên hệ, tư vấn cho những SV tồn đọng; đề xuất Ban QLĐT rà soát định kỳ và thông báo cho khoa các trường hợp SV thuộc diện cảnh báo, còn tồn đọng...; phối hợp cùng Đoàn Thanh niên mở các buổi tư vấn về cách thức học tập tại đại học, tăng cường trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo cùng ngành; phối hợp cùng Trung tâm KT & KĐCLĐT phát triển mạng lưới cựu sinh viên; đề xuất Trung tâm KT & KĐCLĐT nhanh chóng tổng hợp ý kiến của các bên liên quan để khoa có thể kịp thời phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế.

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016

Tên cơ sở giáo dục: **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Tên CTĐT: **Quan hệ quốc tế**

Mã CTĐT: **7310206**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,33	3	100
Tiêu chí 2.1						6				
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								5,00	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					

Tiêu chí 5.3					5						
Tiêu chí 5.4					5						
Tiêu chí 5.5					5						
Tiêu chuẩn 6											
Tiêu chí 6.1					5,5						
Tiêu chí 6.2						6					
Tiêu chí 6.3					5			5,5	7	100	
Tiêu chí 6.4					5						
Tiêu chí 6.5						6					
Tiêu chí 6.6						6					
Tiêu chí 6.7					5						
Tiêu chuẩn 7											
Tiêu chí 7.1					5						
Tiêu chí 7.2					5			5,2	5	100	
Tiêu chí 7.3						6					
Tiêu chí 7.4					5						
Tiêu chí 7.5					5						
Tiêu chuẩn 8											
Tiêu chí 8.1						6					
Tiêu chí 8.2						6		6,0	5	100	
Tiêu chí 8.3						6					
Tiêu chí 8.4						6					
Tiêu chí 8.5						6					
Tiêu chuẩn 9											
Tiêu chí 9.1						6					
Tiêu chí 9.2						6		5,6	5	100	
Tiêu chí 9.3					5						
Tiêu chí 9.4						6					

Tiêu chí 9.5					6			
Tiêu chuẩn 10						4,5	6	100
Tiêu chí 10.1				5				
Tiêu chí 10.2			4					
Tiêu chí 10.3				5				
Tiêu chí 10.4				5				
Tiêu chí 10.5				5				
Tiêu chí 10.6			4					
Tiêu chuẩn 11						5,00	5	100
Tiêu chí 11.1				5				
Tiêu chí 11.2				5				
Tiêu chí 11.3				5				
Tiêu chí 11.4				5				
Tiêu chí 11.5				5				
Đánh giá chung CTĐT						5,19	50	100,00

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Q. GIÁM ĐỐC



PGS.TS LƯU VĂN AN

PHỤ LỤC
CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tiếng Anh: Academy of Journalism and Communication

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: HVBC&TT

Tiếng Anh: AJC

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Tuyên giáo Trung ương, Trường Đại học Tuyên giáo, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

5. Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: (024)37.456.963 *Số fax:* (024)37.548.949

E-mail: website@ajc.edu.vn

Website: <https://ajc.hcma.vn/Pages/default.aspx>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1962 (Nghị quyết 36 NQ/TW)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:

10. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- *Tiếng Việt:* Khoa Quan hệ quốc tế

- *Tiếng Anh:* Faculty of International Affairs

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- *Tiếng Việt:* Khoa QHQT

- *Tiếng Anh:* FIA

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Phong trào Cộng sản và Công nhân quốc tế
15. Tên CTĐT
- Tiếng Việt: Quan hệ quốc tế
 - Tiếng Anh: International Relations
16. Mã CTĐT: 7310206
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 6, Nhà A1, Học viện Báo chí & Tuyên truyền
19. Số điện thoại liên hệ: (024)37456963, máy lẻ: 609
20. E-mail: khoaquanheqt@ajc.edu.vn
- Website: <https://ajc.hcma.vn/daotao/Pages/khoa-quan-he-quoc-te.aspx?CateID=849&ItemID=8110>
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1983 (03-QĐ/TTH)
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2009
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2013

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

* Các giai đoạn phát triển

- 1983 – 1994: Khoa Phong trào Cộng sản và Công nhân quốc tế
- Từ 1994: đổi tên thành Khoa QHQT (323/QĐ-TC), giảng dạy Lịch sử Phong trào cộng sản – công nhân quốc tế, giải phóng dân tộc; những vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; một số vấn đề cơ bản về ngoại giao và lễ tân
- Từ 2004: Bắt đầu đào tạo cử nhân chuyên ngành TTĐN theo 289 QĐ/BCTT thuộc ngành Báo chí
- Từ 2009: Chính thức tuyển sinh ngành QHQT, chuyên ngành QHCT&TTQT, chuyên ngành TTĐN về khoa
- Từ 2017: Bắt đầu đào tạo hệ cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Quan hệ quốc tế và truyền thông toàn cầu
- Từ 2018: Bắt đầu đào cử nhân ngành Truyền thông quốc tế
- Từ 2019: Bắt đầu đào tạo thạc sỹ ngành QHQT, chuyên ngành Quản lý hoạt động

đối ngoại

* Tổng số ngành đào tạo: 2 ngành (Quan hệ quốc tế và Truyền thông quốc tế)

* Quan hệ hợp tác:

- Hợp tác với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu trong nước trong các hoạt động đào tạo, NCKH... như: Viện Quan hệ quốc tế - HVCTQGHCM, Học viện Ngoại giao, Khoa Quốc tế học – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Cục Lễ tân Nhà nước

- Hợp tác với các cơ quan báo chí và truyền thông cấp trung ương và địa phương trong hoạt động đào tạo, tập huấn nghiệp vụ báo chí: Ban Truyền hình đối ngoại – Đài Truyền hình Việt Nam, Ban Đối ngoại – Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Thế giới và Việt Nam...

- Hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu tại nước ngoài trong các hoạt động đào tạo, thực tập, thực tế dành cho CB, GV và SV: Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Đại học Nữ Sookmyung (Hàn Quốc), Đại học Meiji (Nhật Bản), Viện Friedrich-Ebert-Stiftung FES (Đức)...

* Thành tích nổi bật:

Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2014	<i>Tập thể Lao động xuất sắc</i>	QĐ số 2863/QĐ-HVBC & TT ngày 20/8/2014.
2015	<i>Tập thể Lao động tiên tiến</i>	QĐ số 2206 QĐ-HVCTQG ngày 03/8/2015
	<i>Tập thể Lao động xuất sắc</i>	QĐ số 2721 QĐ-HVCTQG ngày 21/7/2015
	<i>Cờ thi đua cấp bộ</i>	QĐ số 2721/QĐ – HVCTQG, Sổ vàng số 92, ngày 21/7/2015 của Giám đốc HVCTQGHCM
2016	<i>Tập thể Lao động tiên tiến</i>	QĐ số 2202 QĐ-HVCTQG ngày 04/7/2016
	<i>Tập thể Lao động xuất sắc</i>	QĐ số 3144/QĐ- HVCTQG ngày 18/7/2016 Sổ vàng số 104
	<i>Cờ thi đua cấp bộ</i>	QĐ số 1397 QĐ-HVCTQG ngày 17/4/2017 cho đơn

		vị đã thành tích xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục 2015 và 2016.
2017	<i>Tập thể Lao động tiên tiến</i>	QĐ số 5201 QĐ-HVCTQG ngày 29/12/2017
	<i>Tập thể Lao động xuất sắc</i>	QĐ số 197 QĐ-HVCTQG ngày 09/01/2018 cho đơn vị đã thành tích xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2017 của Giám đốc HVCTQGHCM.
2018	<i>Tập thể Lao động tiên tiến</i>	QĐ số 5868 QĐ-HVCTQG ngày 18/12/2018
	<i>Tập thể Lao động xuất sắc</i>	QĐ số 93/QĐ- HVCTQG ngày 10/01/ 2019
2019	<i>Tập thể Lao động tiên tiến</i>	QĐ số 6210 QĐ-HVCTQG ngày 18/12/2019
	<i>Tập thể Lao động xuất sắc</i>	QĐ số 6911 QĐ-HVCTQG ngày 30/12/2019

Hình thức khen thưởng:

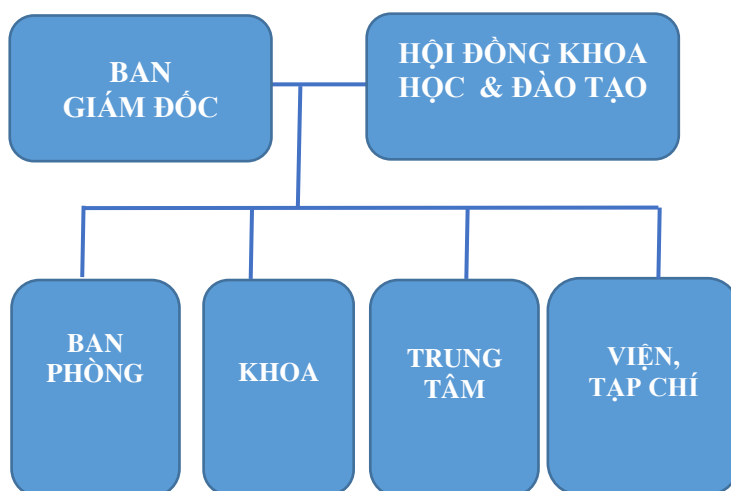
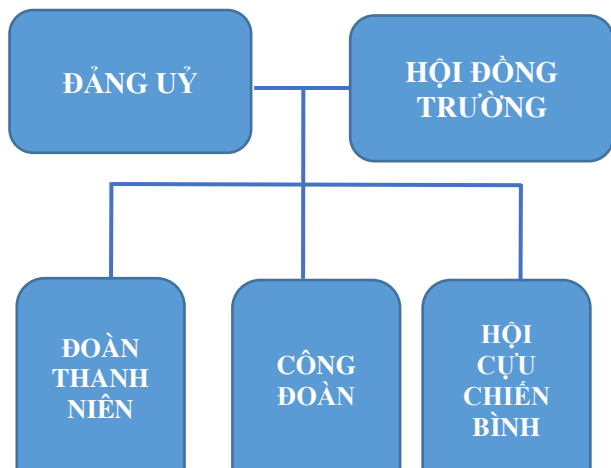
Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2014	<i>Bằng khen cấp bộ</i>	Bằng khen cấp bộ theo QĐ số 3934 QĐ-HVCTQG ngày 04/9/2014 của Giám đốc HVCTQGHCM cho đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
	<i>Bằng khen</i>	Giám đốc HVCTQGHCM tặng Bằng khen QĐ số 3165 QĐ-HVCTQG ngày 18/7/2014 cho đơn vị đã thành tích xuất sắc nhiệm vụ công tác và phong trào thi đua yêu nước năm học 2013- 2014
2015	<i>Bằng khen cấp Bộ</i>	Quyết định số 2721/QĐ-HVCTQG sổ vàng số 92 ngày 21/7/2015 Giám đốc Tạ Ngọc Tấn đã ký vì đã thành tích sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào thi đua yêu nước của Học viện năm 2014-2015.

	<i>Bằng khen cho Công đoàn</i>	Công Đoàn viên chức Việt Nam, QĐ số 22/10/2015
	<i>Giấy khen</i>	QĐ số 1518 QĐ- HVBCCTT ngày 15/5/2015 cho Đơn vị điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước 05 năm (2010-2015)
2016	<i>Bằng khen cấp Bộ</i>	Quyết định số 3144/QĐ-HVCTQG số vàng số 104 ngày 18/7/2016 Giám đốc Nguyễn Xuân Thắng đã ký
	<i>Bằng khen của Ban Tuyên giáo trung ương</i>	QĐ số 890 - QĐ/BTGTU ngày 28/7/2017 của Ban Tuyên giáo Trung ương khen thưởng Tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại giai đoạn 2012- 2017
	<i>Giấy khen</i>	Tập thể Đạt giải Nhì trong Hội diễn văn nghệ hướng tới 55 năm Thành lập Học viện Báo chí và Tuyên truyền, ký ngày 12/11/2016
2017	<i>Bằng khen cấp Bộ</i>	QĐ số 197/QĐHVCTQGHCM ký ngày 09/01/2018.
	<i>Bằng khen</i>	QĐ số 1397/QĐ-HVCTQG ký ngày 17/4/2017 cho đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2015-2016). Sổ vàng số 36
	<i>Giấy khen</i>	QĐ số 5200/QĐ-HVBC&TT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
	<i>Giấy khen</i>	QĐ số 4116 QĐ- HVBCCTT ngày 17/11/2017 cho Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH năm 2016.
	<i>Giấy khen</i>	QĐ số 5223 QĐ- HVBCCTT ngày 29/12/2017 cho Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “nề nếp làm việc, văn minh, văn hóa công sở năm 2017.
2018	<i>Giấy khen</i>	QĐ số 93 QĐ- HVBCCTT ngày 10/01/2019 của

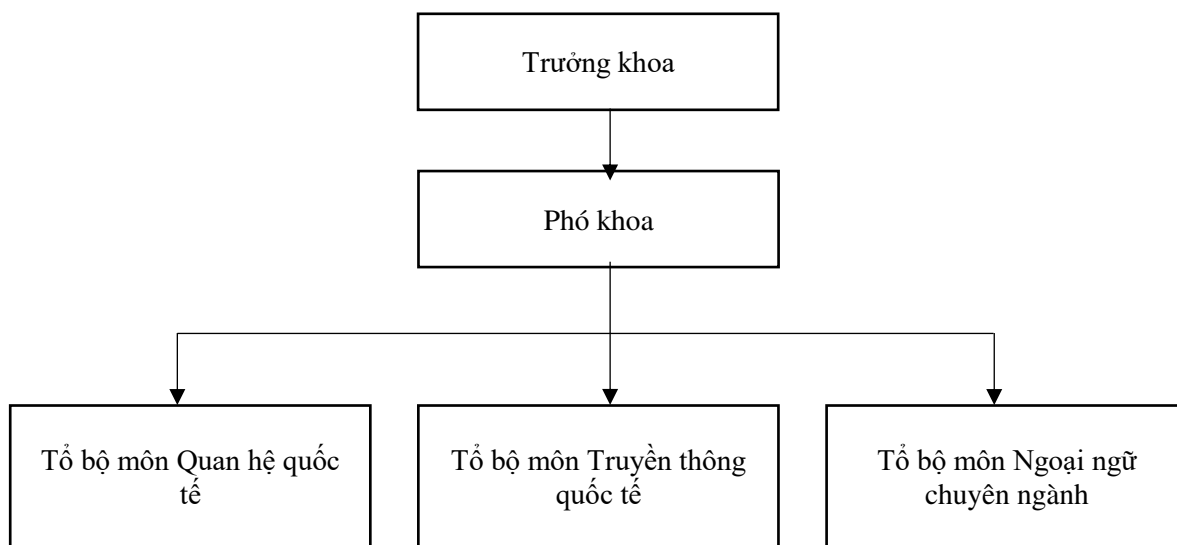
		Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Sổ vàng số 90
	<i>Giấy khen</i>	Tập thể công đoàn vững mạnh năm 2018 QĐ số 45/ QĐ-CD ngày 30/12/2018 của CĐ Học viện BCTT
	<i>Giấy khen</i>	QĐ số QĐ- HVBCCTT ngày //2018 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “nề nếp làm việc, văn minh, văn hóa công sở năm 2018
2019	<i>Giấy khen</i>	QĐ số 5496 QĐ- HVBCCTT ngày 19/11/2019 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “nề nếp làm việc, văn minh, văn hóa công sở năm 2019
	<i>Giấy khen</i>	QĐ số 12 QĐ- ĐTN ngày 27 / 11/2019 của Đoàn thanh niên Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho Liên chi đoàn Quan hệ quốc tế có thành tích xuất sắc trong phong trào đoàn nhiệm kỳ 2017-2019

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

25.1. Cơ cấu tổ chức hành chính của Học viện Báo chí và Tuyên truyền



25.2. Cơ cấu tổ chức của khoa Quan hệ quốc tế



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Ban giám đốc	Lưu Văn An	1962	PGS.TS. Quyền Giám đốc	0904186034	LuuVanAn@ajc.edu.vn
2		Phạm Minh Sơn	1968	PGS. TS. Phó Giám đốc	0912778171	sonloanthu@yahoo.com
3		Nguyễn Thị Trường Giang	1978	PGS. TS. Phó Giám đốc	0904997876	NguyenThiTruongGiang@ajc.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.		Nguyễn Ngọc Oanh	1964	PGS. TS. Trưởng Khoa	0983551194	ngocoanhvbc@gmail.com
2		Lưu Thuý Hồng	1980	TS. Phó Trưởng khoa	0912662692	luuthuyhong@ajc.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN,					

	Công đoàn, Hội					
1.	Văn phòng Đảng ủy				Máy lẻ 312	vanphongdanguy@ajc.edu.vn
2.	Công đoàn Trường	Nguyễn Xuân Phong	1972	PGS.TS. Chủ tịch	0904030372	phonghvbc@gmail.com
2.	Văn phòng Đoàn Thanh niên	Thái Hồng Đức	1982	ThS. Bí thư	0904584137	thai.duc1982@gmail.com
III.	Các phòng, ban					
1.	Ban Tổ chức cán bộ	Hà Huy Phương	1969	PGS.TS. Trưởng ban	0913344645	huyphuongkxb@gmail.com
2.	Ban Quản lý Đào tạo	Trần Thanh Giang	1977	PGS.TS. Trưởng ban	0984927397	tranthanhgiang@ajc.edu.vn
3.	Ban Quản lý Khoa học	Nguyễn Đức Luận	1978	PGS.TS. Trưởng ban	0988345268	luanvf@gmail.com
4.	Ban Kế hoạch – Tài chính	Trần Xuân Ban	1978	ThS. Trưởng ban	0983125206	bantx@hcma.vn
5.	Ban Hợp tác quốc tế	Vũ Thanh Vân	1982	TS. Trưởng ban	0906001008	vanvuajc@gmail.com
6.	Ban Thanh tra	Nguyễn Thị Hải Yến	1975	TS. Trưởng ban	0837353188	hoangyendu@yahoo.com
7.	Văn phòng	Vũ Quốc Cường	1974	ThS. Chánh Văn phòng	0968855859	Quoccuong74@gmail.com

8.	Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	1976	Giám đốc	0936689969	Ngochoaajc1976@gmail.com
9.	Phòng Quản trị và Quản lý Ký túc xá	Nguyễn Thị Hồng Mến	1975	Trưởng phòng	0984235499	missajc@yahoo.com.vn
10.	Phòng Công tác Chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Phạm Tuyên	1979	Trưởng phòng	0988891979	phamtuyenajc@gmail.com
IV.	Các bộ môn					
1.	Quan hệ quốc tế	Lưu Thuý Hồng	1980	TS. Phó Trưởng khoa, Trưởng bộ môn	0912662692	luuthuyhong@ajc.edu.vn
2.	Truyền thông quốc tế	Nguyễn Ngọc Oanh	1964	PGS. TS. Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn	0983551194	ngocoanhvbc@gmail.com
3.	Tiếng Anh chuyên ngành	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	ThS. Phó Trưởng Bộ môn	0936278328	Thuha12n@yahoo.com

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

29. Tổng số các ngành đào tạo : 02

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng CB, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	2	8	10
I.1	Cán bộ trong biên chế	2	7	9
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	1	1
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	1	1	2
	Tổng số	3	9	12

¹Cán bộ cơ hữu là CB quản lý, GV, NV trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	3	1		1	1	
3	Tiến sĩ khoa học	0					
4	Tiến sĩ	3	3				
5	Thạc sĩ	4	4			0	
6	Đại học	0					
7	Cao đẳng	0					
8	Trình độ khác	0					
	Tổng số	10	8		1	1	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = 10 - 1 - 0 = 9 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 9/10

32. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	2						
2	Phó Giáo sư	3,0	3	1		1	1		4,5
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	3	3					6
5	Thạc sĩ	1	4	4					4
6	Đại học	0,5							
	Tổng		12	7	1	1	10		14,5

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	2	22%	2					2	
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	3	34%		3		3			
5	Thạc sĩ	4	44%				2	2		

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
6	Đại học									
	Tổng	9	100%	2	3		5	2	2	

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 40 tuổi

33.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 5/9

33.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 4/9

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	50%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên
---------	-------------------------	------------------------	------------------	---------------------	--------------------------------	--	--------------------

	CTĐT (người)			(người)			quốc tế nhập học (người)
2015- 2016	442	184	1:5.12 (QHCT&TTQT) 1:3.72 (TTĐN)	147	29/40	30.19 (QHCT&TTQT) 30.35 (TTĐN)	
2016- 2017	397	143	1:3.97	84	28/40	30.42	
2017- 2018	370	106	1:3.7	94	32.17-32.67/40	33.7	
2018- 2019	595	111	1:4.9 (QHCT&TTQT) 1:7 (TTĐN)	101	25.25-26.25/40 (QHCT&TTQT) 25-26.5/40 (TTĐN)	28.9 (QHCT&TTQT) 28.42 (TTĐN)	
2019- 2020	419	140	1:4.38 (QHCT&TTQT) 1:4.02 (TTĐN)	110	29.2-30.7/40 (QHCT&TTQT) 29.25-30.75/40 (TTĐN)	31.35 (QHCT&TTQT) 32.42 (TTĐN)	
2020- 2021	455	122	1:4.6 (QHCT&TTQT) 1:4.5 (TTĐN)	112	32.55-33.55/40 (QHCT&TTQT) 32.2-33.7/40 (TTĐN)	33.53 (QHCT&TTQT) 33.44 (TTĐN)	

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Hệ chính quy	427	363	315	326	382
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...- 20...
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4925.5	4925.5	4925.5	4925.5	4925.5	4925.5
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)						
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	30	34	40	38	36	51
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)						3,34

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	8	15	9	17	65
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0,18%	0,41%	0,28%	0,52%	1,7%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	89	143	135	92	56
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	89	143	135	92	56
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).					
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:		44%	98%	79%	
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt	73%	72%	87%	91%	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	27%	28%	13%	9%	
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học</i> được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	63%	61.5%	64%	66%	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	12.8%	37%	31%	34%	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5-10 triệu	5-10 triệu	5-10 triệu	5-10 triệu	
5. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).		78%		89%	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).		22%		11%	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0		

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy)
			2016	2017	2018	2019	2020	

									đôi)
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0		1	0	0	0	2	3
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0		2	1	0	0	0	3
3	Đề tài cấp cơ sở	0,5		5	6	7	7	11	36
4	Tổng			8	7	7	7	13	42

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 42

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 4.66

43. Doanh thu từ NCKH học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016	0	0	0
2	2017	0	0	0
3	2018	0	0	0
4	2019	0	0	0
5	2020	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	2	3	9	

Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	6	
Trên 6 đề tài	0	0	3	
Tổng số cán bộ tham gia	2	2	9	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	3	5	4	7	3	22
2	Sách giáo trình	1,5	1	0	2	2	3	12
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		4	5	6	9	6	34

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 34

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3.78

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	9	5	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	3	3	0	0
Trên 6 cuốn sách	2	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	9	5	0	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	1	1	2	1	7.5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	9	13	8	4	11	45
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		9	14	9	6	12	52.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 52.5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5.83

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	2	9	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	5	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	9	0

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	5	5	2	7	2	21
2	Hội thảo trong nước	0,5	11	7	10	10	10	24

3	Hội thảo cấp trường	0,25	6	5	5	5	6	6.75
4	Tổng		22	17	17	22	18	51.75

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 51.75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5.75

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	9	9	9
Từ 6 đến 10 báo cáo	3	7	3
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	9	9	9

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

	Số lượng người học tham gia	
--	-----------------------------	--

Số lượng đề tài	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	Ghi chú
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	13	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	13	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích NCKH của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

Giải thưởng sinh viên NCKH Euréka năm 2016: giải khuyến khích

Đề tài: Hoạt động ngoại giao nhân dân trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam hiện nay

Chủ nhiệm: Đàm Thị Huệ, QHQT K32

GVHD: ThS. Nguyễn Thị Thương Huyền

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 56,310m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 119

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 119 Nơi học: 12.559,19 m² Nơi vui chơi giải trí: 3000 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 11,957,9 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,58 m²

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin –

Thư viện: 23.930 tài liệu in, 6739 tài liệu số

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 586

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 4

- Dùng cho người học học tập: 400

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,05

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV:

Tổng số GV cơ hữu (người): 9

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 9/9

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 55%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 44%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 362,6

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 23,1

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 92,42%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 91%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 9%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 66%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 34%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5-10 triệu

5. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 89%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo

thêm (%): 11%

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4.66

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3.78

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5.83

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5.75

7. CSVC:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,05

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,58

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 13,58

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

Phụ lục 2: Các quyết định và Kế hoạch thực hiện tự đánh giá

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 5064/QĐ-HVBCTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 6591/QĐ-HVCTQG ngày 01/11/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Trưởng khoa Quan hệ quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo

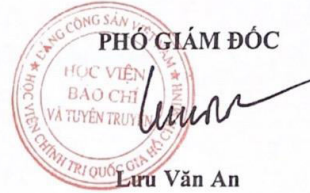
dục đại học của Bộ Giáo và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà (trưởng các đơn vị liên quan) và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&KĐCLĐT



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ**
(Kèm theo Quyết định số 538/QĐ- HV/QT, ngày 16 tháng 10 năm 2019
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Lưu Văn An	Phó Giám đốc phụ trách	Chủ tịch
2	Ông Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch
3	Ông Nguyễn Ngọc Oanh	Trưởng Khoa Quan hệ quốc tế	Phó Chủ tịch thường trực hội đồng
4	Bà Lưu Thúy Hồng	Phó Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Thư ký
5	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên thường trực
6	Ông Mai Đức Ngọc	Phó Giám đốc	Thành viên
7	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
8	Ông Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên
9	Ông Trần Xuân Học	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Thành viên
10	Ông Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản lý khoa học	Thành viên
11	Bà Nguyễn Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Thành viên
12	Bà Hoàng Thị Tú Anh	Phó trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính	Thành viên
13	Bà Nguyễn Thị Tú	Phó Chánh văn phòng Học viện	Thành viên

14	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Thành viên
15	Ông Phạm Tuyên	Phó Trường phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Thành viên
16	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Thành viên
17	Ông Phạm Bình Dương	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
18	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng bộ môn Tiếng Anh chuyên ngành, Khoa QHQT	Thành viên
19	Bà Phạm Lê Dạ Hương	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
20	Bà Đỗ Thị Hùng Thúy	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
21	Trần Phương Khanh	Sinh viên lớp Thông tin đối ngoại K37	Thành viên

(Danh sách gồm có 21 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 506/YQĐ- HVBCCT ngày 16 tháng 10 năm 2019
của Giám đốc Học viện báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Ngọc Oanh	Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Trưởng Ban thư ký
2	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng Đào tạo	Phó Trưởng ban
3	Lưu Thúy Hồng	Phó trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Thành viên
4	Trần Văn Thư	Phó trưởng ban QLĐT	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó trưởng ban QLĐT	Thành viên
6	Nguyễn Thị Thu Hà (1975)	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
7	Phạm Lê Dạ Hương	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
8	Đỗ Thị Hùng Thúy	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
9	Bùi Thị Vân	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
10	Nguyễn Thị Thương Huyền	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
11	Nguyễn Thị Thu Hà (1989)	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
12	Ngô Thị Thúy Hiền	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
13	Đỗ Thị Thanh Hà	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
14	Phan Khánh Hà	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
15	Lưu Trần Toàn	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
16	Nguyễn Thị Ngọc	Chuyên viên giáo vụ Khoa Quan hệ quốc tế	Thành viên
17	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
18	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm	Thành viên

5



		Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	
19	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Thành viên
20	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên
21	Đồng Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
22	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Thành viên
23	Bùi Thị Phượng	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
24	Đỗ Xuân Quang	Kế toán, Ban Kế hoạch tài chính	Thành viên

(Danh sách gồm có 24 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 514/QĐ-HVBCCT ngày 18 tháng 10 năm 2019
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1,2,3)	Nguyễn Ngọc Oanh	Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Thương Huyền	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Phan Khánh Toàn	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 4,5)	Lưu Thúy Hồng	Phó Trưởng khoa QHQT	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Ngô Thị Thúy Hiền	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Nhóm 4 (Tiêu chuẩn 6,7)	Nguyễn Thị Thu Hà (1975)	Giảng viên, Khoa QHQT	Trưởng nhóm
	Trần Xuân Học	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Phó Trưởng nhóm
	Bùi Thị Vân	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Thành viên
Nhóm 5 (Tiêu chuẩn 8)	Phạm Lê Dạ Hương	Giảng viên, Khoa QHQT	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Lưu Trần Toàn	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Đồng Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Thành viên
Nhóm 6 (Tiêu chuẩn 9)	Phạm Lê Dạ Hương	Giảng viên, Khoa QHQT	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin Khoa học	Phó trưởng nhóm

	Nguyễn Thị Thu Hà (1989)	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Đông Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên
Nhóm 7 (Tiêu chuẩn 10, 11)	Đỗ Thị Hùng Thúy	Giảng viên, Khoa QHQT	Trưởng nhóm
	Trần Văn Thư	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Đỗ Thị Thanh Hà	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Báo cáo tổng hợp Viết phần mở đầu, kết luận, Phụ lục Biên tập minh chứng Cơ sở dữ liệu KDCL chương trình đào tạo	Nguyễn Ngọc Oanh	Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Lưu Thúy Hồng	Phó Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
	Phạm Lê Dạ Hương	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
	Nguyễn Thị Ngọc	Chuyên viên, giáo vụ khoa Quan hệ quốc tế	Thành viên

Số: 6017/QĐ-HVBCTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
Ngành Quan hệ quốc tế

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 6591/QĐ-HVCTQG ngày 01/11/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 5064/QĐ-HVBCTT v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Trường khoa Quan hệ quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương


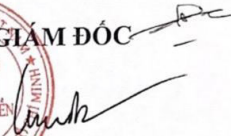
trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà (trưởng các đơn vị liên quan) và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&KĐCLĐT


Q. GIÁM ĐỐC

Lưu Văn An

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ngày... tháng... năm
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lưu Văn An	Quyền Giám đốc	Chủ tịch
2	PGS.TS. Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch
3	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh	Trưởng Khoa Quan hệ quốc tế	Phó Chủ tịch
4	TS. Lưu Thúy Hồng	Phó Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Thư ký
5	PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang	Phó Giám đốc	Thành viên
6	PGS.TS. Trương Ngọc Nam	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên
7	PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
8	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
9	PGS.TS. Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên
10	PGS. TS. Hà Huy Phương	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Thành viên
11	PGS. TS. Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản lý khoa học	Thành viên
12	TS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Thành viên
13	Ths. Trần Xuân Ban	Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính	Thành viên

14	Ths. Vũ Quốc Cường	Phó Chánh văn phòng Học viện	Thành viên
15	TS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Thành viên
16	Ths. Phạm Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Thành viên
17	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Thành viên
18	TS. Phạm Lê Dạ Hương	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
19	Ths. Thái Hồng Đức	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
20	Ths. Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng bộ môn Tiếng Anh chuyên ngành, Khoa QHQT	Thành viên
21	Ths. Đỗ Thị Hùng Thúy	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
22	Trần Phương Khanh	Sinh viên ngành QHCC K37	Thành viên
23	Trần Khánh Linh	Sinh viên ngành QHCC K37	Thành viên

(Danh sách gồm 23 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số/QĐ- HVBC TT ngày... tháng... năm....
của Giám đốc Học viện báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lưu Thúy Hồng	Phó Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Trưởng Ban
2	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng Đào tạo	Phó Trưởng ban
3	Trần Văn Thư	Phó trưởng ban QLĐT	Thành viên
4	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó trưởng ban QLĐT	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thu Hà (1975)	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
6		Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
7	Đỗ Thị Hùng Thúy	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
8	Bùi Thị Vân	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
9	Nguyễn Thị Thương Huyền	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
10	Nguyễn Thị Thu Hà (1989)	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
11	Ngô Thị Thúy Hiền	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
12	Đỗ Thị Thanh Hà	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
13	Phan Khánh Hà	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
14	Lưu Trần Toàn	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
15	Nguyễn Thị Ngọc	Chuyên viên giáo vụ Khoa Quan hệ quốc tế	Thành viên
16	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
17	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên

18	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Thành viên
19	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên
20	Đồng Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
21	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Thành viên
22	Bùi Thị Phượng	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
23	Đỗ Xuân Quang	Kế toán, Ban Kế hoạch tài chính	Thành viên

(Danh sách gồm có 23 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-HVBC TT ngày... tháng... năm 2019
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1,2,3)	Nguyễn Ngọc Oanh	Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Thương Huyền	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Phan Khánh Toàn	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 4,5)	Lưu Thúy Hồng	Phó Trưởng khoa QHQT	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Ngô Thị Thúy Hiền	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Nhóm 4 (Tiêu chuẩn 6,7)	Nguyễn Thị Thu Hà (1975)	Giảng viên, Khoa QHQT	Trưởng nhóm
	Trần Xuân Học	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Phó Trưởng nhóm
	Bùi Thị Vân	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Thành viên
Nhóm 5 (Tiêu chuẩn 8)	Phạm Lê Dạ Hương	Giảng viên, Khoa QHQT	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Lưu Trần Toàn	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Đồng Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Thành viên
Nhóm 6 (Tiêu chuẩn 9)	Phạm Lê Dạ Hương	Giảng viên, Khoa QHQT	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin Khoa học	Phó trưởng nhóm



	Nguyễn Thị Thu Hà (1989)	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Đồng Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên
Nhóm 7 (Tiêu chuẩn 10, 11)	Đỗ Thị Hùng Thúy	Giảng viên, Khoa QHQT	Trưởng nhóm
	Trần Văn Thư	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Đỗ Thị Thanh Hà	Giảng viên, Khoa QHQT	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Báo cáo tổng hợp Viết phần mở đầu, kết luận, Phụ lục Biên tập minh chứng Cơ sở dữ liệu KĐCL chương trình đào tạo	Nguyễn Ngọc Oanh	Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Lưu Thúy Hồng	Phó Trưởng khoa Quan hệ quốc tế	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
	Phạm Lê Dạ Hương	Giảng viên, Khoa QHQT	Thành viên
	Nguyễn Thị Ngọc	Chuyên viên, giáo vụ khoa Quan hệ quốc tế	Thành viên

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ**

1. Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT nhằm mục đích:

Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành Quan hệ quốc tế so với Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trên cơ sở kết quả đánh giá để Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Quan hệ quốc tế.

Làm căn cứ để đăng ký kiểm định chất lượng theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tất cả các hoạt động thực hiện CTĐT của Khoa Quan hệ quốc tế theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học đối với CTĐT đại học.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được ban hành tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các tài liệu hướng dẫn khác (có văn bản kèm theo).

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quan hệ quốc tế được thành lập theo Quyết định số 567/QĐ- HVBC TT ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Phó giám đốc thường trực Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hội đồng gồm có 01.. thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm

theo).

Ban Thư ký là bộ phận thường trực, giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá trong việc theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp báo cáo tự đánh giá và thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng. Thành phần Quan hệ quốc tế (có danh sách kèm theo).

Các nhóm công tác chuyên trách bao gồm các thành viên trong và ngoài Hội đồng tự đánh giá được thành lập để phụ trách triển khai viết báo cáo tự đánh giá và thu thập minh chứng của một hoặc một số tiêu chuẩn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng (có danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Tiêu chuẩn 1-3	Nhóm 1	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
2	Tiêu chuẩn 4-5	Nhóm 2	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
3	Tiêu chuẩn 6-7	Nhóm 3	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
4	Tiêu chuẩn 8	Nhóm 4	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
6	Tiêu chuẩn 10-11	Nhóm 6	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
9	Báo cáo tổng hợp. Biên tập minh chứng Cơ sở dữ liệu KĐCL CTĐT	Nhóm 7	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, Hội đồng tự đánh giá cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1 -4	Tham gia cung cấp thông tin, minh chứng, góp ý, phản biện báo cáo tự đánh giá	Khoa Quan hệ quốc tế Ban Quản lý đào tạo Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
2	Tiêu chuẩn 5	Nt	Khoa Quan hệ quốc tế Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
3	Tiêu chuẩn 6, 7	Nt	Ban Tổ chức cán bộ Khoa Quan hệ quốc tế	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
4	Tiêu chuẩn 8	Nt	Khoa Quan hệ quốc tế Ban Quản lý đào tạo Trung tâm KT-KĐCLĐT Phòng Công tác chính trị - Hỗ trợ sinh viên	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
5	Tiêu chuẩn 9	Nt	Văn phòng Học viện Phòng Quản trị Trung tâm thông tin – thư viện Khoa Quan hệ quốc tế Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
6	Tiêu chuẩn 10	Nt	Khoa Quan hệ quốc tế Các phòng, ban, trung tâm trong Học viện	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
7	Tiêu chuẩn 11	Nt	Khoa Quan hệ quốc tế Ban QLĐT Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020

6. Các loại thông tin cần thu thập từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Để viết báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài, Khoa cần thu thập các thông tin sau:

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Số lượng	Sản phẩm
1	Đánh giá của SV năm cuối về CTĐT	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
2	Đánh giá của cựu SV trong vòng 3 năm gần nhất	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
3	Đánh giá của giảng viên tham gia giảng dạy	Bảng hỏi	100%	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
4	Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng cựu sinh viên	Bảng hỏi	Theo danh sách sinh viên đã tốt nghiệp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
5	Đánh giá của SV về các hoạt động hỗ trợ người học	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết

7. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình tham khảo sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 3, tháng 10/2019	<ol style="list-style-type: none"> Họp Hội đồng ĐBCLGD và Ban chủ nhiệm Khoa Quan hệ quốc tế để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. Giám đốc ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; <p>Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</p>
Tuần 4, tháng	<ol style="list-style-type: none"> Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ,

10/2019	<p>giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</p> <p>2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</p> <p>3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT đề thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Ban Giám đốc đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tháng 11-12/2019	<p>1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</p> <p>2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</p> <p>3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</p> <p>4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</p> <p>5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.</p>
Tháng 3/2020	<p>1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</p> <p>2. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</p>
Tháng 4/2020	<p>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; <p>2. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.</p>
Tuần 1-2, tháng	<p>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh</p>

5/2020	<p>giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</p> <p>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT hợp với các bộ môn, phòng, ban để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</p>
Tuần 3-4, tháng 5/2020	<p>1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.</p> <p>2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.</p>
Tuần 1-3, tháng 6/2020	<p>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;</p> <p>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.</p>
Tuần 4, tháng 6 /2020	<p>1. Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>2. Bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.</p>

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Học viện BCTT;
- Lưu VT, TTKT&KĐCLĐT



Lưu Văn An

Phụ lục 3: DANH MỤC MINH CHỨNG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học					
1	H1.01.01.01.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHQT năm 2016	2016	HVBC & TT	
2	H1.01.01.02.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHQT năm 2018	2018	HVBC & TT	
3	H1.01.01.03.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHQT năm 2020	3908- QĐ/HVBC TT- ĐT (20/09/2020)	HVBC&TT	
4	H1.01.01.04	Luật GDĐH 2018 (Mục tiêu đào tạo con người Việt Nam)	Số 34-2018- QH14 ngày 19/11/2018	Quốc hội nước CHXHCNVN	
5	H1.01.01.05.DC	Thông tư 07 năm 2015 của BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16/4/2015	Bộ GD & ĐT	

6	H1.01.01.06. DC	Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	Chính phủ nước CHXHCNVN	
7	H1.01.01.07.DC	Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông	số 03/2014/TT- BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông ngày 11/3/2014	Bộ Thông tin và truyền thông	
8	H1.01.01.08.DC	Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	số 01/2014/TT- BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24 tháng 01 năm 2014	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
9	H1.01.01.09	Bảng đối sánh giữa mục tiêu CTĐT – Luật GD 2018, khung trình độ quốc gia.	Ngày 22/9/2020	Khoa QHQT	
10	H1.01.01.10	Đề án Tuyển sinh từ năm 2015 – 2020 của HVBC TT	Số 3693- ĐA/HVBC TT- ĐT ngày 30/9/2014	HVBC & TT	
11	H1.01.01.11	Chiến lược phát triển của khoa QHQT	Ngày 2/1/2020	Khoa QHQT	
12	H1.01.01.12.DC	Chiến lược phát triển của HVBC TT đến năm	Số 770-	HVBC & TT	

		2035 tầm nhìn 2050	QĐ/HVBCTT ngày 20/2/2017		
13	H1.01.01.13	Bản đối sánh mục tiêu - tầm nhìn, sứ mạng của trường – Khoa	2020	Khoa QHQT	
14	H1.01.01.14	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2018	2018	HVBC & TT	
		Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo đại học	3094/HD- HVBC TT-ĐT ngày 18/6/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch đổi mới, hoàn thiện CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Biên bản tọa đàm về rà soát, cập nhật CTĐT đại học	2018	Khoa QHQT	
		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Bản nhận xét và phiếu thẩm định của các thành viên trong hội đồng	2018	HVBC&TT	
		Biên bản nghiệm thu CTĐT	2018	HVBC&TT	
15	H1.01.01.15.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020	HVBC & TT	

16		Quyết định ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo	2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch đổi mới, hoàn thiện CTĐT	Số 3065/KH-HVBCCTT ngày 15 tháng 5 năm 2020	HVBC&TT	
		Biên bản tọa đàm về rà soát, cập nhật CTĐT đại học	2020	Khoa QHQT	
		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Bản nhận xét và phiếu thẩm định của các thành viên trong hội đồng	2020	HVBC&TT	
17	H1.01.01.16	Bản đối sánh giữa CTĐT ngành QHQT với CTĐT cùng ngành trong nước và quốc tế	2020	Khoa QHQT	
18	H1.01.01.17	Đường link Website về sứ mạng tầm nhìn của HV	2020	HVBC & TT	

19	H1.01.01.18	Website về việc Học viện về công bố CTĐT 2020 (mục tiêu)	2020	HVBC & TT	
20	H1.01.01.19	Sổ tay sinh viên	2016 - 2020	HVBC & TT	
21	H1.01.01.20	Bản mô tả CTĐT được xây dựng và phê duyệt trong đó có mục tiêu đào tạo năm 2018	2018	HVBC & TT	
22	H1.01.01.21	Bản mô tả CTĐT được xây dựng và phê duyệt trong đó có mục tiêu đào tạo năm 2020	2020	HVBC & TT	
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.					
1.	H1.01.02.01	CTĐT ngành Quan hệ quốc tế Học viện Ngoại giao	15/08/2020	Học viện Ngoại giao	
2.	H1.01.02.02	CTĐT ngành Quốc tế học, ĐHKHXH&NV	9/11/2017	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	
3.	H1.01.02.03	CTĐT ngành Quan hệ quốc tế, Trường ĐH Queensland, Úc	2020	Trường ĐH Queensland, Úc	
4.	H1.01.02.04	Thông tư 04-2016/TT-BGDĐT	2016	Bộ GD&ĐT	
5.	H1.01.02.05	Quyết định về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2020	HVBC&TT	

6.	H1.01.02.06	Ma trận đáp ứng mục tiêu và CĐR của CTĐT	2020	Khoa QHQT	
7.	H1.01.02.07	Ma trận CĐR của CTĐT và CĐR của ngành khác về khối kiến thức	2020	Khoa QHQT	
8.	H1.01.02.08	Ma trận CĐR của CTĐT	2020	Khoa QHQT	
9.	H1.01.02.09.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HVBC&TT	
10.	H1.01.02.10.DC	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khoá CLĐT (về mục tiêu CTĐT)	2016 - 2020	HVBC&TT	
11.	H1.01.02.11.DC	Báo cáo khảo sát NTD về CLĐT (về mục tiêu đào tạo)	2016 - 2020	HVBC&TT	
12.	H1.01.02.12.DC	Báo cáo khảo sát SV sau TN 1 năm (về CTĐT)	2016 - 2020	HVBC&TT	
13.	H1.01.02.13.DC	Báo cáo khảo sát giảng viên, nhân viên (về CTĐT)	2016 - 2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai					
1.	H1.01.03.01	Bản đối sánh các phiên bản CTĐT	2020	Khoa QHQT	
2.	H1.01.03.02	Bản giải trình cải tiến CTĐT	2018, 2020	Khoa QHQT	
3.	H1.01.03.03	Ngày hội Open day hàng năm	2016 - 2020	HVBC&TT	
4.	H1.01.03.04	Tờ rơi quảng bá về CTĐT	2016 - 2020	HVBC&TT	

TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật					
1.	H2.02.01.01.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2018	2018	HVBC & TT	
		Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo đại học	3094/HD-HVBC TT-ĐT ngày 18/6/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch đổi mới, hoàn thiện CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Biên bản tọa đàm về rà soát, cập nhật CTĐT đại học	2018	Khoa QHQT	
		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Bản nhận xét và phiếu thẩm định của các thành viên trong hội đồng	2018	HVBC&TT	
		Biên bản nghiệm thu CTĐT	2018	HVBC&TT	
2.	H2.02.01.02.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo	2020	HVBC & TT	

		năm 2020			
		Quyết định ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo	2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch đổi mới, hoàn thiện CTĐT	Số 3065/KH-HVBCCTT ngày 15 tháng 5 năm 2020	HVBC&TT	
		Biên bản tọa đàm về rà soát, cập nhật CTĐT đại học	2020	Khoa QHQT	
		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Bản nhận xét và phiếu thẩm định của các thành viên trong hội đồng	2020	HVBC&TT	
		Biên bản nghiệm thu CTĐT	2020	HVBC&TT	
3.	H2.02.01.03.DC	Bản mô tả CTĐT 2018	2018	Khoa QHQT	

4.	H2.02.01.04.DC	Bản mô tả CTĐT 2020	2020	Khoa QHQT	
5.	H2.02.01.05.DC	Bảng đối sánh giữa mục tiêu CTĐT – Luật GD 2018, khung trình độ quốc gia.	2018, 2020	Khoa QHQT	
6.	H2.02.01.06.DC	Đề cương chi tiết học phần các năm	2016, 2018, 2020	Khoa QHQT	
7.	H2.02.01.07.DC	Báo cáo khảo sát NTD về CLĐT (về CDR)	2016 - 2020	HVBC&TT	
8.	H2.02.01.08.DC	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên (về CDR)	2016 - 2020	HVBC&TT	
9.	H2.02.01.09.DC	Báo cáo kết quả khảo sát SV sau TN 1 năm (về CTĐT)	2016 - 2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật					
1.	H2.02.02.01.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHQT năm 2020	3908- QĐ/HVBC&TT- ĐT (20/09/2020)	HVBC&TT	
2.	H2.02.02.02.DC	Quyết định ban hành ĐCHP 2018	2018	HVBC&TT	
3.	H2.02.02.03.DC	Quyết định ban hành ĐCHP 2020	2020	HVBC&TT	
4.	H2.02.02.04.DC	Công thông tin sinh viên	2020	HVBC&TT	
5.	H2.02.02.05.DC	Báo cáo Khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận					
1.	H2.02.03.01	Biên bản họp khoa về quảng bá CTĐT	2016 - 2020	Khoa QHQT	
2.	H2.02.03.02	Đường link website về Bản mô tả CTĐT	2020	HVBC&TT	

3.	H2.02.03.03	Sổ tay sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHQT	
4.	H2.02.03.04	Kế hoạch tổ chức ngày hội tuyển sinh AJC Open day	2016 - 2020	HVBC&TT	
5.	H2.02.03.05	Fanpage và hotline của Học viện	2016 - 2020	HVBC&TT	
6.	H2.02.03.06	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo theo chương trình đào tạo	2016 - 2020	HVBC&TT	

TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CTDH

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CDR					
1.	H3.03.01.01	CTDH ngành QHQT năm 2018 và 2020	2018, 2020	HVBC&TT	
2.	H3.03.01.02.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo đại học	3094/HD-HVBCTT-ĐT ngày 18/6/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch đổi mới, hoàn thiện CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Biên bản tọa đàm về rà soát, cập nhật CTĐT đại học	2018	Khoa QHQT	
		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Bản nhận xét và phiếu thẩm định của các thành viên trong hội đồng	2018	HVBC&TT	
3.		Biên bản nghiệm thu CTĐT	2018	HVBC&TT	
4.	H3.03.01.03.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CDR					
		Quyết định ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo	2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch đổi mới, hoàn thiện CTĐT	Số 3065/KH-HVBCCTT ngày 15 tháng 5 năm 2020	HVBC&TT	
		Biên bản tọa đàm về rà soát, cập nhật CTĐT đại học	2020	Khoa QHQT	
		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Bản nhận xét và phiếu thẩm định của các thành viên trong hội đồng	2020	HVBC&TT	
		Biên bản nghiệm thu CTĐT	2020	HVBC&TT	
5.	H3.03.01.04	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHQT năm 2020	3908-QĐ/HVBCCTT-ĐT (20/09/2020)	HVBC&TT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CĐR					
6.	H3.03.01.05.DC	Ma trận đáp ứng khối kiến thức và CĐR của CTĐT	2020	Khoa QHQT	
7.	H3.03.01.06.DC	Tiến độ giảng dạy	2016 - 2020	Khoa QHQT	
8.	H3.03.01.07.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2020	2020	Khoa QHQT	
9.	H3.03.01.08.DC	Ma trận CĐR và phương pháp dạy học năm 2020	2020	Khoa QHQT	
10.	H3.03.01.09.DC	Ma trận CĐR và hình thức kiểm tra đánh giá năm 2020	2020	Khoa QHQT	
11.	H3.03.01.10.DC	Hồ sơ giảng dạy của GV	2016 - 2020	Khoa QHQT	
12.	H3.03.01.11	Đường link Website về CTDH, fanpage, tờ rơi	2016 - 2020	Khoa QHQT	
13.	H3.03.01.12.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo theo chương trình đào tạo	2016 - 2020	HVBC&TT	
14.	H3.03.01.13.DC	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo theo chương trình đào tạo	2016 - 2020	HVBC&TT	
15.	H3.03.01.14.DC	Báo cáo Khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HVBC&TT	
16.	H3.03.01.15	BB hộp phản ánh sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHQT	
17.	H3.03.01.16	BB hộp lớp với cố vấn học tập	2016 - 2020	Khoa QHQT	
18.	H3.03.01.17.DC	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về CLĐT	2016 - 2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng					

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CDR					
1.	H3.03.02.01	Hướng dẫn thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng CDR	Số 2663/HD-HVBCTT (09/07/2020)	HVBC&TT	
2.	H3.03.02.02	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	Số: 2647/ HD-HVBCTT (09/07/2020)	HVBC&TT	
3.	H3.03.02.03.DC	CTĐT ngành Quan hệ quốc tế Học viện Ngoại giao	15/08/2020	Học viện Ngoại giao	
Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.					
1.	H3.03.03.01	CTĐT ngành QHQT Đại học Queensland, Úc	2020	ĐH Queensland, Úc	
2.	H3.03.03.02	Cấu trúc CTĐT	2016 - 2020	Khoa QHQT	
3.	H3.03.03.03	Bảng giải trình thay đổi cải tiến CTĐT	2018, 2020	Khoa QHQT	
4.	H3.03.03.04	Hướng dẫn xây dựng CDR	Số 1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	VP Chính phủ	
5.	H3.03.03.05	Bản giải trình sự liên thông của chương trình đào tạo	2018, 2020	Khoa QHQT	

TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan					
1.	H4.04.01.01	Chiến lược phát triển của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	770/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2017	HVBC&TT	
2.	H4.04.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa	Ngày 2/1/2020	Khoa QHQT	
3.	H4.04.01.03	Chương trình đào tạo khoa QHQT các năm 2016, 2018, 2020	2016 - 2020	Khoa QHQT	
4.	H4.04.01.04.DC	Đề cương chi tiết học phần các năm	2016 - 2020	Khoa QHQT	
5.	H4.04.01.05	Bảng tổng hợp các hình thức dạy học tỷ lệ % thể hiện triết lý	2018, 2020	Khoa QHQT	
6.	H4.04.01.06.DC	Ma trận phương pháp, hình thức dạy học và chuẩn đầu ra (CTĐT năm 2020)	2020	Khoa QHQT	
7.	H4.04.01.07	Kế hoạch, chương trình gặp mặt đầu khóa (Khai giảng đầu khóa, gặp mặt đầu khóa mới của Khoa)	2016 - 2020	Khoa QHQT	
8.	H4.04.01.08	Tờ rơi (có nội dung về CTĐT)	2016 - 2020	Khoa QHQT	
9.	H4.04.01.09	Biên bản họp khoa (nội dung về mục tiêu, cách thức dạy học (2018 - 2020)	2018 - 2020	Khoa QHQT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan					
10.	H4.04.01.10.DC	Thống kê công trình nghiên cứu khoa học (đề tài khoa học sinh viên, hội thảo khoa học, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa, tập huấn cho sinh viên, khảo sát thực tế) sinh viên 2016-2020 (Hướng tới chứng minh hiệu quả của mục tiêu giáo dục)	2016 - 2020	Khoa QHQT	
11.	H4.04.01.11	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HVBC&TT	
12.	H4.04.01.12	Thống kê lĩnh vực làm/ vị trí việc làm của cựu sinh viên ra trường đã làm: phục vụ cộng đồng	2016 - 2020	Khoa QHQT HVBC&TT	
13.	H4.04.01.13.DC	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HVBC&TT	
14	H4.04.01.14	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT giai đoạn 2014-2018	2014 - 2018	Khoa QHQT	
15	H4.04.01.15	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020	2020	Khoa QHQT	
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra					
1.	H4.04.02.01	Quy định hướng dẫn, thiết kế phương pháp giảng dạy	Số 2663/HD-HVBC TT (09/07/2020)	HVBC&TT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan					
2.	H4.04.02.02	Thống kê các lớp bồi dưỡng về phương pháp, thiết kế tổ chức hoạt động học tập	2016 - 2020	HVBC&TT	
3.	H4.04.02.03.DC	Thống kê hội thảo, tọa đàm và kỹ yếu hội thảo về đổi mới giảng dạy và học tập	2016 - 2020	HVBC&TT	
4.	H4.04.02.04	Thống kê hội thảo, tọa đàm của nhà trường (AJC) liên quan đến phương pháp giảng dạy	2016 - 2020	HVBC&TT	
5.	H4.04.02.05	Thống kê số lượng, danh mục trang thiết bị dạy học, phòng thực hành và CNTT phục vụ CTĐT qua các năm	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Biên bản kiểm kê tài sản các toà nhà B1-B11	2016-2020	HVBC&TT	
6.	H4.04.02.06	Hồ sơ rà soát, cập nhật đề cương chi tiết học phần	2018, 2020	Khoa QHQT	
7.	H4.04.02.07	Biên bản họp tổ bộ môn hàng kỳ	2016 - 2020	Khoa QHQT	
8.	H4.04.02.08	Bản mô tả CTĐT ngành QHQT	2016 - 2020	Khoa QHQT	
9.	H4.04.02.09	Kế hoạch tuyển sinh học tập ... của Hợp tác quốc tế về chương trình... với Đại học Sookmyung, Hàn Quốc Danh sách sinh viên học tại lớp bồi dưỡng với	2018 - 2020	HVBC&TT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan					
		trường Đại học Sookmyung, Hàn Quốc Kết quả học tập của sinh viên khoa QHQT trong khóa học bồi dưỡng với trường Đại học Sookmyung, Hàn Quốc			
10.	H4.04.02.10	Cổng thông tin sinh viên	2020	HVBC&TT	
11.	H4.04.02.11. DC	Báo cáo khảo sát môn học, giờ giảng	2016-2020	HVBC&TT	
12.	H4.04.02.12	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC&TT	
13.	H4.04.02.13	Báo cáo khảo sát CB, GV, NV về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC&TT	
14.	H4.04.02.14	Đường link thư viện trực tuyến trên trang web của Học viện	2020	HVBC&TT	
15.	H4.04.02.15	Thống kê danh sách công trình nghiên cứu khoa học được áp dụng trong giảng dạy của giảng viên	2016-2020	HVBC&TT	
16.	H4.04.02.16	Minh chứng về các hoạt động giảng dạy và học tập dự án, thực hành, thực tập, thực tế, bao gồm:	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Hồ sơ giảng viên (Có tổ chức dạy học dự án,			

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan					
		thực hành, thực tế, v.v.)			
		Minh chứng về sản phẩm dự án, thực hành của SV		Khoa QHQT	
		Hồ sơ thực tập, kiến tập (MC điển hình)		Khoa QHQT	
17.	H4.04.02.17	Danh sách cơ quan các cơ sở, doanh nghiệp kết hợp với Khoa trong hỗ trợ đào tạo, kiến tập, thực tập...	2016 - 2020	Khoa QHQT	
18.	H4.04.02.18	Minh chứng hợp tác giữa nhà trường /Khoa (nếu có) với nhà tuyển dụng, doanh nghiệp	2016 - 2020	Khoa QHQT	
19.	H4.04.02.19	Dự án SIB		Khoa QHQT	
20.	H4.04.02.20.DC	Báo cáo tổng kết năm học	2016 - 2020	HVBC&TT	
21.	H4.04.02.21	Kế hoạch chào K: Sự kiện của sinh viên: chào K, phương pháp học tập	2016 - 2020	Khoa QHQT	
22.	H4.04.02.22	Quyết định thành lập câu lạc bộ (ảnh chụp hoạt động...)	2016 - 2020	HVBC&TT Khoa QHQT	
23.	H4.04.02.23	Quy chế dạy học trực tuyến	2020	HVBC&TT	
24.	H4.04.02.24	Minh chứng dạy học trực tuyến trên MS Teams	2020	HVBC&TT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan					
25.	H4.04.02.25	Tiến độ giảng dạy trực tuyến (năm 2020)	2020	HVBC&TT	
26.	H4.04.02.26	Thông báo về việc chuyển đổi hình thức thi HKII năm học 2019-2020	2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học					
1.	H4.04.03.01	CTDH khoa QHQT năm 2018, 2020	2018, 2020	Khoa QHQT	
2.	H4.04.03.02	Hồ sơ giảng viên (Có nguồn tư liệu, sách báo phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học)		Khoa QHQT	
3.	H4.04.03.03	Thống kê các sản phẩm của sinh viên (như Dự án, Bài thuyết trình, clip... Tiêu chí đánh giá sản phẩm, dự án, thể hiện được việc đánh giá khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên (VD như tài liệu có đa dạng không, phần nghiên cứu có sâu không)	2016 - 2020	Khoa QHQT	
4.	H4.04.03.04	Thống kê các lớp bồi dưỡng cho sinh viên (kỹ năng mềm, kỹ năng MC, phương pháp giảng dạy,...)			
		Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho sinh viên năm học 2017-2018	03KH/ĐTNHVBC TT (13/9/2017)	HVBC&TT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan					
		Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho sinh viên năm học 2019-2020	27KH/ĐTNHVBC TT (20/8/2019)	HVBC&TT	

TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
<i>Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR</i>					
1	H5.05.01.01.DC	Quy chế tuyển sinh		ĐT09	
2	H5.05.01.02.DC	Sổ tay sinh viên	2020	HVBC&TT	
3	H5.05.01.03.DC	Đường link Website HVBC&TT (thông tin khảo thí)	2020	HVBC&TT	
4	H5.05.01.04.DC	Cổng thông tin sinh viên	2020	HVBC&TT	
5	H5.05.01.05.DC	Đề cương chi tiết học phần các năm	2016 - 2020	HVBC&TT	
6	H5.05.01.06	Bản mô tả CTĐT ngành QHQT năm 2020	2020	HVBC&TT	
7	H5.05.01.07.DC	Quy chế đào tạo đại học hệ tín chỉ	3777 ngày 18/10/2017	HVBC&TT	
8	H5.05.01.08	Hướng dẫn công tác khảo thí: Hướng dẫn thiết kế PP, công cụ KTĐG đáp ứng CDR	Số 2663/HD-HVBCTT (09/07/2020) Số: 2647/ HD-HVBCTT (09/07/2020)	HVBC&TT	
9	H5.05.01.09	Ma trận đáp ứng kiểm tra đánh giá và CDR của CTĐT	2020	Khoa QHQT	
10	H5.05.01.10.DC	Bảng thống kê các hình thức kiểm tra đánh giá (Mẫu đề thi, kiểm tra đánh giá trong CTĐT (các loại hình kiểm tra đánh giá); mẫu	2020	Khoa QHQT	

		bài thi, sản phẩm (theo các loại hình kiểm tra đánh giá)			
11	H5.05.01.11.DC	Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi	Ngày 30/11/2015 Ngày Bổ sung quy định 2020	HVBC&TT	
12	H5.05.01.12	Minh chứng bài thi, đề thi tiêu chí đánh giá thang điểm các môn thi viết tự luận	2016 - 2020	Khoa QHQT	
13	H5.05.01.13	Minh chứng bài thi, đề thi tiêu chí đánh giá thang điểm các môn thi tiểu luận	2016 - 2020	Khoa QHQT	
14	H5.05.01.14	Minh chứng bài thi, đề thi tiêu chí đánh giá thang điểm các bài tập thực hành, sản phẩm	2016 - 2020	Khoa QHQT	
15	H5.05.01.15	Minh chứng bài thi, đề thi tiêu chí đánh giá, thang điểm các môn thi vấn đáp, thuyết trình	2016 - 2020	Khoa QHQT	
16	H5.05.01.16	Minh chứng bài thi, đề thi tiêu chí đánh giá, thang điểm các môn thi trắc nghiệm	2016 - 2020	Khoa QHQT	
17	H5.05.01.17.DC	Minh chứng về khóa luận tốt nghiệp sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHQT	
18	H5.05.01.18	Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tự luận	2016 - 2020	Khoa QHQT	
19	H5.05.01.19.DC	Báo cáo công tác khảo thí	2016 - 2020	Khoa QHQT	
20	H5.05.01.20.DC	Quy định, hướng dẫn thực hiện Khóa luận tốt nghiệp	2016 - 2020	HVBC&TT	

21	H5.05.01.21.DC	Biên bản họp khoa (về việc cử giảng viên hướng dẫn Khóa luận tốt nghiệp: Thể thức khóa luận Nội dung/ tên đề tài)	2016 - 2020	Khoa QHQT	
22	H5.05.01.22.DC	Hồ sơ chấm khóa luận tốt nghiệp	2016 - 2020	Khoa QHQT	
23	H5.05.01.23.DC	Biên bản họp phản ánh sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHQT	
24	H5.05.01.24	MC về các biện pháp hỗ trợ người học (Ảnh chụp emails liên lạc, tin nhắn của giảng viên và sinh viên thực hiện khóa luận)	2016 - 2020	Khoa QHQT	
25	H5.05.01.25	Thống kê các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học kèm quyết định và danh sách SV	2016 - 2020	HVBC&TT	
26	H5.05.01.26	Đường link website HV danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp	2016 - 2020	HVBC&TT	
27	H5.05.01.27.DC	Báo cáo khảo sát SV cuối khoá về CLĐT	2016 - 2020	HVBC&TT	
28	H5.05.01.28.DC	Báo cáo khảo sát SV về môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HVBC&TT	
29	H5.05.01.29	Báo cáo khảo sát GV, NV về CLĐT	2016 - 2020	HVBC&TT	
<i>Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học</i>					
1.	H5.05.02.01.DC	Quy định công tác Khảo thí	2989/QĐ-HVBC&TT- KT (01/09/2017)	HVBC&TT	
2.	H5.05.02.02.DC	Kế hoạch gặp mặt đầu khóa	2016 - 2020	Khoa QHQT	
3.	H5.05.02.03	Website Học viện (kế hoạch thời gian thi)	2016 - 2020	HVBC&TT	

4.	H5.05.02.04	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, tin học	2016 - 2020	HVBC&TT	
5.	H5.05.02.05.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật đề cương học phần năm 2020 - Biên bản họp khoa - Biên bản họp tổ bộ môn - Biên bản họp Hội đồng Khoa học khoa	2020	Khoa QHQT	
6.	H5.05.02.06.DC	Minh chứng về việc thực hiện quy trình phúc khảo: Danh sách thống kê sinh viên xin phúc khảo; đơn xin phúc khảo, bài phúc tra, phúc khảo, kết quả phúc tra, phúc khảo. (2017-2020)	2016 - 2020	HVBC&TT	
7.	H5.05.02.07	Web site: thông tin về phúc khảo	2016 - 2020	HVBC&TT	
<i>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng</i>					
1.	H5.05.03.01	Bảng đối sánh phương pháp kiểm tra đánh giá qua các năm	2018, 2020	Khoa QHQT	
2.	H5.05.03.02	Hồ sơ xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi (trong đó: Quy trình, Kế hoạch, Biên bản thẩm định của Khoa)	2018, 2020	Khoa QHQT	
3.	H5.05.03.03	Danh sách cán bộ chấm thi, phiếu chấm, bài thi, kết quả biểu 4	2016 - 2020	Khoa QHQT	

4.	H5.05.03.04	Báo cáo tổng kết và phương hướng khoa QHQT các năm	2016 - 2020	Khoa QHQT	
5.	H5.05.03.05	Báo cáo tổng kết và phương hướng HVBC&TT các năm	2016 - 2020	HVBC&TT	
6.	H5.05.03.06.DC	Kế hoạch tổ chức đối thoại giữa BGĐ HV và sinh viên các năm	2016 - 2020	HVBC&TT	
7.	H5.05.03.07	Minh chứng về kiến tập, thực tập của sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHQT	
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập					
1.	H5.05.04.01	Minh chứng về hoạt động cố vấn học tập (Nhật ký cố vấn học tập; ảnh chụp màn hình điện thoại, tin nhắn về tư vấn học tập)	2016 - 2020	Khoa QHQT	
2.	H5.05.04.02.DC	Biên bản họp lớp giai đoạn 2018-2020	2018 - 2020	Khoa QHQT	
3.	H5.05.04.03	<p>Phương hướng hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng của Khoa (Biên bản họp phản ánh sinh viên: chủ trì có đưa ra giải pháp (sổ họp phản ánh sinh viên hàng tháng)</p> <p>- Biên bản họp lớp của cố vấn: hoặc chụp màn hình điện thoại đã trao đổi với sv và gia đình</p> <p>- Danh sách học cải thiện, vét qua các kỳ</p>	2016 - 2020	Khoa QHQT	

4.	H5.05.04.04	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về kết quả đánh giá cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập: Sử dụng chung MC với các tiêu chí trên					

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 6

TT	Mã MC 6.1	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H6.06.01.01.DC	Chiến lược phát triển HV BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	Số 770/QĐ -HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC&TT	
2.	H6.06.01.02.DC	Chiến lược phát triển Khoa QHQT đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa QHQT	
3.	H6.06.01.03.DC	Đề án vị trí việc làm của HVBC&TT	2018	HVBC&TT	
4.	H6.06.01.04.DC	Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức	2013, 2014	HVCTQGHCM HVBC&TT	
		Quyết định ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2013)	Số 1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013	HVCTQGHCM	
		Quyết định ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2014)	Số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014	HVBC&TT	
5.	H6.06.01.05.DC	Quyết định về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý	2016, 2019	HVCTQGHCM	
		Quyết định về việc ban hành Quy chế bổ	Số 4503/QĐ-	HVCTQGHCM	

		nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2016)	HVCTQG ngày 12/10/2016		
		Quyết định về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2019)	Số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCTQGHCM	
6.	H6.06.01.06 DC	Quyết định v/v ban hành Quy định về GV thỉnh giảng	2013, 2016	HVCTQGHCM, HVBC&TT	
		Quyết định v/v ban hành Quy định về GV thỉnh giảng tại HVBC&TT	Số 1938/QĐ-HVBC&TT-TCCB ngày 12/8/2013	HVBC&TT	
		Quyết định v/v ban hành Quy định về GV thỉnh giảng, kiêm nhiệm của HVCTQGHCM	Số 1212/QĐ-HVCTQG ngày 1/4/2015	HVCTQGHCM	
		Quyết định v/v bổ sung một số điều của Quy định về GV thỉnh giảng tại HVBC&TT	Số 4334/QĐ-HVCTQG ngày 20/12/2016	HVBC&TT	
7.	H6.06.01.07. DC	Biên bản họp hội nghị CBVC, Khoa QHQT	2016-2020	Khoa QHQT	
8.	H6.06.01.08. DC	Hồ sơ quy trình tuyển dụng cán bộ (Kế hoạch, thông báo, Quyết định hội đồng,	2016-2020	HVBC&TT	

	Quyết định tuyển dụng, Hợp đồng)			
	Danh sách tuyển dụng từ năm 2016 – 2020 Khoa QHQT (ThS. Trần Hà Chi, TS. Phạm Lê Dạ Hương)	2016-2020	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2016	Số 4302/TB- HVBC&TT ngày 19/12/2015	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2017	Số 3768/TB- HVBC&TT ngày 24/10/2017	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2020	Số 1316/TB-HVBCTT ngày 20/4/2020	HVBC&TT	
	Hợp đồng làm việc (ThS. Trần Hà Chi)	2016	HVBC&TT	
	Hợp đồng làm việc xác định thời hạn (TS. Phạm Lê Dạ Hương)	Số 5485/HĐ- HVBC&TT ngày 29/11/2018	HVBC&TT	
	Thông báo kết quả xét tuyển trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức 2020 (ThS. Nguyễn Thị Thu Hà 1989)	Số 1990-TB/HVBCTT ngày 29/5/2020	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển dụng đăng trên các phương tiện truyền thông đại chúng	2016-2020	HVBC&TT	

		Thông báo kết quả tuyển dụng tới ứng viên	2016-2020	HVBC&TT	
9.	H6.06.01.09. DC	Biên bản họp tổ bộ môn	2016-2020	Khoa QHQT	
10	H6.06.01.10.DC	Quyết định, danh sách, kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng GV hàng năm	2016-2020	HVBC&TT	
		Thống kê các khoá bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn, dài hạn dành cho GV	2016-2020	HVBC&TT	
		Danh sách cán bộ, GV đi đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, đại học văn bằng II trong nước (2015-2019)	2016-2020	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cử công chức viên chức đi học nghiên cứu sinh (ThS. Ngô Thị Thúy Hiền)	Số 2124/QĐ- HVBC&TT ngày 19/6/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cử công chức viên chức đi học ngành Ngôn ngữ Anh (ThS. Ngô Thị Thúy Hiền)	Số 5273/QĐ- HVBC&TT ngày 29/12/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cử công chức viên chức đi đào tạo trình độ TS (ThS. Đỗ Thị Hùng Thúy)	Số 6047/QĐ- HVBC&TT ngày 25/12/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cử công chức viên chức đi học nghiên cứu sinh (ThS. Nguyễn Thị Thu Hà)	Số 2112/QĐ- HVBC&TT ngày 4/5/2017	HVBC&TT	

	Quyết định v/v cử công chức viên chức đi học nghiên cứu sinh (ThS. Nguyễn Thị Thu Hà 1989)	Số 2113/QĐ-HVBC&TT ngày 4/5/2017	HVBC&TT	
	Danh sách cán bộ, GV đi học cao cấp/trung cấp lý luận chính trị	2016-2020	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử viên chức đi học lớp cao cấp lý luận chính trị (ThS. Ngô Thị Thúy Hiền)	2016	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử viên chức đi học lớp cao cấp lý luận chính trị (ThS. Đỗ Thị Hùng Thúy)	2017	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử viên chức đi học hoàn chỉnh lớp cao cấp lý luận chính trị (TS. Nguyễn Thị Thương Huyền)	2019	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử viên chức đi học lớp trung cấp lý luận chính trị (ThS. Nguyễn Thị Thu Hà)	2020	HVBC&TT	
	Danh sách đăng ký cán bộ dự lớp học do Giám đốc HVCTQG HCM tổ chức năm 2017	2017	HVBC&TT	
	Danh sách đăng ký cán bộ dự lớp học do	2018	HVBC&TT	

	Giám đốc HVCTQG HCM tổ chức năm 2018			
	Danh sách đăng ký cán bộ dự lớp học do Giám đốc HVCTQG HCM tổ chức năm 2019	2019	HVBC&TT	
	Danh sách cán bộ, GV đi bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	
	Quyết định cử cán bộ đi học lớp tập huấn Biến đổi khí hậu	Số 2790/QĐ- HVBC&TT ngày 9/9/2015	HVBC&TT	
	Quyết định v/v mở lớp bồi dưỡng phương pháp dạy – học tích cực (Kèm Danh sách)	Số 1313/QĐ- HVBC&TT ngày 12/4/2017	HVBC&TT	
	Quyết định v/v mở lớp bồi dưỡng phương pháp dạy (Kèm Danh sách)	Số 2739/QĐ- HVBC&TT ngày 18/8/2017	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử công chức viên chức tham gia bồi dưỡng chuyên môn (Kèm Danh sách)	Số 2276/QĐ- HVBC&TT ngày 16/5/2019	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử cán bộ, GV tham gia tập	Số 2244/QĐ-	HVBC&TT	

	huấn chuyên môn do chuyên gia truyền thông Vương quốc Anh giảng dạy (Kèm Danh sách)	HVBC&TT ngày 23/5/2018		
	Quyết định v/v cử công chức viên chức tham gia lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính (Kèm Danh sách)	Số 1584/QĐ- HVBC&TT ngày 5/5/2017	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử cán bộ, GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn chính sách công (Kèm Danh sách)	Số 2295/QĐ- HVBC&TT ngày 25/5/2018	HVBC&TT	
	Quyết định v/v mở lớp bồi dưỡng sản xuất chương trình trên smartphone (Kèm Danh sách)	Số 1896/QĐ- HVBC&TT ngày 4/5/2018	HVBC&TT	
	Quyết định v/v mở lớp bồi dưỡng ứng dụng CNTT trong dạy học(Kèm Danh sách)	Số 3977/QĐ- HVBC&TT ngày 11/9/2018	HVBC&TT	
	Quyết định v/v mở lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV cao cấp hạng I (Kèm Danh sách)	Số1857/QĐ- HVBC&TT ngày 17/4/2018	HVBC&TT	
	Quyết định v/v mở lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV cao cấp hạng I (Kèm Danh sách)	Số1857/QĐ- HVBC&TT ngày 17/4/2018	HVBC&TT	

		Thông kê kinh phí hỗ trợ đội ngũ GV tham gia CTĐT đào tạo khoa QHQT	2016-2020	HVBC&TT	
11	H6.06.01.11. DC	Báo cáo tổng kết năm học của Khoa QHQT	2016-2020	Khoa QHQT	
12	H6.06.01.12.DC	Hồ sơ quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.)	2016-2020	HVBC&TT	
		Danh sách bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý	2016-2020	HVBC&TT	
		Tờ trình v/v đề nghị bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý (PGS.TS. Phạm Minh Sơn)	Số 725/TTr- HVBC&TT ngày 11/3/2016	HVBC&TT	
		Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến đề nghị bổ nhiệm lại và kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý (PGS.TS. Phạm Minh Sơn)	2016	HVBC&TT	
		Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến tín nhiệm đề nghị bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của khoa QHQT (PGS.TS. Phạm Minh Sơn)	2016	Khoa QHQT	
		Quyết định v/v bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý	Số 1075- QĐ/HVCTQG ngày 23/3/2016	HVCTQGHCM	
		Thông báo v/v tiến hành Hội nghị lấy phiếu	Số 78-QĐ/HVCTQG	HVCTQGHCM	

	tín nhiệm nhân sự dự kiến bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý HVBC&TT (PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh)	ngày 29/1/2019		
	Quyết định v/v bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh)	Số 518-QĐ/HVCTQG ngày 12/2/2019	HVCTQGHCM	
	Công văn HVBC&TT gửi HVCTQGHCM v/v thực hiện quy trình bổ nhiệm Trưởng khoa QHQT (PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh)	Số 692-CV/HVBCCTT ngày 30/1/2019	HVBC&TT	
	Quyết định v/v điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý (TS. Lưu Thúy Hồng) (Kèm SYLL, Bản kiểm điểm, Kế khai thu nhập, Phiếu nhận xét Đảng viên)	Số 4243-QĐ/HVBC&TT ngày 26/9/2018	HVBC&TT	
	Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến đề nghị điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý (TS. Lưu Thúy Hồng)	2018	Khoa QHQT	
	Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến v/v đề nghị điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Trưởng khoa QHQT (TS. Lưu Thúy Hồng)	2018	HVBC&TT	
	Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức Khoa QHQT v/v lấy phiếu tín nhiệm	2018	HVBC&TT	

		bổ nhiệm lại Phó trưởng khoa			
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa QHQT (Đảng ủy)	2018	HVBC&TT	
		Danh sách Trưởng bộ môn khoa QHQT (PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh)	10/4/2020	HVBC&TT	
		Quyết định v/v phân công cán bộ giữ chức vụ Trưởng bộ môn TTĐN cho PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh	Số 2560/QĐ-HVBC&TT-TCCB ngày 31/7/2014	HVBC&TT	
13	H6.06.01.13.DC	Quyết định quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các tổ chức đảng, đơn vị, đoàn thể trực thuộc HV	2016, 2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý HVBC&TT giai đoạn 2016-2020	Số 404/KH-HVBC&TT ngày 17/2/2016	HVBC&TT	
		Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý HVCTQG HCM giai đoạn 2016-2020	Số 15/KH-HVCTQG ngày 27/1/2016	HVCTQG HCM	
		Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 diện Giám đốc HVCTQG HCM	Số 564/KH-HVCTQG ngày 7/12/2018	HVCTQG HCM	

		quản lý			
		Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020	Số 5949-KH/HVBC&TT ngày 21/12/2018	HVBC&TT	
14	H6.06.01.14	Hồ sơ, quy trình chấm dứt hợp đồng lao động (Kế hoạch, Thông báo, Quyết định chấm dứt hợp đồng)	2018	HVBC&TT	
		Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động (ThS. Trần Hà Chi)	2018	HVBC&TT	
15	H6.06.01.15. DC	Thống kê danh sách cùng hồ sơ GV của ngành QHQT theo bằng cấp, trình độ học vị, học hàm, giới tính, độ tuổi	2016-2020	HVBC&TT	
		Thống kê số lượng GV của ngành QHQT kèm hồ sơ văn bằng, chứng chỉ	2016-2020	HVBC&TT	
		Văn bằng chứng chỉ		HVBC&TT	
16	H6.06.01.16.DC	Quy chế chi tiêu nội bộ (hỗ trợ CBVC đi học, khen thưởng động viên...)	2014	HVBC&TT	
		Quyết định v/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần 3		HVBC&TT	
		Quyết định v/v Ban hành điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại	Số 977/QĐ-HVBC&TT ngày	HVBC&TT	

		HVBC&TT	2/4/2014		
17	H6.06.01.17	Quy chế chi tiêu nội bộ của Khoa QHQT	2015	Khoa QHQT	
18	H6.06.01.18	GV ngành QHQT tham gia các chương trình liên kết đào tạo quốc tế/hợp tác quốc tế của HVBC&TT và khoa QHQT	2016-2020	HVBC&TT	
		Danh sách GV tham gia trong chương trình liên kết đào tạo quốc tế - Middlesex (ThS. Nguyễn Thị Thu Hà 1989)	2015	Ban HTQT	
		Thông báo nội bộ về việc TS. Uhm Seung Yong, nguyên chuyên gia KOICA (Hàn Quốc) tham gia đào tạo tại khoa QHQT	2015		
		Kế hoạch tổ chức lớp học trực tuyến cho SV do GV Đại học Nữ sinh Sookmyung, Hàn Quốc giảng dạy (ThS. Nguyễn Thị Thu Hà)	2016-2020	HVBC&TT Khoa QHQT	
19	H6.06.01.19	QĐ thành lập các tổ bộ môn (trong đó có tổ tiếng Anh chuyên ngành)	2017	HVBC&TT	
20	H6.06.01.20.DC	Tiêu chí tuyển dụng của Khoa QHQT	2016	Khoa QHQT	
21	H6.06.01.21.DC	Danh sách GV thỉnh giảng của khoa QHQT (Kèm các hợp đồng thỉnh giảng)	2016-2020	HVBC&TT Khoa QHQT	
		Quyết định v/v công nhận GV thỉnh giảng	Số 3662/QĐ-	HVBC&TT	

		(Kèm danh sách)	HVBC&TT ngày 31/10/2016		
		Quyết định v/v công nhận GV thỉnh giảng năm học 2018-2019 (Kèm danh sách)	Số 3768/QĐ- HVBC&TT ngày 29/8/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận GV thỉnh giảng năm học 2019-2020 (Kèm danh sách)	Số 3804/QĐ- HVBC&TT ngày 11/9/2019	HVBC&TT	
		Thông báo nội bộ về việc TS. Uhm Seung Yong, nguyên chuyên gia KOICA (Hàn Quốc) tham gia đào tạo tại Khoa QHQT	2016-2017	Ban HTQT	
		Hợp đồng thỉnh giảng (2016-2020)	2016-2020	HVBC&TT	
22	H6.06.01.22.DC	Quy định về công tác thi đua - khen thưởng của HVBC&TT	2019	HVBC&TT	
		Quyết định v/v ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQGHCM	Số 3370- QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCTQGHCM	
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm	2016-2020	HVBC&TT	

		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2016	2016	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2017	2017	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2018	2018	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2019	2019	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2020	2020	HVBC&TT	
23	H6.06.01.23.DC	Biên bản họp khoa	2016-2020	Khoa QHQT	

24	H6.06.01.24	Kế hoạch/Quy hoạch (dài hạn, trung hạn, ngắn hạn) phát triển đội ngũ GV của HVBC&TT	2016-2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.					
TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H6.06.02.01	- Danh sách, thống kê GV cơ hữu của ngành QHQT, Khoa QHQT - Danh sách, thống kê GV cơ hữu của CTĐT ngành QHQT (GV Khoa QHQT, GV dạy đại cương, GV thỉnh giảng)	2016-2020	HVBC&TT Khoa QHQT	
2.	H6.06.02.02	Thống kê tỉ lệ GV/SV	2016-2020	Khoa QHQT	
3.	H6.06.02.03	Thống kê số lượng SV ngành QHQT (TTĐN, QHCT&TTQT)	2016-2020	HVBC&TT	
4.	H6.06.02.04	Thống kê số lượng thí sinh đăng ký, trúng tuyển và nhập học	2016-2020	HVBC&TT	
5.	H6.06.02.05.DC	Quyết định v/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT	Số 928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/3/2018	HVBC&TT	
6.	H6.06.02.06. DC	- Thống kê khối lượng công việc của từng GV (giờ giảng, NCKH, công việc khác)	2016-2020	Khoa QHQT	

		- Thống kê khối lượng giảng dạy, NCKH bình quân của GV cơ hữu ngành QHQT			
7.	H6.06.02.07.DC	Báo cáo kết quả khảo sát SV về môn học, giờ giảng theo học kỳ	2016-2020	HVBC&TT	
		Thống kê mức độ hài lòng của SV về GV	2016-2020	HVBC&TT	
		Thống kê mức độ hài lòng của SV về phương pháp giảng dạy	2016-2020	HVBC&TT	
8.	H6.06.02.08	Thống kê vượt giờ hàng năm (Kèm hồ sơ minh chứng)	2016-2020	Khoa QHQT	
		Thống kê vượt giờ năm 2016 (Thanh toán vượt giờ)	2016	HVBC&TT	
		Thống kê vượt giờ năm 2017 (Thanh toán vượt giờ)	2017	HVBC&TT	
		Thống kê vượt giờ năm 2018 (Thanh toán vượt giờ)	2018	HVBC&TT	
		Thống kê vượt giờ năm 2019 (Thanh toán vượt giờ)	2019	HVBC&TT	
		Thống kê vượt giờ năm 2020 (Thanh toán vượt giờ)	2020	HVBC&TT	
9.	H6.06.02.09	Thống kê các công trình KH của GV ngành QHQT	2016-2020	Khoa QHQT	

10	H6.06.02.10.DC	Thông kê giờ NCKH của GV	2016-2020	Khoa QHQT	
		Thông kê giờ NCKH năm 2016	2016	Khoa QHQT	
		Thông kê giờ NCKH năm 2017	2017	Khoa QHQT	
		Thông kê giờ NCKH năm 2018	2018	Khoa QHQT	
		Thông kê giờ NCKH năm 2019	2019	Khoa QHQT	
		Thông kê giờ NCKH năm 2020	2020	Khoa QHQT	
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.					
TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H6.06.03.01	Quy định của Nhà nước, Bộ GD&ĐT về tuyển dụng	2010, 2012, 2018	CP, QH	
		Luật Viên chức	Số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010	QH	
		Nghị định 29 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	Số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012	CP	
		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học	Số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	QH	
2.	H6.06.03.02. DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (Phiếu tự đánh giá, Quyết định kèm danh sách)	2016-2020	HVBC&TT	

		Thông kê kết quả đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV ngành QHQT, Khoa QHQT	2016-2020	Khoa QHQT	
		Quyết định v/v công nhận các đơn vị và cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2015-2016 (Kèm danh sách)	2202/QĐ-HVBCTT ngày 4/7/2016	HVBC&TT	
		Quyết định v/v tặng danh hiệu tập thể LĐTT (Kèm danh sách)	5201/QĐ-HVBCTT ngày 29/12/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v tặng danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở (Kèm danh sách)	5200/QĐ-HVBCTT ngày 29/12/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v tặng danh hiệu LĐTT(Kèm danh sách)	5199/QĐ-HVBCTT ngày 29/12/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v tặng danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở 2018 (Kèm danh sách)	5868/QĐ-HVBCTT ngày 18/12/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận danh hiệu thi đua năm 2019 (Kèm danh sách)	6210/QĐ-HVBCTT ngày 18/12/2019	HVBC&TT	
3.	H6.06.03.03.DC	Thông kê các hình thức khen thưởng của GV khoa QHQT từ 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	
		Quyết định v/v tặng thưởng Bằng khen của GD HVCTQG HCM (PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh)	2377-QĐ/HVCTQG ngày 16/6/2015	HVCTQGHCM	

		Quyết định v/v tặng thưởng Bằng khen của GD HVCTQG HCM (PGS.TS. Phạm Minh Sơn)	5131-QĐ/HVCTQG ngày 25/11/2015	HVCTQGHCM	
		Quyết định v/v tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (PGS.TS. Phạm Minh Sơn)	854 -QĐ/TTg ngày 13/7/2018	Thủ tướng CP	
		Quyết định v/v tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng LLCT (Lưu Thúy Hồng và Ngô Thị Thúy Hiền)	5424-QĐ/HVCTQG ngày 8/11/2019	HVCTQGHCM	
		Quyết định v/v tặng giấy khen	224/QĐ-HVBCTT ngày 19/1/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH năm 2016 (PGS.TS. Phạm Minh Sơn)	4116/QĐ-HVBCTT ngày 17/11/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v tặng giấy khen (PGS.TS. Phạm Minh Sơn)	522/QĐ-HVBCTT ngày 29/12/2017	HVBC&TT	
4.	H6.06.03.04	Thống kê GV được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển, nghỉ hưu (Kèm danh sách và hồ sơ)	2016 – 2020	HVBC&TT	
		Thống kê danh sách GV được tuyển dụng,	2016 – 2020	HVBC&TT	

	bổ nhiệm, điều chuyển, nghỉ hưu			
	Danh sách tuyển dụng từ năm 2016 – 2020 của Khoa QHQT (ThS. Trần Hà Chi, TS. Phạm Lê Dạ Hương, ThS. Nguyễn Thị Thu Hà 1989)	2016 – 2020	HVBC&TT	
	Hợp đồng làm việc xác định thời hạn của TS. Phạm Lê Dạ Hương	Số 5485/HĐ- HVBC&TT ngày 29/11/2018	HVBC&TT	
	Tờ trình v/v đề nghị bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý (PGS.TS. Phạm Minh Sơn)	Số 725/TTr- HVBC&TT ngày 11/3/2016	HVBC&TT	
	Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến đề nghị bổ nhiệm lại và kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý (PGS.TS. Phạm Minh Sơn)	2016	HVBC&TT	
	Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến tín nhiệm đề nghị bổ nhiệm lại CB quản lý của Khoa QHQT (PGS.TS. Phạm Minh Sơn)	2016	Khoa QHQT	
	Quyết định v/v bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý	Số 1075 - QĐ/HVCTQG ngày 23/3/2016	HVCTQGHCM	
	Thông báo v/v tiến hành Hội nghị lấy phiếu	Số 78 -QĐ/HVCTQG	HVCTQGHCM	

	tín nhiệm nhân sự dự kiến bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý HVBC&TT (PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh)	ngày 29/1/2019		
	Quyết định v/v bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh)	Số 518-QĐ/HVCTQG ngày 12/2/2019	HVCTQGHCM	
	Công văn HVBC&TT gửi HVCTQGHCM v/v thực hiện quy trình bổ nhiệm Trưởng khoa QHQT (PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh)	Số 692-CV/HVBCTT ngày 30/1/2019	HVBC&TT	
	Quyết định v/v điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý (TS. Lưu Thúy Hồng) (Kèm SYLL, Bản kiểm điểm, Kế khai thu nhập, Phiếu nhận xét Đảng viên)	Số 4243-QĐ/HVBC&TT ngày 26/9/2018	HVBC&TT	
	Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến đề nghị điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý (TS. Lưu Thúy Hồng)	2018	Khoa QHQT	
	Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến v/v đề nghị điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Trưởng khoa QHQT (TS. Lưu Thúy Hồng)	2018	HVBC&TT	
	Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức Khoa QHQT v/v lấy phiếu tín nhiệm	2018	HVBC&TT	

		bổ nhiệm lại Phó trưởng khoa			
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa QHQT (Đảng ủy)	2018	HVBC&TT	
		Danh sách Trưởng bộ môn khoa QHQT (PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh)	10/4/2020	HVBC&TT	
		QĐ v/v phân công cán bộ giữ chức vụ Trưởng bộ môn TTĐN cho PGS.TS. Nguyễn Ngọc Oanh	Số 2560/QĐ- HVBC&TT-TCCB ngày 31/7/2014	HVBC&TT	

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H06.06.04.01	Thông tư liên tịch Hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập	Số 28/2015/TTLT- BGDDĐT-BNV ngày 6/11/2015	BGDDĐT-BNV	
2.	H6.06.04.02	Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa QHQT	2016-2020	Khoa QHQT	
3.	H6.06.04.03	Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT	2016-2020	HVBC&TT	
4.	H6.06.04.04	Kế hoạch, quyết định, biên bản liên quan đến thi đua giờ giảng chất lượng cao (Kế	2016-2020	HVBC&TT	

		hoạch, quyết định về kết quả)			
		Quyết định v/v tặng giấy khen (ThS. Ngô Thị Thúy Hiền) năm 2017	Số 224 - QĐ/HVBC&TT ngày 19/1/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v tặng giấy khen (ThS. Ngô Thị Thúy Hiền)	Số 5282- QĐ/HVCTQG ngày 19/1/2018	HVCTQGHCM	
		Biên bản họp tổng kết phong trào thi đua dạy tốt, phục vụ tốt năm học 2017-2018	2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v tặng giấy khen đợt 2, năm học 2018 – 2019 (ThS. Nguyễn Thị Thu Hà 1989)	5497-QĐ HVBC&TT ngày 19/1/2019	HVBC&TT	
		Biên bản họp Ban Tổ chức phong trào thi đua dạy tốt, phục vụ tốt năm học 2017-2018	2018	HVBC&TT	
5.	H6.06.04.05	Biên bản họp đánh giá dự giờ giảng của GV hàng năm	2016-2020	Khoa QHQT	
6.	H6.06.04.06	Khảo sát mức độ hài lòng đối với năng lực GV bằng các hình thức: khảo sát, viết ý kiến vào giấy...	H6.06.04.19	Khoa QHQT	
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng					

nhu cầu đó.					
TT	Mã MC 6.5	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H6.06.05.01	Quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban TC-CB	2020	HVBC&TT	
2.	H6.06.05.02	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ GV hàng năm của HVBC&TT	2016-2020	HVBC&TT	
3.	H6.06.05.03	Thông báo về các chương trình học bổng của nước ngoài	2016-2020	HVBC&TT	
		Thông báo v/v đăng ký tuyển sinh cán bộ dự tuyển đào tạo thạc sĩ tại Nhật Bản năm 2018 theo đề án 165	Số 2204/- TB/HVBC&TT ngày 22/6/2017	HVBC&TT	
		Thông báo v/v đăng ký tuyển sinh đào tạo, bồi dưỡng tại Ấn Độ	Số 3781/- TB/HVBC&TT ngày 24/10/2017	HVBC&TT	
		Thông báo v/v đăng ký tuyển sinh cán bộ dự tuyển đào tạo THS năm 2018 theo đề án 165	Số 2875/- TB/HVBC&TT ngày 9/8/2017	HVBC&TT	
		Thông báo v/v đăng ký tham gia khóa bồi dưỡng trung hạn năm 2018	Số 1822/- TB/HVBC&TT ngày	HVBC&TT	

			24/4/2018		
		Thông báo v/v đăng ký tham gia khóa đào tạo tại Newzealand	Số 3281/- TB/HVBCTT ngày 31/7/2018	HVBC&TT	
		Thông báo v/v tuyển sinh cán bộ dự tuyển học bổng ICCR của Chính phủ Ấn Độ	Số 6272-TB/HVBCTT ngày 24/12/2019	HVBC&TT	
		Thông báo v/v đăng ký tham gia các khóa bồi dưỡng trung hạn năm 2019	Số 2304-TB/HVBCTT ngày 20/5/2019	HVBC&TT	
		Thông báo v/v đăng ký tuyển sinh cán bộ đi đào tạo TS tại Nhật Bản	Số 120- TB/HVBCTT ngày 9/1/2019	HVBC&TT	
		Thông báo v/v đăng ký tham gia dự tuyển CTĐT thạc sĩ tại Nhật Bản năm 2020	Số 5720 - TB/HVBCTT ngày 3/12/2019	HVBC&TT	
		Thông báo v/v đăng ký tham gia khóa bồi dưỡng trung hạn tại CH Pháp năm 2019	Số 2381 - TB/HVBCTT ngày 24/5/2019	HVBC&TT	
4.	H6.06.05.04	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ GV của Khoa	2016-2020	Khoa QHQT	
5.	H6.06.05.05	Thống kê kết quả khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng 2016-2020	2019-2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H6.06.06.01	Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy hàng năm của GV	2016-2020	Khoa QHQT	
2.	H6.06.06.02	Thông báo v/v lấy ý kiến các bên liên quan đối với dự thảo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của HVBC&TT	Số 2153-CV/HVBC&TT ngày 8/5/2019	HVBC&TT	
3.	H6.06.06.03	Tổng hợp ý kiến của khoa về dự thảo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của HVBC&TT	2019	Khoa QHQT	
4.	H6.06.06.04	Biên bản họp Hội nghị công nhân viên chức HVBC&TT	2016-2020	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội nghị cán bộ viên chức năm 2016	2017	HVBC&TT	
		Biên bản bầu Ban Thanh tra nhân dân năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức năm 2016	2017	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội nghị cán bộ viên chức	2018	HVBC&TT	

		năm 2017			
		Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức năm 2017	2018	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội nghị cán bộ viên chức năm 2018	2019	HVBC&TT	
		Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức năm 2018	2019	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội nghị cán bộ viên chức năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức năm 2019	2019	HVBC&TT	
5.	H6.06.06.05	Thống kê kết quả khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với thi đua, khen thưởng	2016-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát GV	2019	HVBC&TT	
6.	H6.06.06.06	Tổng hợp thống kê những cải tiến trong quy trình, quy định, triển khai đánh giá xếp loại, thi đua, khen thưởng trong giai đoạn đánh giá (2017-2019)	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá xếp loại tập thể cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua 2019	Số 910-HD/HVCTQG ngày 9/10/2019	HVCTQGHCM	
		Hướng dẫn đánh giá xếp loại tập thể cá nhân	Số 4752-	HVBC&TT	

		nhân và bình xét danh hiệu thi đua 2019	HD/HVBC&TT ngày 22/10/2019		
		Hướng dẫn đánh giá xếp loại công chức viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2018	2018	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá xếp loại công chức viên chức người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2018	Số 5460- HD/HVBC&TT ngày 26/11/2018	HVBC&TT	
		Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại đối với công chức viên chức và người lao động năm 2017	Số 468-HD/HVCTQG ngày 30/10/2017	HVCTQGHCM	
		Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại đối với công chức viên chức và người lao động năm 2017	3998-HD/HVBC&TT ngày 7/11/2017	HVBC&TT	
7.	H6.06.06.07	Quyết định nâng lương trước thời hạn cho GV		HVBC&TT	
8.	H6.06.06.08	Báo cáo tổng kết của Ban TC - CB hàng năm liên quan đến khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua - khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV	2016 - 2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất					

lượng.					
TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H6.06.07.01	Danh sách các công trình khoa học được xã hội hóa của GV ngành QHQT, Khoa QHQT	2016-2020	Khoa QHQT	
2.	H6.06.07.02	Thống kê các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng của GV ngành QHQT, Khoa QHQT	2016-2020	HVBC&TT Khoa QHQT	
		Thống kê các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng của GV	2016-2020	Khoa QHQT	
		Thống kê NCKH GV năm 2016 (Sử dụng kinh phí HVCTQGHCM)	2016	HVBC&TT	
		Thống kê NCKH GV năm 2016 (Sử dụng kinh phí HVCBC&TT)	2016	HVBC&TT	
		Thống kê NCKH GV năm 2017 (Sử dụng kinh phí HVCTQGHCM)	2017	HVBC&TT	
		Thống kê NCKH GV năm 2017 (Sử dụng kinh phí HVCBC&TT)	2017	HVBC&TT	

		Thống kê NCKH GV năm 2018 (Sử dụng kinh phí HVCTQGHCM)	2018	HVBC&TT	
		Thống kê NCKH GV năm 2018 (Sử dụng kinh phí HVCBC&TT)	2018	HVBC&TT	
		Thống kê NCKH GV năm 2018 (Sử dụng kinh phí HVCBC&TT)	2018	HVBC&TT	
3.	H6.06.07.03	Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của HVBC&TT	Số 881/QĐ-HCVBCTT ngày 25 tháng 9 năm 2011	HVBC&TT	
4.	H6.06.07.04	Kế hoạch NCKH hàng năm	2016-2020	HVCTQGHCM HVBC&TT Khoa QHQT	
		Kế hoạch KH trọng điểm sử dụng kinh phí HVCTQGHCM	2010-2020	HVBC&TT	
		Quyết định v/v giao nhiệm vụ KH và kinh phí năm 2020 (Danh mục nhiệm vụ KH kèm theo)	Số 6620/QĐ-HVCTQG ngày 23 tháng 12 năm 2019	HVCTQGHCM	
		Quyết định v/v giao nhiệm vụ KH và kinh	Số 7893/QĐ-	HVCTQGHCM	

		phí năm 2019 (Danh mục nhiệm vụ KH kèm theo)	HVCTQG ngày 21 tháng 12 năm 2018		
		Quyết định v/v giao nhiệm vụ KH và kinh phí năm 2018 (Danh mục nhiệm vụ KH kèm theo)	Số 6613/QĐ-HVCTQG ngày 28 tháng 12 năm 2017	HVCTQGHCM	
		Quyết định v/v giao nhiệm vụ KH và kinh phí năm 2017 (Danh mục nhiệm vụ KH kèm theo)	Số 6480/QĐ-HVCTQG ngày 26 tháng 12 năm 2016	HVCTQGHCM	
		Quyết định v/v giao nhiệm vụ KH và kinh phí năm 2016 (Danh mục nhiệm vụ KH kèm theo)	Số 5695/QĐ-HVCTQG ngày 28 tháng 12 năm 2015	HVCTQGHCM	
		Kế hoạch KH cơ sở sử dụng kinh phí HVBC&TT (Đề tài KH dành cho GV, SV, HTKH, TTKH)	2016-2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch KH sử dụng kinh phí của khoa QHQT	2016-2020	Khoa QHQT	
5.	H6.06.07.05	Đăng ký hoạt động khoa học hàng năm của Khoa QHQT	2016-2020	Khoa QHQT	
6.	H6.06.07.06	Thông kê kết quả nghiên cứu đề tài khoa học: số lượng, xếp loại	2016-2020	Khoa QHQT	
7.	H6.06.07.07	Thông báo về kế hoạch kiểm tra tiến độ	2016-2020	HVBC&TT	

		khoa học hàng năm			
8.	H6.06.07.08	Hồ sơ kiểm tra tiến độ khoa học hàng năm	2016-2020	Khoa QHQT	
9.	H6.06.07.09	Đôi sánh kết quả NCKH của GV ngành QHQT và QHCC, HVBC&TT	2016-2020	Khoa QHQT	

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 7

<i>Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>					
TT	Mã MC 7.1	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H7.07.01.01.DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	Số 770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC&TT	
2.	H7.07.01.02.DC	Chiến lược phát triển Khoa QHQT đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa QHQT	
3.	H7.07.01.03.DC	Đề án vị trí việc làm	2020	HVBC&TT	
4.	H7.07.01.04.DC	Biên bản họp Hội nghị công nhân viên chức Khoa QHQT	2016-2020	Khoa QHQT	
5.	H7.07.01.05	Quyết định v/v điều động cán bộ (ThS. Nguyễn Thị Ngo)	Số 3073-QĐ/HVBCTT ngày 15/7/2019	HVBC&TT	
6.	H7.07.01.06	Quyết định v/v chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (ThS. Đỗ Thị Thanh Hà lên GV)	Số 3116 QĐ-HVBCTT ngày 26/7/2019	HVBC&TT	
7.	H7.07.01.07.DC	Hồ sơ quy trình tuyển dụng cán bộ (Tờ trình, Kế hoạch, hướng dẫn, thông báo, Quyết định	2016-2020	HVBC&TT	

	hội đồng, Quyết định tuyển dụng, Hợp đồng) 2016 – 2020			
	Kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm của HVBC&TT	2016-2020	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển dụng đăng trên các phương tiện truyền thông đại chúng (Website, báo...)	2020	HVBC&TT	
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức 2016	Số 4212/KH- HVBC&TT ngày 16/12/2015	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển dụng viên chức 2016	Số 4302/TB - HVBC&TT ngày 19/12/2015	HVBC&TT	
	Kế hoạch tuyển dụng viên chức 2017	Số 1007/KH- HVBC&TT ngày 10/3/2017	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển dụng viên chức 2017	Số 3768/TB - HVBC&TT ngày 24/10/2017	HVBC&TT	
	Thông báo v/v tuyển dụng GV tiếng Anh	Số 6376/TB- HVBC&TT ngày	HVBC&TT	

			30/12/2019		
		Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2020	Số 1316 - TB/HVBC&TT ngày 20/4/2020	HVBC&TT	
		Thông báo kết quả xét tuyển trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức 2020	Số 1990- TB/HVBC&TT ngày 29/5/2020	HVBC&TT	
		Kết quả tuyển dụng được thông báo tới ứng viên	2016-2020	HVBC&TT	
8.	H7.07.01.08.DC	Quyết định ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức	2013,2014	HVCTQGHCM, HVBC&TT	
		Quyết định ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức	Số 1437/QĐ-HVCT- HCQG ngày 02/5/2013	HVCTQGHCM	
		Quyết định ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức	Số 2440/QĐ- HVBC&TT ngày 10/7/2014	HVBC&TT	
9.	H7.07.01.09.DC	Thống kê các lớp đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn cho đội ngũ NV (Kèm danh sách, quyết định trong đó có kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng,...)	2016-2020	HVBC&TT	

	Danh sách cán bộ hỗ trợ đi đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học văn bằng 2 (Kèm quyết định) (5 đ/c)	2016-2020	HVBC&TT	
	Danh sách cán bộ GV đi bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	2016-2020	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử công chức viên chức đi học nghiên cứu sinh (Lê Hồng Quang)	Số 4834/QĐ- HVBC&TT ngày 20/12/2017	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử công chức viên chức đi học nghiên cứu sinh (Thái Hồng Đức)	Số 2163/QĐ- HVBC&TT ngày 19/6/2017	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử công chức viên chức đi đào tạo trình độ thạc sĩ	Số 3782/QĐ- HVBC&TT ngày 24/10/2017	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử công chức đi đào tạo trình độ tiến sĩ	Số 6237/QĐ- HVBC&TT ngày 20/12/2019	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử công chức viên chức đi học (Trần Đình Đức)	Số 4634/QĐ- HVBC&TT ngày 13/12/2017	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử công chức viên chức đi	Số 2606/QĐ-	HVBC&TT	

	học (Trần Thị Thảo Anh)	HVBC&TT ngày 4/8/2017		
	Danh sách cán bộ hỗ trợ đi học trung cấp lý luận chính trị, cao cấp lý luận chính trị	2016-2020	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử viên chức đi học lớp trung cấp lý luận chính trị (Đỗ tuần Tùng)	Số 1874/QĐ- HVBC&TT ngày 18/4/2019	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử viên chức đi học lớp trung cấp lý luận chính trị (Nguyễn Thị Lay Đơn)	Số 1879/QĐ- HVBC&TT ngày 18/4/2019	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử viên chức đi học lớp cao cấp lý luận chính trị (Phạm Ngọc Thúy Hằng)	Số 3715/QĐ- HVBC&TT ngày 4/9/2019	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử viên chức đi học lớp hoàn chỉnh chương trình cao cấp lý luận chính trị (Nguyễn Xuân Hiển)	Số 4971/QĐ- HVBC&TT ngày 4/11/2019	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử viên chức đi học lớp cao cấp lý luận chính trị (Nguyễn Thị Kim Oanh)	Số 5257/QĐ- HVBC&TT ngày 8/11/2019	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cử viên chức đi học lớp cao cấp lý luận chính trị (Vũ Hồng Thái)	Số 2819/QĐ- HVBC&TT ngày	HVBC&TT	

			25/8/2017		
		Quyết định v/v cử viên chức đi học hoàn chỉnh cao cấp lý luận chính trị (Trần Đình Đức)	Số 4511/QĐ-HVBC&TT ngày 8/12/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cử viên chức đi học hoàn chỉnh cao cấp lý luận chính trị (Trần Thị Thảo Anh)	Số 4516/QĐ-HVBC&TT ngày 8/12/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v mở lớp bồi dưỡng phương pháp QLĐT theo TC	Số 1402/QĐ-HVBC&TT ngày 7/5/2015	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cử công chức viên chức tham gia lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính	Số 1584/QĐ-HVBC&TT ngày 5/5/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v mở lớp bồi dưỡng ứng dụng CNTT trong dạy học	Số 3977/QĐ-HVBC&TT ngày 11/9/2018	HVBC&TT	
10.	H7.07.01.10.DC	Quy chế chi tiêu nội bộ		HVBC&TT	
		Quyết định v/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần 3		HVBC&TT	
		Quyết định v/v Ban hành điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại	Số 977/QĐ-HVBC&TT ngày	HVBC&TT	

		HVBCT&TT	2/4/2014		
11.	H7.07.01.11.DC	Hồ sơ năng lực đội ngũ NV hỗ trợ ngành QHQT	2016-2020	HVBC&TT	
		Danh sách NV hỗ trợ ngành QHQT	2016-2020	HVBC&TT	
		Văn bằng chứng chỉ	2016-2020	HVBC&TT	
12.	H7.07.01.12	Khảo sát SV về mức độ hài lòng đối với Trung tâm TTKH	2016-2020	HVBC&TT	
13.	H7.07.01.13.DC	Quy chế làm việc của Khoa, phân công cán bộ chuyên trách của khoa	2016-2020	Khoa QHQT	
14.	H7.07.01.14	Danh sách tài liệu bắt buộc, tham khảo của Khoa QHQT	2016-2020	Khoa QHQT	
15.	H7.07.01.15.DC	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát SV cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2016-2020	HVBC&TT	
		Thống kê mức độ hài lòng của SV về cán bộ hỗ trợ	2016-2020	HVBC&TT	
16.	H7.07.01.16.DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại thi đua, khen thưởng của cán bộ hỗ trợ ngành QHQT hàng năm	2016-2020	HVBC&TT	
		Danh sách cán bộ hỗ trợ thuộc các đơn vị trong trường tham gia CTĐT ngành QHQT (Kết quả đánh giá, xếp loại)	2016-2020	HVBC&TT	

		Phiếu tự đánh giá, chấm điểm công chức, viên chức, người lao động năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Phiếu tự đánh giá, chấm điểm công chức, viên chức, người lao động năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Phiếu tự đánh giá, chấm điểm công chức, viên chức, người lao động năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Bảng khen đ/c Trần Đình Đức đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2018-2019	2019	Đoàn khối các cơ quan Trung ương	
17.	H7.07.01.17	Đối thoại Ban Giám đốc – Sinh viên	2016-2020	HVBC&TT	
18.	H7.07.01.18	Phương hướng hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng của Khoa	2016-2020	Khoa QHQT	
19.	H7.07.01.19	Các hoạt động hỗ trợ SV của CVHT	2016-2020	Khoa QHQT	
20.	H7.07.01.20	Thống kê các hoạt động hỗ trợ SV khó khăn, học bổng	2016-2020	HVBC&TT	
		Công văn đề nghị Báo Quân đội nhân dân trao học bổng cho SV HVBC&TT	2477HVBC&TT (21/8/2015)	HVBC&TT	
		Công văn gửi Ngân hàng bưu điện Liên Việt và Báo Thanh niên đề nghị cấp học bổng cho SV HVBC&TT	3423HVBC&TT (22/10/2015)	HVBC&TT	
		Công văn gửi Quỹ Tấm lòng Việt Đai	3864HVBC&TT	HVBC&TT	

	Truyền hình Việt Nam v/v tài trợ cho SV có hoàn cảnh khó khăn tại HVBC&TT	(23/11/2015)		
	Quyết định v/v trao tài trợ cho SV	3863/QĐ-HVBCTT (23/11/2015)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v trao tài trợ cho SV	4497/QĐ-HVBCTT (31/12/2015)	HVBC&TT	
	Công văn gửi Ngân hàng bưu điện Liên Việt và Báo Thanh niên đề nghị cấp học bổng cho SV HVBC&TT	4030HVBC&TT (28/11/2016)	HVBC&TT	
	Báo cáo v/v chọn SV nhận học bổng Lienviet Post Bank	24/11/2016	HVBC&TT	
	Quyết định v/v trao tiền hỗ trợ cho SV gặp khó khăn	633/QĐ-HVBCTT (7/2/2018)	HVBC&TT	
	Công văn gửi Báo Đầu tư v/v lựa chọn SV được học bổng	1255/HVBC&TT (16/3/2018)	HVBC&TT	
	Báo cáo Giám đốc v/v hỗ trợ SV gặp khó khăn	13/8/2018	HVBC&TT	
	Công văn gửi Vụ Giáo dục chính trị & Công tác học sinh SV – Bộ GD&ĐT v/v tặng giải thưởng Vừ A Dính cho SV HVBC&TT	1191CV/HVBCTT (1/3/2019)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích	1606/QĐ-HVBC&TT	HVBC&TT	

		học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 1 năm học 2014-2015 cho SV hệ đại học chính quy tập trung	(26/5/2015)		
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2014-2015 cho SV K31 hệ đại học chính quy tập trung	1895/QĐ-HVBC&TT (18/6/2015)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2014-2015 cho SV hệ đại học chính quy tập trung	3394/QĐ-HVBC&TT (12/10/2015)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 1 năm học 2015-2016 cho SV hệ đại học chính quy tập trung	1427/QĐ-HVBC&TT (29/4/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2015-2016 cho SV hệ đại học chính quy tập trung	3109/QĐ-HVBC&TT (22/9/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK1 năm học	1762/QĐ-HVBC&TT (16/5/2017)	HVBC&TT	

		2016-2017 cho SV hệ đại học chính quy tập trung			
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2016-2017 cho SV hệ đại học chính quy tập trung	3912/QĐ-HVBC&TT (31/10/2017)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 1 năm học 2017-2018 cho SV hệ đại học chính quy tập trung	1726/QĐ-HVBC&TT (19/4/2018)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2017-2018 cho SV hệ đại học chính quy tập trung	4327/QĐ-HVBC&TT (28/9/2018)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 1 năm học 2018-2019 cho SV hệ đại học chính quy tập trung	1674/QĐ-HVBC&TT (4/4/2019)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2018-2019 cho SV hệ đại học chính quy tập trung	4076QĐ/HVBC&TT (25/9/2019)	HVBC&TT	

	trung			
	Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 năm học 2018-2019 cho SV đại học chính quy các lớp chất lượng cao	2380/QĐ/HVBCTT (25/4/2019)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2 năm học 2018-2019 cho SV đại học chính quy các lớp chất lượng cao	4077/QĐ/HVBCTT (25/9/2019)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2015-2016 đối với SV hệ chính quy tập trung (Cấp bổ sung)	1426/QĐ-HVBCTT (29/4/2016)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2015-2016 đối với SV hệ chính quy tập trung (Cấp bổ sung)	2555/QĐ-HVBCTT (16/8/2016)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2016-2017 đối với SV hệ chính quy tập trung	3385/QĐ-HVBCTT (11/10/2016)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2016-2017 đối với SV hệ chính quy tập trung (Cấp bổ sung)	3054/QĐ-HVBCTT (11/9/2017)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với SV hệ chính quy tập trung (Cấp bổ sung)	2977/QĐ-HVBCTT (16/1/2016)	HVBC&TT	

		Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với SV hệ chính quy tập trung cấp bổ sung năm học 2018 - 2019	4404/QĐ-HVBCTT (4/10/2018)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với SV hệ chính quy tập trung năm học 2019 - 2020	4079/QĐ-HVBCTT (25/9/2019)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với SV hệ chính quy tập trung (bổ sung) năm học 2019 - 2020	219/QĐ-HVBCTT (14/1/2020)	HVBC&TT	
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.					
TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H7.07.02.01	Quy định của Nhà nước, Bộ GD&ĐT về tuyển dụng		CP, QH	
		Luật Viên chức	Số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010	QH	
		Nghị định 29 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	Số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012	CP	
		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học	Số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	QH	
2.	H7.07.02.02	Quyết định quy hoạch chức danh lãnh đạo,	2016, 2018	HVBC&TT	

		quản lý các tổ chức đảng, đơn vị, đoàn thể trực thuộc HVBC&TT			
		Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý HVCTQG HCM giai đoạn 2016-2020	Số 15/KH-HVCTQG ngày 27/1/2016	HVCTQG HCM	
		Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý HVBC&TT giai đoạn 2016-2020	Số 404/KH-HVBC&TT ngày 17/2/2016	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 diện GDHVCTQG HCM quản lý	Số 564/KH-HVCTQG ngày 7/12/2018		
		Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020	Số 5949-KH/HVBCTT ngày 21/12/2018	HVBC&TT	
3.	H7.07.02.03	Quyết định về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý	2016,2019	HVCTQG HCM	
		Quyết định về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý	Số 4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016	HVCTQG HCM	

		Quyết định về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý	Số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCTQGHCM	
4.	H7.07.02.04	Hồ sơ quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý phòng ban, trung tâm (Kế hoạch, hướng dẫn, thông báo, Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.) 2016 - 2020	2016-2020	HVBC&TT	
5.	H7.07.02.05	Quyết định v/v chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (ThS. Đỗ Thị Thanh Hà lên GV)	Số 3116 QĐ- HVBC TT ngày 26/7/2019	HVBC&TT	
6.	H7.07.02.06	Quyết định v/v điều động cán bộ (ThS. Nguyễn Thị Ngo)	Số 3073- QĐ/HVBC TT ngày 15/7/2019	HVBC&TT	
7.	H7.07.02.07	Thông báo lấy ý kiến của các đơn vị về Dự thảo Quy định tuyển dụng, bổ nhiệm	2020	HVBC&TT	
8.	H7.07.02.08	Báo cáo tổng kết hàng năm của Ban TC-CB khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, điều chuyển NV	2016-2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá.

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H7.07.03.01.DC	Quyết định về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQGHCM	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCTQGHCM	
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm	2016-2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2016	2016	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2017	2017	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2018	2018	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2019	2019	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công	2020	HVBC&TT	

		chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2020			
2.	H7.07.03.02.DC	Báo cáo tổng kết hội nghị CBVC HVBC&TT (2016-2020)	2016-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết Hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết Hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết Hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết Hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết Hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2020	2020	HVBC&TT	
3.	H7.07.03.03.DC	Thống kê mức độ hài lòng của GV về cán bộ hỗ trợ	2018-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát GV về chất lượng đào tạo (bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ	2018-2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.					
TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban	Nơi ban hành	Ghi chú

			hành		
1.	H7.07.04.01	Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, GV, NV của HVBC&TT hàng năm (2016-2020)	2016-2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, GV, NV của HVBC&TT năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, GV, NV của HVBC&TT năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, GV, NV của HVBC&TT năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, GV, NV của HVBC&TT năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, GV, NV của HVBC&TT năm 2020	2020	HVBC&TT	
2.	H7.07.04.02	Phiếu đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ GV hàng năm	2016-2020	Khoa QHQT	
		DS đăng ký cán bộ dự lớp học do Giám đốc HVCTQGHCN tổ chức năm 2017	2017	Khoa QHQT	
		Đăng ký nhu cầu của cán bộ công chức viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng do HVBC&TT tổ chức năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Danh sách đăng ký cán bộ dự lớp học do	2018	Khoa QHQT	

		Giám đốc HVCTQGHCM tổ chức năm 2018			
		Đăng ký nhu cầu của cán bộ công chức viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng do HVBC&TT tổ chức năm 2018	2018	Khoa QHQT	
		Danh sách đăng ký cán bộ dự lớp học do Giám đốc HVCTQGHCM tổ chức năm 2019	2019	Khoa QHQT	
		Đăng ký nhu cầu của cán bộ công chức viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng do HVBC&TT tổ chức năm 2019	2019	Khoa QHQT	
3.	H7.07.04.03	Thông báo v/v nâng ngạch dành cho cán bộ của HVBC&TT	Số 4292/HVBC&TT ngày 23/12/2015	HVBC&TT	
4.	H7.07.04.04	Đơn xin đi học ngắn hạn/dài hạn có ý kiến của lãnh đạo đơn vị	2016-2020	Đơn vị	
5.	H7.07.04.05.DC	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của HVBC&TT	2015, 2019	HVBC&TT	
		Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của HVBC&TT (2015)	Số 853/QĐ-HVCTQG ngày 25/2/2015	HVCTQGHCM	
		Quyết định Ban hành Quy định về chế độ làm thêm giờ của công chức, viên chức, người lao động	Số 1351/QĐ-HVBC&TT ngày 27/4/2015	HVBC&TT	
		Quyết định về việc ban hành Quy chế làm	Số 4371-	HVCTQGHCM	

		việc của HVBC&TT (2019)	QĐ/HVCTQG ngày 26/8/2019		
6.	H7.07.04.06	Khảo sát đội ngũ NV về mức độ hài lòng đối với các khóa học	2016-2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.					
TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H7.07.05.01	Quy chế CVHT	2016-2020	HVBC&TT	
2.	H7.07.05.02	Danh sách cán bộ hỗ trợ được nâng lương trước thời hạn (Kèm Quyết định)	2016-2020	HVBC&TT	
		Thông báo nâng bậc lương trước thời hạn	2016-2020	HVBC&TT	
		Danh sách nâng lương trước thời hạn (Khoa QHQT)	2016-2019	HVBC&TT	
		Quyết định v/v nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ công chức viên chức theo thành tích xuất sắc năm 2016	Số 3857/QĐ-HVBC&TT ngày 17/11/2016	HVBC&TT	
		Danh sách cán bộ công chức viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn theo thành tích xuất sắc năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Quyết định v/v nâng bậc lương trước thời	Số 614 -	HVBC&TT	

		hạn đối với người lao động theo thành tích năm 2018	QĐ/HVBC&TT ngày 24/1/2019		
3.	H7.07.05.03	Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa hàng năm	2016-2020	Khoa QHQT	
4.	H7.07.05.04	Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT hàng năm	2016-2020	HVBC&TT	
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT năm 2020	2020	HVBC&TT	
5.	H7.07.05.05	Bản đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của NV các phòng, ban	2016-2020	HVBC&TT	
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của NV Khoa QHQT	2016-2019	Khoa QHQT	
		Đăng ký thi đua năm học 2016-2017	2017	Khoa QHQT	

		Đăng ký thi đua năm 2018	2018	Khoa QHQT	
		Đăng ký thi đua năm 2019	2019	Khoa QHQT	
		Đăng ký thi đua năm 2020	2020		
6.	H7.07.05.06	Bảng chấm công hàng tháng	2016-2020	HVBC&TT	
7.	H7.07.05.07	Báo cáo tổng kết ý kiến trong cuộc Đối thoại Ban Giám đốc – Sinh viên	2016-2020	HVBC&TT	
8.	H7.07.05.08	Thông báo v/v lấy ý kiến các bên liên quan đối với dự thảo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng	2153-CV/HVBC&TT ngày 8/5/2019	HVBC&TT	
9.	H7.07.05.09	Thống kê kết quả khảo sát cán bộ, NV về mức độ hài lòng đối với thi đua, khen thưởng	2016-2020	HVBC&TT	
10.	H7.07.05.10	Tổng hợp thống kê những cải tiến trong quy trình, quy định, triển khai đánh giá xếp loại, thi đua, khen thưởng trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBC&TT	

TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ SỰ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật					
TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H8.08.01.01.DC	Đề án tuyển sinh hàng năm	2016-2020	HVBC&TT	
		Đề án tự chủ tuyển sinh đại học chính quy tập trung năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh năm 2017	Số 589/ĐA-HVBCTT-ĐT (10/2/2017)	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh năm 2018	Số 1269/ĐA-HVBCTT-ĐT (19/3/2018)	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh năm 2019	Số 1326-ĐA/HVBCTT-ĐT (18/3/2019)	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh năm 2020	2020	HVBC&TT	
2.	H8.08.01.02.DC	Các kênh quảng bá tuyển sinh: Livestream, AJC open day, tư vấn tuyển sinh v.v	2016-2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh năm 2018 (AJC Open Day)	Số 1399/KH-HVBCTT (19/3/2018)	HVBC&TT	
		Kế hoạch tư vấn tuyển sinh năm 2018	Số 507/KH-HVBCTT-	HVBC&TT	

			ĐT (15/1/2018)		
		Kế hoạch tổ chức chương trình tư vấn tuyển sinh năm 2015	Số 251/KH-HVBCTT (19/1/2015)	HVBC&TT	
		Kế hoạch tổ chức ngày hội chinh phục AJC tư vấn tuyển sinh đại học năm 2017	Số 2017/KH-HVBCTT-ĐT (5/6/2017)	HVBC&TT	
		Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp AJC Open Day 2019	Số 920-KH/HVBCTT (27/2/2019)	HVBC&TT	
		Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp trực tuyến AJC Open Day Online 2020	Số 1771-KH/VBCTT (20/5/2020)	HVBC&TT	
		Kế hoạch tư vấn tuyển sinh năm 2019	Số 6171-KH/HVBCTT-ĐT (27/12/2018)	HVBC&TT	
		Kế hoạch tổ chức tọa đàm trực tuyến tư vấn điều chỉnh nguyện vọng	Số 3644-KH/HVBCTT (15/9/2020)	HVBC&TT	
		Kế hoạch chi tiết ngày hội tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp 2020	Số 2275-KH/HVBCTT (16/6/2020)	HVBC&TT	
		Kế hoạch tham gia ngày hội tư vấn tuyển	Số 2521-	HVBC&TT	

		sinh định hướng nghề nghiệp cho học sinh trên địa bàn thành phố Hoà Bình năm 2020	KH/HVBCCTT (2/7/2020)		
3.	H8.08.01.03.DC	Công thông tin tuyển sinh: http://tuyensinhajc.edu.vn/	2016-2020	HVBC&TT	
4.	H8.08.01.04.DC	Bảng so sánh chính sách tuyển sinh trong giai đoạn đánh giá (Đối tượng, phạm vi, phương thức, tiêu chí, v.v.) của ngành đào tạo	2016-2020	Khoa QHQT	
5.	H8.08.01.05.DC	Quy trình xây dựng chính sách tuyển sinh	2020	HVBC&TT	
6.	H8.08.01.06.DC	Báo cáo khảo sát của nhà tuyển dụng về nhu cầu nhân lực	2018,2019		
		Báo cáo Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng đối với chất lượng đào tạo của HVBC&TT năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng đối với chất lượng đào tạo của HVBC&TT năm 2019	2019	HVBC&TT	
7.	H8.08.01.07	Báo cáo kết quả khảo sát SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm	2017-2020	HVBC&TT	
8.	H8.08.01.08	Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của địa phương/quốc gia	2016-2020	Khoa QHQT	

9.	H8.08.01.09.DC	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh	2016-2020		
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định	2018	HVBC&TT	

		điểm trúng tuyển đại học năm 2018			
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	2020	HVBC&TT	
10.	H8.08.01.10.DC	Thống kê số lượng thí sinh đăng ký, trúng tuyển, nhập học	2016-2020	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2016 diện tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, dự bị dân tộc	Số 2389/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 1/8/2016	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2016	Số 2774/ QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 1/9/2016	HVBC&TT	

		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2016	Số 2660/QĐ-HVBCCTT ngày 15/8/2016	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2017	Số 3460/QĐ-HVBCCTT ngày 2/8/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2017	Số 3459/ QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 21/8/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2018 diện xét tuyển học bạ đối với học sinh trường chuyên/năng khiếu	Số 3158/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 15/7/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2018	Số 3504/ QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 14/8/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2018 diện tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, dự bị dân tộc	Số 3159/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 13/7/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2018	Số 3336/QĐ-HVBCCTT ngày	HVBC&TT	

			6/8/2018		
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2019	Số 3299/QĐ-HVBCCTT ngày 8/8/2019	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2019 diện xét học bạ đối với học sinh trường THPT chuyên/ năng khiếu, trường THPT công lập	Số 3077/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 15/7/2019	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2019	Số 3550/ QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 24/8/2019	HVBC&TT	
11.	H8.08.01.11.DC	Thông kê kết quả tuyển sinh từng năm trong giai đoạn đánh giá của HVBCCTT theo các ngành (Kèm quyết định công nhận trúng tuyển đại học)	2016-2020	Khoa QHQT HVBC&TT	
12.		Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh đại học chính quy			
	H8.08.01.12.DC	Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2017 nguyện vọng bổ sung	Số 2754/TB/HVBCCTT-ĐT ngày 18/8/2017	HVBC&TT	
		Thông báo điểm trúng tuyển các ngành,	3334/TB/HVBCCTT-	HVBC&TT	

		chuyên ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2018	ĐT ngày 6/8/2018		
		Thông báo điểm trúng tuyển và thủ tục xác nhận nhập học đại học chính quy tập trung năm 2018 diện xét tuyển học bạ	Số 3157/TB/HVBCTT- ĐT ngày 15/7/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2018	Số 3504/QĐ/HVBCTT- ĐT ngày 14/8/2018	HVBC&TT	
		Thông báo điểm trúng tuyển và thủ tục xác nhận nhập học đại học chính quy tập trung năm 2019 diện xét tuyển học bạ	Số 3076- QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 15/7/2019	HVBC&TT	
		Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	Số 3298- TB/HVBCTT-ĐT ngày 8/8/2019	HVBC&TT	
		Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh đại học chính quy đợt bổ sung năm 2019	Số 3497- TB/HVBCTT-ĐT ngày 23/8/2019	Ban QLĐT	
		Thông báo điểm trúng tuyển các chuyên ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2015	Số 2485/TB-HVBCTT ngày 24/8/2015	HVBC&TT	
		Thông báo điểm trúng tuyển nguyện vọng bổ	Số 2772/TB-	HVBC&TT	

		sung tuyển sinh đại học chính quy năm 2015	HVBC&TT-ĐT ngày 9/9/2015		
		Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2016	Số 2535/TB-HVBC&TT ngày 13/8/2016	HVBC&TT	
		Thông báo danh sách thí sinh diện tuyển thẳng hệ đại học chính quy tập trung năm 2015	Số 2324/TB- HVBC&TT-ĐT ngày 10/8/2015	HVBC&TT	
		Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh đại học chính quy nguyện vọng bổ sung đợt 1 năm 2016	Số 2800/TB-HVBC&TT ngày 31/8/2016	HVBC&TT	
		Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy năm 2017	Số 2442/TB- HVBC&TT-ĐT ngày 31/7/2017	HVBC&TT	
13.	H8.08.01.13.DC	Thống kê các CLB kèm minh chứng (Quyết định thành lập các CLB trực thuộc Khoa; các chương trình hoạt động của CLB và danh sách SV tham gia...)	2016-2020	Khoa QHQT	
14.	H8.08.01.14.DC	Biên bản họp khoa	2016-2020	Khoa QHQT	
15.	H8.08.01.15	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy của HVBC&TT	2016-2020		

		Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	Số 1608-TB/HVBCTT-ĐT ngày 11/5/2020	HVBC&TT	
		Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	Số 1595-TB/HVBCTT-ĐT ngày 30/3/2019	HVBC&TT	
		Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2018	Số 1447/TB-HVBCTT-ĐT ngày 3/4/2018	HVBC&TT	
		Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2016	Số 341/BC-HVBCTT-ĐT ngày 29/1/2016	HVBC&TT	

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H8.08.02.01	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy các năm của HVBCTT	2016-2020	HVBC&TT	
Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2016		Số 321/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 27/1/2016	HVBC&TT		
Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển		Số 508/QĐ-HVBCTT-	HVBC&TT		

		sinh đại học hệ chính quy năm 2017	ĐT ngày 7/2/2017		
		Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2018	Số 418/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 23/1/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019	Số 905-QĐ/HVBC&TT-ĐT ngày 15/2/2019	HVBC&TT	
		Quyết định v/v bổ sung và thay thế Ủy viên Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019	Số 3014-QĐ/HVBC&TT-ĐT ngày 5/7/2019	HVBC&TT	
		Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020	Số 1346-QĐ/HVBC&TT-ĐT ngày 22/4/2020	HVBC&TT	
2.	H8.08.02.02	Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 01/2019... quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020	Bộ GD-ĐT	
3.	H8.08.02.03	Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ giáo dục và Đào tạo.		BGD-ĐT	
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.					
TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

1.	H8.08.03.01.DC	Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy hệ TC	3777/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017	HVBC&TT	
2.	H8.08.03.02	Đề án vị trí việc làm của Ban QLĐT (Vị trí hỗ trợ giám sát tiến độ học tập của người học)	2020	HVBC&TT	
3.	H8.08.03.03	Đề án vị trí việc làm của Khoa (Vị trí hỗ trợ giám sát tiến độ học tập của người học như chuyên viên VPK, CVHT)	2020	HVBC&TT	
4.	H8.08.03.04	Đề án vị trí việc làm của Phòng CTCT&HTSV (Vị trí hỗ trợ giám sát tiến độ trong học tập và rèn luyện của người học)	2020	HVBC&TT	
5.	H8.08.03.05	Công thông tin sinh viên	2016-2020	HVBC&TT	
6.	H8.08.03.06	Sổ tay sinh viên	2016-2020	HVBC&TT	
		Sổ tay sinh viên 2016	2016	HVBC&TT	
		Sổ tay sinh viên 2017	2017	HVBC&TT	
		Sổ tay sinh viên 2018	2018	HVBC&TT	
		Đường link website sổ tay sinh viên 2019	2019	HVBC&TT	
		Đường link website sổ tay sinh viên 2020	2020	HVBC&TT	
7.	H8.08.03.07	Kế hoạch đào tạo đối với CTĐT trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBC&TT	
8.	H8.08.03.08	Website (Link có bản mô tả chương trình đào	2016-2020	HVBC&TT	

		tạo ngành QHQT và các thông tin liên quan đến đào tạo)			
		Bản mô tả chương trình đào tạo ngành QHQT	2016-2020	HVBC&TT	
9.	H8.08.03.09	Dữ liệu kết quả học tập của người học (Điểm trung bình GPA)	2016-2020	HVBC&TT	
10.	H8.08.03.10	Bản tổng hợp đăng ký TC của SV đã được CVHT duyệt	2016-2020	HVBC&TT	
11.	H8.08.03.11	Thống kê kết quả học tập của người học	2016-2020	Ban QLĐT	
12.	H8.08.03.12	Thống kê kết quả rèn luyện của SV	2016-2020	Phòng CTCT	
13.	H8.08.03.13	Thống kê tỷ lệ xếp loại học tập, rèn luyện của SV năm học 2019-2020	2016-2020	Ban QLĐT	
14.	H8.08.03.14	Danh sách cán bộ chuyên trách được phân công giám sát tiến bộ học tập trong rèn luyện của CTĐT (Ban QLĐT, Khoa QHQT, Phòng CTCT&HTSV)	2016-2020	HVBC&TT	
15.	H8.08.03.15	Hoạt động hỗ trợ người học của Khoa: - Hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng, cải thiện ... - Biên bản họp phản ánh sinh viên - Biên bản họp lớp của CVHT	2016-2020	Khoa QHQT	

		- Các minh chứng khác: tin nhắn...			
16.	H8.08.03.16	- Biên bản họp cảnh báo - Danh sách SV tồn đọng của Khoa	2016-2020	Khoa QHQT	
17.	H8.08.03.17	Quyết định ban hành Quy định về công tác CVHT trong đào tạo theo hệ thống TC của HVBC&TT	Số 3935/QĐ-HVBC&TT – DT ngày 25/11/2015	HVBC&TT	
18.	H8.08.03.18	Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng CTCT&HTSV	2020	HVBC&TT	
19.	H8.08.03.19	Học bổng, hỗ trợ SV khó khăn	2016-2020	HVBC&TT	
		Công văn đề nghị Báo Quân đội nhân dân trao học bổng cho SV HVBC&TT	2477HVBC&TT (21/8/2015)	HVBC&TT	
		Công văn gửi Ngân hàng bưu điện Liên Việt và Báo Thanh niên đề nghị cấp học bổng cho SV HVBC&TT	3423HVBC&TT (22/10/2015)	HVBC&TT	
		Công văn gửi Quỹ Tấm lòng Việt Đài Truyền hình Việt Nam v/v tài trợ cho SV có hoàn cảnh khó khăn tại HVBC&TT	3864HVBC&TT (23/11/2015)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v trao tài trợ cho SV	3863/QĐ-HVBC&TT (23/11/2015)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v trao tài trợ cho SV	4497/QĐ-HVBC&TT	HVBC&TT	

			(31/12/2015)		
		Công văn gửi Ngân hàng bưu điện Liên Việt và Báo Thanh niên đề nghị cấp học bổng cho SV HVBC&TT	4030/HVBC&TT (28/11/2016)	HVBC&TT	
		Báo cáo v/v chọn sinh viên nhận học bổng Lienviet Post Bank	24/11/2016	HVBC&TT	
		Quyết định v/v trao tiền hỗ trợ cho SV gặp khó khăn	633/QĐ-HVBC&TT (7/2/2018)	HVBC&TT	
		Công văn gửi Báo Đầu tư v/v lựa chọn SV được học bổng	1255/HVBC&TT (16/3/2018)	HVBC&TT	
		Báo cáo Giám đốc v/v hỗ trợ SV gặp khó khăn	13/8/2018	HVBC&TT	
		Công văn gửi Vụ Giáo dục chính trị & công tác học sinh SV – Bộ GD&ĐT v/v tặng giải thưởng Vừ A Dính cho SV HVBC&TT	1191CV/HVBC&TT (1/3/2019)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 1 năm học 2014-2015 cho SV hệ đại học chính quy tập trung	1606/QĐ-HVBC&TT (26/5/2015)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học	1895/QĐ-HVBC&TT (18/6/2015)	HVBC&TT	

		2014-2015 cho SV K31 hệ đại học chính quy tập trung			
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2014-2015 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	3394/QĐ-HVBC&TT (12/10/2015)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 1 năm học 2015-2016 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	1427/QĐ-HVBC&TT (29/4/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2015-2016 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	3109/QĐ-HVBC&TT (22/9/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 1 năm học 2016-2017 cho SV hệ đại học chính quy tập trung	1762/QĐ-HVBC&TT (16/5/2017)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2016-2017 cho sinh viên hệ đại học chính	3912/QĐ-HVBC&TT (31/10/2017)	HVBC&TT	

		quy tập trung			
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 1 năm học 2017-2018 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	1726/QĐ-HVBC&TT (19/4/2018)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2017-2018 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	4327/QĐ-HVBC&TT (28/9/2018)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 1 năm học 2018-2019 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	1674/QĐ-HVBC&TT (4/4/2019)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2018-2019 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	4076QĐ/HVBC&TT (25/9/2019)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 năm học 2018-2019 cho SV đại học chính quy các lớp chất lượng cao	2380QĐ/HVBC&TT (25/4/2019)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích	4077QĐ/HVBC&TT	HVBC&TT	

		học tập học kỳ 2 năm học 2018-2019 cho SV đại học chính quy các lớp chất lượng cao	(25/9/2019)		
		Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2015-2016 đối với SV hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	1426/QĐ-HVBCCTT (29/4/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2015-2016 đối với SV hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	2555/QĐ-HVBCCTT (16/8/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2016-2017 đối với SV hệ chính quy tập trung	3385/QĐ-HVBCCTT (11/10/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2016-2017 đối với SV hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	3054/QĐ-HVBCCTT (11/9/2017)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	2977/QĐ-HVBCCTT (16/1/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với SV hệ chính quy tập trung cấp bổ sung năm học 2018 - 2019	4404/QĐ-HVBCCTT (4/10/2018)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với SV hệ chính quy tập trung năm học 2019 - 2020	4079/QĐ-HVBCCTT (25/9/2019)	HVBC&TT	

		Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với SV hệ chính quy tập trung (bổ sung) năm học 2019 - 2020	219/QĐ-HVBCCTT (14/1/2020)	HVBC&TT	
20.	H8.08.03.20	Thông kê các nguyên nhân chậm tốt nghiệp, thôi học, trượt tốt nghiệp (Kèm các Quyết định)	2016-2020	HVBC&TT Khoa QHQT	
		Quyết định v/v cho SV Nguyễn Hồng Ngọc (QHCT&TTQT 35A2) thôi học và đơn xin thôi học	3387/QĐ-HVBCCTT (11/10/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cho SV Nguyễn Khánh Thu Uyên (QHCT&TTQT 35A2) thôi học và đơn xin thôi học	667/QĐ-HVBCCTT (9/3/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cho SV Hồ Thị Thanh Trà (QHCT&TTQT 35A2) thôi học và đơn xin thôi học	2596/QĐ-HVBCCTT (15/8/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cho SV Ngô Kỳ Duyên (QHCT&TTQT 35A2) thôi học và đơn xin thôi học	2861/QĐ-HVBCCTT (5/9/2016)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cho SV Lương Phương Thanh (QHCT&TTQT 36A2) thôi học và đơn xin thôi học	276/QĐ-HVBCCTT (17/1/2017)	HVBC&TT	

		Quyết định v/v cho SV Nguyễn Ngọc Diễm (QHQT36A2) thôi học và đơn xin thôi học	772/QĐ-HVBCTT (24/2/2017)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cho SV Nguyễn Đức Duy (QHCT&TTQT 35A1) thôi học và đơn xin thôi học	277/QĐ-HVBCTT (17/1/2017)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cho SV Nguyễn Gia Việt (QHCT&TTQT 35A2) thôi học và đơn xin thôi học	578/QĐ-HVBCTT (10/2/2017)	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cho SV Nguyễn Thuỳ Linh (QHQT 36A2) thôi học và đơn xin thôi học	2593/QĐ-HVBCTT- ĐT (7/8/2017)	HVBC&TT	
21.	H8.08.03.21.DC	Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT		HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBCTT 30/9/2019	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBCTT 31/10/2017	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC&TT	
22.	H8.08.03.22.DC	Báo cáo tổng kết năm học của Khoa	2016-2020	Khoa QHQT	
23.	H8.08.03.23.DC	Báo cáo tổng kết năm học của Học viện	2016-2020	HVBC&TT	
24.	H8.08.03.24	Sơ đồ minh họa sự tiến bộ của SV K36	2019	Khoa QHQT	MC điền

					hình
25.	H8.08.03.25	So sánh tỷ lệ SV ngành QHQT hoàn thành CTĐT trong 5 năm gần đây	2016-2020	Khoa QHQT	
		Thống kê về thời gian tốt nghiệp của SV trong CTĐT	2016-2020	HVBC&TT	
26.	H8.08.03.26	Thống kê danh sách SV không đăng ký đủ TC	2016-2020	HVBC&TT	
27.	H8.08.03.27	Phần mềm quản lý đào tạo (Maxman)	2016-2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.					
TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H8.08.04.01	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của Khoa QHQT	2020	HVBC&TT	
2.	H8.08.04.02	Đề án vị trí việc làm của Khoa (vị trí CVHT)	2020	HVBC&TT	
3.	H8.08.04.03	Quy định chức năng nhiệm vụ của Ban QLKH	2020	HVBC&TT	
4.	H8.08.04.04	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm KT&KĐCLĐT	2020	HVBC&TT	
5.	H8.08.04.05	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của			

		Phòng CTCT&HTSV	2020	HVBC&TT	
6.	H8.08.04.06	- Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa - Kế hoạch gặp mặt đầu năm giữa Khoa với tân SV	2016-2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân, học sinh, SV năm học 2016-2017 cho SV K36	Số 2740/KH- HVBC&TT ngày 26/8/2016	HVBC&TT	
		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân học sinh, SV năm học 2017-2018 cho SV K37	Số 2566/KH- HVBC&TT ngày 24/8/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân học sinh, SV năm học 2018-2019 cho SV K38	Số 3396/KH- HVBC&TT ngày 8/8/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân học sinh, SV năm học 2019-2020 cho SV K39	Số 3347/KH- HVBC&TT ngày 8/8/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân học sinh, SV năm học 2020 -2021 cho SV K40	2020	HVBC&TT	
7.	H8.08.04.07	Website: đường link các thông tin về hoạt động đào tạo	2016-2020	HVBC&TT	
		MC về sự cập nhật các thông tin liên quan	2016-2020	HVBC&TT	

		đến học tập trên cổng thông tin của SV		Khoa QHQT	
8.	H8.08.04.08.DC	- Thống kê các hoạt động hỗ trợ học tập (Kèm minh chứng) - Minh chứng về các hoạt động ngoại khóa của SV	2016-2020	HVBC&TT Khoa QHQT	
		Quyết định v/v trao giải cho các đơn vị đạt giải thưởng Gian trại ấn tượng và giải khuyến khích trong ngày hội Tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp	Số 1615/QĐ/HVBCTT ngày 28/3/2019	HVBC&TT	
		Danh sách SV xin xác nhận vay vốn tín dụng năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Danh sách SV xác nhận vay vốn năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Danh sách SV làm xác nhận vay vốn tín dụng năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Danh sách SV nộp giấy xác nhận vay vốn năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho SV năm học 2015-2016	Số 285/QĐ-HVBCTT ngày 18/1/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho SV năm học 2016-2017	Số 286/QĐ-HVBCTT ngày 18/1/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho	Số 5107/QĐ-	HVBC&TT	

		SV năm 2017	HVBC TT ngày 27/12/2017		
		Danh sách SV được nhận hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2018 (đợt 1)	2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho SV 5 tháng đầu năm 2018 (đợt 2)	Số 4993QĐ/HVBC TT ngày 31/10/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho SV 5 tháng cuối năm 2018 (đợt 3)	Số 4994QĐ/HVBC TT ngày 31/10/2018	HVBC&TT	
9.	H8.08.04.09	Website có chứa thông tin của GV: Họ tên, email, số điện thoại...	2016-2020	HVBC&TT	
10.	H8.08.04.10.DC	- Ảnh, biên bản, văn bản... về hoạt động hỗ trợ của CVHT - Thành lập nhóm của lớp trên mạng xã hội (FB, zalo...)	2016-2020	Khoa QHQT	
11.	H8.08.04.11.DC	Thống kê các hoạt động thi đua, ngoại khóa (số lượng và danh sách SV tham gia kèm minh chứng)	2016-2020	HVBC&TT	
12.	H8.08.04.12	Bảng phân công khối lượng nghiên cứu, giảng dạy hàng năm	2016-2020	Khoa QHQT	
13.	H8.08.04.13	- Kỷ yếu hội thảo khoa học SV 2019, 2020 - Thống kê đề tài KH, số lượng SV tham gia	2019-2020	Khoa QHQT	

14.	H8.08.04.14.DC	Thông kê các loại học bổng, hỗ trợ cho SV	2016-2020	Khoa QHQT	
15.	H8.08.04.15	Thông kê khen thưởng của SV	2016-2020	HVBC&TT Khoa QHQT	
		Quyết định khen thưởng của BCH Đoàn HVBC&TT cho 3 sự kiện xuất sắc năm học 2015-2016	Số 445QĐ/ĐTN ngày 25/3/2016	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	
		Quyết định khen thưởng của BCH Đoàn HVBC&TT cho cá nhân là thủ lĩnh Đoàn xuất sắc năm học 2015 - 2016	Số 446QĐ/ĐTN ngày 25/3/2016	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	
		Quyết định khen thưởng của Ban thường vụ Đoàn khối các cơ quan Trung ương cho tập thể và cá nhân thuộc Đoàn HVBC&TT có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm học 2015-2016	Số 66QĐ/ĐTNK-VP ngày 30/9/2016	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	
		Quyết định khen thưởng của Ban thường vụ Đoàn khối các cơ quan Trung ương cho tập thể và cá nhân thuộc Đoàn HVBC&TT có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm học 2016-2017	Số 161QĐ/ĐTNK-VP ngày 2/11/2017	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	
		Quyết định khen thưởng của HVCTQGHCMT cho tập thể và cá nhân xuất sắc của Đoàn	Số 84-QĐ/ĐTNHV ngày 2/11/2017	Đoàn Thanh niên	

		thanh niên HVBC&TT năm học 2016-2017		HVBC&TT	
		Quyết định v/v khen thưởng công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2016-2017 (có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn)	Số 01QĐ/ĐTN ngày 3/11/2017	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	
		Quyết định khen thưởng của Đoàn HVBC&TT cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm học 2017-2018	Số 02QĐ/ĐTN ngày 20/9/2018	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	
		Quyết định khen thưởng Đoàn HVBC&TT	Số 333QĐ/ĐTNHVBCCTT ngày 16/4/2019	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	
		Quyết định khen thưởng Đoàn HVBC&TT cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn nhiệm kỳ 2017 - 2019	Số 443QĐ/ĐTN ngày 20/11/2019	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	
		Quyết định khen thưởng của Đoàn HVBC&TT cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm học 2018 - 2019	Số 444QĐ/ĐTN ngày 20/11/2019	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	
		Quyết định khen thưởng của Đoàn HVCTQG HCM cho tập thể và cá nhân Đoàn HVBC&TT có thành tích xuất sắc trong công	Số 12-QĐ/ĐTNHV ngày 27/11/2019	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	

		tác Đoàn nhiệm kỳ 2017 - 2019			
		Quyết định khen thưởng của Đoàn HVCTQGHCN cho tập thể và cá nhân Đoàn HVBC&TT có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm học 2018 - 2019	Số 11-QĐ/ĐTNHV ngày 27/11/2019	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	
16.	H8.08.04.16	Kế hoạch Đối thoại giữa Ban Giám đốc và SV	2016-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp ý kiến đối thoại giữa Ban Giám đốc – Sinh viên	2016-2020	HVBC&TT	
17.	H8.08.04.17	Quyết định cử đoàn đi thực tế, thực tập	2016-2020	HVBC&TT	
18.	H8.08.04.18	Biên bản ghi nhớ/ký kết với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng	2017-2020	HVBC&TT Khoa QHQT	
19.	H8.08.04.19	- Thống kê các hoạt động hỗ trợ việc làm, các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm (số lượng và danh sách SV được hỗ trợ, kèm minh chứng) - HTKH SV của Khoa có nội dung định hướng/cơ hội việc làm - Danh sách SV tham dự	2016-2020	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	
		Thống kê các hoạt động rèn luyện, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho SV trong giai đoạn 2016-2020	2016-2020	Đoàn Thanh niên HVBC&TT	

		Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho SV năm học 2017-2018	Số 03KH/ĐTNHVBCTT ngày 13/9/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho sinh viên năm học 2019-2020	Số 27KH/ĐTNHVBCTT ngày 20/8/2019	HVBC&TT	
		Hội thảo KHSV			
20.	H8.08.04.20	Thống kê tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBC&TT	
21.	H8.08.04.21	Thống kê kết quả tốt nghiệp của SV	2016-2020	HVBC&TT	
		Thống kê số lượng SV tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn; thời gian SV tốt nghiệp ngành QHQT	2016-2020	HVBC&TT	
		Tổng hợp danh sách SV tốt nghiệp muộn K33-K35	2016-2020	HVBC&TT	
22.	H8.08.04.22	Thống kê mức độ hài lòng của SV về dịch vụ hỗ trợ đào tạo và việc làm	2016-2020	HVBC&TT	
23.	H8.08.04.23	Báo cáo khảo sát SV cuối khoá	2016-2020	HVBC&TT	
24.	H8.08.04.24	Thống kê kết quả học tập, rèn luyện của SV	2016-2020	Khoa QHQT	

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

TT	Mã MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H8.08.05.01	Biên bản họp phản ánh SV hàng tháng	2016-2020	Khoa QHQT	
2.	H8.08.05.02	Danh sách Ban cán sự, Ban chấp hành chi đoàn	2016-2020	Khoa QHQT	
3.	H8.08.05.03	Hệ thống PCCC của HVBC&TT và hồ sơ nghiệm thu	2016-2020	HVBC&TT	
4.	H8.08.05.04	Dữ liệu khám sức khoẻ định kỳ đối với SV (Kế hoạch và danh sách)	2016-2020	HVBC&TT	
		Thống kê số lượng SV tham gia bảo hiểm y tế kèm danh sách	2016-2020	HVBC&TT	
5.	H8.08.05.05	Biên bản làm việc về phối hợp giữa HVBC&TT và công an khu vực, chính quyền quận Cầu Giấy để đảm bảo an ninh cho SV	2016-2020	HVBC&TT	
6.	H8.08.05.06	Báo cáo kết quả khảo sát SV cuối khoá (về CSVC và điều kiện tâm lý, môi trường, xã hội)	2016-2020	HVBC&TT	
7.	H8.08.05.07	Thống kê mức độ hài lòng của SV về đội ngũ NV hỗ trợ	2016-2020	HVBC&TT	

8.	H8.08.05.08	Sơ đồ tổng quan HVBC&TT	2020	HVBC&TT	
9.	H8.08.05.09	Sơ đồ các toà nhà A1, A2, B1-B11	2020	HVBC&TT	
10.	H8.08.05.10	Thống kê số lượng, diện tích và danh sách các phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc, giải trí, thể thao phục vụ CTĐT	2020	HVBC&TT	
11.	H8.08.05.11	Sơ đồ tổng quan HVBC&TT	2020	HVBC&TT	
12.	H8.08.05.12	Thống kê số lượng, mật độ cây xanh	2020	HVBC&TT	
13.	H8.08.05.13	Bảng biểu nội quy/quy tắc ứng xử trong môi trường sư phạm (Ảnh)	2020	HVBC&TT	
		Giấy đề nghị v/v khẩu hiệu hưởng ứng quy định về ứng xử văn hoá	2019	HVBC&TT	
14.	H8.08.05.14	Báo cáo kết quả khảo sát GV (về CSVC và điều kiện tâm lý, môi trường, xã hội)	2018-2020	HVBC&TT	
15.	H8.08.05.15	Báo cáo tổng kết năm học của Văn phòng, HVBC&TT	2016-2020	Văn phòng, HVBC&TT	

TIÊU CHUẨN 9 CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Stt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H9.09.01.01 DC	Thông kê cơ sở vật chất: phòng học, phòng thực hành, các trang thiết bị, tiện ích của Học viện BCTT	2020	HVBC&TT	
		Sơ đồ tổng quan Học viện	2020	HVBC&TT	
2.	H9.09.01.02 DC	Danh mục trang thiết bị tại các phòng học, giảng đường			
		Biên bản kiểm kê tài sản các tòa nhà B1-B11	2016-2020	HVBC&TT	
3.	H9.09.01.03	Sơ đồ nhà A1	2016	HVBC&TT	
4.	H9.09.01.04	Thông kê diện tích khoa QHQT	2020	HVBC&TT	
5.	H9.09.01.05 DC	Thông kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền			
		Hợp đồng, hoá đơn chứng từ liên quan tới việc mua sắm trang thiết bị hàng năm (MC điển hình)	2016 - 2020	HVBC&TT	
6.	H9.09.01.06 DC	<i>Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục cải tạo nâng cấp hệ thống PCCC tại các tòa nhà ở học viện</i>			

		Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Cải tạo ký túc xá nhà E6	2014	HVBC&TT	
		Hồ sơ bản thiết kế thi công A3 và A4	2018	HVBC&TT	
		Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nhà hành chính trung tâm	2018	HVBC&TT	
7.	H9.09.01.07 DC	BB kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ nghiệm thu về PCCC			
		Biên bản kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ nghiệm thu về PCCC	2019	Công an TP Hà Nội	
		Công văn của Công an Hà Nội về việc nghiệm thu PCCC	2020	Công an TP Hà Nội	
8.	H9.09.01.08 DC	Sơ đồ hệ thống phòng học	2020	HVBC&TT	
9.	H9.09.01.09	Thống kê mức độ hài lòng của SV về CSVC, CNTT	2016 - 2020	HVBC&TT	
10.	H9.09.01.10 DC	Thống kê mức độ hài lòng của GV về CSVC, CNTT	2018 - 2020	HVBC&TT	
11.	H9.09.01.11 DC	Hợp đồng kinh tế liên quan đến hạ tầng mạng, cung cấp dịch vụ, bảo trì bảo dưỡng từ 2016-2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
12.	H9.09.01.12 DC	QĐ ban hành Quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành chức năng của HVBC&TT		HVBC&TT	

13.	H9.09.01.13	Thông kê cơ sở vật chất khoa QHQT			
		Biên bản kiểm kê tài sản khoa QHQT	2016-2020	HVBC&TT	
14.	H9.09.01.14	Sơ đồ quy hoạch xây dựng HVBC&TT do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt		HVBC&TT	
15.	H9.09.01.15	Kế hoạch đầu tư, xây dựng, cải tạo hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng và trang thiết bị	2016 - 2020		
		Quyết định v/v giao danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2016 của HVBC&TT	Số 189, 15/01/2016	HVBC&TT	
		Quyết định v/v bổ sung danh mục mua sắm tài sản năm 2017 của HVBC&TT	Số 6199, 18/12/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018 của HVBC&TT	Số 1044, 05/03/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2019 của HVBC&TT	Số 8670, 28/12/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v giao danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2020 của HVBC&TT	2020	HVBC&TT	
		Biên bản đề nghị sửa chữa và bảo trì CSVC	2016-2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu					
Stt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H9.09.02.01	Thống kê các trang thiết bị trong thư viện 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	
2.	H9.09.02.02	Thống kê ngân sách mua tài liệu ngành QHQT từ 2015-2020			
		Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp cơ sở dữ liệu cho thư viện	2016-2020	HVBC&TT	
		Quyết định về việc lựa chọn đơn vị xây dựng công cụ phần mềm hỗ trợ số hóa tài liệu nhanh và số hóa tài liệu ngoại văn	1802-QĐ/HVBCTT ngày 28/2/2016; 1211-QĐ/HVBCTT ngày 9/2/2017; 1415-QĐ/HVBCTT ngày 5/3/2018; 893-QĐ/HVBCTT ngày 30/1/2019	HVBC&TT	
		Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp sách cho thư viện	4846-QĐ/HVBCTT ngày 2/10/2018; 1261-QĐ/HVBCTT ngày 28/2/2019; 1598-	HVBC&TT	

			QĐ/HVBC TT ngày 2/3/2020		
3.	H9.09.02.03	Thống kê số lượng sách báo tạp chí và học liệu phục vụ CTĐT ngành QHQT từ 2015-2020	2015 - 2020	HVBC&TT	
4.	H9.09.02.04	Danh mục tài liệu số ngành QHQT	2020	Khoa QHQT	
5.	H9.09.02.05	Tủ sách khoa QHQT	2020	Khoa QHQT	
6.	H9.09.02.06	Các quyết định: Lựa chọn đơn vị cung cấp báo, tạp chí cho trung tâm thông tin các năm từ 2015-2020	2016-2020	HVBC&TT	
7.	H9.09.02.07	Thống kê mức độ hài lòng của SV về thư viện 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	
8.	H9.09.02.08	Hệ thống hướng dẫn, nội quy trung tâm và các phòng phục vụ của Thư viện	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Nội quy Thư viện trên website và tại các phòng phục vụ của Thư viện	2016-2020	HVBC&TT	
		Nội quy Thư viện, đường link cơ sở dữ liệu điện tử của thư viện số	2020	HVBC&TT	
		Thông tin hướng dẫn cách tra cứu, mượn trả sách, sử dụng thư viện điện tử, nội quy và thời gian phục vụ của Thư viện cho sinh viên năm nhất	16/01/2017, 28/12/2018	HVBC&TT	

9.	H9.09.02.09	Giao diện trang chủ thư viện	2020	HVBC&TT	
10.	H9.09.02.10	Sơ đồ hoạt động của trung tâm thư viện	2020 - 2021	HVBC&TT	
11.	H9.09.02.11	Danh mục về việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện từ năm 2015 đến nay			
		Quyết định v/v lựa chọn đơn vị cung cấp đề can màu	2234-QĐ/HVBCTT ngày 30/3/2016	HVBC&TT	
		Quyết định v/v lựa chọn đơn vị đóng báo, tạp chí	3894 - QĐ/HVBCTT ngày 14/9/2016	HVBC&TT	
		Quyết định v/v lựa chọn đơn vị cung cấp chỉ từ, mực in mã vạch, tem mã vạch	4407-QĐ/HVBCTT 1/10/2016	HVBC&TT	
		Quyết định v/v lựa chọn đơn vị xử lý tài liệu phòng mượn tự chọn của thư viện	2042 -QĐ/HVBCTT 20/3/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v lựa chọn đơn vị đóng tài liệu cho TT TTKH	1A-QĐ/HVBCTT 4/1/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v lựa chọn đơn vị xử lý tài liệu phòng đọc mở Thư viện	4847-QĐ/HVBCTT 1/10/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v lựa chọn đơn vị pho-to tài liệu của thư viện	953-QĐ/HVBCTT 22/2/2019	HVBC&TT	
		Quyết định v/v lựa chọn đơn vị xử lý tài liệu kho nhiều bản của thư viện	3736 -QĐ/HVBCTT 25/8/2019	HVBC&TT	
		Quyết định v/v lựa chọn đơn vị cung cấp chỉ từ	2347-QĐ/HVBCTT	HVBC&TT	

		cho thư viện	12/4/2019		
		Quyết định v/v lựa chọn đơn vị nâng cấp thư viện số	3737-QĐ/HVBCTT 25/8/2019	HVBC&TT	
		Quyết định v/v lựa chọn đơn vị đóng tài liệu cho TT TTKH	4145-QĐ/HVBCTT 04/9/2019	HVBC&TT	
12.	H9.09.02.12	Danh mục sách tại thư viện số của Học viện	2016-2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Stt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H9.09.03.01 DC	Thống kê phòng học, thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị kèm theo	2016 – 2020	HVBC&TT	
2.	H9.09.03.02 DC	Quyết định ban hành Nội quy phòng học, nội quy sd phòng máy tính, nội quy sd studio (kèm MC ảnh dán nội quy trước cửa các phòng)	Số 3479, ngày 30/10/2015	HVBC&TT	
		Quyết định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành, chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 386, ngày 11/02/2020	HVBC&TT	
3.	H9.09.03.03 DC	Quyết định kèm Quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành của AJC			
		Quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ của Văn phòng HVBCTT (Minh chứng về đơn vị phụ trách	2018	HVBC&TT	

		quản lý phòng thực hành)			
4.	H9.09.03.04 DC	Báo cáo đầu tư mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập gđ 2015 – 2019 (CNTT, phần mềm)	2015 - 2019	HVBC&TT	
5.	H9.09.03.05	Kế hoạch đầu tư, xây dựng, cải tạo hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị từ 2015-2019	2016 – 2020	HVBC&TT	
		Quyết định v/v giao danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2016 của HVBC&TT	Số 189, 15/01/2016	HVBC&TT	
		Quyết định v/v bổ sung danh mục mua sắm tài sản năm 2017 của HVBC&TT	Số 6199, 18/12/2017	HVBC&TT	
		Quyết định v/v giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018 của HVBC&TT	Số 1044, 05/03/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2019 của HVBC&TT	Số 8670, 28/12/2018	HVBC&TT	
		Quyết định v/v giao danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2020 của HVBC&TT	2020	HVBC&TT	
		Biên bản đề nghị sửa chữa và bảo trì CSVC	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị dạy học qua các năm	2016 - 2020	HVBC&TT	

6.	H9.09.03.06	Bảng theo dõi – Nhật ký sử dụng các phòng máy tính			
		Nhật kí sử dụng phòng máy tính, B1.304	2016 – 2017	HVBC&TT	
		Nhật kí sử dụng phòng lab ngoại ngữ B3.103	2016 – 2017 2017 – 2018	HVBC&TT	
		Sổ ghi thông tin lịch giảng dạy phòng thực hành	2016 – 2017	HVBC&TT	
7.	H9.09.03.07	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục: cải tạo sửa chữa nhà B11	2019	HVBC&TT	
8.	H9.09.03.08	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục: cải tạo và xây dựng nhà A3, A4 (2018)	2018	HVBC&TT	
9.	H9.09.03.09	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cải tạo và nâng cấp nhà B3	2018	HVBC&TT	

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Stt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H9.09.04.01	Sơ đồ hệ thống mạng	2020	HVBC&TT	
2.	H9.09.04.02	Hợp đồng kinh tế liên quan đến hạ tầng mạng, cung cấp dịch vụ, bảo trì bảo dưỡng từ 2016-2020			
		Hợp đồng cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng	2015	HVBC&TT	
		Biên bản nhiệm thu và thanh lí hợp đồng	2016	HVBC&TT	

	Hợp đồng lắp đặt hệ thống mạng Internet không dây cho tòa nhà E6	2016	HVBC&TT	
	Hợp đồng kinh tế gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng năm 2017”	2017	HVBC&TT	
	HĐ kinh tế gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng kết nối Internet năm 2018”	2018	HVBC&TT	
	Hợp đồng kinh tế	2018	HVBC&TT	
	Hợp đồng bảo trì	2018	HVBC&TT	
	Hợp đồng mua bán hàng hóa	2018	HVBC&TT	
	Hợp đồng kinh tế triển khai hệ thống chấm công	2018	HVBC&TT	
	Hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ	2019	HVBC&TT	
	Hợp đồng bảo trì dịch vụ mạng, máy chủ	2019	HVBC&TT	
	HĐ số 01/2019 gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng kết nối Internet năm 2019 của HVBC&TT”	2019	HVBC&TT	
	Hợp đồng bảo trì hệ thống máy tính	2015 - 2019	HVBC&TT	
	Hợp đồng bảo trì tổng đài điện thoại	2015 - 2018	HVBC&TT	
	Biên bản đề nghị sửa chữa và bảo trì CSVC	2016 - 2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật					
Stt	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H9.09.05.01	Văn bản tham mưu về điều kiện đảm bảo cho người khuyết tật	2019	HVBC&TT	
2.	H9.09.05.02	Quy định về môi trường, GD an toàn lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường	80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017	Chính phủ VN	
3.	H9.09.05.03	Kế hoạch khám sức khỏe cho sinh viên từ 2015-2019			
		Kế hoạch khám sức khỏe sinh viên đầu khoá	2015 - 2019	HVBC&TT	
		Thông báo kết quả khám sức khỏe sinh viên	2015	Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp	
		Bảng tổng hợp phân loại khám sức khỏe sinh viên các lớp	2017 - 2019	Bệnh viện Hữu nghị	
		Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe hệ sinh viên	2017	Trung tâm bác sĩ gia đình Hà Nội	
4.	H9.09.05.04	Thống kê hoạt động PCCC và phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn 2015-2019			
		Quyết định số về việc kiện toàn lực lượng PCCC	3711/QĐ-	HVBC&TT	

			HVBC&TT-VP năm 2016		
		Quyết định số về việc thành lập lực lượng PCCC	1772/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2016, 1775/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2016	HVBC&TT	
		Kế hoạch tổ chức nghiệp vụ và diễn tập PCCC	1462/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2017, 4924/KH- HVBC&TT-VP năm 2018, 5318/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2018	HVBC&TT	
		Quyết định về việc thành lập Ban chỉ huy, chống thiên tai; phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn	1773/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2016; 1774/QĐ-	HVBC&TT	

			HVBC&TT-VP năm 2016, 1900/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2017, 2610/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2018		
		Quyết định thành lập lực lượng phòng chống thiên tai; phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn	1901/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2017, 2611/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2018, 2659/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2019 2660/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch chuẩn bị lực lượng, trang thiết bị, phương	1783/QĐ-	HVBC&TT	

		tiện, hậu cần và phương án tác chiến phối hợp Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	HVBC&TT-VP năm 2015, 2189/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2016, 2190/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2016, 2251/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2017, 2252/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2017, 2834/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2018, 2887/KH- HVBC&TT-VP năm 2019, 2888/KH-		
--	--	---	---	--	--

			HVBC&TT-VP năm 2019		
5.	H9.09.05.05	Kế hoạch khám sức khỏe cho CBVC từ 2015-2019			
		Bảng tổng kết kết quả khám sức khỏe định kỳ cán bộ trường học	2015	Bệnh viện Hữu nghị	
		Kế hoạch tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, viên chức	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Bảng kết quả Khám sức khỏe cán bộ	2016	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	
		Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe cán bộ nhân viên	2017	Trung tâm bác sĩ gia đình Hà Nội	
		Bảng tổng hợp phân loại khám sức khỏe định kỳ cán bộ nhân viên	2018	Bệnh viện Hữu nghị	
		Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe cán bộ nhân viên	2019	Bệnh viện Hữu nghị	
6.	H9.09.05.06	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên ngành QHQT về môi trường tâm lý xã hội	2016 - 2020	HVBC&TT	
7.	H9.09.05.07	Thống kê mức độ hài lòng của GV ngành QHQT về môi trường tâm lý xã hội			
		Thống kê mức độ hài lòng của GV về môi trường tâm lý xã hội trong giai đoạn 2016 – 2020 (chương	2020	HVBC&TT	

		trình QHQT)			
		Bảng tổng kết kết quả khám sức khỏe định kỳ cán bộ trường học	2015	HVBC&TT	
8.	H9.09.05.08	Thống kê mức độ hài lòng của nhân viên về môi trường tâm lý xã hội	2016 - 2020	HVBC&TT	
9.	H9.09.05.09	Ảnh chụp phòng học và công tác vệ sinh tại các phòng học	2020	HVBC&TT	
10.	H9.09.05.10	Văn bản phối hợp giữa Phòng Bảo vệ, Ban Quản lý KTX với Công an phường Dịch Vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh trật tự	2016-2020	HVBC&TT	
11.	H9.09.05.11	Ảnh chụp đỗ xe theo quy định, tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho toàn thể CB, GV và SV	2020	HVBC&TT	
12.	H9.09.05.12	Các biên bản kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường, kiểm tra vệ sinh chất lượng ăn uống, nước sinh hoạt,...			
		Biên bản kiểm tra giám sát vệ sinh trường học	23/3/2017, 15/4/2018	Sở Y tế Hà Nội	
		Biên bản giám sát công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch	9/9/2015, 9/6/2016,	Sở Y tế Hà Nội	

			23/3/2017, 16/4/2018, 12/3/2019		
		Biên bản làm việc kiểm tra chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt	16/4/2018, 12/03/2019	Sở Y tế Hà Nội	

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 10

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H10.10.01.01 DC	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT- KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBC&TT	
2.	H10.10.01.02	Thống kê các loại hình khảo sát, hình thức, phương pháp khảo sát, nhiệm vụ của các bên liên quan trong giai đoạn 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
3.	H10.10.01.03 DC	QĐ về việc ban hành quy chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CLĐT	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan	3/11/2015	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy	2003/QĐ-HVBC&TT ngày 05/6/2017	HVBC&TT	

4.	H10.10.01.04 DC	Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo đại học	3094/HD-HVBCCTT-ĐT ngày 18/6/2018	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo	2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020	HVBC&TT	
5.	H10.10.01.05 DC	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về môn học trong giai đoạn 2016-2020 chương trình ngành QHQT (kèm theo các kế hoạch khảo sát sv, cựu sv, nhà tuyển dụng, giảng viên, nhân viên về CLĐT)	2016 - 2020	HVBC&TT	
6.	H10.10.01.06 DC	Khảo sát sinh viên về chất lượng môn học và giảng dạy theo học kỳ (cuối kỳ học)	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	

		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBCTT 10/5/2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBCTT 31/10/2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
7.	H10.10.01.07 DC	Khảo sát nhân viên về chế độ chính sách	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBCTT 8/11/2018		
		Mẫu phiếu khảo sát	2018-2020	HVBC&TT	
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điền hình)	2018-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT	

8.	H10.10.01.08 DC	Khảo sát giảng viên về chế độ chính sách	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2019	5176 - KH/HVBCTT 29/10/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020-2021	2020	HVBC&TT	
		Mẫu phiếu khảo sát	2018-2020	HVBC&TT	
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điền hình)	2018-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT	
		9.	H10.10.01.09 DC	Đối sánh các phiên bản của CTĐT ngành QHQT	2018, 2020
10.	H10.10.01.10 DC	Khảo sát nhà tuyển dụng hàng năm về chất lượng đào tạo của nhà trường năm 2017-2020	2016 - 2020	HVBC&TT	

11.	H10.10.01.11 DC	Báo cáo kết quả tổng hợp khảo sát sinh viên cuối khoá 32-36	2016 - 2020	HVBC&TT	
12.	H10.10.01.12 DC	Thống kê tình trạng việc làm của sv tốt nghiệp 2016-2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
13.	H10.10.01.13 DC	Báo cáo kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sv sau tốt nghiệp 2016-2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
14.	H10.10.01.14 DC	Biên bản họp PASV hàng tháng	2016 - 2020	Khoa QHQT	
15.	H10.10.01.15 DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT ngành QHQT	2018, 2020	Khoa QHQT	
16.	H10.10.01.16 DC	CTĐT ngành QHQT	2016, 2018, 2020	Khoa QHQT	
17.	H10.10.01.17 DC	Biên bản Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Học viện và các phòng chức năng	2016 - 2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

TT	Mã minh chứng MC	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
-----------	-----------------------------	-----------------------	-----------------------------------	---------------------	----------------

1.	H10.10.02.01	CTDH của khoa QHQT	2016, 2018, 2020	Khoa QHQT	
2.	H10.10.02.02 DC	Tiến độ giảng dạy của GV khoa QHQT	2016 - 2020	Khoa QHQT	
3.	H10.10.02.03 DC	Ảnh chụp công thông tin sinh viên về lịch học	2016 - 2020	Khoa QHQT	
4.	H10.10.02.04	Kế hoạch xây dựng và cập nhật đề cương chi tiết học phần	6521/KH_HVBCCTT (ngày 28/12/2018)	HVBC&TT	
5.	H10.10.02.05	Quyết định về thành lập Hội đồng khoa học - đào tạo của HVBCCTT	2018	HVBC&TT	
6.	H10.10.02.06	Ảnh chụp họp khoa rà soát chương trình	2020	Khoa QHQT	

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H10.10.03.01	Quyết định thành lập hội đồng khoa học khoa	2018	HVBC&TT	
2.	H10.10.03.02	Lịch học/kế hoạch giảng dạy các kỳ được cập nhật lên website trường (ảnh chụp)	2016 - 2020	HVBC&TT	

3.	H10.10.03.03	Biên bản họp Khoa/tổ bộ môn trong xây dựng, cập nhật CTĐT	2016 - 2020	Khoa QHQT	
4.	H10.10.03.04	Đề cương chi tiết học phần (quy định hình thức kiểm tra, đánh giá)	2016, 2018, 2020	Khoa QHQT	
5.	H10.10.03.05	Quy chế đào tạo của Học viện	3777 ngày 18/10/2017	HVBC&TT	
6.	H10.10.03.06	Quy định về kiểm tra đánh giá	Số: 2647/ HD- HVBC TT (09/07/2020)	HVBC&TT	
7.	H10.10.03.07	Quy định về tổ chức quản lý thi kết thúc HP	2989/QĐ- HVBC&TT-KT (01/09/2017)	HVBC&TT	
8.	H10.10.03.08	Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm	2016 - 2020	HVBC&TT	
9.	H10.10.03.09	Biên bản họp dự giờ, phiếu đánh giá, kết quả đánh giá	2016 - 2020	HVBC&TT	
10.	H10.10.03.10	Sổ theo dõi, kiểm tra hoạt động giảng dạy tại theo thời khóa biểu của thanh tra	2016 - 2020	HVBC&TT	
11.	H10.10.03.11	Sổ theo dõi, kiểm tra hoạt động giảng dạy tại theo thời khóa biểu của đào tạo	2016 - 2020	HVBC&TT	
12.	H10.10.03.12	Quy định công tác khảo thí	2989/QĐ-	HVBC&TT	

			HVBC&TT-KT (01/09/2017)		
13.	H10.10.03.13	Quy định và hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi	Ngày 30/11/2015 Ngày Bổ sung quy định 2020	HVBC&TT	
14.	H10.10.03.14	Hướng dẫn thiết kế phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR	Số 2663/HD- HVBCTT (09/07/2020) Số: 2647/ HD- HVBCTT (09/07/2020)	HVBC&TT	
15.	H10.10.03.15	Quy định về chức năng/ nhiệm vụ cố vấn học tập	3935/QĐ- HVBC&TT Ngày 25/11/2015	HVBC&TT	
16.	H10.10.03.16	Bảng thống kê các hình thức, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá làm căn cứ	2020	Khoa QHQT	
17.	H10.10.03.17	Thống kê mức độ hài lòng của SV về CDR	2016 - 2020	HVBC&TT	
18.	H10.10.03.18	Hồ sơ thi giảng viên dạy giỏi, giảng dạy CLC khoa QHQT	2016 - 2020	HVBC&TT	
19.	H10.10.03.19	Các phiếu, hình thức, phương pháp kiểm	2016 - 2020	HVBC&TT	

		tra đánh giá trong CTĐT			
--	--	-------------------------	--	--	--

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H10.10.04.01	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	881/QĐ- HVBC&TT 25/9/2011	HVBC&TT	
2.	H10.10.04.02	Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của HVBC&TT	5061/ QĐ- HVBC&TT 27/12/2017	HVBC&TT	
3.	H10.10.04.03	Kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm			
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2015	464/KH- HVBC-TT 6/2/2015	HVBC&TT	
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2016	394/KH/HVBC -TT 1/2/2016	HVBC&TT	
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2017	291/KH/HVBC -TT	HVBC&TT	

			15/1/2017		
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2018	256/KH/HVBC -TT 15/1/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2019	167/KH/HVBC -TT 11/1/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2015	6164- QĐ/HVCTQG 25/12/2014	HVCTQGHC M	
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2016	5695- QĐ/HVCTQG 28/12/2015	HVCTQGHC M	
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2017	6480- QĐ/HVCTQG 26/12/2016	HVCTQGHC M	
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2018	6613- QĐ/HVCTQG 28/12/2017	HVCTQGHC M	
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2019	7893- QĐ/HVCTQG	HVCTQGHC M	

			21/12/2018		
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2020	6620- QĐ/HVCTQG 23/12/2019	HVCTQGHC M	
4.	H10.10.04.04	Quy định về NCKH			
5.	H10.10.04.05	Biên bản họp giao ban sinh viên có nội dung trao đổi, thông báo về kế hoạch NCKH sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
6.	H10.10.04.06	Biên bản họp khoa có nội dung trao đổi, thông báo về kế hoạch NCKH sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHQT	
7.	H10.10.04.07	Biên bản họp tổ bộ môn có nội dung trao đổi, thông báo về kế hoạch NCKH sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHQT	
8.	H10.10.04.08	Thư/email của thư ký khoa học cho cố vấn học tập và thành viên trong khoa thông báo đăng ký đề tài NCKH sinh viên theo kế hoạch	2016 - 2020	Khoa QHQT	
9.	H10.10.04.09	Danh mục đề tài khoa học của khoa QHQT	2016 - 2020	Khoa QHQT	
10.	H10.10.04.10	Quyết định giao đề tài các năm	2016 - 2020	HVBC&TT	
11.	H10.10.04.11	Quy định về NCKH của sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
12.	H10.10.04.12	Thống kê danh mục đề tài NCKH sinh viên trong giai đoạn đánh giá	2016 - 2020	Khoa QHQT	
13.	H10.10.04.13	Thống kê danh mục đề tài, các công trình khoa học:	2016 - 2020	Khoa QHQT	

		đề tài nghiên cứu khoa học, xuất bản, giáo trình, bài báo của giảng viên năm 2016 - 2020			
14.	H10.10.04.14	Thống kê các công trình khoa học: được sử dụng làm tài liệu bắt buộc, tham khảo trong đề cương học phần (2015-2020)	2016 - 2020	Khoa QHQT	
15.	H10.10.04.15	Bảng thống kê các hình thức áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV Khoa QHQT	2016 - 2020	Khoa QHQT	
16.	H10.10.04.16	Danh mục các bài báo khoa học trong nước và QT trong giai đoạn 2015 - 2020	2016 - 2020	Khoa QHQT	
17.	H10.10.04.17	Quyết định khen thưởng thành tích nghiên cứu khoa học của trường từ năm 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H10.10.05.01	Thống kê cơ sở vật chất: phòng học, phòng thực hành, các trang thiết bị, tiện ích của Học viện BCTT	2016 - 2020	HVBC&TT	
2.	H10.10.05.02	Thống kê cơ sở vật chất: phòng học, phòng thực	2016 - 2020	HVBC&TT	

		hành, các trang thiết bị, tiện ích của khoa QHQT			
3.	H10.10.05.03	Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	Số 1650- ĐA/HVBCTT-ĐT Ngày 11/5/2020	HVBC&TT	
4.	H10.10.05.04	Danh mục phần mềm và hợp đồng kèm theo	2016 - 2020	HVBC&TT	
5.	H10.10.05.05	Minh chứng về cung cấp dịch vụ internet tại giảng đường, ký túc, thư viện, khu nhà làm việc	2016 - 2020	HVBC&TT	
6.	H10.10.05.06	Quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ đào tạo	Hồ sơ khảo sát từ 2016 - 2020	Khảo thí	
7.	H10.10.05.07	Đánh giá, phản hồi của giảng viên về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích	2016 - 2020	HVBC&TT	
8.	H10.10.05.08	Sổ thanh tra về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ sinh viên (thư viện,)	2016 - 2020	HVBC&TT	
9.	H10.10.05.09	Sổ hợp phản ánh sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHQT	
10.	H10.10.05.10	Sổ báo hỏng/trục trặc thiết bị	2016 - 2020	HVBC&TT	
11.	H10.10.05.11	Báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và môi trường làm việc	2016 - 2020	HVBC&TT	
12.	H10.10.05.12	Danh mục mua sắm trang thiết bị mới phục vụ đào tạo hàng năm (2016 - 2020)	2016 - 2020	HVBC&TT	

	Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016 (kèm danh mục và kinh phí)	189- QĐ/HVCTQG 15/1/2016	HVCTQGHCM	
	Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	2742- QĐ/HVCTQG 28/6/2016	HVCTQGHCM	
	Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2017 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	2831- QĐ/HVCTQG 29/6/2017	HVCTQGHCM	
	Quyết định bổ sung danh mục mua sắm tài sản năm 2017 của học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	6199- QĐ/HVCTQG 18/12/2017	HVCTQGHCM	
	Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	1044- QĐ/HVCTQG 5/3/2018	HVCTQGHCM	
	Quyết định bổ sung mua sắm tài sản cố định năm 2018 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	3776- QĐ/HVCTQG 27/6/2018	HVCTQGHCM	
	Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa	8670-	HVCTQGHCM	

		tài sản cố định năm 2019 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	QĐ/HVCTQG 28/12/2018		
		Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa và vật tư sửa chữa máy tính (minh chứng điển hình)	4893- QĐ/HVBCTT 25/10/2019	HVBC&TT	
		Hợp đồng mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất (minh chứng điển hình)	10 - 2019/HVBC&TT- TD 15/11/2019	HVBC&TT	
13.	H10.10.05.13	Danh mục mua sắm trang thiết bị mới phòng học hàng năm (2016 - 2020) cho khoa QHQT	2016 - 2020	HVBC&TT	
14.	H10.10.05.14	Bản thống kê đầu sách, tài liệu tham khảo thư viện bổ sung cho khoa QHQT hàng năm (2016 - 2020)	5/6/2020	HVBC&TT	
15.	H10.10.05.15	Danh mục về việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện	10/6/2020	HVBC&TT	
16.	H10.10.05.16	Kế hoạch Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Học viện và các phòng chức năng			
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2016	09/01/2016	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh	09/01/2017	HVBC&TT	

		đạo học viện và sinh viên năm 2017			
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2018	09/01/2018	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2019	09/01/2019	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2020	09/01/2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch Hội nghị đối thoại sinh viên	5604- KH/HVBCTT 9/12/2020	HVBC&TT	
17.	H10.10.05.17	Biên bản nghiệm thu của phòng Quản trị về hệ thống điều hoà	22/11/2019	HVBC&TT	

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H10.10.06.01	Quyết định thành lập trung tâm KT-ĐBCLĐT	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT	
2.	H10.10.06.02	Quy định về Quy trình lấy ý kiến khảo sát phản hồi các bên liên quan	3901/QĐ-HVBC&TT	HVBC&TT	

			31/08/2019		
		Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan	3/11/2015	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy	2003/QĐ- HVBC&TT ngày 05/6/2017	HVBC&TT	
3.	H10.10.06.03	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa	2016 - 2020	HVBC&TT	
4.	H10.10.06.04	Hồ sơ khảo sát giảng viên, nhân viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015		
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017		
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBCTT 8/11/2018		
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2019	5176 - KH/HVBCTT 29/10/2019		
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020-2021	2020	HVBC&TT	
		Mẫu phiếu khảo sát	2018 - 2020	HVBC&TT	

		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018 - 2020	HVBC&TT	
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điển hình)	2018 - 2020	HVBC&TT	
5.	H10.10.06.05	Thông kê kết quả khảo sát phản hồi các bên liên quan qua các năm	2018, 2020	Khoa QHQT	
6.	H10.10.06.06	Bản giải trình v/v cải tiến CTĐT	2018, 2020	Khoa QHQT	
7.	H10.10.06.07	Biên bản họp khoa v/v cải tiến CTĐT	2018, 2020	Khoa QHQT	
8.	H10.10.06.08	Biên bản họp lấy ý kiến chuyên gia xây dựng CTĐT	2018, 2020	Khoa QHQT	
9.	H10.10.06.09	Bảng thông kê các phương pháp, hình thức khảo sát	2018, 2020	HVBC&TT	
10.	H10.10.06.10	Khảo sát mức độ hài lòng của SV về chất lượng của CTĐT	2018, 2020	HVBC&TT	
11.	H10.10.06.11	Khảo sát mức độ hài lòng của GV về chất lượng của CTĐT	2018, 2020	HVBC&TT	
12.	H10.10.06.12	Khảo sát mức độ hài lòng của SV về cơ sở vật chất, trang thiết bị	2016 - 2020	HVBC&TT	
13.	H10.10.06.13	Khảo sát mức độ hài lòng của GV về cơ sở vật chất, trang thiết bị	2016 - 2020	HVBC&TT	
14.	H10.10.06.14	ĐỐI SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CỦA CTĐT KHOA	2018, 2020	Khoa QHQT	

		QHQT			
15.	H10.10.06.15	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2020	2020	HVBC&TT	
		Mẫu phiếu khảo sát	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2017 - 2020	HVBC&TT	
16.	H10.10.06.16	Hồ sơ khảo sát NTD	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát NTD về chất lượng đào tạo 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát NTD về chất lượng đào tạo 2020	2020	HVBC&TT	

		Phiếu khảo sát NTD	2017 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng	2017 - 2020	HVBC&TT	

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 11

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.					
STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H11.11.01.01	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Đào tạo			
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBCCTT 31/10/2017	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBCCTT 30/9/2019	HVBC&TT	
2.	H11.11.01.02	Báo cáo công tác đào tạo 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
3.	H11.11.01.03 DC	Đề án tuyển sinh hàng năm	2016 - 2020		
		Đề án tuyển sinh từ năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐ-HVBCCTT 10/2/2017	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐ-HVBCCTT 19/3/2018	HVBC&TT	

		Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐ-HVBCCTT 18/3/2019	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2020	2020	HVBC&TT	
4.	H11.11.01.04	Quyết định ban hành Chức năng, nhiệm vụ của khoa		HVBC&TT	
5.	H11.11.01.05 DC	Quyết định về việc ban hành Quy định về Công tác cố vấn học tập trung đào tạo và theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	3935/QĐ-HVBCCTT-ĐT 25/11/2015	HVBC&TT	
6.	H11.11.01.06	Thống kê về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học trong giai đoạn đánh giá	2016 - 2020	HVBC&TT	
7.	H11.11.01.07	Danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm quyết định	2016 - 2020	HVBC&TT	
8.	H11.11.01.08	Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHxHNV (có đề cập đến tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp)	4874/XHNV_KHTC 24/12/2019	ĐHKHXH&NV	
9.	H11.11.01.09 DC	Phương hướng hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng của Khoa (Biên bản họp phản ánh sinh viên: chủ trì có đưa ra giải pháp (sổ họp phản ánh sinh viên hàng tháng)	2016 - 2020	Khoa QHQT	

		- Biên bản họp lớp của cô vấn: hoặc chụp màn hình điện thoại đã trao đổi với sv và gia đình - Danh sách học cải thiện, vét qua các kỳ			
10.	H11.11.01.10	Quyết định bảo lưu, thôi học đào tạo gửi về khoa	2016 - 2020	HVBC&TT	
11.	H11.11.01.11	Biên bản họp Khoa với SV thuộc diện cảnh báo, tồn đọng hàng năm của Khoa	2016 - 2020	Khoa QHQT	
12.	H11.11.01.12 DC	Các lớp học vét theo nhu cầu sinh viên (đường link website lịch học ...)	2016 - 2020	HVBC&TT	
13.	H11.11.01.13 DC	Thông báo của nhà trường về CDR tin học, ngoại ngữ	2016 - 2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H11.11.02.01	Quy chế đào tạo đại học hệ tín chỉ	3777 ngày 18/10/2017	HVBC&TT	
2.	H11.11.02.02	Sổ tay sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
3.	H11.11.02.03	Phần mềm quản lý đào tạo	2020	HVBC&TT	

4.	H11.11.02.04	Danh sách sinh viên tốt nghiệp muộn kèm nguyên nhân chậm/muộn tốt nghiệp	2016 - 2020	HVBC&TT	
5.	H11.11.02.05	Chương trình đào tạo ngành QHQT điều chỉnh các phiên bản	2014, 2016, 2018	HVBC&TT	
6.	H11.11.02.06	Kế hoạch học tự nguyện trong giai đoạn đánh giá	2016 - 2020	HVBC&TT	
7.	H11.11.02.07	DS lớp học tự nguyện trong giai đoạn đánh giá	2016 - 2020	HVBC&TT	
8.	H11.11.02.08	Biên bản Hội nghị tổng kết đào tạo trong giai đoạn đánh giá	2016 - 2020	HVBC&TT	
9.	H11.11.02.09	Báo cáo tổng kết năm học trong giai đoạn đánh giá	2016 - 2020	HVBC&TT	
10.	H11.11.02.10	Danh sách cán bộ chuyên trách được phân công giám sát tiến bộ học tập trong rèn luyện của CTĐT (cán bộ phòng đào tạo, văn phòng khoa, cố vấn học tập, phòng CTCT)	2016 - 2020	HVBC&TT	
11.	H11.11.02.11	Đề án vị trí việc làm của Phòng Công tác chính trị (vị trí hỗ trợ giám sát tiến độ trong học tập và rèn luyện của người học)	2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

STT	Mã minh	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban	Nơi ban hành	Ghi chú
-----	---------	----------------	-------------------	--------------	---------

	chứng		hành		
1.	H11.11.03.01	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT-KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT (30/9/2019)	HVBC&TT	
2.	H11.11.03.02 DC	Hồ sơ khảo sát sinh viên tốt nghiệp	2016 - 2019	HVBC&TT	
3.	H11.11.03.03	Quyết định ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan	3/11/2015	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy	2003/QĐ-HVBC&TT ngày 05/6/2017	HVBC&TT	
4.	H11.11.03.04	Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp ngành QHQT tại HVBC&TT và ngành QHQT đại học KHXHNV	2016 – 2020	Khoa QHQT	
5.	H11.11.03.05	Giới thiệu đơn vị tuyển dụng, cơ sở tuyển dụng cho sinh viên thông qua fanpage của khoa, tờ thông tin truyền thông của khoa	2016 – 2020	Khoa QHQT	
6.	H11.11.03.06	Danh sách các cơ sở thực tập nghề nghiệp, liên kết với khoa	2016 - 2020	Khoa QHQT	
7.	H11.11.03.07	Các biên bản ghi nhớ/ ký kết hợp tác giữa Khoa và nhà tuyển dụng nhằm tăng cường cơ hội thực	2016 - 2020	Khoa QHQT	

		tập nghề nghiệp			
8.	H11.11.03.08	Các khoá bồi dưỡng kỹ năng mềm và cuộc thi tăng cường kỹ năng mềm của trường: Mục sinh viên khởi nghiệp (https://ajc.hcma.vn/Page/co-hoi-viec-lam.aspx)	từ 2016 – 2020	HVBC&TT	
9.	H11.11.03.09	Các thông báo Tuyển dụng, khởi nghiệp đăng tải trên website nhà trường	2016 – 2020	HVBC&TT	
10.	H11.11.03.10	Ảnh, sđt của SV đến các cơ sở tuyển dụng chuyên ngành QHQT để thực tập chính trị xã hội, kiến tập, thực hành	2016 - 2020	Khoa QHQT	

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H11.11.04 .01	Chiến lược phát triển của HVBC&TT	770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC&TT	
2.	H11.11.04 .02	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	881/QĐ-HVBC&TT 25/9/2011	HVBC&TT	
3.	H11.11.04 .03	Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động	5061/ QĐ-HVBC&TT 27/12/2017	HVBC&TT	

		khoa học và công nghệ của HVBC&TT			
4.	H11.11.04 .04	Kế hoạch khoa học sinh viên sử dụng kinh phí HVBC&TT giai đoạn 2015 - 2020	2015-2020	HVBC&TT	
5.	H11.11.04 .05	Quyết định Triển khai đề tài nghiên cứu khoa học trong sinh viên 2015 - 2020	2015-2020	HVBC&TT	
		Quyết định về việc triển khai nghiên cứu đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6384, 6385, 6386- QĐ/HVBC&TT-KH (28/12/2018)	HVBC&TT	
6.	H11.11.04 .06	Thống kê đề tài khoa học và danh sách sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học ngành QHQT	2016 - 2020	Khoa QHQT	
7.	H11.11.04 .07	Hồ sơ các đề tài NCKH của SV	2016 - 2020	HVBC&TT	
8.	H11.11.04 .08	Thống kê kết quả NCKH của sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHQT	
9.	H11.11.04 .09	Thống kê chi cho NCKH của SV kèm hồ sơ minh chứng trong giai đoạn đánh giá	2016 - 2020	HVBC&TT	
10.	H11.11.04 .10	Thống kê sinh viên NCKH ngành QHQT được giải thưởng NCKH 2016 - 2020	2016 - 2020	Khoa QHQT	
11.	H11.11.04 .11	Biên bản hội nghị khoa học sinh viên các năm của Học viện	2015 - 2019	HVBC&TT	

12.	H11.11.04 .12 DC	Hồ sơ và kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá QHQT giai đoạn đánh giá	2016 - 2020	HVBC&TT	
13.	H11.11.04 .13	Chiến lược phát triển khoa QHQT	2019	Khoa QHQT	

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng					
STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1.	H11.11.05 .01	Quyết định thành lập trung tâm KT-ĐBCLĐT	876/QĐ-HVCT-HVQG (1/5/2012)	HVBC&TT	
2.	H11.11.05 .02	Quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ của Trung tâm KT-KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT (30/9/2019)	HVBC&TT	
3.	H11.11.05 .03	Quy định về Quy trình lấy ý kiến khảo sát phản hồi các bên liên quan	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan	3/11/2015	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy	2003/QĐ-HVBC&TT ngày 05/6/2017	HVBC&TT	
4.	H11.11.05 .04	Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&TT	
5.	H11.11.05	Bảng thống kê các loại hình khảo sát	2016 - 2020	HVBC&TT	

	.05				
6.	H11.11.05 .06	Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học			
		Phiếu khảo sát sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBCCTT 8/11/2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBCCTT 10/5/2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	

		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBCTT 31/10/2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
7.	H11.11.05 .07	Hồ sơ khảo sát giảng viên, nhân viên	2016 - 2020		
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC&TT	
		Đường link khảo sát, phiếu khảo sát giảng viên 2018	2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2019	5176 - KH/HVBCTT 29/10/2019	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát giảng viên, nhân viên 2019	2019	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát giảng viên, nhân viên 2020	2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên	2018 - 2020	HVBC&TT	
8.	H11.11.05 .08	Hồ sơ khảo sát NTD	Trung tâm KT-ĐBCL tổng hợp	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo	2965/KH/HVBCTT	HVBC&TT	

		2016 -2017	26/8/2015		
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát NTD 2020 - 2021	2020	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng mẫu	2017 - 2020	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng	2017 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng	2017 - 2020	HVBC&TT	
9.	H11.11.05 .09	Biên bản đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo trường, lãnh đạo các khoa	2016 - 2020	HVBC&TT	
10.	H11.11.05 .10	Biên bản họp khoa hàng tháng	2016 - 2020	HVBC&TT	
11.	H11.11.05 .11	Biên bản hội nghị CBVC	2016 - 2020	HVBC&TT	
12.	H11.11.05 .12	Bản giải trình cải tiến CTĐT	2016, 2018 2020	Khoa QHQT	
13.	H11.11.05 .13	Bảng thống kê kinh phí dành cho cải tiến chất lượng phòng học, phòng thực hành, cơ sở vật chất, thư viện			
		Danh mục thống kê sách, tài liệu tham khảo thư viện bổ sung cho khoa QHQT hàng năm	2016 - 2020	HVBC&TT	

		Thông kê ngân sách mua tài liệu ngành QHQT từ 2016 - 2020	05/06/2020	HVBC&TT	
		Hợp đồng kinh tế: bảo dưỡng vận chuyển, lắp đặt các phòng máy tính (minh chứng điển hình)	12-2019/HVBC&TT- TD 22/11/2019	HVBC&TT	
		Hợp đồng mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất (minh chứng điển hình)	10 - 2019/HVBC&TT- TD 15/11/2019	HVBC&TT	

